

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

---

**TÀI LIỆU PHIÊN HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2022**



*TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2022*

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

1. Thời gian: Bắt đầu lúc **08 giờ 00'** ngày **21 tháng 04 năm 2022**
2. Địa điểm: Phòng họp Sunflower Ballroom A, Khách sạn Rex, số 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM.
3. Nội dung:

Thời gian	Nội dung
08:00 – 08:30	- Đăng ký tham dự Đại hội và kiểm tra tư cách đại biểu.
08:30 – 08:40	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu; - Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu; - Giới thiệu Ban Thư ký.
08:40 – 08:50	- Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội.
08:50 – 10:45	- Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2021, Kế hoạch SXKD năm 2022; - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022; - Nội dung các tờ trình: + Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán); + Tờ trình về việc thông qua Phương án chia cổ tức, thưởng Ban điều hành và trích lập các quỹ năm 2022, kế hoạch năm 2022; + Tờ trình về việc thông qua Phương án trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022; + Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022; + Tờ trình về việc chấp thuận Hợp đồng giao dịch mua bán khí với Người có liên quan của Cổ đông. + Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; + Tờ trình về việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027; - Đại hội thảo luận; - Hướng dẫn biểu quyết/bầu cử và Đại hội tiến hành biểu quyết/bầu cử;
10:45 – 11:00	- Nghỉ giải lao, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu.
11:00 – 11:30	- Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết/bầu cử
11:30 – 11:40	- Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11:40 – 11:45	- Tuyên bố bế mạc Đại hội

## MỤC LỤC

STT	Nội dung
Phần I	Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Phần II	Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2021, Kế hoạch SXKD năm 2022
Phần III	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022
Phần IV	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022
Phần V	<b>Nội dung các tờ trình:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán);</li><li>+ Tờ trình về việc thông qua Phương án chia cổ tức, thưởng Ban điều hành và trích lập các quỹ năm 2021, kế hoạch năm 2022;</li><li>+ Tờ trình về việc thông qua Phương án trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022;</li><li>+ Tờ trình về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022;</li><li>+ Tờ trình về việc chấp thuận Hợp đồng giao dịch mua bán khí với Người có liên quan của Cổ đông;</li><li>+ Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;</li><li>+ Tờ trình về việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.</li></ul>
Phần VI	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Phần VII	Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên Ban kiểm soát và các biểu mẫu đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát .

7236-C  
TY  
IN  
KH  
AM  
CHÍ MẬP



**PHẦN I**  
**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

**I. Mục tiêu:**

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện cho công tác tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

**II. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt**

- Công ty : Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông

**III. Công tác phòng ngừa dịch Covid – 19 và phương án đón tiếp cổ đông tham dự Đại hội**

- Yêu cầu cổ đông, khách mời, nhân sự tổ chức Đại hội thực hiện các thủ tục bắt buộc như: kê khai y tế, đo nhiệt độ, đeo khẩu trang và sát khuẩn tay trước khi vào khu vực tổ chức đại hội;
- Thực hiện theo các quy định Phòng chống dịch của Bộ y tế.

**IV. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.



- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

#### **V. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội**

- Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 24/03/2022 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

#### **VI. Khách mời tại Đại hội**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

#### **VII. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau**

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

#### **VIII. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:**

##### **1. Nguyên tắc:**

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.



- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

o Biểu quyết bằng hình thức **giơ Thẻ biểu quyết**: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Tờ trình về việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027; Quy chế bầu cử; Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

o Biểu quyết bằng hình thức **điền vào Phiếu biểu quyết**: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2021, Kế hoạch SXKD năm 2022, Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022, các tờ trình và các nội dung khác tại Đại hội (trừ tờ trình về việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027).

## 2. Cách biểu quyết:

Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành và Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành và Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành và Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

## 3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết hợp lệ, từng nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Từng nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

## - Phiếu biểu quyết không hợp lệ:



- Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ;

- Không có chữ ký và không đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

#### **4. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:**

- Cách tính tỷ lệ biểu quyết: tính trên quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Cú 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 24/03/2022) tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty là 49.998.794 cổ phần tương đương với 49.998.794 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại *Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty* thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

#### **5. Ghi nhận kết quả biểu quyết:**

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

**6. Bầu cử bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027:** Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tuân thủ quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 -2027 được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.

#### **IX. Phát biểu ý kiến tại Đại hội:**



1. **Nguyên tắc:** Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tọa.

2. **Cách thức phát biểu:** Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của Đại biểu tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

#### **X. Đoàn Chủ tọa:**

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên
- Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
  - Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
  - Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
  - Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

#### **XI. Ban Thư ký:**

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:



- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

## **XII. Ban kiểm phiếu:**

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
  - Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

## **XIII. Ban Kiểm tra tư cách đại biểu**

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
  - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

## **XIV. Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ**

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

## **XV. Thực hiện**

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

*Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.*

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phan Quốc Nghĩa**





**PHẦN II**  
**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**  
**VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*  
*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*  
*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành*  
*một số điều của Luật Chứng khoán;*  
*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).*

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc tôi xin trình bày báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

**I. BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021**

**1. Kết quả kinh doanh**

Năm 2021 được coi là một năm đánh dấu mốc lịch sử khi đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới, lệnh giãn cách được áp dụng ở khắp nơi đã ảnh hưởng rất lớn tới nền kinh tế toàn cầu cũng như kinh tế Việt Nam.

Giá CP biến động thất thường, tăng giảm không theo quy luật, việc giá CP tăng liên tục các tháng gần cuối năm 2021 dẫn đến giá Gas bán lẻ trên thị trường tăng cao đến gần 500.000 đồng/B12kg và do khó khăn vì bị ảnh hưởng dịch bệnh đã làm cho nhu cầu tiêu thụ LPG, CNG và vỏ bình bị giảm mạnh.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, kéo dài trong năm 2021 dẫn đến một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh hoạt động cầm chừng gây không ít khó khăn trong công tác bán hàng và thu hồi công nợ tiền hàng Công ty.

Công tác thu hồi vỏ bình thuộc sở hữu của KMN đang bị chiếm dụng gặp nhiều khó khăn do các Đại lý, trạm chiết lợi dụng sự hạn chế kiểm tra thường xuyên của các cơ quan chức năng khi dịch Covid-19 bùng phát.

Cùng với sự quyết tâm và đồng lòng của toàn thể CBNV Công ty KMN đã nỗ lực và đạt được Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	KH năm 2021	TH năm 2021	TH/KH 2021
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
<b>1</b>	<b>Sản Lượng LPG</b>	<b>Tấn</b>	<b>241.689</b>	<b>216.460</b>	<b>89,56%</b>
1.1	LPG Dân dụng	-	154.444	138.043	89,38%
1.2	LPG Rời	-	87.245	78.417	89,88%

<b>2</b>	<b>Sản lượng Vỏ bình</b>	<b>Vô</b>			
2.1	Vỏ bình làm mới	-	454.200	399.449	87,95%
2.2	Vỏ bình bảo dưỡng	-	568.900	727.571	127,89%
<b>3</b>	<b>Sản lượng Xăng dầu</b>	<b>Lít</b>	<b>4.730.000</b>	<b>3.104.041</b>	<b>65,62%</b>
<b>4</b>	<b>Sản lượng CNG</b>	<b>Sm3</b>	<b>120.000.000</b>	<b>109.122.311</b>	<b>90,94%</b>
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>				
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.128,52</b>	<b>5.869,31</b>	<b>114,44%</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí</b>	<b>-</b>	<b>856,3</b>	<b>828,99</b>	<b>96,80%</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>-</b>	<b>78,25</b>	<b>99,66</b>	<b>127,36%</b>
<b>III</b>	<b>Đầu tư xây dựng</b>				
<b>1</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>668,33</b>	<b>181,57</b>	<b>27,17%</b>
<b>2</b>	<b>Giá trị vốn giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>588,95</b>	<b>204,1</b>	<b>34,65%</b>
<b>IV</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>				
<b>1</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
-	Số lao động bình quân	Người	1.310	1.287	98,24%
-	Thu nhập bình quân	Trđ/Ng/Tháng	13,55	14,16	104,50%
<b>2</b>	<b>Thực hiện đào tạo</b>	<b>Lượt người</b>	<b>4.692</b>	<b>2.479</b>	<b>52,83%</b>
<b>3</b>	<b>Kinh phí đào tạo</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3,38</b>	<b>0,86</b>	<b>25,44%</b>

## 2. Các giải pháp đã thực hiện

Trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đặc biệt trong Quý 3/2021 và dự kiến tiếp tục kéo dài sang năm 2022. Công tác kinh doanh LPG, CNG, sản xuất vỏ bình gặp rất nhiều khó khăn thách thức, nhu cầu sử dụng bị giảm do dịch bệnh, các hệ thống khách hàng Horeca, Công ty, xí nghiệp, trường học tạm nghỉ, đóng cửa, hệ thống vận chuyển hành khách công cộng ngưng hoạt động, khách hàng chuyển sang dùng nhiên liệu khác có giá thấp hơn do giá LPG và giá xăng dầu tăng cao..., giá nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất vỏ bình đều tăng cao, từ đầu năm đến nay giá thép tăng liên tục và chưa có dấu hiệu dừng lại... Những nguyên nhân trên ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đạt được các kết quả như trên Ban lãnh đạo đã đưa ra các giải pháp thực hiện như sau:

### ➤ Kinh doanh LPG:



- Tiếp tục thực hiện cải tiến hệ thống vệ sinh vỏ chai bảo đảm sạch sẽ không còn vết bẩn (bụi đất, dầu mỡ, vết keo dán tem nhãn,...) để đảm bảo khi vỏ bình đưa vào chiết nạp đã được làm sạch và nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra cũng như nâng cao vị thế sản phẩm của Công ty đối với khách hàng.

- Rà soát, cải tiến tiêu chuẩn tỷ lệ chất lượng LPG cụ thể của từng trạm để đảm bảo ổn định chất lượng đầu ra cũng như đáp ứng các nhu cầu của khách hàng theo từng vùng thị trường.

- Nâng cao công tác dự báo tình hình thị trường tại các tháng để đưa ra các kế hoạch mua bán hàng sát với tình hình tiêu thụ của các đơn vị, chủ động tìm kiếm thêm các nguồn hàng nhập khẩu với giá cạnh tranh.

- Rà soát, tìm kiếm, bổ sung các hồ sơ pháp lý liên quan đến chứng minh nguồn gốc vỏ chai LPG của Công ty theo quy định để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như làm việc với quan chức năng trong việc giải quyết tranh chấp quyền sở hữu vỏ chai LPG.

- Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác phòng chống gian lận thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Khu vực miền Tây... ngăn chặn các hoạt động chiếm dụng vỏ bình và san chiết LPG trái phép, thu hồi được nhiều vỏ bình thuộc sở hữu của KMN từ các đợt truy quét này.

- Làm biển hiệu cửa hàng cho khách hàng và thay thế các biển hiệu theo bộ nhận diện thương hiệu mới của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện giải pháp “Số hóa, quản lý và truy xuất nguồn gốc vỏ bình LPG” đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về quản lý sổ điện tử và truy xuất nguồn gốc bình gas.

- Hợp tác toàn diện với Total Gaz về nguồn hàng, dịch vụ sơn sửa bảo dưỡng, dịch vụ chiết nạp LPG chai.

- Làm thủ tục đăng ký sở hữu kiểu dáng công nghiệp cho các mẫu chai LPG của Công ty.

- Triển khai làm ấn phẩm giới thiệu sản phẩm (sales kit) LPG, CNG.

- Triển khai các phương án phòng chống dịch đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh. Tổ chức cho bộ phận sản xuất, chiết nạp, vận hành thực hiện ba tại chỗ “3T” tách độc lập với bộ phận gián tiếp có tiếp xúc với khách hàng để ngăn ngừa nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh từ nguồn bên ngoài vào khu vực sản xuất..., các kho/trạm đều tuân thủ đúng các quy định về phòng chống dịch Covid-19.

### ➤ Sản xuất vỏ bình:

- Trong năm 2021 giá thép nhập khẩu để sản xuất vỏ bình đều tăng, đến tháng 11/2021 giá mua là: 1.100 usd/tấn đã tăng 169% so với giá kế hoạch đầu năm (650 usd/tấn, giá bình quân thực hiện năm 2021 là 700 usd/tấn, bao gồm hàng tồn kho giá thấp từ năm 2020) đã đẩy giá bình mới tăng cao cộng thêm do ảnh hưởng dịch Covid-19 các đơn vị kinh doanh LPG gặp nhiều khó khăn dẫn đến nhu cầu sản xuất vỏ bình mới giảm mạnh.

399  
CỔ  
CỔ  
H D  
IẾT  
-TP



- Công ty tập trung vào sơn sửa bảo dưỡng bình nội bộ để nâng cao chất lượng sản phẩm và sơn chuyển đổi các vỏ chai còn thương hiệu Petrovietnam Gas sang các thương hiệu của Công ty đang kinh doanh.

- Công ty đã từng bước tạo được uy tín trong lĩnh vực gia công cơ khí và bảo dưỡng sơn sửa vỏ chai LPG trên thị trường:

+ Tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo dưỡng vỏ chai cho Total Gaz.

+ Thực hiện dịch vụ in logo bình gas lạnh không nạp lại.

+ Tiếp tục nghiên cứu đề án phát triển sản phẩm bình gas lạnh.

#### ➤ **Kinh doanh CNG:**

- Đảm bảo sản xuất an toàn, liên tục, không để phải dừng sản xuất do dịch Covid-19.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhiều khách hàng ngừng sản xuất, giảm sản lượng tiêu thụ. Khách hàng giao thông vận tải dừng hoạt động hoàn toàn từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021.

- Việc tìm kiếm khách hàng mới gặp nhiều khó khăn vì không thể tiếp xúc khách hàng do áp dụng lệnh giãn cách xã hội khi có dịch Covid-19.

#### ➤ **Công tác tài chính - kế toán**

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định, quy trình liên quan để đáp ứng các yêu cầu trong công tác quản trị, nâng cao công tác xử lý nghiệp vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Kiểm soát tốt các khoản công nợ phải thu, phải trả để không xảy ra tình trạng bị chiếm dụng vốn và bị phạt hợp đồng do quá hạn thanh toán.

- Tìm kiếm những ngân hàng như HSBC, Shinhan, Maybank ... có lãi suất thấp để phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, đầu tư giúp chi phí lãi vay giảm 31% so với năm 2020. Cân đối nguồn vốn nhân rồi để tối ưu hóa hoạt động tài chính tăng hơn 323% so với năm trước.

- Kiểm soát tốt các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại văn phòng công ty và các đơn vị trực thuộc để đảm bảo các chi phí chi ra đều hợp lý, hợp lệ. Tổng chi phí trong năm 2021 giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Thường xuyên phân tích các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh (sản lượng, doanh thu, giá vốn chi phí, lợi nhuận ..), phát hiện những khâu còn yếu kém để từ đó tham mưu cho ban lãnh đạo đưa ra những quyết định điều chỉnh kịp thời.

#### ➤ **Công tác Tổ chức - nhân sự - đào tạo**

- Nghiên cứu, lựa chọn phần mềm quản lý công việc và quản lý nhân sự ... nhằm bắt kịp xu hướng chuyển đổi số trong doanh nghiệp và nâng cao hiệu suất công việc.

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, xây dựng định biên lao động cho từng phòng/bộ phận phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao. Áp dụng đánh giá hiệu suất công việc (KPIs) hàng tháng để làm cơ sở tính thưởng hiệu quả tương xứng với kết quả thực hiện công việc của người lao động.

- Rà soát, sắp xếp lại các vị trí làm việc để nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như để tăng thu nhập cho người lao động.



- Thực hiện điều chỉnh mức thưởng hiệu quả cho một số chức danh chủ chốt, có đóng góp và ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc điều chỉnh này cũng tạo nên động lực để giữ chân những người lao động muốn gắn bó và cống hiến cho Công ty.

- Công ty đã triển khai một số khóa đào tạo online cho cán bộ quản lý các cấp trong Công ty để nâng cao trình độ quản lý.

- Rà soát công tác lưu trữ tài liệu, đảm bảo tính khoa học và lưu trữ đầy đủ, thuận tiện khi tra cứu, tìm kiếm.

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung các quy chế, quy trình, quy định, xây dựng các văn bản pháp lý theo hướng tinh gọn, nhất quán và dễ áp dụng, phù hợp với những thay đổi của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động của Công ty.

- Triển khai các phương án làm việc phù hợp trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp để đảm bảo hiệu quả công việc: Triển khai áp dụng chữ ký số trong Công ty, làm việc luân phiên tại văn phòng, làm việc online tại nhà... đảm bảo không làm hoạt động kinh doanh bị gián đoạn.

#### ➤ Công tác đầu tư xây dựng

Đảm bảo bám sát tiến độ các dự án, khắc phục các khó khăn do bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 như tổ chức 3T để chăm thầu cho các gói thầu cung cấp thiết bị LNG đảm bảo đúng tiến độ.

#### ➤ Công tác An toàn

Trong năm 2021, KMN đã thực hiện các phương án đảm bảo an toàn để sản xuất như sau:

- Không có tai nạn sự cố gây thiệt hại về tài sản, con người và môi trường.

- Bảo đảm 100% các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động và các thiết bị đo lường được kiểm định và hiệu chuẩn đầy đủ theo yêu cầu pháp luật.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý chai LPG và xây dựng cơ sở dữ liệu hỗ trợ việc tìm kiếm, truy xuất hồ sơ chai nhanh chóng và kịp thời.

- Được đánh giá tái cấp chứng nhận Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 (đánh giá lại 3 năm/lần).

- Hoàn thành cập nhật bộ tài liệu an toàn của 9 kho/trạm chiết nạp LPG và CNG để trình Bộ Công Thương phê duyệt (định kỳ 5 năm/lần).

- Triển khai các biện pháp kiểm tra an toàn từ xa để đảm bảo công tác kiểm tra giám sát thường xuyên khi dịch bùng phát do hạn chế đi lại giữa các khu vực.

- Triển khai công tác đào tạo nội bộ về an toàn vệ sinh lao động, kỹ thuật an toàn kinh doanh khí.

- Kịp thời áp dụng các biện pháp chống dịch cần thiết và triển khai 3 tại chỗ để bảo đảm SXKD không bị gián đoạn. Công ty cũng đã liên hệ với các cơ quan ban ngành để triển khai tiêm vắc xin Covid-19 cho CBNV.



## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

### 1. Căn cứ xây dựng kế hoạch:

- Kết quả sản xuất kinh doanh ước thực hiện năm 2021 của KMN.
- Nhu cầu thị trường và tình hình kinh doanh thực tế của KMN.
- Đơn giá xây dựng kế hoạch 2022:
  - + Căn cứ giá dầu thô tạm tính là 65 USD/thùng, Giá CP là 582 USD/tấn.
  - + Căn cứ giá CNG đầu vào tạm tính theo đơn giá 8,68 usd/mmBtu.
  - + Tỷ giá vnd/usd: 23.300đ

### 2. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Đảm bảo công tác an ninh, an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập trung vào công tác phát triển thị trường bán lẻ LPG, duy trì và tăng mức độ nhận diện thương hiệu.
- Rà soát, tiết giảm chi phí để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
- Tập trung sản xuất vô bình đảm bảo chất lượng và tiến độ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời tìm kiếm khách hàng mới trong và ngoài nước để khai thác hiệu quả nhà máy sản xuất bình khí.
- Tăng cường quản lý công nợ, gia tăng hiệu quả kinh doanh.
- Đảm bảo 100% CBCNV được huấn luyện, đào tạo theo các yêu cầu của pháp luật hiện hành.
- Rà soát thực trạng cơ sở hạ tầng trong toàn Công ty để xây dựng quy hoạch, cải tạo, nâng cấp, chuẩn hóa các thiết bị tại các kho/trạm cho phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống kho, trạm chiết, Nhà máy Bình Khí.
- Sắp xếp lại các vị trí làm việc để nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như để tăng thu nhập cho người lao động. Mức tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp được xác định theo kết quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty và mức độ đóng góp của người lao động trên nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, làm công việc gì, vị trí gì hưởng lương theo công việc đó, vị trí đó.

### 3. Chỉ tiêu kế hoạch 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2021	KH năm 2022	KH2022/ TH 2021
I	Chỉ tiêu sản lượng				
1	Khí hóa lỏng LPG	Tấn	216.460	218.558	100,97%
1.1	LPG dân dụng	Tấn	138.043	153.818	111,43%



1.2	LPG rời	Tấn	78.417	64.740	82,56%
<b>2</b>	<b>Sản lượng Vô bình</b>	<b>Vô</b>			
2.1	Vô bình làm mới	vô	399.449	284.226	71,15%
2.2	Vô bình bảo dưỡng	vô	727.571	667.442	91,74%
<b>3</b>	<b>Xăng dầu</b>	<b>Lít</b>	<b>3.104.041</b>	<b>3.400.000</b>	<b>109,53%</b>
<b>4</b>	<b>Khí nén CNG</b>	<b>SM<sup>3</sup></b>	<b>109.122.311</b>	<b>116.020.893</b>	<b>106,32%</b>
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.869,31</b>	<b>6.138,54</b>	<b>104,59%</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>828,99</b>	<b>869,64</b>	<b>104,90%</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>99,66</b>	<b>96,6</b>	<b>96,93%</b>
<b>III</b>	<b>Quỹ Khen thưởng phúc lợi</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>100,00%</b>
<b>IV</b>	<b>Đầu tư xây dựng</b>				
<b>1</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>181,57</b>	<b>437,27</b>	<b>240,83%</b>
<b>2</b>	<b>Giá trị vốn giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>204,1</b>	<b>412,78</b>	<b>202,24%</b>

#### 4. Giải pháp thực hiện:

##### a. Công tác Kinh doanh

##### ➤ Về kinh doanh LPG

- Đảm bảo nguồn hàng ổn định để phục vụ sản xuất, đáp ứng đúng chất lượng chất theo yêu cầu của khách hàng.

- Hoàn thiện mô hình quản trị kinh doanh LPG cho các Chi nhánh phù hợp với đặc điểm vùng, miền trên cơ sở chính sách bán hàng, chính sách chiết khấu đã được duyệt. Cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường, tổ chức thực hiện tốt công tác dịch vụ hậu mãi.

- Triển khai các chương trình truyền thông, quảng bá để tăng mức độ nhận diện thương hiệu thông qua chất lượng sản phẩm.

- Rà soát, hoàn thiện quy trình bán hàng, giao hàng để nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng sản phẩm và tăng uy tín đối khách hàng.

##### ➤ Về kinh doanh CNG

- Tính toán kỹ các yếu tố để lên phương án giá bán CNG cho từng khách hàng trên nguyên tắc đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên và phù hợp với tình hình thực tế của thị trường nhiên liệu.

- Tính toán phương án đầu tư, đảm bảo đầu tư cung cấp CNG, LNG đạt hiệu quả cao.

- Duy trì khách hàng cũ, tìm kiếm, phát triển khách hàng mới.

- Sẵn sàng chuyển đổi một số khách hàng sang sử dụng LNG khi có nguồn cung.

#### ➤ Về kinh doanh Vô bình

- Tập trung tốt vào nhiệm vụ sản xuất và sơn bảo dưỡng trong nội bộ, duy trì các khách hàng hiện hữu và tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng, đảm bảo sức cạnh tranh để mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cấp một số máy móc thiết bị mới đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm mới.

#### b. Công tác tài chính

- Tăng cường quản lý, giám sát sử dụng các nguồn lực tài sản để tối đa hóa lợi nhuận.

- Xác định đúng nhu cầu về vốn cho hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng để đảm bảo thu xếp nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả.

- Kiểm soát, đánh giá mức độ rủi ro các khoản nợ, tăng cường các biện pháp quản lý công nợ nhằm đảm bảo không phát sinh tăng nợ xấu.

#### c. Công tác đầu tư xây dựng

- Thường xuyên cập nhật tiến độ dự án để kịp thời có phương án giải quyết nhằm đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng.

- Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư: Phối hợp với các đơn vị, cơ quan chức năng liên quan để hoàn thiện các thủ tục pháp lý, nhận bàn giao mặt bằng để chuẩn bị đầu tư.

- Đối với các dự án chuyên tiếp, đang triển khai: Tiếp tục tăng cường công tác giám sát, quản lý chặt chẽ để đảm bảo chất lượng, tiến độ đầu tư dự án theo kế hoạch.

- Hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh quyết các dự án đã hoàn thành theo đúng quy định.

#### d. Công tác nhân sự, đào tạo

- Tiếp tục hoàn thiện và áp dụng các Quy chế, Quy định, Quy trình đã được cập nhật, xây dựng mới.

- Xây dựng khung năng lực và tổ chức đánh giá năng lực cho từng vị trí, chức danh công việc, tiến tới sắp xếp lao động hợp lý và hoàn thiện hệ thống lương 3P, đảm bảo việc trả lương, trả thưởng ngày càng công bằng, kích thích người lao động.

- Cải tiến phương pháp và tiêu chí đánh giá KPIs phù hợp và sát thực hơn.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo các kỹ năng về quản trị và kỹ năng chuyên môn.

- Lựa chọn và ứng dụng phần mềm một cách tối đa cho công tác quản lý công việc và nhân sự.

#### e. Giải pháp An toàn trong sản xuất kinh doanh:



- Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh, an toàn PCCC, vận hành bảo dưỡng sửa chữa nhằm đảm bảo các thiết bị trong tình trạng hoạt động tốt và ngăn ngừa các nguy cơ gây ra các sự cố, tai nạn.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho CBNV nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

- Tổ chức các lớp đào tạo an toàn theo yêu cầu pháp luật cho các đối tượng theo kế hoạch đào tạo 2022.

- Kiểm định, tái kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, các giải pháp thực hiện của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Ngọc Luận**

### PHẦN III

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2022**

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).*

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị (HĐQT), tôi xin trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

### **I. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021**

Năm 2021, đại dịch Covid-19 bùng phát và kéo dài trên toàn thế giới đã tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Đặc biệt khi đợt dịch thứ 4 bùng phát cùng với sự xuất hiện của chủng virus delta, việc áp dụng các biện pháp giãn cách, việc đi lại, vận chuyển hàng hoá gặp rất nhiều khó khăn đã làm ảnh hưởng nặng nề đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về công tác kinh doanh LPG nhu cầu tiêu thụ của thị trường giảm rất mạnh do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 cộng với giá CP liên tục tăng vào các tháng cuối năm 2021.

Việc tiêu thụ CNG cũng bị giảm đáng kể do ảnh hưởng của dịch Covid, các công ty, xí nghiệp đóng cửa, hệ thống vận chuyển hành khách công cộng ngưng hoạt động, một số khách hàng chuyển sang dùng nhiên liệu khác thay thế có giá thành thấp hơn giá CNG.

Công tác kinh doanh vô bình gặp rất nhiều khó khăn khi giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, nhu cầu tiêu thụ LPG giảm dẫn đến nhu cầu tiêu thụ vô bình mới trên thị trường cũng giảm theo, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất vô chai LPG.

Để vượt qua những khó khăn chưa từng có của đại dịch Covid-19 gây ra, Ban Lãnh đạo Công ty đã đề ra các giải pháp linh động, triển khai quyết liệt, kịp thời và hiệu quả các giải pháp như tăng cường công tác quản trị, tiết giảm chi phí, thực hiện phương châm 3 tại chỗ,... và tận dụng tốt các cơ hội hiện có cùng với sự đồng lòng, sự quyết tâm, đoàn kết của toàn thể CBNV Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn trong đại dịch và hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản được Đại hội đồng cổ đông thông qua đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 99,66 tỷ đồng, bằng 127,36% kế hoạch năm và chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 5.869 tỷ đồng bằng 114,44% kế hoạch năm, cụ thể như sau:

+ Sản lượng LPG: **216.460 tấn**, đạt 89,56% KH.

236  
TY  
AN  
VII K  
GAM  
CHI



- + Sản lượng vỏ chai LPG làm mới: **399.449 vỏ**, đạt 87,95% KH.
- + Sản lượng CNG: **109.122.311 Sm<sup>3</sup>**, đạt 90,94% KH.
- + Tổng doanh thu: **5.869,31 tỷ đồng**, đạt 114,44% KH.
- + Lợi nhuận trước thuế đạt **99,66 tỷ đồng**, đạt 127,36% KH.
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL bằng **15,84%**.

Trong năm qua, ngoài việc đạt được các chỉ tiêu trên, Công ty cũng đã thực hiện tốt các nhiệm vụ/giải pháp mà Công ty đã đề ra trong năm 2021, cụ thể như sau:

- Đảm bảo công tác an ninh, an toàn và hiệu quả trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- rà soát/cập nhật các văn bản/quy định thuộc hệ thống quản trị của Công ty để phục vụ công tác quản lý/quản trị của Công ty ngày càng tốt hơn.
- Tập trung vào công tác phát triển thị trường bán lẻ LPG, duy trì và tăng mức độ nhận diện thương hiệu.
- Rà soát, tiết giảm chi phí để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
- Tập trung sản xuất vỏ bình đảm bảo chất lượng và tiến độ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời tìm kiếm khách hàng mới trong và ngoài nước để khai thác hiệu quả nhà máy sản xuất bình khí.
- Đẩy nhanh việc quản lý vỏ bình thông qua việc quản lý số hóa.
- Tăng cường quản lý công nợ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Khai thác, sử dụng hiệu quả kho và trạm nạp, Nhà máy Bình Khí.
- Sắp xếp lại các vị trí làm việc để nâng cao năng suất lao động cũng như để tăng thu nhập cho người lao động.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ tình hình triển khai các dự án đầu tư và xây dựng, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả của các dự án.
- Thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD.

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021**

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó gồm 01 Chủ tịch HĐQT làm việc kiêm nhiệm, 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm trong Ban điều hành, 01 thành viên Hội đồng Quản trị và 02 thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên đều có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh và trong ngành khí nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất và đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

### **II.1 Các phiên họp của HĐQT**

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 4 phiên họp HĐQT, 11 lần có ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và quyết định với những nội dung quan trọng như phụ lục đính kèm.



## **II.2 Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và Bộ máy điều hành**

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành, cụ thể như sau:

- Trong năm 2021, HĐQT đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua các Quy chế quản lý nội bộ; Nghị quyết/Quyết định; văn bản; các cuộc họp của HĐQT.

- Luôn theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều hành gửi cho HĐQT.

- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban Điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Đánh giá chung về công tác này, HĐQT đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị hiện đại của công ty cổ phần, công tác này thực tế trong các năm qua đã đạt kết quả tốt, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, chia sẻ của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức thực hiện đúng các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT nhanh chóng kịp thời hơn, đồng thời giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và đạt hiệu quả cao.

Về việc giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc, HĐQT đánh giá cao việc chỉ đạo quyết liệt và đồng bộ trong việc điều hành công tác SXKD của Công ty. Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện tốt các chiến lược, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, cùng với tập thể lãnh đạo Công ty, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2021.

## **II.3 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT:**

### **II.3.1 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:**

Trong năm 2021, Thành viên độc lập HĐQT đã tích cực hoạt động, phát huy vai trò của mình trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị hiệu quả, minh bạch, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư. Đồng thời tham mưu và đề xuất lên HĐQT các vấn đề về định hướng chiến lược kinh doanh, nhân sự, chính sách... để đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.

### **II.3.2 Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT:**

Với tinh thần trách nhiệm và chuyên môn cao, HĐQT trong năm qua đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để định hướng chiến lược, cụ thể hóa và chỉ đạo cho BGD thực hiện các chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và giao phó. Các Nghị quyết, Quyết định cũng được ban hành một cách kịp thời, theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển.

Năm 2021, là một năm cực kỳ khó khăn do dịch bệnh Covid -19 trong nước bùng phát lần thứ 4 đặc biệt là 6 tháng cuối năm, diễn biến dịch bệnh phức tạp và kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, xã hội, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đây là giai đoạn có nhiều thách thức cho ngành khí, nhưng HĐQT



cùng Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ, linh hoạt, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo vừa an toàn vừa hiệu quả.

Theo đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT, Công ty đã nỗ lực vượt qua những khó khăn, thách thức, hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao, đặc biệt là chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đạt trên 114% và trên 127% tương ứng, từ đó quyền lợi của các cổ đông và người lao động được bảo đảm tốt, thu nhập và các quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng v.v... đều được duy trì và nâng cao, tạo không khí sôi nổi trong hoạt động SXKD trong toàn công ty. Có được thành quả này là do ban lãnh đạo công ty luôn bám sát, quyết liệt trong điều hành, động viên khích lệ kịp thời sáng kiến cải tiến trong mọi hoạt động, đồng thời Thành viên độc lập HĐQT đánh giá cao việc tăng cường phối hợp, trao đổi thường xuyên giữa các cổ đông lớn của công ty nhằm nâng cao công tác quản trị công ty trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt, dịch bệnh kéo dài để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, bảo đảm lợi ích cao cho các nhà đầu tư cũng như cho người lao động công ty.

#### II.4 Công tác khác:

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện công bố thông tin cho các cổ đông theo đúng quy định hiện hành của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Thường xuyên cập nhật trang thông tin điện tử (Website) của Công ty, đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty trên Website của Công ty theo quy định.

### III. THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT NĂM 2021

Công ty áp dụng chế độ thù lao cho thành viên trong HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo Quy chế và Thỏa ước lao động tập thể.

Trong năm 2021, Công ty đã thanh toán các khoản thù lao cho các thành viên HĐQT như sau: Tổng tiền thù lao của thành viên HĐQT: **1.248.000.000** đồng, cụ thể:

(Đơn vị tính: đồng)

Họ và Tên	Chức danh	Thù lao	Ghi chú
Ông Phan Quốc Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	251.000.000	Bổ nhiệm ngày 20/4/2021
Bà Phan Thị Ngọc Hà	Chủ tịch HĐQT	109.000.000	Miễn nhiệm ngày 20/4/2021
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Thành viên HĐQT	360.000.000	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	360.000.000	
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	84.000.000	
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên độc lập HĐQT	84.000.000	



#### **IV. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH**

1. Giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Đã được trình bày tại khoản 29 thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: không phát sinh giao dịch.

#### **V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022**

Dự kiến năm 2022 tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp và khó lường, mặc dù Chính phủ đã chuyển hình thức đối phó với đại dịch Covid-19 từ trạng thái đóng cửa hoàn toàn các hoạt động sang trạng thái bình thường mới, nhưng toàn bộ các hoạt động như các quán ăn, nhà hàng vẫn chưa khởi động nhiều, các nhà máy, xí nghiệp vẫn chưa hoạt động bình thường, nhiều khách hàng vẫn ở trạng thái dừng/giảm sản xuất và hoạt động cầm chừng cùng với việc giá CP biến động thất thường, tình hình gian lận thương mại trong kinh doanh LPG vẫn tồn tại ở hầu hết các khu vực thị trường nên sẽ là một năm đầy thách thức và khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với tình hình chung như vậy, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, HĐQT xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành. Tập trung chỉ đạo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Cùng với Ban Kiểm soát thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát các Chi nhánh trực thuộc, Công ty thành viên để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để Công ty thành viên và các Chi nhánh hoàn thành nhiệm vụ năm 2022.

- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với Ban Điều hành.

- Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh, an toàn tại các khu vực sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường LPG nhằm gia tăng thị phần; Khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kho, trạm nạp của Công ty.

- Tiếp tục triển khai dự án đầu tư hệ thống phân phối sản phẩm LNG để kịp thời cung cấp ra thị trường, đảm bảo đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác chuyển đổi số và chuẩn hóa các thiết bị tại các kho/trạm cho phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

- Duy trì tốt công tác phòng chống dịch Covid – 19, ổn định các chính sách/chế độ phúc lợi cho Người lao động.



- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ tình hình triển khai các dự án đầu tư và xây dựng, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả của các dự án đã được phê duyệt trong năm 2022, cụ thể:

- + Tiếp tục di dời kho và trạm nạp LPG của VT GAS tại Đồng Nai;
- + Xây dựng trạm nạp LPG Nha Trang;
- + Xây dựng hệ thống thiết bị thực hiện dịch vụ cấp LNG cho khách hàng;
- + Cung cấp LNG cho khách hàng công nghiệp;
- + Dự án Mở rộng đường ống cấp khí cho khách hàng mới tại KCN;
- + Dự án đường ống cấp LPG cho kho LPG Dung Quất;
- + Lắp đặt các Trạm cấp khí cho các khách hàng mới.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022, trên tinh thần trách nhiệm vì lợi ích và sự phát triển bền vững của Công ty, kính mong Đại hội đồng cổ đông đóng góp ý kiến và thông qua để xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững. *Uau*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

  
**Phan Quốc Nghĩa**

## **Phụ lục đính kèm Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị**

**Một số các Nghị quyết/Quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị đã ban hành trong năm 2021:**

### **1. Quý I/2021:**

- Phê duyệt Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu của Công ty;
- Chấp thuận các nội dung chính của Hợp đồng mua bán khí với Người có liên quan của Cổ đông;
- Thông qua kết quả SXKD năm 2020; Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty;
- Phê duyệt hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động SXKD và đầu tư năm 2021;
- Thông qua việc lựa chọn hình thức kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định 05/NĐ-CP;
- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên và ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Thông qua việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- Chấp thuận ông Đào Đình Thiêm thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty theo nguyện vọng cá nhân;
- Thông qua tài liệu để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty;

### **2. Quý II/2021:**

- Bổ nhiệm lại ông Đặng Văn Vĩnh giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty với thời hạn 05 năm;
- Thông qua việc bổ sung nội dung miễn nhiệm/bầu thành viên Hội đồng Quản trị vào chương trình họp ĐHĐCĐ để trình ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- Thông qua việc bầu ông Phan Quốc Nghĩa – Thành viên HĐQT giữ chức Chủ tịch HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty TNHH Khí hoá lỏng Việt Nam;
- Thông qua việc chi từ quỹ thưởng của Ban Điều hành Công ty;
- Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 10%/cổ phiếu);

### **3. Quý III/2021:**

- Phê duyệt chấm dứt hoạt động các Chi nhánh của Công ty;
- Thông qua kết quả SXKD 7 tháng đầu năm, nhiệm vụ KH SXKD 5 tháng cuối năm 2021;
- Thông qua việc thuê 01 tổ chức kiểm toán độc lập trong danh mục của Bộ Tài Chính để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ cho Công ty;

### **4. Quý IV/2021:**

- Chấp thuận các nội dung chính của Hợp đồng giao dịch với Người có liên quan của Cổ đông;
- Phê duyệt Quy chế công bố thông tin và Quy chế soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Công ty;



- Chấp thuận bà Nguyễn Huyền Linh thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty theo nguyện vọng cá nhân;

*(Vui lòng tham khảo chi tiết Báo cáo tình hình quản trị Công ty đã công bố thông tin tại Website Công ty ngày 18/01/2022).*

**PHẦN IV**  
**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021**  
**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí miền Nam

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư 166/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt nam.*

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã triển khai nhiệm vụ và xin báo cáo trước Đại Hội đồng Cổ đông kết quả hoạt động với một số nội dung như sau:

**I - HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**1. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Nhân sự Ban Kiểm soát nhiệm gồm 01 Trưởng ban Kiểm soát là thành viên chuyên trách và 02 kiểm soát viên là thành viên kiêm nhiệm.

Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại điều 170 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty, trong năm 2021 Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Xem xét tính đúng đắn về Pháp lý của việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong năm tài chính 2021.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của Pháp luật;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Xem xét tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; tình hình triển khai tiến độ các dự án đầu tư mua sắm của Công ty;
- Giám sát tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ;



- Thẩm định Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của công ty.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo từng lĩnh vực, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

- Trong năm 2021, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, Ban kiểm soát đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 của Công ty. Đây là đơn vị nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, đáp ứng đủ các điều kiện đặt ra và đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Ban kiểm soát cũng đã phối hợp với Ban Điều hành Công ty, lãnh đạo các phòng ban ban hành các Quy trình, Quy chế để cùng tiến tới hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong Công ty. Cuối năm thành viên BKS tham gia giám sát công tác kiểm kê tài sản cuối năm tại các đơn vị, Chi nhánh trong Công ty.

## **2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Trong năm 2021 Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp định kỳ (trực tiếp, online và lấy ý kiến qua email); Nội dung của các cuộc họp bao gồm:

- Xây dựng và thông qua Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2021 của Ban kiểm soát. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên 2021;

- Xây dựng và thông qua Báo cáo giám sát hàng quý, bao gồm: đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty; đánh giá về việc thực hiện và tuân thủ các Quy chế, quy định của Công ty.

- Thông qua thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 và giữa niên độ.

- Phân công tham gia giám sát và báo cáo đánh giá công tác tổ chức Đại hội cổ đông theo đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Phân công tham gia giám sát và báo cáo đánh giá về công tác kiểm kê tài sản và công nợ cuối năm của Công ty.

## **3. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2021:**

- Tổng tiền lương, thưởng: 754.874.074 đồng

- Tổng tiền thù lao : 120.000.000 đồng.

Tổng cộng: 874. 874.074 đồng.

## **II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT**

### **1. Hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tiếp tục kéo dài năm thứ 2 liên tiếp, hầu hết các quốc gia trên khắp thế giới đều bị ảnh hưởng nặng nề, Việt nam sau một năm thành công với chiến dịch zero Covid thì năm 2021 đã không tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực của diễn biến đại dịch khó lường. Các chính sách được áp dụng mạnh tay của Chính phủ để đối phó với dịch bệnh lan nhanh đã khiến cho toàn bộ nền kinh tế tê liệt trong nhiều



tháng các quý 3, quý 4 năm 2021. Tuy nhiên, do biết tận dụng những tiềm lực sẵn có, hướng tới mục tiêu đưa sản phẩm tốt tới khách hàng, không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, Công ty vẫn đạt được kết quả ngoài mong đợi như sau:

*Đơn vị: đồng*

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021
1	Tổng doanh thu	5.105.331.547.430	5.869.313.881.706
2	Lợi nhuận gộp	770.954.234.620	774.616.457.781
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70.963.949.995	97.988.114.702
4	Lợi nhuận khác	1.669.044.158	1.671.029.909
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	72.632.994.153	99.659.144.611
6	Lợi nhuận sau thuế	56.826.954.157	79.186.310.898
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	937	1.384

**• Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2021**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% Thực hiện kế hoạch
1	Tổng doanh thu	5.128,52	5.869,31	114,44%
2	Lợi nhuận trước thuế	78,25	99,66	127,36%

Năm 2021 là năm mà giá CP biến động thất thường, có tháng tăng rất cao và không theo quy luật, chính vì vậy, mặc dù, sản lượng không đạt kế hoạch, nhưng doanh thu của Công ty vẫn đạt kế hoạch và vượt mức 14,44%, cùng với nỗ lực tiết giảm đáng kể được chi phí bán hàng, chi phí lãi vay và chiếm dụng được vốn từ nhà cung cấp nên lợi nhuận trước thuế đạt vượt mức kế hoạch 27,36%.

**• Công tác đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cũng đã được thực hiện khẩn trương, kịp thời đưa vào khai thác đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh:**

Các công trình được thực hiện tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty. Hiện nay các công trình đang được triển khai theo kế hoạch. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định sau khi hoàn thành đã được quyết toán, bàn giao, đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao theo quy định của Bộ tài chính.

**2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021**

**Một số chỉ số tài chính cơ bản:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2020	31/12/2021
<b>I</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
1	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	52,55	51,27



2	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	47,45	48,73
<b>II Cơ cấu nguồn vốn</b>				
1	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	57,82	58,23
2	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	42,18	41,77
<b>III Chỉ số khả năng thanh toán</b>				
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,80	0,82
2	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,99	1,00
<b>IV Tỷ suất lợi nhuận</b>				
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,43	3,29
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ SH	%	5,75	7.87

- Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2021.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, lập và trình bày Báo cáo tài chính được thực hiện theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Các chỉ số thanh toán năm 2021 đang được cải thiện. Trong cơ cấu tài sản/nguồn vốn, tài sản ngắn hạn tăng nhanh trong 2 năm gần đây do Công ty tăng cường vay nợ để tài trợ vốn lưu động. Đặc biệt, nửa cuối năm 2021, trong cơ cấu các khoản nợ ngắn hạn, các khoản vay ngắn hạn giảm đáng kể thay vào đó các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng lên do kỳ hạn nợ của một số hợp đồng mua LPG được mở rộng lên 45 ngày và 90 ngày thay vì 30 ngày như trước. Do đó, chi phí lãi vay được giảm đáng kể, thu nhập hoạt động tài chính tăng góp phần vào việc tăng lợi nhuận trong các quý nửa cuối năm 2021.

- Các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận tăng lên, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu tăng 2,11% so với năm trước. Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo qui định tại Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, do Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam thực hiện.

- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo qui định của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### **3. Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức và các nghị quyết khác của ĐHĐCĐ:**

- Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 là 10%/ VDL bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Các nội dung khác đã được thực hiện theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ.

### **4. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị**



- Công tác quản trị của Hội đồng quản trị trong năm 2021 đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, cũng như Điều lệ, Quy chế, Quy định của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức một số các cuộc họp cả online và trực tiếp và ban hành các Nghị quyết, Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ Pháp lý theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Nghị Quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong quyền hạn và trách nhiệm của mình, Hội đồng Quản trị phối hợp với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc đưa Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **5. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý của Ban Tổng giám đốc Công ty.**

- Trong bối cảnh chung đầy khó khăn của năm 2021, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách đề tháo gỡ khó khăn; nâng cao năng lực bộ máy quản lý, áp dụng công nghệ kịp thời trong quản lý điều hành giúp tiết giảm chi phí đáng kể để đưa Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận được giao.

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ Công ty và Pháp luật quy định.

- Trong năm 2021, trước rủi ro gia tăng của dịch bệnh và biến động bất thường của giá cả thế giới và trong nước, các biện pháp bảo toàn vốn được áp dụng kịp thời như: Ban hành các quy định về quản lý các khoản nợ phải thu, quy trình mua, bán hàng hóa, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát để giảm thiểu nợ khó đòi, nợ tồn đọng, thực hiện trích lập các khoản dự phòng như: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi... Chú trọng công tác An toàn phòng chống cháy nổ, mua đầy đủ bảo hiểm tài sản, hàng hóa.

- Năm 2021 cũng là năm có sự biến động khá nhiều về lao động, việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động, việc thực hiện ký kết Hợp đồng lao động và chấm dứt Hợp đồng lao động của Lãnh đạo Công ty giữa người sử dụng lao động và người lao động được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước. Công ty nộp BHXH, BHYT kịp thời đúng quy định. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

#### **5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

- Giữa Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty, Cổ đông trong khuôn khổ tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty. Ban kiểm soát đã nhận được



sự hợp tác, tạo điều kiện từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu.

- Ban kiểm soát được mời tham dự hầu hết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, và các cuộc họp giao ban của Công ty. Tại các cuộc họp này Ban kiểm soát cũng đã tham gia đóng góp ý kiến trên phương diện đảm bảo tính phù hợp trong các hoạt động của Công ty.

- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo Tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát hàng quý của Ban Kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Cổ đông lớn (có yêu cầu).

### **III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:**

Sau quá trình thực hiện kiểm tra giám sát trong năm 2021 vừa qua, Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo Tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty đưa ra. Kính đề nghị Đại hội thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty.

Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2022 dựa trên hồ sơ năng lực, chất lượng dịch vụ kiểm toán 2021 và mức phí phù hợp, cạnh tranh. Đơn vị kiểm toán dự bị là Công ty TNHH PwC (Việt Nam); Đây là những đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết. Có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các báo cáo tài chính theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

### **IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022**

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2022. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư.

- Theo dõi công tác tự kiểm tra giám sát của Công ty, đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty, đưa ra các kiến nghị (nếu có) để nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Phối hợp với HĐQT, các đoàn kiểm tra nội bộ của Công ty, Kiểm toán nội bộ, cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, các hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, Công ty con và các Chi nhánh.

- Giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông và các nội dung khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ .

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2022.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**





## PHẦN V

### **NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH:**

1. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán);
2. Tờ trình về việc thông qua phương án chia cổ tức, thưởng Ban điều hành và trích lập các quỹ năm 2021, kế hoạch năm 2022;
3. Tờ trình về việc thông qua phương án trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022;
4. Tờ trình về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022;
5. Tờ trình về việc chấp thuận Hợp đồng giao dịch mua bán khí với Người có liên quan của Cổ đông;
6. Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
7. Tờ trình về việc bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

19  
N  
1  
DO  
N  
P. T

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành  
một số điều của Luật Chứng khoán;  
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2021 chi tiết đã được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên website của Công ty tại [www.pgs.com.vn](http://www.pgs.com.vn) bao gồm:

- Báo cáo của kiểm toán viên;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021.

Trong đó, một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Giá trị năm 2021
1	Tổng tài sản	Đồng	2.410.013.683.460
2	Nợ phải trả	Đồng	1.403.264.105.721
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	1.006.749.577.739
4	Tổng doanh thu (*)	Đồng	5.869.313.881.706



5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	99.659.144.611
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	79.186.310.898

(\*) Tổng doanh thu bao gồm doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   
**CHỦ TỊCH**



**Phan Quốc Nghĩa**

Số: 02/TTr-KMN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2022

## TỜ TRÌNH

### Về việc phương án chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2021, kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành  
một số điều của Luật Chứng khoán;  
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 và phương án dự kiến năm 2022 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam như sau:

#### 1. Phương án chia cổ tức và trích lập các Quỹ năm 2021:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Ghi chú
A - Lợi nhuận trước thuế năm 2021	99.659.144.611	đồng
B - Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021	20.472.833.713	đồng
C - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021	79.186.310.898	đồng
D - Trích lập các quỹ	13.000.000.000	đồng
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.000.000.000	đồng
+ Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	1.000.000.000	đồng
<b>Phương án chia cổ tức năm 2021</b>		
1 - Tổng số cổ phiếu	50.000.000	cổ phiếu
2 - Vốn điều lệ của Công ty	500.000.000.000	đồng
3 - Lợi nhuận năm 2020 còn lại	29.046.653.734	đồng
4 - Lợi nhuận năm 2021 sau khi trích lập các Quỹ	66.186.310.898	đồng
5 - Lợi nhuận năm 2021 chia cho các cổ đông	75.000.000.000	đồng
6 - Tỷ lệ chia cổ tức (bằng tiền) (*)	15,0%	%
7 - Lợi nhuận chuyển sang năm 2022	20.232.964.632	đồng

(\*) Giao cho HĐQT quyết định thời điểm chia cổ tức phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Phương án dự kiến chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2022 (theo phương án giá dầu thô 65 USD/thùng và CP 582 USD/tấn):



Chỉ tiêu	Năm 2022	Ghi chú
1 - Lợi nhuận năm 2021 chuyển sang	20.232.964.632	đồng
2 - Lợi nhuận trước thuế năm 2022	96.600.000.000	đồng
3 - Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022	19.320.000.000	đồng
4 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022	77.280.000.000	đồng
5 - Trích lập các quỹ	13.000.000.000	đồng
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.000.000.000	đồng
+ Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	1.000.000.000	đồng
6 - Lợi nhuận chia cổ tức sau khi trích lập các Quỹ		
a - Tổng số cổ phiếu	50.000.000	cổ phiếu
b - Vốn điều lệ của Công ty	500.000.000.000	đồng
c - Lợi nhuận chia cho cổ đông	75.000.000.000	đồng
d - Tỷ lệ chia cổ tức (bằng tiền)	15,0%	%
e - Lợi nhuận chuyển sang năm 2023	9.512.964.632	đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phan Quốc Nghĩa

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phương án trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021  
và kế hoạch trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).*

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

**I. Báo cáo thù lao của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS)  
Công ty năm 2021:**

1. Số lượng thành viên:

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người, trong đó có 02 thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

- Thành viên BKS: 03 người, trong đó 01 thành viên chuyên trách là Trưởng BKS.

2. Tổng tiền thù lao của thành viên HĐQT: 1.248.000.000 đồng.

(Đơn vị tính: đồng)

Họ và Tên	Chức danh	Thù lao	Ghi chú
Ông Phan Quốc Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	251.000.000	Bổ nhiệm ngày 20/4/2021
Bà Phan Thị Ngọc Hà	Chủ tịch HĐQT	109.000.000	Miễn nhiệm ngày 20/4/2021
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	360.000.000	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	360.000.000	



Họ và Tên	Chức danh	Thù lao	Ghi chú
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	84.000.000	
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên độc lập HĐQT	84.000.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.248.000.000</b>	

3. Tổng tiền lương của Trưởng BKS: 754.874.074 đồng; Tổng tiền thù lao của thành viên BKS: 120.000.000 đồng.

(Đơn vị tính: đồng)

Họ và Tên	Chức danh	Lương/thưởng	Thù lao	Ghi chú
Bà Đào Thanh Hằng	Trưởng BKS	754.874.074		
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS		60.000.000	
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên BKS		60.000.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>754.874.074</b>	<b>120.000.000</b>	

## II. Kế hoạch lương/thù lao của HĐQT và BKS năm 2022:

1. Số lượng thành viên:

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người trong đó có 02 thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

- Thành viên BKS: 03 người trong đó 01 thành viên chuyên trách là Trưởng BKS.

2. Thù lao cho HĐQT và BKS Công ty:

- Thù lao cho Chủ tịch HĐQT : 30.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thành viên HĐQT : 30.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thành viên độc lập HĐQT : 7.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thành viên BKS : 5.000.000 đồng/người/tháng.

3. Tổng thù lao của thành viên HĐQT năm 2022, chi tiết như sau:

(Đơn vị tính: đồng)

Họ và Tên	Chức danh	Thù lao
Ông Phan Quốc Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	360.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Thành viên HĐQT	360.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	360.000.000
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	84.000.000

Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên độc lập HĐQT	84.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.248.000.000</b>

4. Tổng tiền lương/thù lao của BKS năm 2022, chi tiết như sau:

(Đơn vị tính: đồng)

Họ và Tên	Chức danh	Lương	Thù lao
Bà Đào Thanh Hằng	Trưởng BKS	770.560.000	
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS		60.000.000
Ông/bà .....	Thành viên BKS		60.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>770.560.000</b>	<b>120.000.000</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phan Quốc Nghĩa



Số: 04/TTr-KMN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành  
một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).*

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Công ty Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

Tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2022 dựa trên hồ sơ năng lực, chất lượng dịch vụ kiểm toán 2021 và mức phí phù hợp, cạnh tranh.

Đơn vị kiểm toán dự bị là Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Đây là những đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết. Có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các báo cáo tài chính theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



Số: 05 /TTr-KMN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2022

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc chấp thuận các Hợp đồng giao dịch mua bán khí  
với người có liên quan của Cổ đông**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).*

Do đặc thù hoạt động kinh doanh sản phẩm khí của Công ty và để đảm bảo nguồn khí được cung cấp liên tục, tuân thủ đúng quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị KMN kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận các Hợp đồng mua bán khí với Người có liên quan của Cổ đông Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP với nội dung như sau:

1. Hợp đồng mua bán khí để sản xuất CNG với Xí nghiệp phân phối Khí Thấp Áp Nhơn Trạch và Xí nghiệp phân phối Khí Thấp áp Vũng Tàu trực thuộc Công ty Cổ phần Phân Phối Khí Thấp Áp Dầu Khí Việt Nam:

- Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: Từ 2023-2027.
- Giá trị hợp đồng dự kiến: 5.000 tỷ đồng (Đã bao gồm thuế GTGT).
- Nội dung Hợp đồng: Như dự thảo Hợp đồng đính kèm (\*).

Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành ký kết Hợp đồng nêu trên đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hợp đồng mua bán LPG với Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: từ tháng 1 đến tháng 6 và tháng 7 đến tháng 12 hàng năm trong giai đoạn từ năm 2022-2026.

- Giá trị một hợp đồng dự kiến: 1.200 tỷ đồng (Đã bao gồm thuế GTGT).
- Nội dung hợp đồng: Như dự thảo Hợp đồng đính kèm (\*)
- Số lượng hợp đồng dự kiến ký: 10 hợp đồng.

Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành ký kết các Hợp đồng nêu trên đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hợp đồng mua bán LNG với Chi nhánh Kinh doanh LNG – Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP:

Do yêu cầu của nhà cung cấp và nhằm đảm bảo chủ động chuẩn bị nguồn hàng kịp thời, Công ty đã tiến hành ký Hợp đồng mua bán LNG với Chi nhánh Kinh doanh LNG



- Tổng Công ty Khí Việt Nam vào ngày 31/12/2021 với nội dung chính như sau:
- Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: Từ năm 2022-2032
  - Giá trị hợp đồng dự kiến: 8.000 tỷ đồng (Đã bao gồm thuế GTGT).
  - Nội dung hợp đồng: Như Hợp đồng số 26/2021/LNG/TM-KMN/B1 ký ngày 31/12/2021 đính kèm (\*).

Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức thực hiện Hợp đồng đã ký nêu trên đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

(\* *Toàn bộ nội dung Dự thảo các Hợp đồng giao dịch với người có liên quan đã được Công ty công bố thông tin trên website của Công ty tại <http://pgs.com.vn>.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận các Hợp đồng giao dịch mua bán khí trên để Công ty kịp thời triển khai thực hiện, đảm bảo chủ động nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phan Quốc Nghĩa**

Số: 06 /TTr-KMN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).*

Hội đồng Quản trị KMN kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty KMN, cụ thể như sau:

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
1	<b>Điểm i Khoản 2 Điều 27:</b> Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 20 tỷ đồng và không thuộc quyền của ĐHĐCĐ quyết định	<b>Điểm i Khoản 2 Điều 27:</b> Quyết định các khoản đầu tư <i>xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định</i> không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 20 tỷ đồng và không thuộc quyền của ĐHĐCĐ quyết định	Quy định cụ thể là lĩnh vực đầu tư hình thành tài sản
2	<b>Chưa có</b>	<b>Bổ sung thêm 01 điểm tại Khoản 2 Điều 27:</b> Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao	Phù hợp với khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
		dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo,; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	
3	<p><b>Điều 33 – Điều lệ Công ty:</b> <b>Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.</p>	<p><b>Điều 33 – Điều lệ Công ty:</b> <b>Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị <i>hoặc theo phân cấp, uỷ quyền của Hội đồng Quản trị</i></p>	Tạo sự linh động trong việc điều hành sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm
4	<p><b>Điểm f Khoản 4 Điều 35:</b> Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh từ 20 tỷ đồng trở xuống</p>	<p><b>Điểm f Khoản 4 Điều 35:</b> Quyết định các khoản đầu tư <i>xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định</i> không nằm trong kế hoạch kinh doanh từ 20 tỷ đồng trở xuống</p>	Quy định cụ thể là lĩnh vực đầu tư hình thành tài sản

Điều lệ được sửa đổi sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện các thủ tục cần thiết để ban hành Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Phan Quốc nghĩa**

Số 07/TTr-KMN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát Công ty**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định 155/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN).*

Hội đồng Quản trị KMN kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bầu bổ sung 01 Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027 do ông Phạm Tuấn Anh – Thành viên Ban Kiểm soát của KMN đã hết nhiệm kỳ, cụ thể như sau:

**1. Bầu cử Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027:**

- Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát cần bầu bổ sung : 01 người
- Nhiệm kỳ : 2022 – 2027
- Số lượng ứng viên Ban Kiểm soát tối đa : Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên Ban Kiểm soát tối đa (Theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP).

**2. Thông qua danh sách ứng viên Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027:**

- Bà: Đặng Thị Hồng Yến (Sơ yếu lí lịch đính kèm)
- Ông/Bà: .....

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027 được áp dụng theo quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. *✓*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phan Quốc Nghĩa**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2022

**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG**

(Dùng cho các ứng viên tham gia Thành viên Ban Kiểm soát)

- 1/ Họ và tên: ĐẶNG THỊ HỒNG YẾN
  - 2/ Giới tính: Nữ
  - 3/ Ngày tháng năm sinh: 15/10/1973
  - 4/ Nơi sinh: tỉnh Phú Thọ.
  - 5/ Số CCCD: 025173000653
  - Ngày cấp: 25/03/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
  - 6/ Quốc tịch: Việt Nam
  - 7/ Dân tộc: Kinh
  - 8/ Địa chỉ thường trú: A16-4 chung cư Phú Hoàng Anh, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - 9/ Số điện thoại: 0984209131
  - 10/ Địa chỉ email: [yen.dth@pvgas.com.vn](mailto:yen.dth@pvgas.com.vn)
  - 11/ Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán các doanh nghiệp, Cử nhân tiếng Anh
  - 12/ Quá trình công tác: (từ năm 18 tuổi đến nay):
    - Từ 1991- 1995: Chuyên viên Sở Tài chính Vật giá Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
    - Từ 1995 -1998: Chuyên viên Cục Quản lý Vốn và Tài sản Nhà nước Tại Doanh Nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
    - Từ 1998 – 2006: Chuyên viên Chi cục Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
    - Từ 2006 – 10/2008: Chuyên viên, Kế toán tổng hợp, Ban Kế toán – Kiểm toán PV GAS.
    - Từ 10/2008 đến nay: Kế toán tổng hợp, Ban Kế toán PV GAS.
  - 13/ Chức vụ hiện nay tại Gas South: không
  - 14/ Tên các công ty hiện đang nắm giữ các chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác: không
  - 15/ Số CP nắm giữ tại công ty Gas South: không
- Trong đó:
- + Đại diện sở hữu: .....CP
  - + Cá nhân sở hữu: .....CP
- 16/Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên hiện đang là Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty)
  - 17/ Các Lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có): không
  - 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty (nếu có): không

NG  
PH.  
OAN  
N N  
HỒ

1

Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử cho ứng viên (nếu có)

19/ Các thông tin khác (nếu có). không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ của Thành viên Ban Kiểm soát một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát.

**NGƯỜI KHAI**



**Đặng Thị Hồng Yên**

CHỖ  
CHỮ  
HỌ  
TÊN  
TÊN  
TÊN  
TÊN



Số /NQ-KMN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2022

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (KMN);
- Căn cứ Biên bản họp số ...../BB-ĐHĐCD ngày 21/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:**

**❖ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của KMN:**

STT	Nội dung	ĐVT	KH năm 2021	TH năm 2021	TH/KH 2021
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
<b>1</b>	<b>Sản Lượng LPG</b>	<b>Tấn</b>	<b>241.689</b>	<b>216.460</b>	<b>89,56%</b>
1,1	LPG Dân dụng	-	154.444	138.043	89,38%
1,2	LPG Rời	-	87.245	78.417	89,88%
<b>2</b>	<b>Sản lượng Vỏ bình</b>	<b>Vỏ</b>			
2,1	Vỏ bình làm mới	-	454.200	399.449	87,95%
2,2	Vỏ bình bảo dưỡng	-	568.900	727.571	127,89%
<b>3</b>	<b>Sản lượng Xăng dầu</b>	<b>Lít</b>	<b>4.730.000</b>	<b>3.104.041</b>	<b>65,62%</b>
<b>4</b>	<b>Sản lượng CNG</b>	<b>Sm3</b>	<b>120.000.000</b>	<b>109.122.311</b>	<b>90,94%</b>
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>				
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.128,52</b>	<b>5.869,31</b>	<b>114,44%</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí</b>	<b>-</b>	<b>856,3</b>	<b>828,99</b>	<b>96,80%</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>-</b>	<b>78,25</b>	<b>99,66</b>	<b>127,36%</b>
<b>III</b>	<b>Đầu tư xây dựng</b>				
<b>1</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>668,33</b>	<b>181,57</b>	<b>27,17%</b>
<b>2</b>	<b>Giá trị vốn giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>588,95</b>	<b>204,1</b>	<b>34,65%</b>

<b>IV</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>				
<b>1</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
-	Số lao động bình quân	Người	1.310	1.287	98,24%
-	Thu nhập bình quân	Trđ/Ng/Tháng	13,55	14,16	104,50%
<b>2</b>	<b>Thực hiện đào tạo</b>	Lượt người	4.692	2.479	52,83%
<b>3</b>	<b>Kinh phí đào tạo</b>	Tỷ đồng	3,38	0,86	25,44%

**❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của KMN:**

a) Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (theo phương án giá dầu thô 65 USD/thùng và CP 582 USD/tấn):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2021	KH năm 2022	KH2022/TH 2021
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
<b>1</b>	<b>Khí hóa lỏng LPG</b>	<b>Tấn</b>	<b>216.460</b>	<b>218.558</b>	<b>100,97%</b>
1.1	LPG dân dụng	Tấn	138.043	153.818	111,43%
1.2	LPG rời	Tấn	78.417	64.740	82,56%
<b>2</b>	<b>Sản lượng Vỏ bình</b>	<b>Vỏ</b>			
2.1	Vỏ bình làm mới	vỏ	399.449	284.226	71,15%
2.2	Vỏ bình bảo dưỡng	vỏ	727.571	667.442	91,74%
<b>3</b>	<b>Xăng dầu</b>	<b>Lít</b>	<b>3.104.041</b>	<b>3.400.000</b>	<b>109,53%</b>
<b>4</b>	<b>Khí nén CNG</b>	<b>SM<sup>3</sup></b>	<b>109.122.311</b>	<b>116.020.893</b>	<b>106,32%</b>
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.869,31</b>	<b>6.138,54</b>	<b>104,59%</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>828,99</b>	<b>869,64</b>	<b>104,90%</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>99,66</b>	<b>96,6</b>	<b>96,93%</b>
<b>III</b>	<b>Quỹ Khen thưởng phúc lợi</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>100,00%</b>
<b>IV</b>	<b>Đầu tư xây dựng</b>				
<b>1</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>181,57</b>	<b>437,27</b>	<b>240,83%</b>
<b>2</b>	<b>Giá trị vốn giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>204,1</b>	<b>412,78</b>	<b>202,24%</b>

b) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022 trong trường hợp tình hình thị trường (giá CP thế giới, giá dầu,...) có sự biến động bất thường.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022.**

**Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022.**

**Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán).**

**Điều 5. Thông qua phương án chia cổ tức, thưởng Ban điều hành và trích lập các quỹ năm 2021, Kế hoạch năm 2022, cụ thể như sau :**



❖ **Phương án chia cổ tức, thưởng ban điều hành và trích lập các quỹ 2021:**

- **Phương án chia cổ tức:** Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 15%

Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chia cổ tức phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Thưởng Ban điều hành :** 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

- **Trích lập các quỹ:** Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng)

❖ **Kế hoạch chi trả cổ tức, thưởng ban điều hành và trích lập các quỹ 2022:**

- **Phương án chia cổ tức:** Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 15%

- **Thưởng Ban điều hành:** 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

- **Kế hoạch trích lập các quỹ:** Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng)

**Điều 6. Thông qua phương án trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022.**

**Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.**

**Điều 8. Chấp thuận Hợp đồng giao dịch mua bán khí với Người có liên quan của Cổ đông.**

**Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.**

**Điều 10. Thông qua việc bầu ông/bà..... giữ chức Thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 -2027 thay ông Phạm Tuấn Anh hết nhiệm kỳ.**

**Điều 11. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.**

**Nơi nhận:**

- Như điều 11;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Phan Quốc Nghĩa**

# PHẦN VII

## QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC BIỂU MẪU ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2021/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam như sau:

### **I. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Quy định này hướng dẫn trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2022-2027) của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam;
2. Các cổ đông, ứng cử viên tham gia đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung của Quy chế này.

### **II. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt**

- Công ty : Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông

### **III. Quy định về đề cử, ứng cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát**

#### **1. Số lượng, nhiệm kỳ Thành viên Ban Kiểm soát**

- a) Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát : 01 người
- b) Nhiệm kỳ 05 (năm) năm : 2022 – 2027
- c) Số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát tối đa : Không hạn chế

**2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát** (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty)

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14);
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;



- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f) Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

### **3. Quyền đề cử, ứng cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 37 Điều lệ công ty)**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban Kiểm soát.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ và quản trị Công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

## **IV. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát**

### **1. Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát**

Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện nêu trên có yêu cầu ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty vui lòng gửi Hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện về trụ sở Công ty theo thời gian và địa chỉ nêu tại Điểm 2 Mục IV quy chế này. Hồ sơ ứng cử, đề cử được lập theo mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: [www.pgs.com.vn](http://www.pgs.com.vn) bao gồm:

- Đơn xin đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát (theo mẫu);
- Lý lịch trích ngang ứng viên (theo mẫu);
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này (theo mẫu).

Người đề cử/ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

### **2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử**

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, vui lòng gửi hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát về địa chỉ sau trước **15h00 ngày 18/04/2022**.



## **Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam**

Lầu 4, PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-28) 39100324/39100108 - Fax: (84-28) 39100097/39100325

### **V. Danh sách ứng cử viên**

- Dựa vào Hồ sơ đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu Thành viên Ban Kiểm soát.

- Danh sách ứng cử viên Thành viên Ban Kiểm soát được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, và phải được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

### **VI. Thủ tục và Nguyên tắc bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát:**

1. Công việc tổ chức bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Ban Kiểm phiếu thực hiện. Ban Kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Công việc tổ chức bầu cử cụ thể bao gồm:

- Kiểm tra và công bố danh sách các ứng cử viên Thành viên Ban Kiểm soát;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
- Cùng Chủ tọa phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo về ứng cử viên cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Nguyên tắc bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, đảm bảo dân chủ công bằng.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Ban kiểm soát.

4. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.

- Mỗi đại biểu dự họp sẽ được phát một Phiếu bầu Thành viên Ban Kiểm soát. Khi được phát phiếu bầu cử, Đại biểu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu để được xử lý.

5. Phương thức bầu cử

- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*

▪ Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát.

▪ Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

▪ Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).



Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu. Cụ thể, mỗi phiếu bầu Thành viên Ban Kiểm soát được bầu số Ban Kiểm soát tối đa 01 thành viên;
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên Ban Kiểm soát, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- + Nếu đại biểu không dồn đều nhau cho từng ứng viên Ban Kiểm soát, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

**Lưu ý:**

Trong trường hợp Đại biểu vừa đánh dấu vào ô “**Bầu dồn đều phiếu**” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “**Số phiếu bầu**”. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

**6. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có dấu treo của công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu, phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự, và không thuộc trường hợp bị coi là không hợp lệ như quy định dưới đây.
  - Trong trường hợp có sự sai sót, Đại biểu có thể liên hệ với Ban Kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
  - Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
    - + Phiếu bầu ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.
    - + Phiếu bầu ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì.
    - + Phiếu bầu gạch tên các ứng cử viên.
    - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu.
    - + Số ứng viên mà Đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu.
    - + Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.
    - + Phiếu bầu nộp sau khi Ban Kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu.
    - + Phiếu bầu không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
    - + Phiếu bị rách, nát, bị nhòe.

**7. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu**

- Trong trường hợp có sự sai sót, Đại biểu có thể liên hệ với Ban Kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu hoặc đại diện cổ đông (nếu cần)
  - Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Đại biểu (nếu có).
  - Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội cổ đông của công ty.

**8. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên**

- Người trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu hợp lệ được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu hợp lệ cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu hợp lệ được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu hợp lệ ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng Thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

#### **VI. Hiệu lực thi hành**

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử bầu cử bổ sung Thành viên Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.**

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phan Quốc Nghĩa**



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM

Lầu 4, PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-28) 39100324/39100108 - Fax: (84-28) 39100165/39100325  
Website : [www.pgs.com.vn](http://www.pgs.com.vn)

### ĐƠN XIN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**Kính gửi:** Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

Họ tên cổ đông:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....

Hiện đang sở hữu:..... cổ phần .....

Tương ứng ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Đề nghị Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam cho tôi/Công ty tôi đề cử:

Ông/Bà:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu:..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

#### Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Lý lịch trích ngang của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

....., ngày..... tháng ..... năm 2022

**Người đề cử**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM

Lầu 4, PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-28) 39100324/39100108 - Fax: (84-28) 39100165/39100325

Website : [www.pgs.com.vn](http://www.pgs.com.vn)

## ĐƠN XIN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**Kính gửi:** Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

Tên tôi là:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu/số:.....  
Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú:.....  
Trình độ học vấn:.....  
Chuyên ngành:.....  
Hiện đang sở hữu:..... cổ phần

Tương ứng...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Đề nghị Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

### Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Lý lịch trích ngang của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

....., ngày..... tháng ..... năm 2022

Người ứng cử  
(Ký và ghi rõ họ tên)



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM

Lầu 4, PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-28) 39100324/39100108 - Fax: (84-28) 39100165/39100325  
Website : [www.pgs.com.vn](http://www.pgs.com.vn)

### BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam;
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Hôm nay, ngày..... tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: ..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	<b>Tổng cộng</b>				

Sau khi tham khảo quy định về đề cử, ứng cử của Công ty, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

Ông (Bà): .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: .....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú.....

Trình độ học vấn: .....Chuyên ngành:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Lý lịch trích ngang của ứng viên;

- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

*Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:*

Ông (Bà):

.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành:.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... /...../..... tại .....

Chúng tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

CỔ ĐÔNG

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)<sup>1</sup>

36  
CỔ  
CỔ  
H L  
IẾ  
7E

**<sup>1</sup>Đối với cổ đông pháp nhân:**

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-o0o-

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

V/v: Xác nhận sở hữu cổ phần

**Kính gửi:** Công ty Cổ phần chứng khoán.....

Họ tên chủ tài khoản: .....

CMND/Hộ chiếu/CCCD/GĐKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....

Tài khoản số: .....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

Mã chứng khoán: .....

Tương ứng ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Tại ngày: 24/03/2022

Đề nghị Công ty cổ phần ..... xác nhận giúp tôi/chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng ..... năm 2022

**Chủ tài khoản**

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

---

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ....

Công ty cổ phần chứng khoán .....xác nhận các thông tin nêu trên là đúng.

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh hộ  
chiếu  
(4x6)

....., ngày ... tháng ... năm 2022

**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG**

(Dùng cho các ứng viên tham gia Thành viên Ban Kiểm soát)

- 1/ Họ và tên:.....
- 2/ Giới tính:.....
- 3/ Ngày tháng năm sinh: .....
- 4/ Nơi sinh: .....
- 5/ Số CMND/CCCD (hoặc số hộ chiếu): .....
- Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- 6/ Quốc tịch: .....
- 7/ Dân tộc:.....
- 8/ Địa chỉ thường trú:.....
- 9/ Số điện thoại:.....
- 10/ Địa chỉ email:.....
- 11/ Trình độ chuyên môn:.....
- 12/ Quá trình công tác: (từ năm 18 tuổi đến nay):.....
- 13/ Chức vụ hiện nay tại Gas South: .....
- 14/ Tên các công ty hiện đang nắm giữ các chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác: .....
- 15/ Số CP nắm giữ tại công ty Gas South:.....

Trong đó:

+ Đại diện sở hữu: .....CP

+ Cá nhân sở hữu: .....CP

16/Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên hiện đang là Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty)

17/ Các Lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có): .....

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty (nếu có): .....

Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử cho ứng viên (nếu có)

19/ Các thông tin khác (nếu có):.....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ của Thành viên Ban Kiểm soát một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát.

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)





**PHẦN VIII**  
**DỰ THẢO CÁC HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI**  
**CÓ LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG**

1. Dự thảo Hợp đồng mua bán khí để sản xuất CNG với Xí nghiệp phân phối Khí Thấp áp Nhơn Trạch trực thuộc Công ty Cổ phần phân phối Khí Thấp áp Dầu Khí Việt Nam;
2. Dự thảo Hợp đồng mua bán khí để sản xuất CNG với Xí nghiệp phân phối Khí Thấp áp Vũng Tàu trực thuộc Công ty Cổ phần phân phối Khí Thấp áp Dầu Khí Việt Nam;
3. Dự thảo Hợp đồng mua bán LPG (Hàng xe bồn đầu giá Cà Mau - FOB) với Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí;
4. Dự thảo Hợp đồng mua bán LPG (Hàng nhập khẩu giao bằng xe bồn và tàu - FOB, CIF) với Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí;
5. Dự thảo Hợp đồng mua bán LPG (Hàng xe bồn đầu giá Dinh Cố -DES) với Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí;
6. Dự thảo Hợp đồng mua bán LPG (Hàng tàu đầu giá Dinh cố - CIF) với Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí;
7. Hợp đồng mua bán LNG với Chi nhánh Kinh doanh LNG – Tổng Công ty Khí Việt Nam.

**DỰ THẢO**  
**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

GIỮA

**XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP NHƠN TRẠCH**

VÀ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH**  
**KHÍ MIỀN NAM**

**Tháng \_\_\_/2022**



# MỤC LỤC

## PHẦN ĐIỀU KHOẢN

ĐIỀU 1:	ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH.....	2
ĐIỀU 2:	ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	5
ĐIỀU 3:	HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG .....	5
ĐIỀU 4:	LƯỢNG KHÍ GIAO NHẬN .....	5
ĐIỀU 5:	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA KHÍ GIAO NHẬN .....	6
ĐIỀU 6:	GIAO NHẬN KHÍ .....	6
ĐIỀU 7:	ĐO ĐẾM KHÍ .....	7
ĐIỀU 8:	GIÁ KHÍ.....	7
ĐIỀU 9:	LẬP HÓA ĐƠN VÀ THANH TOÁN .....	7
ĐIỀU 10:	BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, THAY THẾ VÀ CÂN CHỈNH THIẾT BỊ.....	9
ĐIỀU 11:	CHẠY THỬ .....	9
ĐIỀU 12:	VẬN HÀNH VÀ PHỐI HỢP.....	9
ĐIỀU 13:	TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.....	10
ĐIỀU 14:	BẤT KHẢ KHÁNG.....	10
ĐIỀU 15:	TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP .....	11
ĐIỀU 16:	CHẤM DỨT VÀ GIA HẠN HỢP ĐỒNG .....	12
ĐIỀU 17:	BẢO MẬT.....	13
ĐIỀU 18:	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC .....	13

## PHẦN PHỤ LỤC:

PHỤ LỤC 1:	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT KHÍ
PHỤ LỤC 2:	BIỂU ĐỒ GIAO NHẬN KHÍ HÀNG NĂM
PHỤ LỤC 3:	KẾ HOẠCH BẢO DƯỠNG
PHỤ LỤC 4A:	BIÊN BẢN GIAO NHẬN KHÍ NGÀY
PHỤ LỤC 4B:	BIÊN BẢN GIAO NHẬN KHÍ THÁNG
PHỤ LỤC 5:	QUY TRÌNH ĐO ĐẾM VÀ CÂN CHỈNH
PHỤ LỤC 6:	PHỐI HỢP VẬN HÀNH

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

Số: /PV GAS D – NT – KMN

**CĂN CỨ:**

- Luật Thương mại của nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Bộ Luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Khả năng cung cấp khí của Xí nghiệp phân phối Khí Thấp áp Nhơn Trạch;
- Nhu cầu tiêu thụ khí của Công ty Cổ Phần Kinh doanh Khí Miền Nam.

Hôm nay, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Chúng tôi gồm:

**XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP NHƠN TRẠCH**

**Sau đây gọi tắt là Bên Bán**

Địa chỉ giao dịch : Đường D3 – KCN Vinatex Tân Tạo, Xã Phước An,  
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.  
Mã số thuế : 030 499 8686 – 002  
Điện thoại : 061 3566138  
Số fax : 061 3566137  
Tài khoản tiền Đồng : 0500.5837.7799  
Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch  
Người đại diện : Ông Nguyễn Tuấn Cường  
Chức vụ : Giám đốc

**Và**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

**Sau đây gọi tắt là Bên Mua**

Địa chỉ : Lầu 4, Petrovietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, phường  
Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Mã số thuế : 0305097236  
Điện thoại : 08 39100324  
Số fax : 08 39100097  
Tài khoản tiền Đồng : 0721008888888



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

Ngân hàng : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Kỳ Đồng – Hồ Chí Minh

Người đại diện : Ông Đặng Văn Vĩnh

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Đã thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:

### **ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**

Trong Hợp Đồng này, các từ và các cụm từ sau, ngoại trừ những khi ngữ cảnh giải nghĩa khác đi, sẽ có nghĩa như sau:

- "Bất Khả kháng"** có nghĩa như được nêu trong Điều 14.1.
- "Bên"** chỉ Bên Bán hoặc Bên Mua.
- "Hai Bên"** là Bên Bán và Bên Mua.
- "Biên Bản Giao Nhận Ngày"** là biên bản được ký kết bởi Đại Diện của Hai Bên ghi nhận lượng Khí được Bên Bán cung cấp cho Bên Mua trong một Ngày trong Thời Hạn Hợp Đồng phù hợp với qui định tại Điều 6.2 và theo mẫu trong Phụ lục 4A.
- "Biên Bản Giao Nhận Tháng"** là biên bản được ký kết bởi Đại Diện Có Thẩm Quyền của Hai Bên ghi nhận lượng Khí được Bên Bán cung cấp cho Bên Mua trong một Tháng trong Thời Hạn Hợp Đồng phù hợp với qui định tại Điều 6.3 và theo mẫu trong Phụ lục 4B.
- "Biểu Đồ Giao Nhận Khí"** là kế hoạch giao nhận Khí theo các Tháng trong Thời Hạn Hợp Đồng được xác định phù hợp Điều 4.2
- "BTU" hoặc "Đơn vị đo nhiệt lượng Anh"** đơn vị đo nhiệt lượng Anh là số nhiệt lượng cần thiết để tăng nhiệt độ của một (01) pao nước lên một độ Fahrenheit (1<sup>0</sup> F) tại nhiệt độ sáu mươi (60<sup>0</sup> F) dưới áp suất tuyệt đối mười bốn phẩy bảy (14,7) pao trên một inch vuông, bằng 1055,56 Joule (theo bảng qui đổi Quốc tế).
- "Các hoạt Động Bảo Dưỡng"** bao gồm toàn bộ các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt, thay thế, cân chỉnh các trang thiết bị, máy móc, đường ống..... của Hai Bên hoặc/và các Nhà Cung Cấp Khí.
- "Kế Hoạch Bảo Dưỡng"** là kế hoạch chi tiết của Các Hoạt Động Bảo Dưỡng do Hai Bên thỏa thuận tại Phụ lục 3.
- "Cơ Quan Có Thẩm Quyền"** là bất cứ tổ chức, cơ quan nhà nước có quyền quyết định, đồng ý hay cấp phép cho một vấn đề nào đó liên quan đến việc khai thác, vận chuyển, mua bán và sử dụng Khí trong Hợp Đồng này.
- "Đại Diện Có Thẩm Quyền"** là người được Bên Bán hoặc Bên Mua ủy quyền thay mặt cho Bên đó thực hiện một hay nhiều nghĩa vụ được quy định tại Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

	Diện Có Thâm Quyền được quy định chi tiết tại Điều 18.1.
<b>“Đại Diện”</b>	là người được Bên Bán hoặc Bên Mua cử ra để thay mặt cho Bên đó thực hiện các công việc nhằm phục vụ hoàn thành một hay nhiều nghĩa vụ của Hợp Đồng này.
<b>“Đặc Tính Kỹ Thuật Khí”</b>	là các đặc điểm và các thông số kỹ thuật tối thiểu hoặc tối đa của Khí được giao nhận theo Hợp Đồng này và được liệt kê trong Phụ lục 1 của Hợp Đồng này.
<b>“Điểm Giao Nhận”</b>	là điểm tại mặt bích (hoặc mối hàn nếu không có mặt bích) nối đường ống của Bên Bán với đường ống do Bên Mua đầu tư.
<b>“Đường Ống của Bên Mua”</b>	là hệ thống đường ống và thiết bị do Bên Mua tự đầu tư lắp đặt, sở hữu để tiếp nhận khí. Đường ống này nối từ Tie-in của Bên Bán đến trạm cung cấp khí và phía sau Điểm Giao Nhận.
<b>“Giá Khí”</b>	là mức giá để Bên Mua thanh toán cho Bên Bán cho lượng Khí giao nhận và được xác định theo Điều 8 của Hợp Đồng này.
<b>“Giai đoạn Chạy Thử”</b>	là khoảng thời gian cần thiết để Bên Bán, Bên Mua và Nhà Cung Cấp Khí (nếu có) tiến hành chạy thử, cân chỉnh các trang thiết bị, máy móc, phục vụ việc cung cấp, tiếp nhận Khí.
<b>“Hệ Thống Đo Đếm”</b>	là hệ thống các thiết bị, đồng hồ đo và các thiết bị liên quan đến hiển thị kết quả đo đếm được Bên Bán đầu tư, lắp đặt, vận hành, quản lý và bảo trì để ghi nhận lượng Khí giao nhận theo Hợp Đồng.
<b>“Hợp Đồng”</b>	là toàn bộ các điều khoản, các phụ lục đính kèm trong văn bản này và các điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có).
<b>“Hợp Đồng Cung Cấp Khí”</b>	là hợp đồng cung cấp, vận chuyển khí đồng hành hoặc/và khí tự nhiên giữa các Nhà Cung Cấp Khí và Bên Bán.
<b>“Khí”</b>	là khí đồng hành và/hoặc khí tự nhiên được Bên Bán giao cho Bên Mua theo Hợp Đồng.
<b>“Lượng Khí Tranh Chấp”</b>	được xác định theo Điều 6.4.
<b>“MMBTU”</b>	bằng một triệu BTU.
<b>“Năm”</b>	là khoảng thời gian bắt đầu từ Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng cho năm dương lịch đầu tiên hoặc từ Ngày 1/1 cho các năm dương lịch tiếp theo và kết thúc vào Ngày 31/12 của cùng năm dương lịch tương ứng trong



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

	Thời Hạn Hợp Đồng.
"Tháng"	là tháng dương lịch trong Thời Hạn Hợp Đồng.
"Tuần"	là khoảng thời gian từ 00:00 giờ sáng thứ hai của bất kỳ tuần nào và kết thúc vào 24:00 giờ đêm ngày chủ nhật của tuần đó.
"Ngày"	là khoảng thời gian hai mươi bốn (24) giờ liên tiếp bắt đầu từ 00:00 giờ sáng của bất kỳ ngày nào và kết thúc vào 24:00 giờ đêm ngày hôm đó trong Thời Hạn Hợp Đồng.
"Ngày Làm Việc"	là ngày làm việc bình thường bắt đầu từ 7h00 sáng và kết thúc vào lúc 17h00 giờ cùng ngày, không kể các ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ Lễ khác theo quy định của Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
"Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng"	như qui định tại Điều 3.1.
"Ngày đáo hạn thanh toán"	Là ba mươi sáu (36) ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. (nếu ngày này không phải là Ngày làm việc thì sẽ là Ngày làm việc tiếp theo).
"Nguồn Khí"	bao gồm các nguồn khí đồng hành và/hoặc khí tự nhiên được Bên Bán và/hoặc các Nhà Cung Cấp Khí khai thác, xử lý từ các mỏ dầu khí và cung cấp cho Bên Bán theo các Hợp Đồng Cung Cấp Khí để Bên Bán có thể giao Khí cho Bên Mua theo Hợp Đồng.
"Nhà Cung Cấp Khí"	là các Công ty khai thác và/hoặc xử lý và/hoặc vận chuyển khí đồng hành và/hoặc khí tự nhiên cung cấp cho Bên Bán.
"Nhiệt trị Toàn phần" viết tắt là "GHV"	là nhiệt lượng giải phóng khi đốt cháy một mét khối (01M <sup>3</sup> ) Khí ở điều kiện tiêu chuẩn (15 <sup>0</sup> C; 1,01325 bar) trong không khí với cùng nhiệt độ và áp suất, với điều kiện sau khi phản ứng diễn ra mọi sản phẩm cháy đều ở trạng thái khí với nhiệt độ và áp suất như trước khi xảy ra phản ứng, ngoại trừ nước được tạo ra do quá trình cháy được ngưng tụ về trạng thái lỏng ở nhiệt độ 15 <sup>0</sup> C (tương đương với định nghĩa 2.1 trong ISO 6976: 1995(E)).
"Quy trình Đo Đếm và Cân Chính "	là toàn bộ các Quy trình ghi nhận, đo đếm lượng Khí được cung cấp theo Hợp Đồng và cân chính Hệ Thống Đo Đếm phù hợp với các qui định trong Phụ lục 5.
"Hệ Thống Thiết Bị"	là toàn bộ các trang thiết bị, nhà máy, máy móc, đường ống... được Nhà Cung Cấp Khí, Bên Bán, Bên Mua xây dựng, lắp đặt và quản lý để sử dụng cho mục đích khai thác, vận chuyển, xử lý, cung cấp, tiêu thụ

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

Khí.

“**Thời Hạn Hợp đồng**” là khoảng thời gian Hợp Đồng này có hiệu lực như qui định tại Điều 3.2.

“**Tranh Chấp**” như được qui định tại Điều 15.1.

“**Đô la Mỹ** “ là tiền hợp pháp của Hợp chủng quốc Hoa kỳ.

“**Đồng Việt Nam** “ là tiền hợp pháp của Việt Nam.

### **ĐIỀU 2: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

Bên Bán đồng ý bán và giao, Bên Mua đồng ý mua và nhận Khí tại Điểm Giao Nhận phù hợp với các qui định trong Hợp Đồng.

### **ĐIỀU 3: HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG**

- 3.1. Hợp Đồng này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023.
- 3.2. Hợp Đồng này có thời hạn kể từ Ngày Hiệu Lực cho đến hết Ngày 31/12/2027 và sau đây gọi là “Thời Hạn Hợp Đồng”. Việc gia hạn Hợp Đồng sẽ được Hai Bên thống nhất vào thời điểm tháng chín năm 2027. Sau Thời Hạn Hợp Đồng hoặc Hợp Đồng bị chấm dứt sớm theo Điều 16.1 hoặc 16.2, các khoản bồi thường hoặc nợ giữa Hai Bên tồn tại hay phát sinh (nếu có) trong Thời Hạn Hợp Đồng sẽ vẫn còn hiệu lực và ràng buộc Hai Bên thực hiện.
- 3.3. Mặc dù Thời Hạn Hợp Đồng đã được thống nhất tại Điều 3.2, tuy nhiên Hai Bên đều hiểu rằng Thời Hạn Hợp Đồng hoàn toàn phụ thuộc vào thời hạn Hợp Đồng Cung Cấp Khí.

### **ĐIỀU 4: LƯỢNG KHÍ GIAO NHẬN**

- 4.1. Hai Bên sẽ cố gắng để giao nhận khí ở mức độ tối đa theo khả năng cung cấp và tiêu thụ thực tế trong Thời Hạn Hợp Đồng.
- 4.2. Trước Ngày 01/07 hàng năm, căn cứ vào khả năng cung cấp và tiếp nhận của mỗi Bên, Hai Bên sẽ thảo luận và xác định lượng Khí giao nhận chi tiết cho Năm tiếp theo như Biểu Đồ Giao Nhận Khí tại Phụ lục 2. Đối với Năm đầu Hợp đồng, Hai Bên sẽ thống nhất lượng Khí giao nhận trong vòng ba mươi (30) Ngày kể từ Ngày hiệu lực quy định tại điều 3.1 của Hợp Đồng và liệt kê chi tiết theo Biểu Đồ Giao Nhận Khí tại Phụ lục 2.
- 4.3. Để phục vụ công tác điều độ Khí của Bên Bán, Bên Mua có trách nhiệm thực hiện các điều sau:
  - 4.3.1. Chậm nhất vào lúc bảy giờ ba mươi (07h30) sáng, Bên Mua thông báo bằng Fax cho Bên Bán về lượng Khí sẽ tiếp nhận của Ngày tiếp theo nếu có thay đổi so với mức bình thường đã tính toán cho lượng Khí Tháng và có giải thích rõ nguyên nhân thay đổi.
  - 4.3.2. Vào Ngày thứ hai mươi (20) hàng Tháng (nếu ngày này trùng với Ngày lễ, Thứ Bảy hoặc Chủ nhật thì lấy Ngày Làm Việc gần nhất trước khi nghỉ để thực hiện), Bên Mua thông báo bằng Fax cho Bên Bán về lượng Khí sẽ tiếp nhận của Tháng tiếp theo; trong đó có giải thích rõ nguyên nhân thay đổi (nếu có) lượng Khí so với lượng Khí Tháng trong Biểu Đồ Giao Nhận Khí tại Phụ lục 2.



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

### **ĐIỀU 5: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA KHÍ GIAO NHẬN**

- 5.1 Khí được Bên Bán giao cho Bên Mua tại Điểm Giao Nhận và đáp ứng các đặc tính kỹ thuật qui định tại Phụ lục 1 (Đặc Tính Kỹ Thuật). Trong trường hợp chất lượng Khí không đáp ứng Đặc Tính Kỹ Thuật, Bên Bán sẽ thông báo ngay cho Bên Mua về các thay đổi đó để Hai Bên cùng tìm biện pháp giải quyết; trong đó Bên Mua có quyền từ chối không nhận tiếp một phần hoặc toàn bộ lượng Khí không đảm bảo chất lượng đó kể từ thời điểm Bên Mua thông báo từ chối nhận khí.
- 5.2 Bên Bán có quyền giao cho Bên Mua theo Hợp Đồng lượng Khí được khai thác, cung cấp từ các Nguồn Khí khác nhau. Trong trường hợp có sự thay đổi, hòa trộn Khí từ các Nguồn Khí khác nhau này làm thay đổi đáng kể một số đặc tính kỹ thuật Khí, Bên Bán sẽ thông báo ngay cho Bên Mua để Bên Mua có thể nghiên cứu và tiến hành việc cân chỉnh Hệ Thống Thiết Bị của mình cho phù hợp. Khi Hai Bên cùng xác nhận việc thay đổi chất lượng khí nêu trên làm cho Bên Mua không thể cân chỉnh Hệ Thống Thiết Bị của mình cho phù hợp thì Hai Bên sẽ cùng tìm giải pháp khắc phục.

### **ĐIỀU 6: GIAO NHẬN KHÍ**

- 6.1. Quyền sở hữu và các rủi ro của Khí được giao nhận theo Hợp Đồng sẽ được chuyển giao từ Bên Bán sang Bên Mua tại Điểm Giao Nhận.
- 6.2. Trước chín (09) giờ sáng mỗi Ngày, Bên Mua cử Đại Diện đến trạm trung tâm phân phối khí Gò Dầu tại khu công nghiệp Mỹ Xuân A để Bên Bán giao cho Bên Mua bản in kết quả lượng Khí đã giao nhận của Ngày hôm trước được in ra từ máy vi tính vận hành của Hệ Thống Đo Đếm vào lúc không (0) giờ Ngày hôm đó. Sau khi xem xét kết quả lượng khí đã giao nhận của Ngày hôm trước, Đại Diện của Hai Bên sẽ ký kết Biên Bản Giao Nhận Ngày theo mẫu trong Phụ lục 4A để xác định lượng Khí thực tế đã giao nhận. Nếu sau chín giờ, Đại Diện của Bên Mua không có mặt thì Bên Mua không có quyền khiếu nại lượng khí được Bên Bán ghi trong Biên Bản Giao Nhận Khí Ngày hôm trước (ngoại trừ trường hợp sai số do thiết bị đo đếm được xác định là vượt quá mức cho phép).
- 6.3. Lập Biên Bản giao nhận tháng
  - 6.3.1. Không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ ba (03) của Tháng, Bên Bán sẽ lập Biên Bản Giao Nhận Tháng của Tháng trước theo mẫu trong Phụ Lục 4B và gửi email cho Bên Mua để ghi nhận và xác định lượng Khí được Bên Bán giao cho Bên Mua trong tháng trước.

Trong vòng một (01) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Bên Mua nhận được email Biên Bản Giao Nhận Tháng, nếu Bên Mua không đồng ý về lượng Khí giao nhận của bất kỳ Ngày nào và đề nghị một lượng Khí giao nhận khác thì Bên Mua phải phản hồi lại email, ghi rõ lý do không đồng ý.

Sau khi Bên Mua xác nhận lượng Khí giao nhận trong Tháng bằng email, Bên Bán sẽ gửi bản gốc cho Bên Mua theo đường bưu điện, hoặc fax, hoặc trao tay. Bên Mua tiến hành ký Biên Bản Giao Nhận tháng và chuyển phát nhanh về cho Bên Bán bản gốc để làm thủ tục thanh toán.

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

- 6.3.2 Lượng khí giao nhận Tháng được xác định bằng tổng lượng khí được ghi nhận theo các Biên Bản Giao Nhận Ngày.
- 6.4. Trong trường hợp một trong Hai Bên không đồng ý với lượng Khí Tháng đã giao nhận được tính toán, tổng hợp trên cơ sở các Biên Bản Giao Nhận Khí Ngày và đưa ra lượng Khí khác, chênh lệch giữa lượng Khí do một trong Hai Bên đưa ra và tổng lượng khí tính theo các Biên Bản Giao Nhận Khí Ngày trong Tháng đó được gọi là Lượng Khí Tranh Chấp. Khi có Tranh Chấp về lượng Khí xảy ra như trên, Hai Bên sẽ ghi nhận và xác định rõ trong Biên Bản Giao Nhận Tháng:
- (i) Tổng lượng Khí được ghi nhận theo Biên Bản Giao Nhận Khí Ngày.
  - (ii) Lượng Khí Tranh Chấp.

Ngay sau khi ký Biên bản nói trên, Hai Bên sẽ cố gắng giải quyết và tính toán lại Lượng Khí Tranh Chấp trong thời gian sớm nhất. Nếu trong vòng sáu mươi (60) Ngày Hai Bên không thỏa thuận được về Lượng Khí Tranh Chấp này, Lượng Khí Tranh Chấp sẽ được giải quyết phù hợp với các qui định trong Điều 15.

### **ĐIỀU 7: ĐO ĐẾM KHÍ**

- 7.1. Lượng Khí giao nhận theo Hợp Đồng sẽ được ghi nhận và đo đếm dựa trên các thiết bị, dụng cụ đo đếm do Bên Bán đầu tư, vận hành, quản lý và bảo trì bằng chi phí của mình (Hệ Thống Đo Đếm). Hệ Thống Đo Đếm này sẽ được Bên Bán lắp đặt trước Điểm Giao Nhận.
- 7.2. Lượng Khí giao nhận hàng Ngày trong Thời Hạn Hợp Đồng tại Điểm Giao Nhận sẽ được ghi nhận theo Quy trình Đo Đếm và Cân Chỉnh qui định tại Phụ lục 5. Trong trường hợp Hệ Thống Đo Đếm không hoạt động chính xác, Bên Bán cần thực hiện các biện pháp đo đếm thay thế và/hoặc cân chỉnh Hệ Thống Đo Đếm như đã qui định cụ thể trong Quy trình Đo Đếm và Cân Chỉnh.

Lượng Khí đo đếm trong Hợp Đồng này theo Quy trình Đo Đếm và Cân Chỉnh được đo bằng MMBTU. Việc qui đổi từ  $M^3$  ra MMBTU được tính toán trong điều kiện tiêu chuẩn ( $15^{\circ}C$ ; 1,01325 bar) và nhiệt trị trung bình của Khí.

### **ĐIỀU 8: GIÁ KHÍ**

Hai Bên sẽ thống nhất bằng Thỏa thuận bổ sung Hợp đồng.

### **ĐIỀU 9: LẬP HÓA ĐƠN VÀ THANH TOÁN**

- 9.1. Ngay sau khi Biên Bản Giao Nhận Tháng được ký kết theo Điều 6.3 và 6.4, Bên Bán lập hồ sơ thanh toán gửi cho Bên Mua gồm:
- Giấy đề nghị thanh toán.
  - Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) tính bằng Đồng Việt Nam (VND) cho tổng lượng Khí được ghi nhận theo các Biên Bản Giao Nhận Ngày và Lượng Khí Tranh Chấp (nếu lượng khí này do Bên Bán đưa ra). Hóa đơn ghi rõ Tổng lượng Khí tính bằng MMBTU, Đơn giá Khí (là mức giá quy định tại Điều 8), tổng tiền Khí chưa có thuế VAT, thuế VAT, Tổng số tiền thanh toán bao gồm cả thuế VAT.



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

- Biên Bản Giao Nhận Tháng đã được xác nhận.

- 9.2 Các hóa đơn và giấy đề nghị thanh toán lập theo Điều 9.1 sẽ được Bên Bán chuyển cho Bên Mua bằng đường bưu điện hoặc trao tay và sẽ được đại diện của Bên Mua ký nhận trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, số lượng của các chứng từ nhận (Nếu là trao tay). Trong vòng hai mươi bốn (24) tiếng đồng hồ kể từ khi nhận được bản gốc hoá đơn và giấy báo thanh toán của Bên Bán (Nếu gửi bằng đường bưu điện), Bên Mua sẽ thông báo cho Bên Bán đã nhận được các chứng từ nêu trên.

Khi nhận được bản gốc hóa đơn của Bên Bán, Bên Mua phải kiểm tra lại các nội dung ghi trên hóa đơn. Nếu phát hiện có sai sót thì Bên Mua sẽ thông báo ngay cho Bên Bán và Hai Bên thống nhất điều chỉnh theo pháp luật hiện hành.

- 9.3 Căn cứ vào các hóa đơn do Bên Bán lập, Bên Mua sẽ thanh toán cho Bên Bán tiền mua khí hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản không chậm hơn so với ngày đáo hạn thanh toán.

Nếu đến Ngày đáo hạn thanh toán, Bên Bán chưa nhận được chuyển khoản từ Bên Mua thanh toán, Bên Mua phải trả cho Bên Bán một khoản tiền được tính như sau:

- Chậm thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ Ngày đáo hạn thanh toán:

Số tiền phải trả	=	Số tiền chậm trả	+	Số tiền chậm trả	x	$\frac{\text{Lãi suất}^{(*)}}{360 \text{ ngày}^{(**)}}$	x	Số ngày chậm trả
------------------	---	------------------	---	------------------	---	---	---	------------------

- Chậm thanh toán vượt quá 10 ngày so với Ngày đáo hạn thanh toán:

Số tiền phải trả	=	Số tiền chậm trả	+	Số tiền chậm trả	x	$\frac{\text{Lãi suất}^{(*)}}{360 \text{ ngày}^{(**)}}$	x	Số ngày chậm trả	+	2%	x	Số tiền chậm trả
------------------	---	------------------	---	------------------	---	---	---	------------------	---	----	---	------------------

(\*) Lãi suất áp dụng cho việc tính toán trong hợp đồng này là lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn một tháng, áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp do ngân hàng Ngoại thương, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm thanh toán.

(\*\*) Số ngày cơ sở tính lãi là 360 ngày (ngân hàng Ngoại thương niêm yết).

- 9.4 Nếu Hai Bên có Tranh Chấp về lượng Khí giao nhận và sau khi Tranh Chấp được giải quyết theo Điều 15, lượng khí tranh chấp sẽ được giải quyết như sau:

- Nếu kết quả giải quyết Tranh Chấp cho thấy tổng số tiền Bên Bán thực sự được hưởng (không tính số tiền phạt chậm trả) nhỏ hơn tổng số tiền Bên Mua đã thanh toán, thì trong vòng mười lăm (15) Ngày kể từ Ngày Tranh Chấp được giải quyết, Bên Bán sẽ hoàn lại cho Bên Mua khoản chênh lệch giữa hai số tiền nói trên cộng với tiền lãi của số tiền chênh lệch đó phát sinh trong thời gian kể từ khi Bên Mua thanh toán cho Bên Bán tại Điều 9.2 đến khi Bên Bán hoàn trả lại.
- Nếu kết quả giải quyết Tranh Chấp cho thấy tổng số tiền Bên Bán thực sự được hưởng (không tính số tiền phạt chậm trả) lớn hơn tổng số tiền Bên Mua đã thanh toán, thì trong vòng mười lăm (15) Ngày kể từ Ngày Tranh Chấp được giải quyết, Bên Mua sẽ thanh toán cho Bên Bán khoản chênh lệch giữa hai số tiền nói trên cộng với tiền lãi của số tiền chênh lệch đó

## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

phát sinh trong thời gian từ ngày Đáo Hạn Thanh Toán đến Ngày Bên Mua thanh toán tiếp khoản tiền chênh lệch này.

### **ĐIỀU 10: BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, THAY THẾ VÀ CÂN CHỈNH THIẾT BỊ**

- 10.1. Trước Ngày 01 tháng 07 hàng năm, Hai Bên sẽ tiến hành thảo luận và thống nhất Kế Hoạch Bảo Dưỡng cho năm tiếp theo như mẫu quy định tại Phụ lục 3. Tất cả các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế và cân chỉnh thiết bị (Các Hoạt Động Bảo Dưỡng) liên quan đến giao nhận Khí sẽ được các Bên tiến hành phù hợp với Kế Hoạch Bảo Dưỡng tại Phụ lục 3. Kế hoạch này có thể được mỗi Bên điều chỉnh bằng thông báo kịp thời ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước khi thực hiện với điều kiện được phía Bên kia chấp thuận.
- 10.2. Đối với Các Hoạt Động Bảo Dưỡng đột xuất do sự cố, không nằm trong Kế Hoạch Bảo Dưỡng, Bên tiến hành Các hoạt Động Bảo Dưỡng đột xuất phải thông báo ngay bằng điện thoại, fax và sau đó bằng văn bản cho Bên kia, ghi rõ lý do (chủ quan và/hoặc khách quan), thời gian và những thay đổi lượng Khí giao nhận theo Hợp Đồng cần thiết để tiến hành Các hoạt Động Bảo Dưỡng này. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi nhận được thông báo của Bên thông báo, Bên nhận thông báo sẽ trả lời xác nhận hoặc thỏa thuận lại với Bên thông báo về thời gian và lượng Khí thay đổi cho Các hoạt Động Bảo Dưỡng đột xuất này.
- 10.3. Kế Hoạch Bảo Dưỡng các Hệ Thống Thiết Bị của Bên Bán sẽ bao gồm Các hoạt Động Bảo Dưỡng các Hệ Thống Thiết Bị của Các Nhà Cung cấp Khí. Khi lên Kế Hoạch Bảo Dưỡng cho Hệ Thống Thiết Bị của Bên Mua, Bên Mua sẽ cố gắng tập trung Các hoạt Động Bảo Dưỡng vào Mùa Khô và bám sát theo tiến độ Các Hoạt Động Bảo Dưỡng của Bên Bán nhằm giảm thiểu tối đa thời gian ngừng giao nhận Khí.

### **ĐIỀU 11: CHẠY THỬ**

- 11.1. Khi Bên Mua tiến hành chạy thử thiết bị của mình thì Bên Mua phải thông báo cho Bên Bán kế hoạch chạy thử trong đó chỉ rõ thời điểm, khoảng thời gian tiến hành chạy thử, yêu cầu về khối lượng và chất lượng Khí để Bên Bán hiệu chỉnh lại chính xác và phù hợp. Các thông tin chính xác cho giai đoạn chạy thử của Bên Mua sẽ được Bên Mua thông báo bằng văn bản cho Bên Bán ít nhất bảy (07) Ngày trước khi thực hiện. Trong vòng hai (02) Ngày sau khi nhận được thông báo, Bên Bán sẽ cùng Bên Mua thống nhất kế hoạch phối hợp và điều chỉnh kế hoạch giao nhận Khí cho phù hợp.
- 11.2. Toàn bộ lượng Khí được Bên Bán giao cho Bên Mua để Bên Mua thực hiện công tác chạy thử các thiết bị của mình phải được Bên Mua thanh toán cho Bên Bán theo đơn giá khí tại Điều 8 của Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 12: VẬN HÀNH VÀ PHỐI HỢP**

- 12.1. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Hai Bên sẽ thường xuyên liên lạc để bảo đảm việc vận hành Hệ Thống Thiết Bị của Hai Bên được phối hợp chặt chẽ. Hai Bên sẽ sử dụng các biện pháp cần thiết và đảm bảo tuân thủ Quy trình phối hợp vận hành tại Phụ lục 6 để bảo đảm việc vận hành an toàn và ổn định các Hệ Thống Thiết Bị của nhau.



## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

- 12.2. Trong trường hợp có sự cố ảnh hưởng tới việc giao nhận Khí, Bên có sự cố phải thông báo ngay cho Bên kia bằng điện thoại và fax, sau đó trong vòng hai (02) Ngày phải có văn bản giải thích và nêu rõ thời điểm giao nhận Khí lại. Ngay sau khi nhận được văn bản giải thích của Bên có sự cố, Hai Bên sẽ cùng phối hợp để thống nhất các biện pháp khắc phục và điều chỉnh kế hoạch giao nhận Khí.

### **ĐIỀU 13: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

#### 13.1 Trách nhiệm của Bên Bán:

- Giao Khí cho Bên Mua theo khối lượng và chất lượng như qui định trong Hợp Đồng.
- Cử Đại Diện/Đại Diện Có Thẩm Quyền để ký các Biên Bản Giao Nhận Ngày, Biên Bản Giao Nhận Tháng và các hồ sơ liên quan tới việc giao nhận Khí.
- Lập Hoá đơn thanh toán gửi cho Bên Mua theo quy định tại Điều 9.
- Mua bảo hiểm trách nhiệm về người và tài sản đối với bên thứ 3.
- Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phần Đường Ống của Bên Mua trước hệ thống đo đếm và bảo vệ an ninh phần Đường ống của Bên Mua nằm ngoài hàng rào Nhà máy của Bên Mua.

#### 13.2. Trách nhiệm của Bên Mua:

- Tiếp nhận Khí đúng thời hạn và khối lượng như quy định trong Hợp Đồng.
- Cử Đại Diện/Đại Diện Có Thẩm Quyền để ký các Biên Bản Giao Nhận Ngày, Biên Bản Giao Nhận Tháng và các hồ sơ liên quan tới việc giao nhận Khí.
- Thanh toán cho Bên Bán đầy đủ, đúng thời hạn như qui định tại Điều 9.
- Mua bảo hiểm trách nhiệm về người và tài sản đối với bên thứ 3 với mức giới hạn trách nhiệm là 02 triệu USD.
- Sử dụng khí đúng mục đích cho các ngành nghề đã đăng ký tại giấy phép đầu tư / Giấy phép kinh doanh.
- Tuyệt đối không được cung cấp khí thấp áp cho bên thứ ba với bất kỳ hình thức nào.
- Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phần Đường Ống của Bên Mua sau Điểm Giao Nhận và bảo vệ an ninh phần Đường ống nằm trong hàng rào Nhà máy của Bên Mua.

### **ĐIỀU 14: BẤT KHẢ KHÁNG**

- 14.1. Trong các trường hợp nếu một trong Hai Bên không thực hiện được trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này do những nguyên nhân khách quan ngoài sự kiểm soát của mình (được gọi là Bất Khả Kháng) bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:

## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, bệnh dịch;
- Các sự cố làm ảnh hưởng đến việc khai thác, chế biến Khí và lịch lắp đặt, chạy thử của Các Nhà Cung Cấp Khí;
- Các hợp đồng giữa Bên Bán với các Nhà Cung Cấp Khí bị chấm dứt;
- Các sự cố khách quan xảy ra với Hệ Thống Thiết Bị của Bên Bán mà không phải do sự bất cẩn của Bên Bán;
- Các sự cố khách quan xảy ra với Hệ Thống Thiết Bị của Bên Mua mà không phải do sự bất cẩn của Bên Mua;
- Sự thay đổi chủ trương của Nhà nước;

thì Bên đó được miễn trách nhiệm bồi thường cho Bên kia các tổn thất gây ra bởi Bất Khả Kháng và được tạm hoãn trách nhiệm thực hiện Hợp Đồng trừ trách nhiệm thanh toán như qui định trong Điều 9 cho đến khi kết thúc Bất Khả Kháng.

### **14.2 Bên bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng có trách nhiệm:**

- Ngay lập tức thông báo bằng điện thoại và sau đó sớm nhất nhưng không muộn hơn bốn mươi tám (48) giờ phải gửi thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên kia hoàn cảnh xảy ra và tính chất của Bất Khả Kháng; những biện pháp khẩn cấp đã thực hiện để hạn chế tác hại của Bất Khả Kháng.
- Trong vòng mười lăm (15) Ngày sau khi xảy ra Bất Khả Kháng gửi cho Bên kia báo cáo chi tiết về hoàn cảnh, sự kiện xảy ra Bất Khả Kháng, mức độ thiệt hại do nó gây ra, biện pháp và thời gian dự kiến cần thiết cho việc xử lý và khắc phục các hậu quả;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên kia kiểm tra hiện trường xảy ra Bất Khả Kháng;
- Ngay lập tức tiếp tục thực hiện trách nhiệm Hợp Đồng khi Bất Khả Kháng kết thúc.

14.3 Bên bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng sẽ không có quyền yêu cầu được miễn, giảm trách nhiệm Hợp Đồng nếu chậm trễ hoặc không tuân thủ các qui định tại Điều 14.2.

14.4 Nếu Bất Khả Kháng cứ tiếp diễn hoặc có khả năng tiếp diễn, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho Bên kia biết trong một thời gian hợp lý sớm nhất và lập kế hoạch để khắc phục sự cố để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

## **ĐIỀU 15: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

15.1. Hai Bên sẽ cố gắng nỗ lực và trên tinh thần thiện chí để cùng nhau giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, vi phạm (gọi chung là Tranh Chấp) xảy ra giữa Hai Bên trong quá trình thực hiện Hợp Đồng (bao gồm cả Lượng Khí Tranh Chấp).



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

- 15.2. Nếu trong vòng sáu mươi (60) Ngày kể từ Ngày xảy ra Tranh Chấp, Hai Bên không thể giải quyết được Tranh Chấp, Tranh Chấp đó sẽ được đưa lên Toà án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh giải quyết.
- 15.3. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các Bên vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán của mình theo quy định tại Điều 9.
- 15.4. Phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng có giá trị ràng buộc các Bên. Chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do Toà án quyết định.
- 15.5. Luật áp dụng cho giải quyết các Tranh Chấp là Luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

### **ĐIỀU 16: CHẤM DỨT VÀ GIA HẠN HỢP ĐỒNG**

- 16.1. Bên Bán có quyền chấm dứt sớm Hợp Đồng trong các trường hợp sau:
  - (i) Bên Mua chậm thanh toán cho Bên Bán quá sáu mươi (60) Ngày kể từ Ngày nhận được hoá đơn và giấy yêu cầu thanh toán của Bên Bán theo qui định trong Điều 9.
  - (ii) Nếu quá sáu mươi (60) Ngày liên tục không phải vì các lý do Bất Khả Kháng mà Bên Mua không nhận Khí được Bên Bán sẵn sàng giao theo đúng qui định trong Hợp Đồng.

Trong trường hợp Bên Bán chấm dứt Hợp Đồng sớm theo các qui định trong Điều 16.1.(i) và 16.1.(ii), Bên Bán sẽ có thông báo chấm dứt Hợp Đồng sớm bằng văn bản nêu rõ lý do chấm dứt Hợp Đồng sớm và Ngày Chấm Dứt Hợp Đồng sẽ là Ngày thứ mười lăm (15) kể từ Ngày Bên Bán gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Mua.

- (iii) Chấm dứt Hợp Đồng và dừng cấp khí ngay lập tức nếu Bên Mua sử dụng khí sai mục đích quy định tại Điều 13.2.

Việc Bên Bán chấm dứt sớm Hợp Đồng như qui định tại Điều 16.1 này không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán của cả Hai Bên đối với những khoản phải trả phát sinh trước thời điểm chấm dứt sớm Hợp Đồng.

- 16.2. Bên Mua có quyền chấm dứt sớm Hợp Đồng trong trường hợp quá một trăm tám mươi (180) Ngày liên tục không phải vì các lý do Bất Khả Kháng mà Bên Bán không giao Khí cho Bên Mua trong khi Bên Mua đã sẵn sàng nhận Khí theo đúng quy định trong Hợp Đồng.

Trong trường hợp Bên Mua chấm dứt Hợp Đồng sớm theo các qui định trong Điều 16.2 này, Bên Mua sẽ có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do chấm dứt Hợp Đồng sớm và Ngày Chấm Dứt Hợp Đồng sẽ là Ngày thứ mười lăm (15) kể từ Ngày Bên Mua gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Bán.

- 16.3. Việc Bên Mua chấm dứt sớm Hợp Đồng như qui định tại Điều 16.2 này không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán của cả hai Bên đối với những khoản phải trả phát sinh trước thời điểm chấm dứt sớm Hợp Đồng. Nếu Bất Khả Kháng kéo dài hơn sáu (06) Tháng kể từ ngày đầu tiên Bất Khả Kháng đó xảy ra, mỗi Bên có quyền chấm dứt Hợp Đồng mà không phải trả bất kỳ một khoản chi phí hay tiền phạt nào trừ các khoản nợ phát sinh trước khi xảy ra bất khả kháng.

## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

- 16.4. Trong vòng sáu mươi (60) Ngày trước khi kết thúc Thời Hạn Hợp Đồng này, Hai Bên sẽ thỏa thuận thống nhất để xem xét khả năng gia hạn tiếp Thời Hạn Hợp Đồng này.
- 16.5. Việc tiếp tục gia hạn hay không gia hạn Hợp Đồng này theo Điều 16.4 sẽ không làm ảnh hưởng, thay đổi, miễn trừ các quyền lợi, trách nhiệm và sự bồi thường... đã xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này của Hai Bên.

### **ĐIỀU 17: BẢO MẬT**

Các Bên đều không được phép nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia tiết lộ cho bên thứ ba mọi bí mật thương mại, kỹ thuật, hiểu biết hoặc các thông tin liên quan đến Hợp Đồng này trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng và kể cả sau khi chấm dứt Hợp Đồng.

### **ĐIỀU 18: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

#### **18.1. Đại Diện Có Thẩm Quyền**

Hai Bên có quyền và nghĩa vụ chỉ định một hoặc nhiều người (Đại Diện Có Thẩm Quyền) thay mặt cho Bên đó thực hiện một hay nhiều trách nhiệm được quy định trong Hợp Đồng.

- (i) Việc ủy quyền này phải được lập bằng văn bản do người đứng đầu của Bên ủy quyền ký và chuyển cho Bên kia trước ít nhất mười bốn (14) Ngày kể từ khi văn bản ủy quyền có hiệu lực, trong đó ghi rõ tên, chức vụ người được ủy quyền, thời hạn và phạm vi ủy quyền, trách nhiệm cụ thể của người được ủy quyền;
- (ii) Mọi quyết định của Đại Diện Có Thẩm Quyền được xem là Quyết định của Bên đã chỉ định ra Đại Diện Có Thẩm Quyền đó.

18.2. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Hai Bên sẽ thỏa thuận để thay đổi, bổ sung các điều khoản, điều kiện, giá cả và Phụ lục của Hợp Đồng này cho phù hợp với điều kiện thực tế và các hợp đồng mua bán Khí giữa Bên Bán với các Nhà Cung Cấp Khí. Bất kỳ sự thay đổi, bổ sung của Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi chúng được lập bằng văn bản và có chữ ký của Hai Bên. Việc không chấp thuận thay đổi, bổ sung hợp lý của một Bên sẽ được Bên kia xem xét để chấm dứt Hợp Đồng.

18.3. Trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng, Hợp Đồng này sẽ thay thế tất cả các văn bản, thỏa thuận, cam kết trước đây giữa Bên Bán và Bên Mua liên quan đến việc mua bán Khí.

18.4. Bất kỳ một sự chuyển giao một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm và/hoặc quyền lợi của mỗi Bên theo Hợp Đồng này cho Bên thứ ba đều phải được sự chấp nhận của Bên kia bằng văn bản. Nếu được chấp nhận, Bên thứ ba (bên được chuyển giao) có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản Hợp Đồng và thay thế từng phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ và/hoặc quyền lợi ghi trong Hợp Đồng.



## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

- 18.5. Quy định chung đối với đường ống và trạm phân phối Khí của Bên Bán đặt trên khu đất trong hàng rào thuộc quyền sử dụng của Bên Mua:
- 18.5.1. Bên Mua cho Bên Bán sử dụng cố định và miễn phí trong suốt thời hạn Hợp Đồng khu đất đã đặt đường ống và trạm phân phối Khí của Bên Bán.
  - 18.5.2. Bên Mua cấp điện liên tục và miễn phí để phục vụ hoạt động và chiếu sáng cho trạm phân phối Khí nêu trên.
  - 18.5.3. Bên Mua giúp Bên Bán bảo vệ phần đường ống và trạm phân phối khí của Bên Bán nằm trong hàng rào của Bên Mua, thông báo kịp thời cho Bên Bán nếu phát hiện hư hỏng, rò rỉ khí và bất cứ trường hợp nào khác được cho là không đảm bảo hoạt động an toàn của đường ống và trạm phân phối Khí, huy động mọi tiềm lực sẵn có để phối hợp với Bên Bán trong quá trình xử lý, khắc phục sự cố.
  - 18.5.4. Bên Mua có trách nhiệm cấp thẻ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người của Bên Bán ra vào trạm phân phối Khí nêu trên thường xuyên và vào bất kỳ thời điểm nào để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và xử lý mọi công việc có liên quan; Người của Bên Bán khi ra vào trạm phân phối khí nêu trên phải tuân thủ theo các quy định của Bên Mua.
  - 18.5.5. Bên Bán có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản phần đường ống và trạm phân phối khí của mình nằm trong hàng rào của Bên Mua.
  - 18.5.6. Đường ống và trạm phân phối Khí nêu trên là tài sản thuộc sở hữu của Bên Bán và Bên Bán có quyền tháo dỡ, thu hồi trong trường hợp chấm dứt hợp đồng.
- 18.6. Quy định đối với hệ thống tiếp nhận khí của Bên mua: Bên Mua có trách nhiệm đầu tư phần Đường ống nối từ Tie-in đến trạm cung cấp khí và hệ thống tiếp nhận khí sau điểm giao nhận khí theo đúng tiêu chuẩn của ngành khí và phải có giấy phép phòng cháy chữa cháy, giấy phép sử dụng thiết bị áp lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đưa vào sử dụng.
- 18.7. Những vấn đề còn lại không đề cập tại Hợp Đồng này sẽ được Hai Bên thực hiện theo Luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 18.8. Hợp Đồng này được lập thành bốn (04) bản gốc, mỗi Bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau.

**BÊN BÁN**

**BÊN MUA**

**PHỤ LỤC 1**  
**ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT KHÍ**

**I. MÔ TẢ NGUỒN KHÍ:**

Điểm sương nước (Water Dewpoint)	Không lớn hơn 5°C tại áp suất 45 barg
Điểm sương Hydrocarbon (Hydrocarbon Dewpoint)	Không lớn hơn 5°C
Nhiệt trị toàn phần (GHV)	Không nhỏ hơn 37MJ/M <sup>3</sup> Tiêu chuẩn Không lớn hơn 47MJ/M <sup>3</sup> Tiêu chuẩn
Nhiệt độ	Trên nhiệt độ điểm sương Hydrocarbon và không lớn hơn 60°C
Tổng Lưu Huỳnh	Không lớn hơn 36 phần triệu theo thể tích
Hydro Sulfua (H <sub>2</sub> S)	Không lớn hơn 24 phần triệu theo thể tích
Ôxy (O <sub>2</sub> )	Không lớn hơn 7,5 phần triệu theo thể tích
Dioxyt Carbon và Nitơ (CO <sub>2</sub> và N <sub>2</sub> )	Không lớn hơn 6,6% mol
Cỡ hạt	Loại bỏ được 99,95% cỡ hạt có kích thước lớn hơn 10 (micron)

**II. YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG:**

*(sẽ được bộ phận kỹ thuật của 2 bên thống nhất trước khi bắt đầu giao nhận khí)*

*(Hết Phụ lục 1)*



**PHỤ LỤC 2**  
**BIỂU ĐỒ GIAO NHẬN KHÍ**  
**Năm 20....**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm
<b>Lượng Khí giao nhận (10<sup>6</sup> SM<sup>3</sup>)</b>													
<b>Lượng Khí giao nhận tương đương (10<sup>3</sup> MMBTU)</b>													

Ghi chú: Các số liệu trên đây có thể được Hai Bên điều chỉnh lại trong thời gian thực hiện Hợp Đồng.

*(Hết Phụ lục 2)*

**PHỤ LỤC 3**  
**KẾ HOẠCH BẢO DƯỠNG**

Stt	Hạng mục	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Số ngày dự kiến
<b><u>Lắp đặt</u></b>														
1.	Bên Mua:													
2.	Bên Bán:													
3.	Các nhà cung cấp Khí:													
<b><u>Chạy thử</u></b>														
1.	Bên Mua:													
2.	Bên Bán:													
3.	Các nhà cung cấp Khí:													
<b><u>Bảo dưỡng/sửa chữa</u></b>														
1.	Bên Mua:													
2.	Bên Bán:													
3.	Các nhà cung cấp Khí:													

Ghi chú: Thời gian cụ thể sẽ được chính xác hóa trong quá trình thực hiện.

(Hết Phụ lục 3)



**PHỤ LỤC 4A**  
**BIÊN BẢN GIAO NHẬN NGÀY**  
**(Giữa Bên Bán và Bên Mua)**

Thời gian ghi nhận: \_\_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm

Địa điểm:

A. Thành phần tham dự:

I. Đại diện Bên Bán:

1. ....

2. ....

II. Đại diện Bên Mua:

1. ....

2. ....

B. Lượng Khí giao nhận:

Hai Bên cùng nhau thống nhất ghi nhận chỉ số Khí giao nhận tại Điểm Giao Nhận như sau:

1. Chỉ số lúc 0 giờ ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_

– .....SM<sup>3</sup>

– .....Triệu BTU

2. Chỉ số lúc 0 giờ ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_

– .....SM<sup>3</sup>

– .....Triệu BTU

3. Lượng Khí giao nhận Ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_ là:

– .....SM<sup>3</sup>

– .....Triệu BTU.

C. Kiến nghị của các Bên:.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi Bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

*(Hết Phụ lục 4A)*

**PHỤ LỤC 4B**  
**MẪU BIÊN BẢN GIAO NHẬN THÁNG**  
**(Giữa Bên Bán và Bên Mua)**

Thời gian ký biên bản:		Biên bản số:	
Địa điểm ký biên bản:		Tháng:	
<b>THÀNH PHẦN THAM GIA</b>			
Đại diện Bên Bán		Đại diện Bên Mua	
1		1	
2		2	
3		3	

<b>LƯỢNG KHÍ GIAO NHẬN THÁNG</b>			
Bắt đầu từ: __ h __ ngày __ / __ / 20__ đến __ h __ ngày __ / __ / 20__			
		SM <sup>3</sup>	MMBTU
(1)	Tổng lượng Khí giao nhận Tháng (được ghi nhận theo Biên Bản Giao Nhận Ngày)		
(2)	Lượng Khí tranh chấp (nếu có)		

Lý do tranh chấp: .....

– Ý kiến Bên Bán: .....

– Ý kiến Bên Mua: .....

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

*(Hết Phụ lục 4B)*



## PHỤ LỤC 5

### QUY TRÌNH ĐO ĐẾM VÀ CÂN CHỈNH

1. Hai Bên thống nhất lượng Khí giao nhận hàng Ngày tại Điểm Giao Nhận sẽ được xác định bằng Hệ Thống Đo Đếm do Bên Bán đầu tư và vận hành và được đo bằng MMBTU tính đến ít nhất là hai (02) số thập phân ở điều kiện tiêu chuẩn (150C; 1,01325 bar) và được xác định dựa trên số hiển thị trên màn hình của máy vi tính (có bản in kèm theo) của Hệ Thống Đo Đếm. Hệ Thống Đo Đếm của Bên Bán phải có chứng chỉ kiểm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và còn giá trị hiệu lực.
2. Nếu máy in của Hệ Thống Đo Đếm không thể in ra được kết quả, Bên Bán sẽ thông báo cho Bên Mua để Bên Mua cử đại diện sang ghi nhận lượng Khí được hiển thị trên màn hình máy tính (bảng Flow Computer Summary) hoặc trong bảng báo cáo được lấy ra từ máy tính đo lưu lượng đặt tại trạm khí trong hàng rào nhà máy Bên Mua.
3. Trường hợp Hệ thống phân tích sắc ký khí (GC) bị lỗi và đường truyền tín hiệu hoạt động bình thường hoặc chỉ bị gián đoạn trong thời gian ngắn (<24h) thì lượng khí giao nhận với khách hàng được tính như sau:
  - (i) Phương án tính toán khí giao nhận của ngày hôm đó được xác định theo kết quả tính toán tự động của Flow computer (FC). Trong trường hợp chức năng “last good value” của FC đó không hoạt động thì áp dụng theo phương án 3.(ii).
  - (ii) Kể từ ngày thứ hai của sự cố (hoặc trong ngày thứ nhất chức năng “last good value” của FC hoạt động không tốt), sử dụng chức năng Keypad của hệ thống DCS để cập nhật giá trị thành phần khí đến các FC. Trong đó, giá trị thành phần khí được lấy từ kết quả thành phần khí theo thứ tự ưu tiên: GC đồng hồ tổng (thuộc hệ thống đo BH-Crossover), GC đạm, GC Gò Dầu.
4. Nếu Hệ thống đo đếm không cập nhật được tín hiệu thành phần khí từ hệ thống phân tích sắc ký khí do đường truyền tín hiệu bị lỗi hoặc GC hoạt động không chính xác hoặc các thiết bị đo đơn lẻ (PT, TT, FT) hoạt động không chính xác hoặc hệ thống đo đếm chưa hoàn thiện theo thiết kế, sử dụng công thức sau đây để làm cơ sở thỏa thuận tính toán khí giao nhận với bên Mua :

$$Q = 947,817 \times 10^{-6} \times GHV \times V_1 \times \frac{Z_0 \times P_1 \times T_0}{Z_1 \times P_0 \times T_1}$$

Trong đó:

**Q:** Nhiệt lượng tính theo nhiệt trị bằng đơn vị MMBTU.

**947,817 x 10<sup>-6</sup>:** Hệ số chuyển đổi từ MJ sang MMBTU (1MJ = 947,817 \* 10<sup>-6</sup> MMBTU).

**GHV:** Nhiệt trị của khí xác định theo GC của PV Gas (MJ/Sm<sup>3</sup>).

**V<sub>1</sub>:** Thể tích khí tiêu thụ trong ngày (m<sup>3</sup>) tại điều kiện nhiệt độ, áp suất vận hành.

**Z<sub>0</sub>:** Hệ số nén của khí tại điều kiện tiêu chuẩn xác định theo số liệu thành phần khí từ các report của GC.

**Z<sub>1</sub>:** Hệ số nén của khí tại điều kiện áp suất, nhiệt độ vận hành.

- 
- $P_0$  : Áp suất tại điều kiện tiêu chuẩn là 1,01325 bar.  
 $P_1$  : Áp suất vận hành trung bình ngày (bar) được quy đổi về điều kiện tiêu chuẩn.  
 $T_0$  : Nhiệt độ tại điều kiện tiêu chuẩn là 288,15<sup>0</sup>K (tương đương 15<sup>0</sup>C).  
 $T_1$  : Nhiệt độ vận hành trung bình được quy đổi ra độ Kelvin.

**Ghi chú:**

- Quy đổi nhiệt độ:  $^0K = ^0C + 273,15$
- Quy đổi áp suất:

$$\text{Áp suất tại điều kiện tiêu chuẩn (bar)} = \text{Áp suất tại điều kiện vận hành (bar)} + 1,01325$$

5. Trong trường hợp toàn bộ Hệ Thống Đo Đếm không hoạt động, Hai Bên thống nhất xác định lượng Khí giao nhận vào thời điểm lập biên bản bằng một trong các biện pháp theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- (i) Dựa trên hệ thống đo đếm khác của Bên Mua (nếu có) với điều kiện phải có chứng chỉ kiểm định đang còn hiệu lực. Trong trường hợp Bên Mua lắp đặt hệ thống đo đếm khác, Bên Mua có trách nhiệm tạo điều kiện cho Bên Bán truy cập vào hệ thống đo đếm của Bên Mua khi cần thiết và cung cấp cho Bên Bán chứng chỉ kiểm định do một công ty kiểm định có thẩm quyền chứng nhận hệ thống đo đếm của Bên Mua.
- (ii) Trong trường hợp không áp dụng được các cách đã nêu ở trên, Hai Bên sẽ bàn bạc thống nhất hình thức xác định lượng Khí giao nhận phù hợp với điều kiện cụ thể.

6. Nếu, tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn Hợp đồng, Bên nào có khiếu nại về độ chính xác của Hệ Thống Đo Đếm ("Thời điểm khiếu nại"), bên đó có quyền mời cơ quan chức năng có thẩm quyền của Việt Nam kiểm định lại Hệ Thống Đo Đếm trong thời gian sớm nhất. Trong trường hợp kết quả kiểm định cho thấy Hệ Thống Đo Đếm có sai số quá giới hạn cho phép, Hệ Thống Đo Đếm sẽ được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam kiểm định căn chỉnh lại ("Thời điểm phục hồi").

Nếu kết quả kiểm định cho thấy sai số của Hệ Thống Đo Đếm không vượt quá giới hạn cho phép, toàn bộ chi phí cho việc kiểm định sẽ do Bên khiếu nại chịu. Ngược lại, nếu kết quả cho thấy sai số của Hệ Thống Đo Đếm vượt quá giới hạn cho phép, chi phí kiểm định và căn chỉnh sẽ do Bên bị khiếu nại chịu và trong trường hợp đó các lượng Khí được ghi nhận từ "Thời điểm khiếu nại" đến "Thời điểm phục hồi" tại Hệ Thống Đo Đếm sẽ được hiệu chỉnh lại theo kết quả kiểm định và Hai Bên sẽ thanh toán, bồi hoàn lại cho nhau số tiền tương ứng với sự khác nhau về lượng Khí tự nhiên đã được ghi nhận kể từ "Thời điểm khiếu nại" đến "Thời điểm phục hồi".

*(Hết Phụ lục 5)*



---

## **PHỤ LỤC 6**

### **PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

Để phối hợp vận hành tốt Hệ thống phân phối khí thấp áp đảm bảo cung cấp khí ổn định cho tất cả khách hàng sử dụng Khí, Bên Bán sẽ soạn thảo một Quy trình chung áp dụng cho toàn bộ hệ thống. Trong khuôn khổ của Hợp Đồng này Hai Bên cần tuân thủ các nguyên tắc chính sau đây:

1. Hai Bên sẽ thông báo cho nhau danh sách các chức danh có thẩm quyền trong phối hợp vận hành hệ thống.
2. Trong trường hợp có sự cố xảy ra trên hệ thống phân phối khí thấp áp hoặc/và hệ thống của Bên Mua, Hai Bên cần khẩn cấp thông báo cho nhau để cùng phối hợp xử lý.
3. Hai Bên đảm bảo công tác an toàn phòng cháy chữa cháy cho hệ thống thiết bị của mình và sẵn sàng hỗ trợ Bên kia nếu được yêu cầu.
4. Các kênh thông tin liên lạc giữa Bên Mua, các Trạm Phú Mỹ, Gò Dầu và phòng kỹ thuật của Bên Bán phải thông suốt 24/24 giờ.
5. Mỗi Bên phải tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Bên kia tiếp cận thiết bị của mình và cập nhật các thông tin về kỹ thuật, an toàn cần thiết vì lợi ích chung của Hai Bên.

*(Hết phụ lục 6)*

**DỰ THẢO  
HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

GIỮA

**XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP VŨNG TÀU**

VÀ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH  
KHÍ MIỀN NAM**

**Tháng \_\_\_/2022**



# MỤC LỤC

## PHẦN ĐIỀU KHOẢN

ĐIỀU 1:	ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH.....	2
ĐIỀU 2:	ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	5
ĐIỀU 3:	HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG .....	5
ĐIỀU 4:	LƯỢNG KHÍ GIAO NHẬN .....	5
ĐIỀU 5:	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA KHÍ GIAO NHẬN .....	6
ĐIỀU 6:	GIAO NHẬN KHÍ .....	6
ĐIỀU 7:	ĐO ĐẾM KHÍ .....	7
ĐIỀU 8:	GIÁ KHÍ.....	7
ĐIỀU 9:	LẬP HÓA ĐƠN VÀ THANH TOÁN .....	7
ĐIỀU 10:	BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, THAY THẾ VÀ CÂN CHỈNH THIẾT BỊ.....	9
ĐIỀU 11:	CHẠY THỬ .....	9
ĐIỀU 12:	VẬN HÀNH VÀ PHỐI HỢP.....	9
ĐIỀU 13:	TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.....	10
ĐIỀU 14:	BẤT KHẢ KHÁNG.....	10
ĐIỀU 15:	TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP .....	11
ĐIỀU 16:	CHẤM DỨT VÀ GIA HẠN HỢP ĐỒNG .....	12
ĐIỀU 17:	BẢO MẬT.....	13
ĐIỀU 18:	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC .....	13

## PHẦN PHỤ LỤC:

PHỤ LỤC 1:	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT KHÍ
PHỤ LỤC 2:	BIỂU ĐỒ GIAO NHẬN KHÍ HÀNG NĂM
PHỤ LỤC 3:	KẾ HOẠCH BẢO DƯỠNG
PHỤ LỤC 4A:	BIÊN BẢN GIAO NHẬN KHÍ NGÀY
PHỤ LỤC 4B:	BIÊN BẢN GIAO NHẬN KHÍ THÁNG
PHỤ LỤC 5:	QUY TRÌNH ĐO ĐẾM VÀ CÂN CHỈNH
PHỤ LỤC 6:	PHỐI HỢP VẬN HÀNH

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

Số: /XNVT/KD-KMN/B1

**CĂN CỨ:**

- Luật Thương mại của nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Bộ Luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Khả năng cung cấp khí của Xí nghiệp phân phối Khí Thấp áp Vũng Tàu;
- Nhu cầu tiêu thụ khí của Công ty Cổ Phần Kinh doanh Khí Miền Nam.

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Chúng tôi gồm:

**XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP VŨNG TÀU**

**Sau đây gọi tắt là Bên Bán**

Địa chỉ giao dịch : 61B đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
Mã số thuế : 030 499 8686 – 001  
Điện thoại : 064 3592368  
Số fax : 064 3560905  
Tài khoản tiền Đồng : 0500.5837.7799  
Ngân hàng : Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu – PGD Tân Thành  
Người đại diện : Ông Nguyễn Đức Tuấn  
Chức vụ : Giám đốc

**Và**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

**Sau đây gọi tắt là Bên Mua**

Địa chỉ : Lầu 4, Petrovietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Mã số thuế : 0305097236  
Điện thoại : 08 39100324  
Số fax : 08 39100097

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

Tài khoản tiền Đồng : 0721008888888  
Ngân hàng : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Kỳ Đồng – Hồ Chí Minh  
Người đại diện : Ông Đặng Văn Vĩnh  
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Đã thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:

### **ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**

Trong Hợp Đồng này, các từ và các cụm từ sau, ngoại trừ những khi ngữ cảnh giải nghĩa khác đi, sẽ có nghĩa như sau:

<b>"Bất Khả kháng"</b>	có nghĩa như được nêu trong Điều 14.1.
<b>"Bên"</b>	chỉ Bên Bán hoặc Bên Mua.
<b>"Hai Bên"</b>	là Bên Bán và Bên Mua.
<b>"Biên Bản Giao Nhận Ngày"</b>	là biên bản được ký kết bởi Đại Diện của Hai Bên ghi nhận lượng Khí được Bên Bán cung cấp cho Bên Mua trong một Ngày trong Thời Hạn Hợp Đồng phù hợp với qui định tại Điều 6.2 và theo mẫu trong Phụ lục 4A.
<b>"Biên Bản Giao Nhận Tháng"</b>	là biên bản được ký kết bởi Đại Diện Có Thẩm Quyền của Hai Bên ghi nhận lượng Khí được Bên Bán cung cấp cho Bên Mua trong một Tháng trong Thời Hạn Hợp Đồng phù hợp với qui định tại Điều 6.3 và theo mẫu trong Phụ lục 4B.
<b>"Biểu Đồ Giao Nhận Khí"</b>	là kế hoạch giao nhận Khí theo các Tháng trong Thời Hạn Hợp Đồng được xác định phù hợp Điều 4.2
<b>"BTU" hoặc "Đơn vị đo nhiệt lượng Anh"</b>	đơn vị đo nhiệt lượng Anh là số nhiệt lượng cần thiết để tăng nhiệt độ của một (01) pao nước lên một độ Fahrenheit (1 <sup>0</sup> F) tại nhiệt độ sáu mươi (60 <sup>0</sup> F) dưới áp suất tuyệt đối mười bốn phẩy bảy (14,7) pao trên một inch vuông, bằng 1055,56 Joule (theo bảng qui đổi Quốc tế).
<b>"Các hoạt Động Bảo Dưỡng"</b>	bao gồm toàn bộ các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt, thay thế, cân chỉnh các trang thiết bị, máy móc, đường ống..... của Hai Bên hoặc/và các Nhà Cung Cấp Khí.
<b>"Kế Hoạch Bảo Dưỡng"</b>	là kế hoạch chi tiết của Các Hoạt Động Bảo Dưỡng do Hai Bên thỏa thuận tại Phụ lục 3.
<b>"Cơ Quan Có Thẩm Quyền"</b>	là bất cứ tổ chức, cơ quan nhà nước có quyền quyết định, đồng ý hay cấp phép cho một vấn đề nào đó liên quan đến việc khai thác, vận chuyển, mua bán và sử dụng Khí trong Hợp Đồng này.
<b>"Đại Diện Có Thẩm"</b>	là người được Bên Bán hoặc Bên Mua ủy quyền thay mặt cho Bên đó thực hiện một hay nhiều nghĩa vụ



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

<b>Quyền”</b>	được quy định tại Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Có Thẩm Quyền được quy định chi tiết tại Điều 18.1.
<b>“Đại Diện”</b>	là người được Bên Bán hoặc Bên Mua cử ra để thay mặt cho Bên đó thực hiện các công việc nhằm phục vụ hoàn thành một hay nhiều nghĩa vụ của Hợp Đồng này.
<b>“Đặc Tính Kỹ Thuật Khí”</b>	là các đặc điểm và các thông số kỹ thuật tối thiểu hoặc tối đa của Khí được giao nhận theo Hợp Đồng này và được liệt kê trong Phụ lục 1 của Hợp Đồng này.
<b>“Điểm Giao Nhận”</b>	là điểm tại mặt bích (hoặc mối hàn nếu không có mặt bích) nối đường ống của Bên Bán với đường ống do Bên Mua đầu tư.
<b>“Đường Ống của Bên Mua”</b>	là hệ thống đường ống và thiết bị do Bên Mua tự đầu tư lắp đặt, sở hữu để tiếp nhận khí. Đường ống này nối từ Tie-in của Bên Bán đến trạm cung cấp khí và phía sau Điểm Giao Nhận.
<b>“Giá Khí”</b>	là mức giá để Bên Mua thanh toán cho Bên Bán cho lượng Khí giao nhận và được xác định theo Điều 8 của Hợp Đồng này.
<b>“Giai đoạn Chạy Thử”</b>	là khoảng thời gian cần thiết để Bên Bán, Bên Mua và Nhà Cung Cấp Khí (nếu có) tiến hành chạy thử, cân chỉnh các trang thiết bị, máy móc, phục vụ việc cung cấp, tiếp nhận Khí.
<b>“Hệ Thống Đo Đếm”</b>	là hệ thống các thiết bị, đồng hồ đo và các thiết bị liên quan đến hiển thị kết quả đo đếm được Bên Bán đầu tư, lắp đặt, vận hành, quản lý và bảo trì để ghi nhận lượng Khí giao nhận theo Hợp Đồng.
<b>“Hợp Đồng”</b>	là toàn bộ các điều khoản, các phụ lục đính kèm trong văn bản này và các điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có).
<b>“Hợp Đồng Cung Cấp Khí”</b>	là hợp đồng cung cấp, vận chuyển khí đồng hành hoặc/và khí tự nhiên giữa các Nhà Cung Cấp Khí và Bên Bán.
<b>“Khí”</b>	là khí đồng hành và/hoặc khí tự nhiên được Bên Bán giao cho Bên Mua theo Hợp Đồng.
<b>“Lượng Khí Tranh Chấp”</b>	được xác định theo Điều 6.4.
<b>“MMBTU”</b>	bằng một triệu BTU.
<b>“Năm”</b>	là khoảng thời gian bắt đầu từ Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng cho năm dương lịch đầu tiên hoặc từ Ngày 1/1 cho các năm dương lịch tiếp theo và kết thúc vào

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

	Ngày 31/12 của cùng năm dương lịch tương ứng trong Thời Hạn Hợp Đồng.
<b>"Tháng"</b>	là tháng dương lịch trong Thời Hạn Hợp Đồng.
<b>"Tuần"</b>	là khoảng thời gian từ 00:00 giờ sáng thứ hai của bất kỳ tuần nào và kết thúc vào 24:00 giờ đêm ngày chủ nhật của tuần đó.
<b>"Ngày"</b>	là khoảng thời gian hai mươi bốn (24) giờ liên tiếp bắt đầu từ 00:00 giờ sáng của bất kỳ ngày nào và kết thúc vào 24:00 giờ đêm ngày hôm đó trong Thời Hạn Hợp Đồng.
<b>"Ngày Làm Việc"</b>	là ngày làm việc bình thường bắt đầu từ 7h00 sáng và kết thúc vào lúc 17h00 giờ cùng ngày, không kể các ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ Lễ khác theo quy định của Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
<b>"Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng"</b>	nghĩa như qui định tại Điều 3.1.
<b>"Ngày đáo hạn thanh toán"</b>	Là ba mươi sáu (36) ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. (nếu ngày này không phải là Ngày làm việc thì sẽ là Ngày làm việc tiếp theo).
<b>"Nguồn Khí"</b>	bao gồm các nguồn khí đồng hành và/hoặc khí tự nhiên được Bên Bán và/hoặc các Nhà Cung Cấp Khí khai thác, xử lý từ các mỏ dầu khí và cung cấp cho Bên Bán theo các Hợp Đồng Cung Cấp Khí để Bên Bán có thể giao Khí cho Bên Mua theo Hợp Đồng.
<b>"Nhà Cung Cấp Khí"</b>	là các Công ty khai thác và/hoặc xử lý và/hoặc vận chuyển khí đồng hành và/hoặc khí tự nhiên cung cấp cho Bên Bán.
<b>"Nhiệt trị Toàn phần" viết tắt là "GHV"</b>	là nhiệt lượng giải phóng khi đốt cháy một mét khối (01M <sup>3</sup> ) Khí ở điều kiện tiêu chuẩn (15°C; 1,01325 bar) trong không khí với cùng nhiệt độ và áp suất, với điều kiện sau khi phản ứng diễn ra mọi sản phẩm cháy đều ở trạng thái khí với nhiệt độ và áp suất như trước khi xảy ra phản ứng, ngoại trừ nước được tạo ra do quá trình cháy được ngưng tụ về trạng thái lỏng ở nhiệt độ 15°C (tương đương với định nghĩa 2.1 trong ISO 6976: 1995(E)).
<b>"Quy trình Đo Đếm và Cân Chính "</b>	là toàn bộ các Quy trình ghi nhận, đo đếm lượng Khí được cung cấp theo Hợp Đồng và cân chỉnh Hệ Thống Đo Đếm phù hợp với các qui định trong Phụ lục 5.
<b>"Hệ Thống Thiết Bị"</b>	là toàn bộ các trang thiết bị, nhà máy, máy móc, đường ống... được Nhà Cung Cấp Khí, Bên Bán, Bên Mua xây dựng, lắp đặt và quản lý để sử dụng cho mục

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

đích khai thác, vận chuyển, xử lý, cung cấp, tiêu thụ Khí.

“**Thời Hạn Hợp đồng**” là khoảng thời gian Hợp Đồng này có hiệu lực như qui định tại Điều 3.2.

“**Tranh Chấp**” như được qui định tại Điều 15.1.

“**Đô la Mỹ** “ là tiền hợp pháp của Hợp chủng quốc Hoa kỳ.

“**Đồng Việt Nam** “ là tiền hợp pháp của Việt Nam.

### **ĐIỀU 2: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

Bên Bán đồng ý bán và giao, Bên Mua đồng ý mua và nhận Khí tại Điểm Giao Nhận phù hợp với các qui định trong Hợp Đồng.

### **ĐIỀU 3: HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG**

- 3.4. Hợp Đồng này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023.
- 3.5. Hợp Đồng này có thời hạn kể từ Ngày Hiệu Lực cho đến hết Ngày 31/12/2027 và sau đây gọi là “Thời Hạn Hợp Đồng”. Việc gia hạn Hợp Đồng sẽ được Hai Bên thống nhất vào thời điểm tháng chín năm 2027. Sau Thời Hạn Hợp Đồng hoặc Hợp Đồng bị chấm dứt sớm theo Điều 16.1 hoặc 16.2, các khoản bồi thường hoặc nợ giữa Hai Bên tồn tại hay phát sinh (nếu có) trong Thời Hạn Hợp Đồng sẽ vẫn còn hiệu lực và ràng buộc Hai Bên thực hiện.
- 3.6. Mặc dù Thời Hạn Hợp Đồng đã được thống nhất tại Điều 3.2, tuy nhiên Hai Bên đều hiểu rằng Thời Hạn Hợp Đồng hoàn toàn phụ thuộc vào thời hạn Hợp Đồng Cung Cấp Khí.

### **ĐIỀU 4: LƯỢNG KHÍ GIAO NHẬN**

- 4.4. Hai Bên sẽ cố gắng để giao nhận khí ở mức độ tối đa theo khả năng cung cấp và tiêu thụ thực tế trong Thời Hạn Hợp Đồng.
- 4.5. Trước Ngày 01/07 hàng năm, căn cứ vào khả năng cung cấp và tiếp nhận của mỗi Bên, Hai Bên sẽ thảo luận và xác định lượng Khí giao nhận chi tiết cho Năm tiếp theo như Biểu Đồ Giao Nhận Khí tại Phụ lục 2. Đối với Năm đầu Hợp đồng, Hai Bên sẽ thống nhất lượng Khí giao nhận trong vòng ba mươi (30) Ngày kể từ Ngày hiệu lực quy định tại điều 3.1 của Hợp Đồng và liệt kê chi tiết theo Biểu Đồ Giao Nhận Khí tại Phụ lục 2.
- 4.6. Để phục vụ công tác điều độ Khí của Bên Bán, Bên Mua có trách nhiệm thực hiện các điều sau:
  - 4.3.1. Chậm nhất vào lúc bảy giờ ba mươi (07h30) sáng, Bên Mua thông báo bằng Fax cho Bên Bán về lượng Khí sẽ tiếp nhận của Ngày tiếp theo nếu có thay đổi so với mức bình thường đã tính toán cho lượng Khí Tháng và có giải thích rõ nguyên nhân thay đổi.
  - 4.3.2 Vào Ngày thứ hai mươi (20) hàng Tháng (nếu ngày này trùng với Ngày lễ, Thứ Bảy hoặc Chủ nhật thì lấy Ngày Làm Việc gần nhất trước khi nghỉ để thực hiện), Bên Mua thông báo bằng Fax cho Bên Bán về lượng Khí sẽ tiếp nhận của Tháng tiếp theo; trong đó có giải thích rõ nguyên



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

nhân thay đổi (nếu có) lượng Khí so với lượng Khí Tháng trong Biểu Đồ Giao Nhận Khí tại Phụ lục 2.

### **ĐIỀU 5: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA KHÍ GIAO NHẬN**

- 5.3 Khí được Bên Bán giao cho Bên Mua tại Điểm Giao Nhận và đáp ứng các đặc tính kỹ thuật qui định tại Phụ lục 1 (Đặc Tính Kỹ Thuật). Trong trường hợp chất lượng Khí không đáp ứng Đặc Tính Kỹ Thuật, Bên Bán sẽ thông báo ngay cho Bên Mua về các thay đổi đó để Hai Bên cùng tìm biện pháp giải quyết; trong đó Bên Mua có quyền từ chối không nhận tiếp một phần hoặc toàn bộ lượng Khí không đảm bảo chất lượng đó kể từ thời điểm Bên Mua thông báo từ chối nhận khí.
- 5.4 Bên Bán có quyền giao cho Bên Mua theo Hợp Đồng lượng Khí được khai thác, cung cấp từ các Nguồn Khí khác nhau. Trong trường hợp có sự thay đổi, hòa trộn Khí từ các Nguồn Khí khác nhau này làm thay đổi đáng kể một số đặc tính kỹ thuật Khí, Bên Bán sẽ thông báo ngay cho Bên Mua để Bên Mua có thể nghiên cứu và tiến hành việc cân chỉnh Hệ Thống Thiết Bị của mình cho phù hợp. Khi Hai Bên cùng xác nhận việc thay đổi chất lượng khí nêu trên làm cho Bên Mua không thể cân chỉnh Hệ Thống Thiết Bị của mình cho phù hợp thì Hai Bên sẽ cùng tìm giải pháp khắc phục.

### **ĐIỀU 6: GIAO NHẬN KHÍ**

- 6.2. Quyền sở hữu và các rủi ro của Khí được giao nhận theo Hợp Đồng sẽ được chuyển giao từ Bên Bán sang Bên Mua tại Điểm Giao Nhận.
- 6.2. Trước chín (09) giờ sáng mỗi Ngày, Bên Mua cử Đại Diện đến trạm trung tâm phân phối khí Gò Dầu tại khu công nghiệp Mỹ Xuân A để Bên Bán giao cho Bên Mua bản in kết quả lượng Khí đã giao nhận của Ngày hôm trước được in ra từ máy vi tính vận hành của Hệ Thống Đo Đếm vào lúc không (0) giờ Ngày hôm đó. Sau khi xem xét kết quả lượng khí đã giao nhận của Ngày hôm trước, Đại Diện của Hai Bên sẽ ký kết Biên Bản Giao Nhận Ngày theo mẫu trong Phụ lục 4A để xác định lượng Khí thực tế đã giao nhận. Nếu sau chín giờ, Đại Diện của Bên Mua không có mặt thì Bên Mua không có quyền khiếu nại lượng khí được Bên Bán ghi trong Biên Bản Giao Nhận Khí Ngày hôm trước (ngoại trừ trường hợp sai số do thiết bị đo đếm được xác định là vượt quá mức cho phép).
- 6.5. Lập Biên Bản giao nhận tháng
- 6.5.1. Không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ ba (03) của Tháng, Bên Bán sẽ lập Biên Bản Giao Nhận Tháng của Tháng trước theo mẫu trong Phụ Lục 4B và gửi email cho Bên Mua để ghi nhận và xác định lượng Khí được Bên Bán giao cho Bên Mua trong tháng trước.
- Trong vòng một (01) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Bên Mua nhận được email Biên Bản Giao Nhận Tháng, nếu Bên Mua không đồng ý về lượng Khí giao nhận của bất kỳ Ngày nào và đề nghị một lượng Khí giao nhận khác thì Bên Mua phải phản hồi lại email, ghi rõ lý do không đồng ý.
- Sau khi Bên Mua xác nhận lượng Khí giao nhận trong Tháng bằng email, Bên Bán sẽ gửi bản gốc cho Bên Mua theo đường bưu điện, hoặc

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

fax, hoặc trao tay. Bên Mua tiến hành ký Biên Bản Giao Nhận tháng và chuyển phát nhanh về cho Bên Bán bản gốc để làm thủ tục thanh toán.

6.3.2 Lượng khí giao nhận Tháng được xác định bằng tổng lượng khí được ghi nhận theo các Biên Bản Giao Nhận Ngày.

6.6. Trong trường hợp một trong Hai Bên không đồng ý với lượng Khí Tháng đã giao nhận được tính toán, tổng hợp trên cơ sở các Biên Bản Giao Nhận Khí Ngày và đưa ra lượng Khí khác, chênh lệch giữa lượng Khí do một trong Hai Bên đưa ra và tổng lượng khí tính theo các Biên Bản Giao Nhận Khí Ngày trong Tháng đó được gọi là Lượng Khí Tranh Chấp. Khi có Tranh Chấp về lượng Khí xảy ra như trên, Hai Bên sẽ ghi nhận và xác định rõ trong Biên Bản Giao Nhận Tháng:

- (i) Tổng lượng Khí được ghi nhận theo Biên Bản Giao Nhận Khí Ngày.
- (ii) Lượng Khí Tranh Chấp.

Ngay sau khi ký Biên bản nói trên, Hai Bên sẽ cố gắng giải quyết và tính toán lại Lượng Khí Tranh Chấp trong thời gian sớm nhất. Nếu trong vòng sáu mươi (60) Ngày Hai Bên không thỏa thuận được về Lượng Khí Tranh Chấp này, Lượng Khí Tranh Chấp sẽ được giải quyết phù hợp với các qui định trong Điều 15.

### **ĐIỀU 7: ĐO ĐẾM KHÍ**

7.1. Lượng Khí giao nhận theo Hợp Đồng sẽ được ghi nhận và đo đếm dựa trên các thiết bị, dụng cụ đo đếm do Bên Bán đầu tư, vận hành, quản lý và bảo trì bằng chi phí của mình (Hệ Thống Đo Đếm). Hệ Thống Đo Đếm này sẽ được Bên Bán lắp đặt trước Điểm Giao Nhận.

7.2. Lượng Khí giao nhận hàng Ngày trong Thời Hạn Hợp Đồng tại Điểm Giao Nhận sẽ được ghi nhận theo Quy trình Đo Đếm và Cân Chỉnh qui định tại Phụ lục 5. Trong trường hợp Hệ Thống Đo Đếm không hoạt động chính xác, Bên Bán cần thực hiện các biện pháp đo đếm thay thế và/hoặc cân chỉnh Hệ Thống Đo Đếm như đã qui định cụ thể trong Quy trình Đo Đếm và Cân Chỉnh.

Lượng Khí đo đếm trong Hợp Đồng này theo Quy trình Đo Đếm và Cân Chỉnh được đo bằng MMBTU. Việc qui đổi từ M<sup>3</sup> ra MMBTU được tính toán trong điều kiện tiêu chuẩn (15<sup>0</sup>C; 1,01325 bar) và nhiệt trị trung bình của Khí.

### **ĐIỀU 8: GIÁ KHÍ**

Hai Bên sẽ thống nhất bằng Thỏa thuận bổ sung Hợp đồng.

### **ĐIỀU 9: LẬP HÓA ĐƠN VÀ THANH TOÁN**

9.1. Ngay sau khi Biên Bản Giao Nhận Tháng được ký kết theo Điều 6.3 và 6.4, Bên Bán lập hồ sơ thanh toán gửi cho Bên Mua gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) tính bằng Đồng Việt Nam (VND) cho tổng lượng Khí được ghi nhận theo các Biên Bản Giao Nhận Ngày và Lượng Khí Tranh Chấp (nếu lượng khí này do Bên Bán đưa ra). Hóa đơn ghi rõ Tổng lượng Khí tính bằng MMBTU, Đơn giá Khí (là mức giá quy định tại

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

Điều 8), tổng tiền Khí chưa có thuế VAT, thuế VAT, Tổng số tiền thanh toán bao gồm cả thuế VAT.

- Biên Bản Giao Nhận Tháng đã được xác nhận.

9.5 Các hóa đơn và giấy đề nghị thanh toán lập theo Điều 9.1 sẽ được Bên Bán chuyển cho Bên Mua bằng đường bưu điện hoặc trao tay và sẽ được đại diện của Bên Mua ký nhận trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, số lượng của các chứng từ nhận (Nếu là trao tay). Trong vòng hai mươi bốn (24) tiếng đồng hồ kể từ khi nhận được bản gốc hoá đơn và giấy báo thanh toán của Bên Bán (Nếu gửi bằng đường bưu điện), Bên Mua sẽ thông báo cho Bên Bán đã nhận được các chứng từ nêu trên.

Khi nhận được bản gốc hóa đơn của Bên Bán, Bên Mua phải kiểm tra lại các nội dung ghi trên hóa đơn. Nếu phát hiện có sai sót thì Bên Mua sẽ thông báo ngay cho Bên Bán và Hai Bên thống nhất điều chỉnh theo pháp luật hiện hành.

9.6 Căn cứ vào các hóa đơn do Bên Bán lập, Bên Mua sẽ thanh toán cho Bên Bán tiền mua khí hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản không chậm hơn so với ngày đáo hạn thanh toán.

Nếu đến Ngày đáo hạn thanh toán, Bên Bán chưa nhận được chuyển khoản từ Bên Mua thanh toán, Bên Mua phải trả cho Bên Bán một khoản tiền được tính như sau:

• Chậm thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ Ngày đáo hạn thanh toán:

$$\text{Số tiền phải trả} = \text{Số tiền chậm trả} + \text{Số tiền chậm trả} \times \frac{\text{Lãi suất}^{(*)}}{360 \text{ ngày}^{(**)}} \times \text{Số ngày chậm trả}$$

• Chậm thanh toán vượt quá 10 ngày so với Ngày đáo hạn thanh toán:

$$\text{Số tiền phải trả} = \text{Số tiền chậm trả} + \text{Số tiền chậm trả} \times \frac{\text{Lãi suất}^{(*)}}{360 \text{ ngày}^{(**)}} \times \text{Số ngày chậm trả} + 2\% \times \text{Số tiền chậm trả}$$

(\*) Lãi suất áp dụng cho việc tính toán trong hợp đồng này là lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn một tháng, áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp do ngân hàng Ngoại thương, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm thanh toán.

(\*\*) Số ngày cơ sở tính lãi là 360 ngày (ngân hàng Ngoại thương niêm yết).

9.7 Nếu Hai Bên có Tranh Chấp về lượng Khí giao nhận và sau khi Tranh Chấp được giải quyết theo Điều 15, lượng khí tranh chấp sẽ được giải quyết như sau:

- Nếu kết quả giải quyết Tranh Chấp cho thấy tổng số tiền Bên Bán thực sự được hưởng (không tính số tiền phạt chậm trả) nhỏ hơn tổng số tiền Bên Mua đã thanh toán, thì trong vòng mười lăm (15) Ngày kể từ Ngày Tranh Chấp được giải quyết, Bên Bán sẽ hoàn lại cho Bên Mua khoản chênh lệch giữa hai số tiền nói trên cộng với tiền lãi của số tiền chênh lệch đó phát sinh trong thời gian kể từ khi Bên Mua thanh toán cho Bên Bán tại Điều 9.2 đến khi Bên Bán hoàn trả lại.

- Nếu kết quả giải quyết Tranh Chấp cho thấy tổng số tiền Bên Bán thực sự được hưởng (không tính số tiền phạt chậm trả) lớn hơn tổng số tiền Bên



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

Mua đã thanh toán, thì trong vòng mười lăm (15) Ngày kể từ Ngày Tranh Chấp được giải quyết, Bên Mua sẽ thanh toán cho Bên Bán khoản chênh lệch giữa hai số tiền nói trên cộng với tiền lãi của số tiền chênh lệch đó phát sinh trong thời gian từ ngày Đáo Hạn Thanh Toán đến Ngày Bên Mua thanh toán tiếp khoản tiền chênh lệch này.

### **ĐIỀU 10: BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, THAY THẾ VÀ CÂN CHỈNH THIẾT BỊ**

- 10.1. Trước Ngày 01 tháng 07 hàng năm, Hai Bên sẽ tiến hành thảo luận và thống nhất Kế Hoạch Bảo Dưỡng cho năm tiếp theo như mẫu quy định tại Phụ lục 3. Tất cả các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế và cân chỉnh thiết bị (Các Hoạt Động Bảo Dưỡng) liên quan đến giao nhận Khí sẽ được các Bên tiến hành phù hợp với Kế Hoạch Bảo Dưỡng tại Phụ lục 3. Kế hoạch này có thể được mỗi Bên điều chỉnh bằng thông báo kịp thời ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước khi thực hiện với điều kiện được phía Bên kia chấp thuận.
- 10.2. Đối với Các Hoạt Động Bảo Dưỡng đột xuất do sự cố, không nằm trong Kế Hoạch Bảo Dưỡng, Bên tiến hành Các hoạt Động Bảo Dưỡng đột xuất phải thông báo ngay bằng điện thoại, fax và sau đó bằng văn bản cho Bên kia, ghi rõ lý do (chủ quan và/hoặc khách quan), thời gian và những thay đổi lượng Khí giao nhận theo Hợp Đồng cần thiết để tiến hành Các hoạt Động Bảo Dưỡng này. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi nhận được thông báo của Bên thông báo, Bên nhận thông báo sẽ trả lời xác nhận hoặc thỏa thuận lại với Bên thông báo về thời gian và lượng Khí thay đổi cho Các hoạt Động Bảo Dưỡng đột xuất này.
- 10.3. Kế Hoạch Bảo Dưỡng các Hệ Thống Thiết Bị của Bên Bán sẽ bao gồm Các hoạt Động Bảo Dưỡng các Hệ Thống Thiết Bị của Các Nhà Cung cấp Khí. Khi lên Kế Hoạch Bảo Dưỡng cho Hệ Thống Thiết Bị của Bên Mua, Bên Mua sẽ cố gắng tập trung Các hoạt Động Bảo Dưỡng vào Mùa Khô và bám sát theo tiến độ Các Hoạt Động Bảo Dưỡng của Bên Bán nhằm giảm thiểu tối đa thời gian ngừng giao nhận Khí.

### **ĐIỀU 11: CHẠY THỬ**

- 11.1. Khi Bên Mua tiến hành chạy thử thiết bị của mình thì Bên Mua phải thông báo cho Bên Bán kế hoạch chạy thử trong đó chỉ rõ thời điểm, khoảng thời gian tiến hành chạy thử, yêu cầu về khối lượng và chất lượng Khí để Bên Bán hiệu chỉnh lại chính xác và phù hợp. Các thông tin chính xác cho giai đoạn chạy thử của Bên Mua sẽ được Bên Mua thông báo bằng văn bản cho Bên Bán ít nhất bảy (07) Ngày trước khi thực hiện. Trong vòng hai (02) Ngày sau khi nhận được thông báo, Bên Bán sẽ cùng Bên Mua thống nhất kế hoạch phối hợp và điều chỉnh kế hoạch giao nhận Khí cho phù hợp.
- 11.2. Toàn bộ lượng Khí được Bên Bán giao cho Bên Mua để Bên Mua thực hiện công tác chạy thử các thiết bị của mình phải được Bên Mua thanh toán cho Bên Bán theo đơn giá khí tại Điều 8 của Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 12: VẬN HÀNH VÀ PHỐI HỢP**

- 12.1. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Hai Bên sẽ thường xuyên liên lạc để bảo đảm việc vận hành Hệ Thống Thiết Bị của Hai Bên được phối hợp chặt chẽ.

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

Hai Bên sẽ sử dụng các biện pháp cần thiết và đảm bảo tuân thủ Quy trình phối hợp vận hành tại Phụ lục 6 để bảo đảm việc vận hành an toàn và ổn định các Hệ Thống Thiết Bị của nhau.

- 12.2. Trong trường hợp có sự cố ảnh hưởng tới việc giao nhận Khí, Bên có sự cố phải thông báo ngay cho Bên kia bằng điện thoại và fax, sau đó trong vòng hai (02) Ngày phải có văn bản giải thích và nêu rõ thời điểm giao nhận Khí lại. Ngay sau khi nhận được văn bản giải thích của Bên có sự cố, Hai Bên sẽ cùng phối hợp để thống nhất các biện pháp khắc phục và điều chỉnh kế hoạch giao nhận Khí.

### **ĐIỀU 13: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

#### 13.2 Trách nhiệm của Bên Bán:

- Giao Khí cho Bên Mua theo khối lượng và chất lượng như qui định trong Hợp Đồng.
- Cử Đại Diện/Đại Diện Có Thẩm Quyền để ký các Biên Bản Giao Nhận Ngày, Biên Bản Giao Nhận Tháng và các hồ sơ liên quan tới việc giao nhận Khí.
- Lập Hoá đơn thanh toán gửi cho Bên Mua theo quy định tại Điều 9.
- Mua bảo hiểm trách nhiệm về người và tài sản đối với bên thứ 3.
- Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phần Đường Ống của Bên Mua trước hệ thống đo đếm và bảo vệ an ninh phần Đường ống của Bên Mua nằm ngoài hàng rào Nhà máy của Bên Mua.

#### 13.3 Trách nhiệm của Bên Mua:

- Tiếp nhận Khí đúng thời hạn và khối lượng như quy định trong Hợp Đồng.
- Cử Đại Diện/Đại Diện Có Thẩm Quyền để ký các Biên Bản Giao Nhận Ngày, Biên Bản Giao Nhận Tháng và các hồ sơ liên quan tới việc giao nhận Khí.
- Thanh toán cho Bên Bán đầy đủ, đúng thời hạn như qui định tại Điều 9.
- Mua bảo hiểm trách nhiệm về người và tài sản đối với bên thứ 3 với mức giới hạn trách nhiệm là 02 triệu USD.
- Sử dụng khí đúng mục đích cho các ngành nghề đã đăng ký tại giấy phép đầu tư / Giấy phép kinh doanh.
- Tuyệt đối không được cung cấp khí thấp áp cho bên thứ ba với bất kỳ hình thức nào.
- Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phần Đường Ống của Bên Mua sau Điểm Giao Nhận và bảo vệ an ninh phần Đường ống nằm trong hàng rào Nhà máy của Bên Mua.

## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

### **ĐIỀU 14:    **BẤT KHẢ KHÁNG****

14.1. Trong các trường hợp nếu một trong Hai Bên không thực hiện được trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này do những nguyên nhân khách quan ngoài sự kiểm soát của mình (được gọi là Bất Khả Kháng) bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:

- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, bệnh dịch;
- Các sự cố làm ảnh hưởng đến việc khai thác, chế biến Khí và lịch lắp đặt, chạy thử của Các Nhà Cung Cấp Khí;
- Các hợp đồng giữa Bên Bán với các Nhà Cung Cấp Khí bị chấm dứt;
- Các sự cố khách quan xảy ra với Hệ Thống Thiết Bị của Bên Bán mà không phải do sự bất cẩn của Bên Bán;
- Các sự cố khách quan xảy ra với Hệ Thống Thiết Bị của Bên Mua mà không phải do sự bất cẩn của Bên Mua;
- Sự thay đổi chủ trương của Nhà nước;

thì Bên đó được miễn trách nhiệm bồi thường cho Bên kia các tổn thất gây ra bởi Bất Khả Kháng và được tạm hoãn trách nhiệm thực hiện Hợp Đồng trừ trách nhiệm thanh toán như qui định trong Điều 9 cho đến khi kết thúc Bất Khả Kháng.

14.5 Bên bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng có trách nhiệm:

- Ngay lập tức thông báo bằng điện thoại và sau đó sớm nhất nhưng không muộn hơn bốn mươi tám (48) giờ phải gửi thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên kia hoàn cảnh xảy ra và tính chất của Bất Khả Kháng; những biện pháp khẩn cấp đã thực hiện để hạn chế tác hại của Bất Khả Kháng.
- Trong vòng mười lăm (15) Ngày sau khi xảy ra Bất Khả Kháng gửi cho Bên kia báo cáo chi tiết về hoàn cảnh, sự kiện xảy ra Bất Khả Kháng, mức độ thiệt hại do nó gây ra, biện pháp và thời gian dự kiến cần thiết cho việc xử lý và khắc phục các hậu quả;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên kia kiểm tra hiện trường xảy ra Bất Khả Kháng;
- Ngay lập tức tiếp tục thực hiện trách nhiệm Hợp Đồng khi Bất Khả Kháng kết thúc.

14.6 Bên bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng sẽ không có quyền yêu cầu được miễn, giảm trách nhiệm Hợp Đồng nếu chậm trễ hoặc không tuân thủ các qui định tại Điều 14.2.

14.7 Nếu Bất Khả Kháng cứ tiếp diễn hoặc có khả năng tiếp diễn, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho Bên kia biết trong một thời gian hợp lý sớm nhất và lập kế hoạch để khắc phục sự cố để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo quy định.



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN

### **ĐIỀU 15: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 15.6. Hai Bên sẽ cố gắng nỗ lực và trên tinh thần thiện chí để cùng nhau giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, vi phạm (gọi chung là Tranh Chấp) xảy ra giữa Hai Bên trong quá trình thực hiện Hợp Đồng (bao gồm cả Lượng Khí Tranh Chấp).
- 15.7. Nếu trong vòng sáu mươi (60) Ngày kể từ Ngày xảy ra Tranh Chấp, Hai Bên không thể giải quyết được Tranh Chấp, Tranh Chấp đó sẽ được đưa lên Toà án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh giải quyết.
- 15.8. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các Bên vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán của mình theo quy định tại Điều 9.
- 15.9. Phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng có giá trị ràng buộc các Bên. Chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do Toà án quyết định.
- 15.10. Luật áp dụng cho giải quyết các Tranh Chấp là Luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

### **ĐIỀU 16: CHẤM DỨT VÀ GIA HẠN HỢP ĐỒNG**

- 16.1. Bên Bán có quyền chấm dứt sớm Hợp Đồng trong các trường hợp sau:
  - (iv) Bên Mua chậm thanh toán cho Bên Bán quá sáu mươi (60) Ngày kể từ Ngày nhận được hoá đơn và giấy yêu cầu thanh toán của Bên Bán theo qui định trong Điều 9.
  - (v) Nếu quá sáu mươi (60) Ngày liên tục không phải vì các lý do Bất Khả Kháng mà Bên Mua không nhận Khí được Bên Bán sẵn sàng giao theo đúng qui định trong Hợp Đồng.

Trong trường hợp Bên Bán chấm dứt Hợp Đồng sớm theo các qui định trong Điều 16.1.(i) và 16.1.(ii), Bên Bán sẽ có thông báo chấm dứt Hợp Đồng sớm bằng văn bản nêu rõ lý do chấm dứt Hợp Đồng sớm và Ngày Chấm Dứt Hợp Đồng sẽ là Ngày thứ mười lăm (15) kể từ Ngày Bên Bán gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Mua.

- (vi) Chấm dứt Hợp Đồng và dừng cấp khí ngay lập tức nếu Bên Mua sử dụng khí sai mục đích quy định tại Điều 13.2.

Việc Bên Bán chấm dứt sớm Hợp Đồng như qui định tại Điều 16.1 này không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán của cả Hai Bên đối với những khoản phải trả phát sinh trước thời điểm chấm dứt sớm Hợp Đồng.

- 16.6. Bên Mua có quyền chấm dứt sớm Hợp Đồng trong trường hợp quá một trăm tám mươi (180) Ngày liên tục không phải vì các lý do Bất Khả Kháng mà Bên Bán không giao Khí cho Bên Mua trong khi Bên Mua đã sẵn sàng nhận Khí theo đúng quy định trong Hợp Đồng.

Trong trường hợp Bên Mua chấm dứt Hợp Đồng sớm theo các qui định trong Điều 16.2 này, Bên Mua sẽ có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do chấm dứt Hợp Đồng sớm và Ngày Chấm Dứt Hợp Đồng sẽ là Ngày thứ mười lăm (15) kể từ Ngày Bên Mua gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Bán.

## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

- 16.7. Việc Bên Mua chấm dứt sớm Hợp Đồng như qui định tại Điều 16.2 này không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán của cả hai Bên đối với những khoản phải trả phát sinh trước thời điểm chấm dứt sớm Hợp Đồng. Nếu Bất Khả Kháng kéo dài hơn sáu (06) Tháng kể từ ngày đầu tiên Bất Khả Kháng đó xảy ra, mỗi Bên có quyền chấm dứt Hợp Đồng mà không phải trả bất kỳ một khoản chi phí hay tiền phạt nào trừ các khoản nợ phát sinh trước khi xảy ra bất khả kháng.
- 16.8. Trong vòng sáu mươi (60) Ngày trước khi kết thúc Thời Hạn Hợp Đồng này, Hai Bên sẽ thỏa thuận thống nhất để xem xét khả năng gia hạn tiếp Thời Hạn Hợp Đồng này.
- 16.9. Việc tiếp tục gia hạn hay không gia hạn Hợp Đồng này theo Điều 16.4 sẽ không làm ảnh hưởng, thay đổi, miễn trừ các quyền lợi, trách nhiệm và sự bồi thường... đã xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này của Hai Bên.

### **ĐIỀU 17: BẢO MẬT**

Các Bên đều không được phép nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia tiết lộ cho bên thứ ba mọi bí mật thương mại, kỹ thuật, hiểu biết hoặc các thông tin liên quan đến Hợp Đồng này trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng và kể cả sau khi chấm dứt Hợp Đồng.

### **ĐIỀU 18: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

#### **18.1. Đại Diện Có Thẩm Quyền**

Hai Bên có quyền và nghĩa vụ chỉ định một hoặc nhiều người (Đại Diện Có Thẩm Quyền) thay mặt cho Bên đó thực hiện một hay nhiều trách nhiệm được quy định trong Hợp Đồng.

- (iii) Việc ủy quyền này phải được lập bằng văn bản do người đứng đầu của Bên ủy quyền ký và chuyển cho Bên kia trước ít nhất mười bốn (14) Ngày kể từ khi văn bản ủy quyền có hiệu lực, trong đó ghi rõ tên, chức vụ người được ủy quyền, thời hạn và phạm vi ủy quyền, trách nhiệm cụ thể của người được ủy quyền;
- (iv) Mọi quyết định của Đại Diện Có Thẩm Quyền được xem là Quyết định của Bên đã chỉ định ra Đại Diện Có Thẩm Quyền đó.

- 18.9. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Hai Bên sẽ thỏa thuận để thay đổi, bổ sung các điều khoản, điều kiện, giá cả và Phụ lục của Hợp Đồng này cho phù hợp với điều kiện thực tế và các hợp đồng mua bán Khí giữa Bên Bán với các Nhà Cung Cấp Khí. Bất kỳ sự thay đổi, bổ sung của Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi chúng được lập bằng văn bản và có chữ ký của Hai Bên. Việc không chấp thuận thay đổi, bổ sung hợp lý của một Bên sẽ được Bên kia xem xét để chấm dứt Hợp Đồng.
- 18.10. Trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng, Hợp Đồng này sẽ thay thế tất cả các văn bản, thỏa thuận, cam kết trước đây giữa Bên Bán và Bên Mua liên quan đến việc mua bán Khí.

## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ TỰ NHIÊN**

- 18.11. Bất kỳ một sự chuyển giao một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm và/hoặc quyền lợi của mỗi Bên theo Hợp Đồng này cho Bên thứ ba đều phải được sự chấp nhận của Bên kia bằng văn bản. Nếu được chấp nhận, Bên thứ ba (bên được chuyển giao) có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản Hợp Đồng và thay thế từng phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ và/hoặc quyền lợi ghi trong Hợp Đồng.
- 18.12. Quy định chung đối với đường ống và trạm phân phối Khí của Bên Bán đặt trên khu đất trong hàng rào thuộc quyền sử dụng của Bên Mua:
- 18.5.7. Bên Mua cho Bên Bán sử dụng cố định và miễn phí trong suốt thời hạn Hợp Đồng khu đất đã đặt đường ống và trạm phân phối Khí của Bên Bán.
  - 18.5.8. Bên Mua cấp điện liên tục và miễn phí để phục vụ hoạt động và chiếu sáng cho trạm phân phối Khí nêu trên.
  - 18.5.9. Bên Mua giúp Bên Bán bảo vệ phần đường ống và trạm phân phối khí của Bên Bán nằm trong hàng rào của Bên Mua, thông báo kịp thời cho Bên Bán nếu phát hiện hư hỏng, rò rỉ khí và bất cứ trường hợp nào khác được cho là không đảm bảo hoạt động an toàn của đường ống và trạm phân phối Khí, huy động mọi tiềm lực sẵn có để phối hợp với Bên Bán trong quá trình xử lý, khắc phục sự cố.
  - 18.5.10. Bên Mua có trách nhiệm cấp thẻ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người của Bên Bán ra vào trạm phân phối Khí nêu trên thường xuyên và vào bất kỳ thời điểm nào để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và xử lý mọi công việc có liên quan; Người của Bên Bán khi ra vào trạm phân phối khí nêu trên phải tuân thủ theo các quy định của Bên Mua.
  - 18.5.11. Bên Bán có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản phần đường ống và trạm phân phối khí của mình nằm trong hàng rào của Bên Mua.
  - 18.5.12. Đường ống và trạm phân phối Khí nêu trên là tài sản thuộc sở hữu của Bên Bán và Bên Bán có quyền tháo dỡ, thu hồi trong trường hợp chấm dứt hợp đồng.
- 18.13. Quy định đối với hệ thống tiếp nhận khí của Bên mua: Bên Mua có trách nhiệm đầu tư phần Đường ống nối từ Tie-in đến trạm cung cấp khí và hệ thống tiếp nhận khí sau điểm giao nhận khí theo đúng tiêu chuẩn của ngành khí và phải có giấy phép phòng cháy chữa cháy, giấy phép sử dụng thiết bị áp lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đưa vào sử dụng.
- 18.14. Những vấn đề còn lại không đề cập tại Hợp Đồng này sẽ được Hai Bên thực hiện theo Luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 18.15. Hợp Đồng này được lập thành bốn (04) bản gốc, mỗi Bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau.

**BÊN BÁN**

**BÊN MUA**



## PHỤ LỤC 1

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT KHÍ

Điểm sương nước (Water Dewpoint)	Không lớn hơn 5°C tại áp suất 45 barg
Điểm sương Hydrocarbon (Hydrocarbon Dewpoint)	Không lớn hơn 5°C
Nhiệt trị toàn phần (GHV)	Không nhỏ hơn 37MJ/M <sup>3</sup> Tiêu chuẩn Không lớn hơn 47MJ/M <sup>3</sup> Tiêu chuẩn
Nhiệt độ	Trên nhiệt độ điểm sương Hydrocarbon và không lớn hơn 60°C
Tổng Lưu Huỳnh	Không lớn hơn 36 phần triệu theo thể tích
Hydro Sulfua (H <sub>2</sub> S)	Không lớn hơn 24 phần triệu theo thể tích
Ôxy (O <sub>2</sub> )	Không lớn hơn 7,5 phần triệu theo thể tích
Dioxyt Carbon và Nitơ (CO <sub>2</sub> và N <sub>2</sub> )	Không lớn hơn 6,6% mol
Cỡ hạt	Loại bỏ được 99,95% cỡ hạt có kích thước lớn hơn 10 (micron)

*(Hết Phụ lục 1)*

**PHỤ LỤC 2**  
**BIỂU ĐỒ GIAO NHẬN KHÍ**  
**Năm 20....**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm
<b>Lượng Khí giao nhận (10<sup>6</sup> SM<sup>3</sup>)</b>													
<b>Lượng Khí giao nhận tương đương (10<sup>3</sup> MMBTU)</b>													

Ghi chú: Các số liệu trên đây có thể được Hai Bên điều chỉnh lại trong thời gian thực hiện Hợp Đồng.

*(Hết Phụ lục 2)*

**PHỤ LỤC 3**  
**KẾ HOẠCH BẢO DƯỠNG**

Stt	Hạng mục	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Số ngày dự kiến
<b><u>Lắp đặt</u></b>														
1.	Bên Mua:													
2.	Bên Bán:													
3.	Các nhà cung cấp Khí:													
<b><u>Chạy thử</u></b>														
1.	Bên Mua:													
2.	Bên Bán:													
3.	Các nhà cung cấp Khí:													
<b><u>Bảo dưỡng/sửa chữa</u></b>														
1.	Bên Mua:													
2.	Bên Bán:													
3.	Các nhà cung cấp Khí:													

Ghi chú: Thời gian cụ thể sẽ được chính xác hóa trong quá trình thực hiện.

(Hết Phụ lục 3)



**PHỤ LỤC 4A**  
**BIÊN BẢN GIAO NHẬN NGÀY**  
**(Giữa Bên Bán và Bên Mua)**

Thời gian ghi nhận: \_\_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm

Địa điểm:

D. Thành phần tham dự:

II. Đại diện Bên Bán:

3. ....

4. ....

II. Đại diện Bên Mua:

3. ....

4. ....

E. Lượng Khí giao nhận:

Hai Bên cùng nhau thống nhất ghi nhận chỉ số Khí giao nhận tại Điểm Giao Nhận như sau:

4. Chỉ số lúc 0 giờ ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_

– .....SM<sup>3</sup>

– .....Triệu BTU

5. Chỉ số lúc 0 giờ ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_

– .....SM<sup>3</sup>

– .....Triệu BTU

6. Lượng Khí giao nhận Ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_ là:

– .....SM<sup>3</sup>

– .....Triệu BTU.

F. Kiến nghị của các Bên:.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi Bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

*(Hết Phụ lục 4A)*

**PHỤ LỤC 4B**  
**MẪU BIÊN BẢN GIAO NHẬN THÁNG**  
**(Giữa Bên Bán và Bên Mua)**

Thời gian ký biên bản:		Biên bản số:	
Địa điểm ký biên bản:		Tháng:	
<b>THÀNH PHẦN THAM GIA</b>			
Đại diện Bên Bán		Đại diện Bên Mua	
1		1	
2		2	
3		3	

<b>LƯỢNG KHÍ GIAO NHẬN THÁNG</b>			
Bắt đầu từ: __ h __ ngày __ / __ / 20__ đến __ h __ ngày __ / __ / 20__			
		SM <sup>3</sup>	MMBTU
(1)	Tổng lượng Khí giao nhận Tháng (được ghi nhận theo Biên Bản Giao Nhận Ngày)		
(2)	Lượng Khí tranh chấp (nếu có)		

Lý do tranh chấp: .....

– Ý kiến Bên Bán: .....

– Ý kiến Bên Mua: .....

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

*(Hết Phụ lục 4B)*

**PHỤ LỤC 5**  
**QUY TRÌNH ĐO ĐẾM VÀ CÂN CHỈNH**

7. Hai Bên thống nhất lượng Khí giao nhận hàng Ngày tại Điểm Giao Nhận sẽ được xác định bằng Hệ Thống Đo Đếm do Bên Bán đầu tư và vận hành và được đo bằng MMBTU tính đến ít nhất là hai (02) số thập phân ở điều kiện tiêu chuẩn (150C; 1,01325 bar) và được xác định dựa trên số hiển thị trên màn hình của máy vi tính (có bản in kèm theo) của Hệ Thống Đo Đếm. Hệ Thống Đo Đếm của Bên Bán phải có chứng chỉ kiểm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và còn giá trị hiệu lực.
8. Nếu máy in của Hệ Thống Đo Đếm không thể in ra được kết quả, Bên Bán sẽ thông báo cho Bên Mua để Bên Mua cử đại diện sang ghi nhận lượng Khí được hiển thị trên màn hình máy tính (bảng Flow Computer Summary) hoặc trong bảng báo cáo được lấy ra từ máy tính đo lưu lượng đặt tại trạm khí trong hàng rào nhà máy Bên Mua.
9. Trường hợp Hệ thống phân tích sắc ký khí (GC) bị lỗi và đường truyền tín hiệu hoạt động bình thường hoặc chỉ bị gián đoạn trong thời gian ngắn (<24h) thì lượng khí giao nhận với khách hàng được tính như sau:
  - (i) Phương án tính toán khí giao nhận của ngày hôm đó được xác định theo kết quả tính toán tự động của Flow computer (FC). Trong trường hợp chức năng “last good value” của FC đó không hoạt động thì áp dụng theo phương án 3.(ii).
  - (ii) Kể từ ngày thứ hai của sự cố (hoặc trong ngày thứ nhất chức năng “last good value” của FC hoạt động không tốt), sử dụng chức năng Keypad của hệ thống DCS để cập nhật giá trị thành phần khí đến các FC. Trong đó, giá trị thành phần khí được lấy từ kết quả thành phần khí theo thứ tự ưu tiên: GC đồng hồ tổng (thuộc hệ thống đo BH-Crossover), GC đạm, GC Gò Dầu.
10. Nếu Hệ thống đo đếm không cập nhật được tín hiệu thành phần khí từ hệ thống phân tích sắc ký khí do đường truyền tín hiệu bị lỗi hoặc GC hoạt động không chính xác hoặc các thiết bị đo đơn lẻ (PT, TT, FT) hoạt động không chính xác hoặc hệ thống đo đếm chưa hoàn thiện theo thiết kế, sử dụng công thức sau đây để làm cơ sở thỏa thuận tính toán khí giao nhận với bên Mua :

$$Q = 947,817 \times 10^{-6} \times GHV \times V_1 \times \frac{Z_0 \times P_1 \times T_0}{Z_1 \times P_0 \times T_1}$$

Trong đó:

**Q:** Nhiệt lượng tính theo nhiệt trị bằng đơn vị MMBTU.

**947,817 x 10<sup>-6</sup>:** Hệ số chuyển đổi từ MJ sang MMBTU (1MJ = 947,817 \* 10<sup>-6</sup> MMBTU).

**GHV:** Nhiệt trị của khí xác định theo GC của PV Gas (MJ/Sm<sup>3</sup>).

**V<sub>1</sub>:** Thể tích khí tiêu thụ trong ngày (m<sup>3</sup>) tại điều kiện nhiệt độ, áp suất vận hành.

**Z<sub>0</sub>:** Hệ số nén của khí tại điều kiện tiêu chuẩn xác định theo số liệu thành phần khí từ các report của GC.

**Z<sub>1</sub>:** Hệ số nén của khí tại điều kiện áp suất, nhiệt độ vận hành.

**P<sub>0</sub>:** Áp suất tại điều kiện tiêu chuẩn là 1,01325 bar.



$P_1$  : Áp suất vận hành trung bình ngày (bar) được quy đổi về điều kiện tiêu chuẩn.

$T_0$  : Nhiệt độ tại điều kiện tiêu chuẩn là 288,15<sup>0</sup>K (tương đương 15<sup>0</sup>C).

$T_1$  : Nhiệt độ vận hành trung bình được quy đổi ra độ Kelvin.

**Ghi chú:**

- Quy đổi nhiệt độ:  $^0K = ^0C + 273,15$
- Quy đổi áp suất:

$$\frac{\text{Áp suất tại điều kiện tiêu chuẩn (bar)}}{\text{Áp suất tại điều kiện vận hành (bar)}} = \frac{\text{Áp suất tại điều kiện vận hành (bar)}}{\text{Áp suất tại điều kiện tiêu chuẩn (bar)}} + 1,01325$$

11. Trong trường hợp toàn bộ Hệ Thống Đo Đếm không hoạt động, Hai Bên thống nhất xác định lượng Khí giao nhận vào thời điểm lập biên bản bằng một trong các biện pháp theo thứ tự ưu tiên sau đây:

(iii) Dựa trên hệ thống đo đếm khác của Bên Mua (nếu có) với điều kiện phải có chứng chỉ kiểm định đang còn hiệu lực. Trong trường hợp Bên Mua lắp đặt hệ thống đo đếm khác, Bên Mua có trách nhiệm tạo điều kiện cho Bên Bán truy cập vào hệ thống đo đếm của Bên Mua khi cần thiết và cung cấp cho Bên Bán chứng chỉ kiểm định do một công ty kiểm định có thẩm quyền chứng nhận hệ thống đo đếm của Bên Mua.

(iv) Trong trường hợp không áp dụng được các cách đã nêu ở trên, Hai Bên sẽ bàn bạc thống nhất hình thức xác định lượng Khí giao nhận phù hợp với điều kiện cụ thể.

12. Nếu, tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn Hợp đồng, Bên nào có khiếu nại về độ chính xác của Hệ Thống Đo Đếm ("Thời điểm khiếu nại"), bên đó có quyền mời cơ quan chức năng có thẩm quyền của Việt Nam kiểm định lại Hệ Thống Đo Đếm trong thời gian sớm nhất. Trong trường hợp kết quả kiểm định cho thấy Hệ Thống Đo Đếm có sai số quá giới hạn cho phép, Hệ Thống Đo Đếm sẽ được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam kiểm định căn chỉnh lại ("Thời điểm phục hồi").

Nếu kết quả kiểm định cho thấy sai số của Hệ Thống Đo Đếm không vượt quá giới hạn cho phép, toàn bộ chi phí cho việc kiểm định sẽ do Bên khiếu nại chịu. Ngược lại, nếu kết quả cho thấy sai số của Hệ Thống Đo Đếm vượt quá giới hạn cho phép, chi phí kiểm định và căn chỉnh sẽ do Bên bị khiếu nại chịu và trong trường hợp đó các lượng Khí được ghi nhận từ "Thời điểm khiếu nại" đến "Thời điểm phục hồi" tại Hệ Thống Đo Đếm sẽ được hiệu chỉnh lại theo kết quả kiểm định và Hai Bên sẽ thanh toán, bồi hoàn lại cho nhau số tiền tương ứng với sự khác nhau về lượng Khí tự nhiên đã được ghi nhận kể từ "Thời điểm khiếu nại" đến "Thời điểm phục hồi".

*(Hết Phụ lục 5)*

## PHỤ LỤC 6

### PHỐI HỢP VẬN HÀNH

Để phối hợp vận hành tốt Hệ thống phân phối khí thấp áp đảm bảo cung cấp khí ổn định cho tất cả khách hàng sử dụng Khí, Bên Bán sẽ soạn thảo một Quy trình chung áp dụng cho toàn bộ hệ thống. Trong khuôn khổ của Hợp Đồng này Hai Bên cần tuân thủ các nguyên tắc chính sau đây:

6. Hai Bên sẽ thông báo cho nhau danh sách các chức danh có thẩm quyền trong phối hợp vận hành hệ thống.
7. Trong trường hợp có sự cố xảy ra trên hệ thống phân phối khí thấp áp hoặc/và hệ thống của Bên Mua, Hai Bên cần khẩn cấp thông báo cho nhau để cùng phối hợp xử lý.
8. Hai Bên đảm bảo công tác an toàn phòng cháy chữa cháy cho hệ thống thiết bị của mình và sẵn sàng hỗ trợ Bên kia nếu được yêu cầu.
9. Các kênh thông tin liên lạc giữa Bên Mua, các Trạm Phú Mỹ, Gò Dầu và phòng kỹ thuật của Bên Bán phải thông suốt 24/24 giờ.
10. Mỗi Bên phải tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Bên kia tiếp cận thiết bị của mình và cập nhật các thông tin về kỹ thuật, an toàn cần thiết vì lợi ích chung của Hai Bên.

*(Hết phụ lục 6)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (FOB XE BỒN)**

**Số: /KDK-KMN/B2**

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng số 87/2018/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/08/2018;

Căn cứ biên bản họp số ...;

Hôm nay, ngày tháng năm , HAI BÊN gồm:

**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN -  
CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ**

(Sau đây được gọi là “BÊN BÁN”)

Địa chỉ : Lầu 11, PVGAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : 028.37840220  
Fax : 028.37840215  
Tài khoản tiền Việt : 0721005161653  
Ngân hàng : Ngoại thương Việt Nam – CN. Kỳ Đồng TP.HCM  
Mã số thuế : 3500102710-023  
Đại diện bởi : Ông Hoàng Việt Dũng  
(theo Ủy quyền số .... /UQ-KDK ngày ... /06/2021)  
Chức vụ : Phó Giám đốc

**Và:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

(Sau đây được gọi là “BÊN MUA”)

Địa chỉ : 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TPHCM  
Điện thoại : 028.3 9100 325  
Fax : 028.3 9100 097/3 9100 326  
Tài khoản tiền Việt : 072.100.8888888  
Ngân hàng : TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN Kỳ Đồng, TPHCM  
Mã số thuế : 0 3 0 5 0 9 7 2 3 6  
Đại diện bởi Bà : Ông Trần Anh Dũng  
Chức vụ : Phó Tổng giám đốc  
Giấy ủy quyền : 13/UQ-KMN ký ngày 12/04/2021

BÊN BÁN và BÊN MUA sau đây được gọi chung là “Các Bên”, “Hai Bên”, hoặc gọi riêng là “Mỗi Bên” hoặc “Một Bên”.



Các bên Thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán Khí dầu mỏ hóa lỏng này (sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) với Điều khoản, Điều kiện được quy định dưới đây:

## **ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

- HÀNG: Là hỗn hợp của Propane và Butane có nguồn gốc Nhập khẩu hoặc tương đương (sau đây được gọi là “HÀNG” hoặc “LPG”) có các đặc tính, chất lượng phù hợp với các quy định của HỢP ĐỒNG.
- BÊN BÁN đồng ý bán, BÊN MUA đồng ý mua, nhận và thanh toán tiền HÀNG với khối lượng, xuất xứ và chất lượng HÀNG phù hợp với các Điều khoản và Điều kiện của HỢP ĐỒNG này.

## **ĐIỀU 2. THỜI HẠN HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- 2.1. HỢP ĐỒNG có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2023**.
- 2.2. Sau thời hạn hiệu lực HỢP ĐỒNG, Hai Bên vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các khoản bồi thường, phạt hoặc công nợ phát sinh cho đến khi hoàn thành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng.

## **ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, XUẤT XỨ VÀ CHẤT LƯỢNG**

- 3.1. Khối lượng:
  - 3.1.1. Khối lượng giao nhận sẽ được hai Bên thống nhất bằng Phụ lục Hợp đồng.
  - 3.1.2. Khối lượng giao/nhận quy định tại mục 3.1.1 nằm trong dung sai  $\pm 10\%$  do BÊN BÁN quyết định. Việc tăng giảm khối lượng ngoài dung sai  $\pm 10\%$  chỉ thực hiện khi Hai Bên đồng ý bằng văn bản.  
BÊN MUA được mua bổ sung 15% so với khối lượng HÀNG cam kết HÀNG với điều kiện BÊN MUA đã nhận được 65% khối lượng theo kế hoạch đã cam kết trong tháng và phải đăng ký trước ngày 20 của tháng nhận HÀNG.  
BÊN MUA được giảm tới 15% so với khối lượng HÀNG cam kết trong tháng và phải đăng ký giảm trước ngày 20 của tháng nhận HÀNG.
- 3.2. Xuất xứ: HÀNG được BÊN BÁN cung cấp cho BÊN MUA có nguồn gốc Nhập khẩu hoặc nguồn khác có chất lượng tương đương.
- 3.3. Chất lượng: Tỷ lệ Propane (C3)/Butane (C4): 50/50 ( $\pm 10\%$ vol) và theo đặc tính kỹ thuật quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 4. GIAO NHẬN HÀNG**

- 4.1. Phương thức: BÊN MUA dùng XE BỒN chở HÀNG chuyên dụng của mình (sau đây gọi tắt là “XE BỒN”) đến nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN như quy định tại Điều 4.2 dưới đây. Xe bồn của BÊN MUA phải đáp ứng điều kiện an toàn quy định tại Mục 6 của Phụ lục 02 kèm theo HỢP ĐỒNG.
- 4.2. Địa điểm giao nhận HÀNG: tại Kho chứa LPG đáp ứng các điều kiện an toàn theo các quy định pháp luật hiện hành của BÊN BÁN/do BÊN BÁN chỉ định tại khu vực kho PVGas Thị Vải.
- 4.3. Điều khoản cụ thể về giao nhận HÀNG: như quy định tại Phụ lục 02 đính kèm HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 5. ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG**

$$P = (CP + Pre) \times (1 + \%TNK) \times TG \times (1 + \%GTGT)$$

Trong đó:

- P: Đơn giá HÀNG được tính bằng Đồng Việt Nam cho một tấn HÀNG tính theo điều kiện giao hàng (VNĐ/MT), đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng, thuế Nhập khẩu nhưng chưa bao gồm các loại thuế, phí khác (nếu có phát sinh) theo qui định của Nhà nước.
- CP: là giá cho một tấn hỗn hợp Propane (C<sub>3</sub>) và Butane (C<sub>4</sub>) tiêu chuẩn. CP được xác định theo công thức sau:
 
$$CP = \%C3 \times CP_{C3} + \%C4 \times CP_{C4}$$
  - o CP<sub>C3</sub>, CP<sub>C4</sub>: là giá do công ty Aramco của Ả-rập Xê-út công bố hàng tháng cho một tấn Propane tiêu chuẩn và một tấn Butane tiêu chuẩn.
  - o %C<sub>3</sub>, %C<sub>4</sub>: là phần trăm khối lượng Propane, Butane.
  - o CP được áp dụng trên cơ sở CP(C<sub>3</sub>) và CP(C<sub>4</sub>) với tỷ lệ khối lượng C<sub>3</sub>/C<sub>4</sub> là 50/50.
- Pre: là mức phụ phí thị trường được tính theo USD (Premium) cho một tấn sản phẩm LPG và được thống nhất theo từng giai đoạn nhận hàng.
- %GTGT: là thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với LPG theo quy định của Nhà nước tại ngày xuất HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN.
- %TNK: Là thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho hỗn hợp C<sub>3</sub> và C<sub>4</sub> theo quy định của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại ngày xuất HÀNG lên xe bồn tại Kho của BÊN BÁN.
- TG: là tỷ giá hối đoái bán ra của đồng Đôla Mỹ (USD) được chuyển đổi sang Việt Nam đồng (VND) do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc bơm HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN. Trường hợp tại thời điểm kết thúc bơm HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết hoặc tại thời điểm kết thúc bơm HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN ngân hàng chưa công bố tỷ giá thì áp dụng tỷ giá của ngày làm việc gần nhất trước ngày bơm HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN.

## ĐIỀU 6. THANH TOÁN

### 6.1. Hình thức thanh toán

BÊN MUA được quyền lựa chọn một trong hai hình thức thanh toán tiền HÀNG như quy định tại điều 6.1.1, 6.1.2 dưới đây:

- 6.1.1. Thanh toán trả tiền trước ngày dự kiến giao nhận HÀNG, hoặc:
- 6.1.2. Thanh toán trả chậm với điều kiện BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán có giá trị và hiệu lực như sau :
  - Giá trị của Bảo lãnh thanh toán bằng **310%** giá trị tiền HÀNG giao nhận 01 (một tháng) theo HỢP ĐỒNG;
  - Hiệu lực của Bảo lãnh thanh toán không sớm hơn ngày ....
- 6.2. Điều khoản cụ thể về thanh toán: như quy định tại Phụ lục 03 đính kèm HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

### **7.1. Phạt vi phạm HỢP ĐỒNG:**

7.1.1. Trường hợp một trong hai Bên hủy việc giao/nhận một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG mà hai Bên đã ký cam kết theo Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia thì Bên kia có quyền phạt Bên vi phạm khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá khối lượng HÀNG hủy. Cơ sở để xác định giá trị phạt như sau:

- Trị giá khối lượng HÀNG hủy được xác định bằng khối lượng HÀNG hủy nhân với Đơn giá HÀNG quy định tại Điều 5 với CP của tháng giao HÀNG theo kế hoạch (đơn giá không bao gồm thuế GTGT và tỷ giá quy đổi USD/VND được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt).
- Căn cứ xác định do hủy một phần hay toàn bộ cam kết là thông báo/xác nhận giao nhận HÀNG hàng tháng hoặc văn bản thông báo hủy việc giao nhận HÀNG theo tháng của BÊN BÁN hoặc BÊN MUA.

7.1.2. Trường hợp một trong hai Bên hủy một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG mà Hai bên đã xác nhận theo kế hoạch giao nhận HÀNG theo tuần quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 02 thì Bên bị vi phạm có quyền phạt Bên hủy giao/nhận HÀNG khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá khối lượng HÀNG hủy. Cơ sở để xác định giá trị phạt như sau:

- Trị giá khối lượng HÀNG hủy được xác định bằng khối lượng HÀNG hủy nhân với Đơn giá HÀNG quy định tại Điều 5 với CP của tháng giao HÀNG theo kế hoạch (đơn giá không bao gồm thuế GTGT và tỷ giá quy đổi USD/VND được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt).
- Căn cứ xác định do hủy một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG hai bên đã xác nhận giao nhận như quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 02 là thông báo/xác nhận giao nhận HÀNG hoặc văn bản thông báo hủy việc giao nhận HÀNG của BÊN BÁN hoặc BÊN MUA.

7.1.3. Trong cả 02 trường hợp nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2, BÊN BÁN có quyền bán toàn bộ khối lượng HÀNG mà BÊN MUA không nhận/nhận chậm hơn 10 ngày theo kế hoạch. Toàn bộ các chi phí phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn các tổn thất do chênh lệch giá bán sẽ do BÊN MUA chịu kể cả trong trường hợp chênh lệch phần giá này vượt giá trị như đã nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2 ở trên.

### **7.2. Phạt bồi thường thiệt hại:**

Trong cả 02 trường hợp nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2, BÊN MUA/BÊN BÁN phải bồi thường cho BÊN BÁN/BÊN MUA giá trị các thiệt hại và tổn thất trực tiếp liên quan do việc hủy toàn bộ hay một phần cam kết giao/nhận và/hoặc không giao/nhận HÀNG theo kế hoạch đã xác nhận của BÊN MUA/BÊN BÁN gây ra đối với BÊN BÁN/BÊN MUA, mà không phụ thuộc vào việc BÊN MUA/BÊN BÁN bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG theo quy định tại Điều 7.1.1, 7.1.2.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO**

Quyền sở hữu và toàn bộ rủi ro của HÀNG sẽ được chuyển từ BÊN BÁN sang BÊN MUA cho tới thời điểm HÀNG được chuyển qua khớp nối giữa hai mặt bích của họng



bơm HÀNG của Kho BÊN BÁN và ông nhận HÀNG của XE BỒN BÊN MUA.

## **ĐIỀU 9. BẢO HIỂM**

BÊN MUA có trách nhiệm mua bảo hiểm cho toàn bộ khối lượng HÀNG giao nhận theo HỢP ĐỒNG cho tới thời điểm quyền sở hữu và rủi ro của HÀNG được chuyển từ BÊN BÁN sang BÊN MUA theo qui định tại Điều 8 của HỢP ĐỒNG và các quy định, thông lệ của cơ quan bảo hiểm và luật pháp hiện hành.

## **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

10.1. HỢP ĐỒNG tự động chấm dứt vào ngày hết hiệu lực như quy định tại Điều 2.

10.2. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt HỢP ĐỒNG trước thời hạn.

10.3. Nếu một trong hai Bên vi phạm các Điều khoản của HỢP ĐỒNG thì Bên kia có thể chấm dứt HỢP ĐỒNG ngay lập tức sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên kia mà Bên vi phạm vẫn không tuân thủ các Điều khoản HỢP ĐỒNG.

10.4. Một trong hai Bên bị phá sản, mất khả năng thanh toán, giải thể, trưng dụng, tịch biên.

10.5. HỢP ĐỒNG có thể chấm dứt vì lý do Bất khả kháng như qui định tại Điều 11.3 của HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG**

11.1. Các trường hợp được gọi là Bất khả kháng nếu một trong hai Bên không thực hiện được trách nhiệm của mình trong HỢP ĐỒNG này do những nguyên nhân khách quan ngoài sự kiểm soát của mình bao gồm nhưng không giới hạn một trong các trường hợp được nêu dưới đây:

- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, khủng bố, bệnh dịch;
- Các sự cố khách quan xảy ra với hệ thống sản xuất khí, tồn chứa và vận chuyển HÀNG của BÊN BÁN không phải do sự bất cẩn của BÊN BÁN;
- Các sự cố làm ảnh hưởng đến việc khai thác dầu thô, Khí và lịch lắp đặt chạy thử làm giảm sản lượng LPG sản xuất của BÊN BÁN;

11.2. Bên bị ảnh hưởng bởi Bất khả kháng không chịu trách nhiệm về các mất mát, tổn thất hoặc chi phí đối với Bên kia do không thể thực hiện được các trách nhiệm của mình theo HỢP ĐỒNG này do Bất khả kháng như qui định tại Điều 11.1 sau khi Bên bị ảnh hưởng đã:

- Ngay lập tức nhưng không muộn quá 02 (hai) ngày, thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện Bất khả kháng;
- Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi thông báo nêu trên, cung cấp cho bên kia bản xác nhận của các cơ quan chức năng chủ quản có thẩm quyền xác thực sự kiện Bất khả kháng và thời gian dự kiến cần thiết khắc phục các hậu quả của Bất khả kháng.

11.3. Nếu Bất khả kháng kéo dài liên tục quá 30 (ba mươi) ngày, mỗi Bên có quyền chấm dứt HỢP ĐỒNG sau khi thông báo bằng văn bản trước 07 (bảy) ngày so với ngày dự kiến chấm dứt HỢP ĐỒNG cho Bên kia và được Bên kia xác

nhận.

Nếu đến ngày dự kiến chấm dứt HỢP ĐỒNG mà Bên kia không trả lời thì ngày dự kiến này sẽ là ngày chấm dứt HỢP ĐỒNG

11.4. Các tình huống bất khả kháng không áp dụng đối với mọi nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán tiền HÀNG, tiền phạt hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ LUẬT ÁP DỤNG**

12.1. Các tranh chấp hay khiếu nại phát sinh từ hoặc liên quan đến HỢP ĐỒNG này sẽ được đại diện của hai Bên giải quyết thông qua thương lượng.

12.2. Nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên đưa ra thông báo yêu cầu giải quyết tranh chấp mà đại diện của hai Bên vẫn không giải quyết được thông qua thương lượng thì tranh chấp đó được đưa ra Tòa án nhân dân tại Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng để các bên thực hiện. Án phí do Bên thua kiện chịu.

12.3. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu không có thỏa thuận nào khác của Hai Bên về tạm dừng hoặc chấm dứt HỢP ĐỒNG thì hai Bên vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện HỢP ĐỒNG.

12.4. Tuân thủ quy định về điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng:

12.4.1. BÊN MUA chịu trách nhiệm cập nhật, cung cấp cho BÊN BÁN giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng phù hợp với các quy định tại các văn bản pháp luật liên quan.

12.4.2. BÊN MUA cam kết thực hiện tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng giao/nhận theo HỢP ĐỒNG này trong phạm vi hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng được Pháp luật cho phép. BÊN MUA chịu trách nhiệm hoàn toàn với mọi hành vi kinh doanh không phù hợp với các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng.

12.4.3. Trường hợp BÊN MUA vi phạm Điều 12.4.2, BÊN BÁN có quyền đơn phương ngừng thực hiện HỢP ĐỒNG mà không phải chịu bất kỳ khoản phạt vi phạm hoặc bồi thường nào đối với BÊN MUA.

12.5. Luật điều chỉnh HỢP ĐỒNG này là luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

12.6. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào, bên khiếu nại phải đệ trình bằng văn bản cho bên bị khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hóa đơn, ngoại trừ khiếu nại về chất lượng và khối lượng trong vòng 20 ngày, nếu chậm trễ hơn thời gian trên sẽ được coi như là từ bỏ quyền khiếu nại.

12.7. Bên bị khiếu nại được phép tranh cãi khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên bị khiếu nại không có bất kỳ ý kiến gì thì khiếu nại coi như đã được chấp thuận và phải trả các khoản chi phí liên quan đến vấn đề khiếu nại nói trên ngay lập tức cho bên khiếu nại.

## **ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 13.1. HỢP ĐỒNG này bao gồm các Điều kiện và Điều khoản của HỢP ĐỒNG và các Phụ lục (01, 02, 03) lập thành một phần và là bộ phận không tách rời của HỢP ĐỒNG.
- 13.2. Trường hợp có bất kỳ sự khác biệt hoặc xung đột nào giữa:
  - 13.2.1 Các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG với các Phụ lục của HỢP ĐỒNG thì các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG sẽ được dùng để áp dụng;
  - 13.2.2 Các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG với các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG thì các sửa đổi, bổ sung sẽ được dùng để áp dụng;
  - 13.2.3 Các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG thì các sửa đổi, bổ sung có ngày ký muộn hơn sẽ được dùng để áp dụng.
- 13.3. Không Bên nào có quyền chuyển nhượng quyền lợi và nghĩa vụ của mình qui định tại HỢP ĐỒNG này cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.
- 13.4. Toàn bộ nội dung HỢP ĐỒNG được Hai Bên cam kết bảo mật và không Bên nào được tiết lộ các điều khoản của HỢP ĐỒNG này cho Bên thứ ba mà không được sự chấp thuận của Bên kia.
- 13.5. BÊN BÁN khuyến cáo BÊN MUA không thực hiện chiết nạp LPG được mua từ BÊN BÁN theo cam kết HỢP ĐỒNG này vào các bình gas mini, các bình chứa LPG hoặc các phương tiện tồn chứa LPG khác không đáp ứng đủ điều kiện tồn trữ theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 13.6. Bất kỳ sự sửa chữa, thay đổi hay bổ sung cho HỢP ĐỒNG sẽ chỉ có hiệu lực khi chúng được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các Bên.
- 13.7. HỢP ĐỒNG này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**



**PHỤ LỤC 01: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT LPG**  
**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B2)**

<b>Stt</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị Tính</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Phương pháp thử</b>
1	Áp suất hơi ở 37,8 °C	kPa	Max 1430	TCVN 8356 (ASTM D 1267)
2	Lượng cặn sau khi bay hơi 100 ml	ml	Max 0,05	TCVN 3165 (ASTM D 2158)
3	Ăn mòn tấm đồng, không lớn hơn		Loại 1	TCVN 8359 (ASTM D 1838)
4	Hàm lượng lưu huỳnh tổng	mg/kg	Max 140	TCVN 8363 (ASTM D 2784) hoặc ASTM D 6667
5	Thành phần			
-	C2	%vol	Max 2,0	
-	C3	%vol	Số liệu thông báo	
-	C4	%vol	Số liệu thông báo	TCVN 8360 (ASTM D 2163)
-	Hàm lượng butadien	%vol	Max 0,5	
-	Pentan và các chất nặng hơn	%vol	Max 2,0	
-	Olefin	%vol	Max 5,0	
6	Tỉ trọng ở 15°C	Kg/l	Số liệu thông báo	ASTM D 1657
7	Hàm lượng nước tự do	% khối lượng	Không có	Quan sát bằng mắt thường

**PHỤ LỤC 02**  
**ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ VỀ GIAO NHẬN HÀNG**  
**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B2)**

**MỤC 1. GIAO NHẬN HÀNG**

- 1.1. BÊN MUA dùng XE BỒN chở HÀNG chuyên dụng của mình đến nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN như quy định tại Điều 4.2 của HỢP ĐỒNG. XE BỒN phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật để nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN.
- 1.2. BÊN BÁN có trách nhiệm thu xếp Kho giao nhận HÀNG đáp ứng các điều kiện an toàn trên cơ sở thời gian giao HÀNG quy định tại Mục 5 của Phụ lục 02.
- 1.3. Trường hợp BÊN MUA không thu xếp XE BỒN để nhận HÀNG theo kế hoạch giao nhận HÀNG quy định tại Mục 2 của Phụ lục 02 hoặc XE BỒN nhận HÀNG không đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật hiện hành, BÊN BÁN có quyền không giao HÀNG và/hoặc giao HÀNG chậm cho BÊN MUA.

**MỤC 2. KẾ HOẠCH GIAO NHẬN HÀNG**

- 2.1. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG từng tháng:
  - 2.1.1. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, BÊN MUA thông báo nhận HÀNG bằng văn bản cho BÊN BÁN tổng khối lượng HÀNG sẽ nhận và khối lượng HÀNG nhận từng tuần trong tháng kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.

Trường hợp BÊN MUA không thông báo kế hoạch nhận HÀNG cho BÊN BÁN thì BÊN BÁN sẽ chủ động tự sắp xếp lịch giao hàng trong tháng đó với tổng khối lượng giao bằng với khối lượng đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.
  - 2.1.2. Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản kế hoạch giao HÀNG của tháng kế tiếp trên cơ sở thông báo nhận HÀNG của BÊN MUA và kế hoạch kinh doanh, phương tiện giao HÀNG của BÊN BÁN. Kế hoạch này là cơ sở để hai BÊN thực hiện giao hàng.
- 2.2. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG theo tuần:
  - Chậm nhất vào ngày thứ Tư hàng tuần, BÊN MUA thông báo cho BÊN BÁN kế hoạch nhận HÀNG chi tiết từng ngày cho tuần kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn giao nhận HÀNG đã cam kết theo Biểu mẫu đăng ký nhận HÀNG kèm theo phụ lục này với dung sai  $\pm 10\%$  về khối lượng .
  - Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được đăng ký nhận HÀNG của BÊN MUA nêu trên, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản/email cho BÊN MUA kế hoạch giao HÀNG của tuần tiếp theo.

Văn bản/Email này là một trong những cơ sở để hai Bên cam kết thực hiện HỢP ĐỒNG.

- 2.3. Điều chỉnh thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG:

Mọi thay đổi trong kế hoạch giao nhận HÀNG từng tuần đã được hai bên xác nhận tại Mục 2.1, 2.2 của Phụ lục 02 bởi bất cứ Bên nào, trừ các trường hợp Bất khả kháng,

phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia.

### **MỤC 3: GIÁM ĐỊNH HÀNG**

3.1. Đo đếm khối lượng HÀNG giao:

Khối lượng HÀNG tính theo đồng hồ của hệ thống cân chuyên dụng tại Kho của BÊN BÁN (cân chuyên dụng phải có giấy chứng nhận kiểm định sai số của cơ quan kiểm định Nhà nước và còn hiệu lực). Đơn vị đo tính trong giao nhận là Metric tấn (MT).

3.2. Giám định chất lượng:

3.2.1. BÊN BÁN bằng chi phí của mình chỉ định cơ quan giám định độc lập để thực hiện và cấp chứng thư chất lượng HÀNG tại Kho BÊN BÁN.

3.2.2. Chứng thư chất lượng HÀNG được BÊN BÁN cung cấp cho BÊN MUA nếu BÊN MUA yêu cầu. Thời gian thực hiện giám định sẽ lấy chứng thư chất lượng HÀNG tồn chứa tại KHO của BÊN BÁN với mốc thời gian là 02 (hai) tuần so với thời điểm BÊN MUA yêu cầu.

3.2.3. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng HÀNG, Hai Bên thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định lại. Kết quả giám định của đơn vị được chỉ định là cuối cùng và ràng buộc Hai Bên. Chi phí giám định này do Bên làm sai chịu, trường hợp cả Hai Bên đều sai thì chi phí giám định chia đều cho Hai Bên.

### **MỤC 4. CHỨNG TỪ GIAO HÀNG:**

BÊN BÁN giao cho BÊN MUA (đại diện của BÊN MUA khi nhận HÀNG) bộ chứng từ gồm:

- Hóa đơn GTGT (01 bản gốc hoặc hóa đơn điện tử).
- Bản sao chứng thư chất lượng của cơ quan giám định độc lập cấp như qui định tại Mục 3.2 của Phụ lục này.
- Phiếu cân (Receipt) của từng chuyến hàng tại KHO của BÊN BÁN.

### **MỤC 5. THỜI GIAN GIAO NHẬN HÀNG:**

Thời gian giao nhận HÀNG tại KHO của BÊN BÁN là 24h/24h trong điều kiện thời tiết bình thường không ngoại trừ chủ nhật, ngày lễ, Tết.

### **MỤC 6. AN TOÀN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

6.1. XE BỒN của BÊN MUA phải có đầy đủ các giấy chứng nhận phù hợp theo quy định của Pháp luật, các quy định của nơi giao nhận HÀNG hiện hành và phải mua bảo hiểm với mức trách nhiệm dân sự cao nhất đối với người thứ ba theo qui định hiện hành.

6.2. XE BỒN của BÊN MUA vào nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN phải đáp ứng và tuân thủ theo “quy trình kiểm tra an toàn xe bồn LPG” do BÊN BÁN ban hành và áp dụng. XE BỒN của BÊN MUA sẽ không được phép vào nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN nếu chưa được BÊN BÁN kiểm tra và không xuất trình được cho bảo vệ Kho của BÊN BÁN các giấy tờ còn hiệu lực như sau:

- Giấy giới thiệu ghi đầy đủ thông tin về người đại diện của BÊN MUA được cử tới nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN (Bản gốc hoặc bản scan màu của giấy giới thiệu được Đại diện có thẩm quyền của BÊN MUA gửi cho BÊN BÁN bằng email);
- Giấy chứng nhận Xe bồn đủ điều kiện vào/ra nhận HÀNG do BÊN BÁN cấp;
- Thẻ ra vào nhận HÀNG của lái xe hoặc nhân viên đại diện nhận HÀNG.



**CÔNG TY:**  
**ĐỊA CHỈ:**  
**ĐT:**  
**FAX:**

**BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ NHẬN HÀNG (FOB XE BỒN)**

**Địa điểm xuất: Kho LPG \_\_\_\_\_.**

**Tên hàng: LPG \_\_\_\_\_**

**TỪ NGÀY : \_\_\_\_\_**

**Quy cách: C3/C4: 50/50**

**ĐẾN NGÀY: \_\_\_\_\_**

	Khối lượng đăng ký nhận từng ngày trong tuần: Tấn							Tổng KL/Tuần (+/-10%)	Số xe bồn nhận hàng	Ghi chú
	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6			
	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)			
Kế hoạch nhận hàng của BÊN MUA								<b>0</b>		HỢP ĐỒNG số ___/20___/KDK- ___/B2
Xác nhận số lượng của BÊN BÁN								<b>0</b>		HỢP ĐỒNG số ___/20___/KDK- ___/B2

Ngày tháng năm 20\_\_

**XÁC NHẬN CỦA PVGAS TRADING**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ NHẬN HÀNG**

## **PHỤ LỤC 03**

### **ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ VỀ THANH TOÁN**

**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B2)**

#### **MỤC 1. QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM THANH TOÁN**

1.1 Yêu cầu về việc cung cấp Bảo lãnh Ngân hàng:

Trước khi giao/nhận chuyển HÀNG đầu tiên, BÊN MUA phải cung cấp cho BÊN BÁN bản gốc Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng hoặc thanh toán trước giá trị nhận hàng.

1.2 Yêu cầu đối với Bảo lãnh thanh toán được BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN:

- Ngân hàng bảo lãnh do BÊN MUA chỉ định và phải được BÊN BÁN chấp thuận.
- Mọi chi phí liên quan tới Bảo lãnh Ngân hàng do BÊN MUA chịu.
- Bảo lãnh thanh toán phải phù hợp với Biểu mẫu “Thư bảo lãnh thanh toán” quy định tại Phụ lục này và có giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định tại Điều 6.1.2 của HỢP ĐỒNG.

1.3 Trường hợp BÊN MUA không cung cấp cho BÊN BÁN bảo lãnh thanh toán hoặc Bảo lãnh thanh toán được cung cấp không phù hợp với toàn bộ các yêu cầu như quy định tại Mục 1.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền không giao cho BÊN MUA khối lượng HÀNG như đã cam kết tại Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm HỢP ĐỒNG như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.

1.4 Trường hợp BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN bảo lãnh Ngân hàng không đúng hạn theo yêu cầu như quy định tại Mục 1.1 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền dời ngày giao HÀNG dự kiến cho BÊN MUA đến khi nhận được bảo lãnh thanh toán của BÊN MUA (nhưng không chậm quá 02 ngày) như yêu cầu tại Mục 1.2 của Phụ lục 03 và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc chậm giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.

1.5 BÊN BÁN chỉ giao khối lượng HÀNG trong phạm vi giá trị bảo lãnh thanh toán.

1.6 Trường hợp dự kiến sau khi giao chuyển hàng kế tiếp, tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh với giá trị X, BÊN BÁN chỉ cấp chuyển hàng kế tiếp với điều kiện:

- BÊN MUA thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền HÀNG tương ứng số tiền X để đảm bảo tổng công nợ sau khi giao/nhận chuyển hàng tiếp theo không vượt quá giá trị bảo lãnh hoặc;
- BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X.
- Trường hợp dự kiến tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh sau khi giao chuyển hàng kế tiếp mà BÊN MUA không thực hiện thanh toán trước hạn phần

tiền HÀNG giá trị X hoặc không mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X, BÊN BÁN có quyền ngừng hoặc không giao phần HÀNG có giá trị X cho BÊN MUA mà không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này, đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.

1.7 Trường hợp BÊN MUA không thanh toán cho BÊN BÁN đúng ngày đáo hạn như quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh của BÊN MUA thanh toán toàn bộ giá trị các chuyển HÀNG đã nhận phù hợp với nội dung thư Bảo đảm của Ngân hàng.

## **MỤC 2. QUY ĐỊNH THANH TOÁN**

2.1. Lập hóa đơn:

2.1.1. Hóa đơn (khi giao HÀNG): Khi kết thúc bơm HÀNG tại điểm xuất HÀNG, BÊN BÁN phát hóa đơn GTGT cho BÊN MUA căn cứ vào:

- Khối lượng làm cơ sở để phát hóa đơn là khối lượng ghi trên phiếu cân (Receipt) tại KHO của BÊN BÁN;
- Đơn giá tính như quy định tại Điều 05 của HỢP ĐỒNG;
- Trường hợp những chuyển HÀNG xuất vào thời điểm từ 0h00 ngày đầu tiên của tháng đến thời điểm công bố CP của tháng đó thì đơn giá HÀNG tạm tính sẽ căn cứ vào đơn giá HÀNG của tháng trước liền kề.

2.1.2. Trường hợp có sai lệch về giá trị HÀNG của các chuyển HÀNG đã giao nhận trong tháng liền kề trước đó, chậm nhất vào ngày 20 của tháng, BÊN BÁN sẽ phát hóa đơn điều chỉnh cho phần giá trị chênh lệch giữa giá trị đúng theo HỢP ĐỒNG với giá trị HÀNG của các chuyển HÀNG phát hóa đơn có sự sai lệch của tháng liền kề trước đó.

2.2. Thời hạn thanh toán:

2.2.1. Đối với hóa đơn GTGT do BÊN BÁN phát khi giao HÀNG và hóa đơn điều chỉnh: Trả trước tiền hàng hoặc trả chậm được chia làm 03 (ba) lần trong trường hợp BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán:

- Lần 1: Thanh toán vào ngày 05 của tháng M+3 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyển hàng xuất từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng giao nhận HÀNG (tháng M);
- Lần 2: Thanh toán vào ngày 10 của tháng M+3 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyển hàng xuất từ ngày 11 đến ngày 20 của tháng giao nhận HÀNG (tháng M);
- Lần 3: Thanh toán vào ngày 15 của tháng M+3 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyển hàng xuất từ ngày 21 đến ngày cuối cùng của tháng giao nhận HÀNG (tháng M).

Trường hợp ngày đến hạn thanh toán vào ngày nghỉ thì thanh toán vào ngày làm việc gần nhất trước ngày nghỉ; trường hợp ngày đến hạn thanh toán vào ngày nghỉ lễ, Tết thì thanh toán vào ngày làm việc gần nhất sau ngày nghỉ lễ, Tết.

2.2.2. Đối với tiền phạt do vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại: trong vòng



30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên bị vi phạm có văn bản yêu cầu thanh toán/bồi thường thiệt hại do vi phạm của bên vi phạm.

2.3. Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

2.4. Thời điểm BÊN MUA thanh toán là thời điểm Ngân hàng BÊN BÁN ghi “có” vào tài khoản của BÊN BÁN.

2.5. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

2.6. Phí ngân hàng của Bên nào do Bên ấy chịu.

2.7. Phạt thanh toán chậm:

Trường hợp BÊN MUA thanh toán không đúng hạn theo Mục 2.2 của Phụ lục này, BÊN BÁN có quyền:

2.7.1. Phạt thanh toán chậm đối với BÊN MUA. Cụ thể như sau:

- Số ngày chậm thanh toán (n) được tính bằng cách lấy số ngày thực tế vượt quá thời hạn thanh toán theo quy định.
- Nếu số ngày chậm thanh toán nằm trong khoảng từ 01 đến 15 ngày, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA khoản tiền chậm thanh toán với giá trị phạt (G1) được xác định theo công thức sau:

$$G1 = \frac{n * S_i * V}{365}$$

- Trường hợp số ngày chậm thanh toán lớn hơn 15 ngày, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA khoản tiền chậm thanh toán bằng 150% số tiền nợ quá hạn thanh toán (V). Việc xác định giá trị phạt (G2) được tính toán theo công thức sau:

$$G2 = \frac{150\% * n * S_i * V}{365}$$

Trong đó:

- n: Là số ngày chậm thanh toán.
- $S_i$ : Là lãi suất cho vay ngắn hạn do Ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm tính phạt
- V: Là tổng số tiền nợ quá hạn thanh toán (nợ tiền HÀNG hoặc tiền phạt, bồi thường HỢP ĐỒNG) bị tính phạt.

2.6.2. Ngừng giao HÀNG/giao HÀNG chậm cho BÊN MUA. Trong trường hợp này, BÊN BÁN không phải chịu các khoản phạt vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại do hủy toàn bộ hay một phần cam kết giao HÀNG. Đồng thời, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA do vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại theo điều kiện Phạt do hủy toàn bộ hay một phần cam kết như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.

**BIỂU MẪU THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**  
**THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**

**BÊN THỤ HƯỞNG: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ**

Địa chỉ: Lầu 11, PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển,  
Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ HĐKT số:..... /20\_\_ /KDK-\_\_ /B2 ngày ..... tháng ..... năm 20\_\_ (Sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) được ký kết giữa **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ** (sau đây gọi là BÊN BÁN) và Công ty \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là BÊN MUA) về việc BÊN BÁN bán cho BÊN MUA khí hóa lỏng (sau đây gọi là HÀNG);

Theo quy định của HỢP ĐỒNG, BÊN MUA phải cung cấp THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN cho BÊN BÁN. Theo yêu cầu của BÊN MUA, Chúng tôi, *[tên, địa chỉ của Ngân hàng phát hành THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN]* cam kết chịu trách nhiệm trả cho BÊN BÁN trong thời hạn hiệu lực của THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này một phần hoặc toàn bộ không vượt quá tổng số tiền: ..... (bằng chữ: .....) kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản chính thức của BÊN BÁN tuyên bố rằng BÊN MUA không thanh toán cho BÊN BÁN tiền HÀNG, tiền phạt vi phạm và bồi thường theo quy định của HỢP ĐỒNG.

THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này có thời hạn hiệu lực **từ ngày phát hành đến hết ngày ....., sau đó sẽ tự động hết hiệu lực** (*Trường hợp ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì ngày hết hiệu lực được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo*). THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này không hủy ngang và chỉ có duy nhất một bản gốc do BÊN BÁN giữ, bản sao không có giá trị.

THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này có phạm vi bảo lãnh cho toàn bộ giá trị tiền HÀNG, tiền phạt vi phạm và bồi thường mà BÊN MUA phải trả cho BÊN BÁN phát sinh theo quy định tại HỢP ĐỒNG, các phụ lục sửa đổi bổ sung HỢP ĐỒNG và các văn bản là một phần không tách rời của HỢP ĐỒNG được HAI BÊN ký kết, xác nhận.

Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này đều phải được sự đồng ý bằng văn bản của BÊN THỤ HƯỞNG (BÊN BÁN).

**Ngân hàng phát hành**  
(Ký tên đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (TÀU, XE BỒN)**

**Số: /KDK-KMN/B4**

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng số 87/2018/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/08/2018;

Căn cứ vào biên bản số .....

Hôm nay, ngày tháng năm , HAI BÊN gồm:

**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN -  
CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ**

(Sau đây được gọi là “BÊN BÁN”)

Địa chỉ : Lầu 11, PVGAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : 028.37840220  
Fax : 028.37840215  
Tài khoản tiền Việt : 0721005161653  
Ngân hàng : Ngoại thương Việt Nam – CN. Kỳ Đồng TP.HCM  
Mã số thuế : 3500102710-023  
Đại diện bởi : Ông Hoàng Việt Dũng  
(Ủy quyền số: 87/UQ-KDK ngày 28/12/2021)  
Chức vụ : Phó Giám đốc

**Và:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM (KMN)**

(Sau đây được gọi là “BÊN MUA”)

Địa chỉ : 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM  
Điện thoại : 028.39100324  
Fax : 028.39100097  
Tài khoản tiền Việt : 1607201000031  
Ngân hàng : Agribank – Chi nhánh Phan Đình Phùng  
Mã số thuế : 0305097236  
Đại diện bởi : Ông Trần Anh Dũng  
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc  
Ủy Quyền : Số 13/UQ-KMN Ký ngày 12 / 04/2021

BÊN BÁN và BÊN MUA sau đây được gọi chung là “Các Bên”, “Hai Bên”, hoặc gọi



riêng là “Mỗi Bên” hoặc “Một Bên”.

Các bên Thỏa thuận ký kết HỢP ĐỒNG mua bán Khí dầu mỏ hóa lỏng này (sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) với Điều khoản, Điều kiện được quy định dưới đây:

## **ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

- HÀNG: Là hỗn hợp của Propane và Butane Nhập khẩu tương đương (sau đây được gọi là “HÀNG” hoặc “LPG”) có các đặc tính, chất lượng phù hợp với các quy định của HỢP ĐỒNG.
- BÊN BÁN đồng ý bán, BÊN MUA đồng ý mua, nhận và thanh toán tiền HÀNG với khối lượng, xuất xứ và chất lượng HÀNG phù hợp với các Điều khoản và Điều kiện của HỢP ĐỒNG này.

## **ĐIỀU 2. THỜI HẠN HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- 2.1. HỢP ĐỒNG có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2023**.
- 2.2. Sau thời hạn hiệu lực HỢP ĐỒNG, Hai Bên vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các khoản bồi thường, phạt hoặc công nợ phát sinh cho đến khi hoàn thành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, XUẤT XỨ VÀ CHẤT LƯỢNG**

- 3.4. Khối lượng:
  - 3.4.1. Khối lượng giao nhận sẽ được hai Bên thống nhất bằng Phụ lục Hợp đồng.
  - 3.4.2. Khối lượng giao/nhận quy định tại mục 3.1.1 nằm trong dung sai  $\pm 10\%$  do BÊN BÁN quyết định.
    - + BÊN MUA được quyền đăng ký mua bổ sung 15% so với khối lượng LPG cam kết và đăng ký muộn nhất ngày 17 của tháng nhận hàng, với điều kiện BÊN MUA đã nhận được 65% khối lượng theo kế hoạch đã cam kết trong tháng.
    - + BÊN MUA được giảm đến 15% so với khối lượng LPG cam kết trong tháng và phải điều chỉnh giảm muộn nhất ngày 17 của tháng nhận hàng.
- 3.2. Xuất xứ: HÀNG được BÊN BÁN cung cấp cho BÊN MUA có nguồn gốc Nhập khẩu hoặc nguồn khác có chất lượng tương đương.
- 3.3. Chất lượng: Tỷ lệ Propane (C3)/Butane (C4): 50/50 ( $\pm 10\%$ vol) và theo đặc tính kỹ thuật quy định tại Phụ lục 01 đính kèm HỢP ĐỒNG này.

## **ĐIỀU 4. GIAO NHẬN HÀNG**

- 4.1. Phương thức FOB:
  - 4.1.1. BÊN MUA dùng XE BỒN chở HÀNG chuyên dụng của mình (sau đây gọi tắt là “XE BỒN”) đến nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN như quy định điều 4.1.2 dưới đây. Xe bồn của BÊN MUA phải đáp ứng điều kiện an toàn quy định tại Điều 4 - phần B của Phụ lục 02 kèm theo HỢP ĐỒNG.
  - 4.1.2. Địa điểm giao nhận HÀNG: tại Kho chứa LPG đáp ứng các điều kiện an toàn theo các quy định pháp luật hiện hành của BÊN BÁN/do BÊN BÁN chỉ định tại khu vực Thị Vải và Đà Nẵng.
- 4.2. Phương thức DES:
  - 4.2.1. BÊN BÁN dùng XE BỒN chở HÀNG chuyên dụng đến giao HÀNG tại Kho của BÊN MUA như quy định điều 4.2.2 dưới đây.
  - 4.2.2. Địa điểm giao nhận HÀNG: tại Kho chứa LPG đáp ứng các điều kiện an toàn theo các quy định pháp luật hiện hành của BÊN MUA/do BÊN MUA chỉ định tại khu vực Tây Ninh.
- 4.3. Phương thức giao nhận CIF:
  - 4.3.1. BÊN BÁN vận chuyển bằng TÀU chở HÀNG chuyên dụng (sau đây gọi tắt

là “TÀU”) đến giao tại Cảng dỡ HÀNG của BÊN MUA như quy định điều 4.3.2. dưới đây.

4.3.2. Địa điểm giao nhận: tại Cảng dỡ HÀNG đáp ứng các điều kiện an toàn theo các quy định pháp luật hiện hành của BÊN MUA/do BÊN MUA chỉ định tại khu vực Gò Dầu,VT Gas,Cần Thơ.

4.4. Điều khoản cụ thể về giao nhận HÀNG: như quy định tại Phụ lục 02 đính kèm HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 5. ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG**

$$P = (CP + Pre) \times (1 + \%TNK) \times TG \times (1 + \%GTGT)$$

Trong đó:

- P: Đơn giá HÀNG được tính bằng Đồng Việt Nam cho một tấn HÀNG tính theo điều kiện giao hàng (VND/MT), đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng, thuế Nhập khẩu nhưng chưa bao gồm các loại thuế, phí khác (nếu có phát sinh) theo quy định của Nhà nước.

- CP: là giá cho một tấn hỗn hợp Propane (C<sub>3</sub>) và Butane (C<sub>4</sub>) tiêu chuẩn. CP được xác định theo công thức sau:

$$CP = \%C3 \times CP_{C3} + \%C4 \times CP_{C4}$$

o CP<sub>C3</sub>, CP<sub>C4</sub>: là giá do công ty Aramco của Ả-rập Xê-út công bố hàng tháng cho một tấn Propane tiêu chuẩn và một tấn Butane tiêu chuẩn.

o %C<sub>3</sub>, %C<sub>4</sub>: là phần trăm khối lượng Propane, Butane được xác định theo chứng thư chất lượng LPG do cơ quan giám định độc lập cấp cho từng chuyến hàng.

o CP được áp dụng trên cơ sở CP(C<sub>3</sub>) và CP(C<sub>4</sub>) với tỷ lệ khối lượng theo thực tế tại cảng xếp HÀNG đối với giao nhận bằng Tàu.

o CP được áp dụng trên cơ sở CP(C<sub>3</sub>) và CP(C<sub>4</sub>) với tỷ lệ khối lượng 50/50 đối với giao nhận bằng Xe bồn.

- Pre: là mức phụ phí thị trường được tính theo USD (Premium) cho một tấn sản phẩm LPG.

- %GTGT: là thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với LPG theo quy định của Nhà nước tại ngày ký phát vận đơn (Bill of Lading – B/L) đối với phương thức giao nhận bằng tàu và ngày kết thúc bơm hàng lên xe bồn tại kho BÊN BÁN đối với giao nhận bằng xe bồn.

- %TNK: Là thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho hỗn hợp C<sub>3</sub> và C<sub>4</sub> theo quy định của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại ngày ký phát B/L đối với giao nhận tàu hoặc ngày kết thúc bơm hàng đối với giao nhận bằng xe bồn.

- TG: là tỷ giá hối đoái bán ra của đồng Đôla Mỹ (USD) được chuyển đổi sang Việt Nam đồng (VND) do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Vũng Tàu công bố tại thời điểm kết thúc bơm HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN hoặc do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm sau cùng của ngày ký phát vận đơn (Bill of Lading – B/L) đối với giao nhận bằng tàu.

Trường hợp tại thời điểm kết thúc bơm HÀNG lên xe bồn/ngày ký phát B/L rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết hoặc tại thời điểm kết thúc bơm HÀNG lên xe

bồn tại kho của BÊN BÁN/ ngày ký phát B/L ngân hàng chưa công bố tỷ giá thì áp dụng tỷ giá của ngày làm việc gần nhất trước ngày bom HÀNG lên xe bồn/ngày ký phát B/L.

## **ĐIỀU 6. THANH TOÁN**

### **6.1. Hình thức thanh toán**

BÊN MUA được quyền lựa chọn một trong hai hình thức thanh toán tiền HÀNG như quy định tại điều 6.1.1, 6.1.2 dưới đây:

#### **6.1.1. Thanh toán trả tiền trước ngày dự kiến giao nhận HÀNG, hoặc:**

#### **6.1.2. Thanh toán trả chậm với điều kiện BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán có giá trị và hiệu lực như sau:**

- Giá trị tối thiểu của Bảo lãnh thanh toán bằng **310%** giá trị tiền HÀNG giao nhận 01 (một tháng) theo HỢP ĐỒNG;
- Hiệu lực của Bảo lãnh thanh toán không sớm hơn ngày ... hoặc ngày giao hàng cuối cùng cộng **105 ngày**, tùy thời điểm nào đến sau.

#### **6.2. Điều khoản cụ thể về thanh toán: như quy định tại Phụ lục 03 đính kèm HỢP ĐỒNG này.**

## **ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BÒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

### **7.3. Phạt vi phạm HỢP ĐỒNG:**

#### **7.3.1. Trường hợp một trong hai Bên hủy việc giao/nhận một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG mà hai Bên đã ký cam kết theo Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia thì Bên kia có quyền phạt Bên vi phạm khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá khối lượng HÀNG hủy. Cơ sở để xác định giá trị phạt như sau:**

- Trị giá khối lượng HÀNG hủy được xác định bằng khối lượng HÀNG hủy nhân với Đơn giá HÀNG quy định tại Điều 5 với CP của tháng giao HÀNG theo kế hoạch (đơn giá không bao gồm thuế GTGT và tỷ giá quy đổi USD/VND được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt).
- Căn cứ xác định do hủy một phần hay toàn bộ cam kết là thông báo/xác nhận giao nhận HÀNG hàng tháng hoặc văn bản thông báo hủy việc giao nhận HÀNG theo tháng của BÊN BÁN hoặc BÊN MUA.

#### **7.3.2. Trường hợp một trong hai Bên hủy việc giao/nhận HÀNG theo chuyển như quy định tại Mục 2.2 – Phần A, B, C của Phụ lục 02 thì Bên bị vi phạm có quyền phạt Bên hủy giao/nhận HÀNG khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá chuyển HÀNG. Cơ sở để xác định giá trị phạt như sau:**

- Trị giá chuyển HÀNG được xác định bằng khối lượng HÀNG trong thông báo theo Mục 2.2 – Phần A, B, C của Phụ lục 02 nhân với Đơn giá HÀNG quy định tại Điều 5 với CP của tháng giao HÀNG theo kế hoạch (đơn giá không bao gồm thuế GTGT và tỷ giá quy đổi USD/VND được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt)
- Căn cứ xác định việc hủy giao/nhận HÀNG theo chuyển là văn bản thông báo hủy chuyển HÀNG của BÊN BÁN hoặc BÊN MUA.

#### **7.3.3. Trong cả 02 trường hợp nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2, BÊN BÁN có quyền bán toàn bộ khối lượng HÀNG mà BÊN MUA không nhận/nhận chậm hơn 10 ngày theo kế hoạch. Toàn bộ các chi phí phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn các tổn**

thất do chênh lệch giá bán sẽ do BÊN MUA chịu kể cả trong trường hợp chênh lệch phần giá này vượt giá trị như đã nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2 ở trên.

#### 7.4. Bồi thường thiệt hại:

##### 7.4.1. Phương thức giao nhận CIF:

7.4.1.1. Trường hợp thời gian làm HÀNG thực tế vượt quá thời gian làm HÀNG quy định tại Mục 5 – Phần A của Phụ lục 02 do lỗi của BÊN MUA, thì BÊN MUA phải bồi thường thiệt hại cho BÊN BÁN khoản tiền phạt lưũ tàu 11.000 USD/ngày (Mười một ngàn đôla Mỹ/ngày) theo số giờ làm HÀNG chậm và theo tỷ lệ phần ngày (pro-rata) theo ASBANTANKVOY.

Căn cứ để xác định thời gian làm HÀNG chậm: Thông báo sẵn sàng làm HÀNG (NOR); Timesheet của TÀU; Biên bản hiện trường (nếu có).

7.4.1.2. Trường hợp BÊN MUA thông báo hủy hoặc điều chỉnh thời gian giao nhận HÀNG sau khi BÊN BÁN điều động TÀU vận chuyển đến cảng dỡ HÀNG của BÊN MUA thì ngoài việc bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG do hủy giao/nhận HÀNG như quy định tại Điều 7.1, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN chi phí vận chuyển thực tế phát sinh do không giao được HÀNG theo kế hoạch đã xác nhận.

7.4.1.3. BÊN BÁN sẽ bồi thường thiệt hại cho BÊN MUA khi tàu vào giao hàng có va chạm gây hư hỏng, tổn hại cho hệ thống cầu cảng đã được các đơn vị liên quan (tàu, BÊN MUA, đơn vị cầu cảng) lập biên bản tại hiện trường. Số tiền BÊN BÁN bồi thường sẽ là những chi phí hợp lý để khắc phục, sửa chữa các hư hỏng, tổn hại đã được đơn vị chủ quản cầu cảng phát hoá đơn GTGT, chứng từ hợp lệ yêu cầu BÊN MUA thanh toán.

##### 7.4.2. Phương thức giao nhận DES:

7.4.2.1. Trường hợp BÊN MUA thông báo hủy hoặc điều chỉnh thời gian giao nhận HÀNG sau khi BÊN BÁN điều động XE BỒN vận chuyển đến Kho của BÊN MUA thì ngoài việc bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG do hủy giao/nhận HÀNG như quy định tại Điều 7.1, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN chi phí vận chuyển thực tế phát sinh do không giao được HÀNG theo kế hoạch đã xác nhận.

7.4.2.2. Trường hợp BÊN MUA không thu xếp Kho chứa để nhận đủ khối lượng HÀNG đã hai bên đã xác nhận giao nhận như quy định tại Mục 2.2 – Phần C của Phụ lục 02 thì ngoài việc bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG do hủy giao/nhận HÀNG như quy định tại Điều 7.1, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN chi phí vận chuyển thực tế phát sinh do không giao được HÀNG theo kế hoạch đã xác nhận

7.5. Trong cả 02 trường hợp nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN giá trị các thiệt hại và tổn thất trực tiếp liên quan do việc hủy toàn bộ hay một phần cam kết giao/nhận và/hoặc không giao/nhận HÀNG theo chuyển của BÊN MUA gây ra đối với BÊN BÁN, mà không phụ thuộc vào việc BÊN MUA bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG theo quy định tại Điều 7.1.1, 7.1.2.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO**

8.1. Đối với phương thức FOB: Quyền sở hữu và toàn bộ rủi ro của HÀNG sẽ được chuyển từ BÊN BÁN sang BÊN MUA tại thời điểm HÀNG được chuyển qua



khớp nối giữa hai mặt bích của họng bơm HÀNG của Kho BÊN BÁN và ống nhận HÀNG của XE BỒN BÊN MUA.

8.2. Đối với phương thức DES: Quyền sở hữu và toàn bộ rủi ro của HÀNG sẽ được chuyển từ BÊN BÁN sang BÊN MUA tại thời điểm HÀNG được chuyển qua khớp nối giữa hai mặt bích của họng nhận HÀNG của kho BÊN MUA và ống bơm HÀNG của Xe bồn BÊN BÁN.

8.3. Đối với phương thức CIF: Quyền sở hữu và toàn bộ rủi ro của HÀNG sẽ được chuyển từ BÊN BÁN sang BÊN MUA tại thời điểm HÀNG đi qua mặt bích giữa ống bơm HÀNG trên Tàu của BÊN BÁN và ống nhận HÀNG vào kho chứa HÀNG của BÊN MUA tại Cảng dỡ HÀNG.

## **ĐIỀU 9. BẢO HIỂM**

BÊN MUA có trách nhiệm mua bảo hiểm cho toàn bộ khối lượng HÀNG giao nhận theo HỢP ĐỒNG kể từ thời điểm quyền sở hữu và rủi ro của HÀNG được chuyển từ BÊN BÁN sang BÊN MUA theo qui định tại Điều 8 của HỢP ĐỒNG và các quy định, thông lệ của cơ quan bảo hiểm và luật pháp hiện hành.

## **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

10.6. HỢP ĐỒNG tự động chấm dứt vào ngày hết hiệu lực như quy định tại Điều 2 của HỢP ĐỒNG.

10.7. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt HỢP ĐỒNG trước thời hạn.

10.8. Nếu một trong hai Bên vi phạm các Điều khoản của HỢP ĐỒNG thì Bên kia có thể chấm dứt HỢP ĐỒNG ngay lập tức sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên kia mà Bên vi phạm vẫn không tuân thủ các Điều khoản HỢP ĐỒNG.

10.9. Một trong hai Bên bị phá sản, mất khả năng thanh toán, giải thể, trưng dụng, tịch biên.

10.10. HỢP ĐỒNG có thể chấm dứt vì lý do Bất khả kháng như qui định tại Điều 11.3 của HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG**

11.5. Các trường hợp được gọi là Bất khả kháng nếu một trong hai Bên không thực hiện được trách nhiệm của mình trong HỢP ĐỒNG này do những nguyên nhân khách quan ngoài sự kiểm soát của mình bao gồm nhưng không giới hạn một trong các trường hợp được nêu dưới đây:

- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, khủng bố, bệnh dịch;
- Các sự cố khách quan xảy ra với hệ thống sản xuất khí, tồn chứa và vận chuyển HÀNG của BÊN BÁN không phải do sự bất cẩn của BÊN BÁN;
- Các sự cố làm ảnh hưởng đến việc khai thác dầu thô, Khí và lịch lắp đặt chạy thử làm giảm sản lượng LPG sản xuất của BÊN BÁN;

11.6. Bên bị ảnh hưởng bởi Bất khả kháng không chịu trách nhiệm về các mất mát, tổn thất hoặc chi phí đối với Bên kia do không thể thực hiện được các trách nhiệm của mình theo HỢP ĐỒNG này do Bất khả kháng như qui định tại Điều 11.1 sau khi Bên bị ảnh hưởng đã:

- Ngay lập tức nhưng không muộn quá 02 (hai) ngày, thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện Bất khả kháng;
  - Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi thông báo nêu trên, cung cấp cho bên kia bản xác nhận của các cơ quan chức năng chủ quản có thẩm quyền xác thực sự kiện Bất khả kháng và thời gian dự kiến cần thiết khắc phục các hậu quả của Bất khả kháng.
- 11.7. Nếu Bất khả kháng kéo dài liên tục quá 30 (ba mươi) ngày, mỗi Bên có quyền chấm dứt HỢP ĐỒNG sau khi thông báo bằng văn bản trước 07 (bảy) ngày so với ngày dự kiến chấm dứt HỢP ĐỒNG cho Bên kia và được Bên kia xác nhận. Nếu đến ngày dự kiến chấm dứt HỢP ĐỒNG mà Bên kia không trả lời thì ngày dự kiến này sẽ là ngày chấm dứt HỢP ĐỒNG
- 11.8. Các tình huống bất khả kháng không áp dụng đối với mọi nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán tiền HÀNG, tiền phạt hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ LUẬT ÁP DỤNG**

- 12.8. Các tranh chấp hay khiếu nại phát sinh từ hoặc liên quan đến HỢP ĐỒNG này sẽ được đại diện của hai Bên giải quyết thông qua thương lượng.
- 12.9. Nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên đưa ra thông báo yêu cầu giải quyết tranh chấp mà đại diện của hai Bên vẫn không giải quyết được thông qua thương lượng thì tranh chấp đó được đưa ra Tòa án nhân dân tại Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng để các bên thực hiện. Án phí do Bên thua kiện chịu.
- 12.10. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu không có thỏa thuận nào khác của Hai Bên về tạm dừng hoặc chấm dứt HỢP ĐỒNG thì hai Bên vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện HỢP ĐỒNG.
- 12.11. Tuân thủ quy định về điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng:
- 12.11.1. BÊN MUA chịu trách nhiệm cập nhật, cung cấp cho BÊN BÁN giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng phù hợp với các quy định tại các văn bản pháp luật liên quan.
- 12.11.2. BÊN MUA cam kết thực hiện tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng giao/nhận theo HỢP ĐỒNG này trong phạm vi hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng được Pháp luật cho phép. BÊN MUA chịu trách nhiệm hoàn toàn với mọi hành vi kinh doanh không phù hợp với các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng.
- 12.11.3. Trường hợp BÊN MUA vi phạm Điều 12.4.2, BÊN BÁN có quyền đơn phương ngừng thực hiện HỢP ĐỒNG mà không phải chịu bất kỳ khoản phạt vi phạm hoặc bồi thường nào đối với BÊN MUA.
- 12.12. Luật điều chỉnh HỢP ĐỒNG này là luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 12.13. Nếu có bất kì khiếu nại nào, bên khiếu nại phải đệ trình bằng văn bản cho bên bị khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày B/L, ngoại trừ khiếu nại về chất lượng và khối lượng trong vòng 20 ngày, nếu chậm trễ hơn thời gian trên sẽ được coi như là từ bỏ quyền khiếu nại.

12.14. Bên bị khiếu nại được phép tranh cãi khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên bị khiếu nại không có bất kỳ ý kiến gì thì khiếu nại coi như đã được chấp thuận và phải trả các khoản chi phí liên quan đến vấn đề khiếu nại nói trên ngay lập tức cho bên khiếu nại.

### **ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

13.8. HỢP ĐỒNG này bao gồm các Điều kiện và Điều khoản của HỢP ĐỒNG và các Phụ lục (01, 02, 03) lập thành một phần và là bộ phận không tách rời của HỢP ĐỒNG.

13.9. Trường hợp có bất kỳ sự khác biệt hoặc xung đột nào giữa:

13.2.4 Các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG với các Phụ lục của HỢP ĐỒNG thì các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG sẽ được dùng để áp dụng;

13.2.5 Các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG với các sửa đổi, bổ sung thì các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG sẽ được dùng để áp dụng;

13.2.6 Các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG thì các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG có ngày ký muộn hơn sẽ được dùng để áp dụng.

13.10. Không Bên nào có quyền chuyển nhượng quyền lợi và nghĩa vụ của mình qui định tại HỢP ĐỒNG này cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

13.11. Toàn bộ nội dung HỢP ĐỒNG được Hai Bên cam kết bảo mật và không Bên nào được tiết lộ các điều khoản của HỢP ĐỒNG này cho Bên thứ ba mà không được sự chấp thuận của Bên kia.

13.12. BÊN BÁN khuyến cáo BÊN MUA không thực hiện chiết nạp LPG được mua từ BÊN BÁN theo cam kết HỢP ĐỒNG này vào các bình gas mini, các bình chứa LPG hoặc các phương tiện tồn chứa LPG khác không đáp ứng đủ điều kiện tồn trữ theo quy định của Pháp luật hiện hành.

13.13. Bất kỳ sự sửa chữa, thay đổi hay bổ sung cho HỢP ĐỒNG sẽ chỉ có hiệu lực khi chúng được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các Bên.

13.14. HỢP ĐỒNG này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

## PHỤ LỤC 01: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT LPG

(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị Tính	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Áp suất hơi ở 37,8 °C	kPa	Max 1430	TCVN 8356 (ASTM D 1267)
2	Lượng cặn sau khi bay hơi 100 ml	ml	Max 0,05	TCVN 3165 (ASTM D 2158)
3	Ăn mòn tấm đồng, không lớn hơn		Loại 1	TCVN 8359 (ASTM D 1838)
4	Hàm lượng lưu huỳnh tổng	mg/kg	Max 140	TCVN 8363 (ASTM D 2784) hoặc ASTM D 6667
5	Thành phần			
-	Etan	%mol	Số liệu thông báo	
-	Hàm lượng butadien	%mol	Max 0,5	TCVN 8360 (ASTM D 2163)
-	Pentan và các chất nặng hơn	% thể tích	Max 2,0	
-	Olefin	% thể tích	Max 3,0	
6	Tỉ trọng ở 15°C	Kg/l	Số liệu thông báo	ASTM D 1657
7	Hàm lượng nước tự do	% khối lượng	Không có	Quan sát bằng mắt thường



## PHỤ LỤC 02

### ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ VỀ GIAO NHẬN HÀNG (Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)

#### A. PHƯƠNG THỨC CIF

#### MỤC 1. GIAO NHẬN HÀNG

- 1.4. HÀNG được BÊN BÁN vận chuyển bằng tàu chở HÀNG chuyên dụng (sau đây gọi tắt là “TÀU”) đến giao tại Cảng dỡ HÀNG của BÊN MUA như quy định tại Điều 4.3 của HỢP ĐỒNG. TÀU phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền cho phép vào giao HÀNG tại cảng dỡ HÀNG của BÊN MUA.
- 1.5. BÊN MUA có trách nhiệm thu xếp cầu cảng giao/nhận HÀNG đáp ứng các điều kiện an toàn trên cơ sở thời gian giao HÀNG quy định tại Điều 5 của Phụ lục 02.  
Trường hợp BÊN MUA không thu xếp cầu cảng để nhận HÀNG theo kế hoạch giao nhận HÀNG quy định tại Điều 2 – phần A của Phụ lục 02 hoặc cầu cảng dỡ HÀNG không đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật hiện hành, BÊN BÁN có quyền không giao HÀNG và/hoặc giao HÀNG chậm cho BÊN MUA.

#### MỤC 2. KẾ HOẠCH GIAO NHẬN HÀNG

- 2.1. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG từng tháng:
  - 2.1.1 Chậm nhất ngày 15 hàng tháng, BÊN MUA thông báo nhận HÀNG bằng văn bản cho BÊN BÁN tổng khối lượng HÀNG sẽ nhận và khối lượng HÀNG nhận từng chuyến tàu trong tháng kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.  
Trường hợp BÊN MUA không thông báo kế hoạch nhận HÀNG cho BÊN BÁN thì BÊN BÁN sẽ chủ động tự sắp xếp lịch giao hàng trong tháng đó với tổng khối lượng giao bằng với khối lượng đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.
  - 2.1.2 Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản kế hoạch giao HÀNG tháng của tháng kế tiếp trên cơ sở thông báo nhận HÀNG của BÊN MUA và kế hoạch sản xuất, phương tiện giao HÀNG của BÊN BÁN. Kế hoạch này là cơ sở để hai BÊN thực hiện giao hàng.
  - 2.1.3 Trường hợp BÊN MUA hoặc BÊN BÁN muốn điều chỉnh tổng khối lượng cam kết giao nhận HÀNG của tháng so với khối lượng cam kết quy định tại Điều 3 của HỢP ĐỒNG, Bên có nhu cầu thay đổi phải thông báo cho Bên kia và phải được BÊN BÁN/Đại diện có thẩm quyền của BÊN BÁN đồng ý xác nhận (bằng văn bản, email) thì sự thay đổi mới có hiệu lực thực hiện.
- 2.2 Kế hoạch giao nhận từng chuyến HÀNG:
  - Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh của mỗi Bên, kế hoạch giao nhận mỗi chuyến tàu trong tháng có thể điều chỉnh trên tinh thần hợp tác, đồng thuận.
  - Trường hợp BÊN BÁN/BÊN MUA có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch giao nhận

hàng của (từng) chuyến tàu trong tháng, Bên có nhu cầu thông báo với Bên kia về nhu cầu thay đổi để hai Bên trao đổi, thống nhất (bằng văn bản/email) trước khi thực hiện giao nhận HÀNG.

- Mỗi chuyến giao HÀNG, BÊN BÁN/Đại lý hàng hải của BÊN BÁN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và/hoặc email cho BÊN MUA ngày giao HÀNG dự kiến nằm trong khoảng thời gian 03 (ba) ngày giao HÀNG, khối lượng HÀNG giao với dung sai  $\pm 5\%$  và tên TÀU chậm nhất 02 (hai) ngày trước ngày đầu tiên của khoảng thời gian 03 (ba) ngày giao HÀNG như qui định tại Mục 2.1 – phần A nêu trên.
  - BÊN BÁN/Đại lý hàng hải của BÊN BÁN sẽ thông báo cho BÊN MUA thời gian dự kiến tàu đến cảng dỡ HÀNG trước 48 giờ và 24 giờ, 12 giờ.
- 2.3 Mọi thay đổi trong kế hoạch giao nhận HÀNG đã được hai Bên xác nhận, trừ các trường hợp quy định trong Bất khả kháng, phải được sự chấp thuận của Bên kia.

Ngoại trừ trường hợp Bất khả kháng, BÊN MUA có nghĩa vụ nhận đủ khối lượng HÀNG trong tháng kế hoạch (tháng M). Mọi điều chỉnh về thời gian giao HÀNG (nếu có) phải được sự thống nhất của BÊN BÁN. Trường hợp BÊN BÁN không có ý kiến bằng văn bản về thời gian giao HÀNG cho BÊN MUA khi BÊN MUA không nhận kịp HÀNG trong tháng, BÊN MUA được tự động gia hạn thời gian nhận HÀNG trong tháng kế tiếp (tháng M+1) hoặc theo thời hạn thông báo bằng văn bản của BÊN BÁN.

### **MỤC 3. GIÁM ĐỊNH HÀNG**

- 3.1 BÊN BÁN/Nhà cung cấp của BÊN BÁN bằng chi phí của mình sẽ chỉ định cơ quan giám định độc lập thực hiện và cấp chứng thư giám định khối lượng, chất lượng HÀNG tại Cảng xếp HÀNG.

Đơn vị đo đếm khối lượng HÀNG giao/nhận là Metric tấn (MT).

- 3.2 BÊN MUA bằng chi phí của mình sẽ chỉ định cơ quan giám định độc lập phải được BÊN BÁN chấp thuận để thực hiện cấp chứng thư giám định khối lượng HÀNG tại cảng dỡ HÀNG.

Trường hợp BÊN MUA thực hiện việc thuê cơ quan giám định độc lập thực hiện giám định và cấp chứng thư giám định Chất lượng tại cảng dỡ HÀNG để đối chiếu với chứng thư giám định chất lượng tại cảng xếp HÀNG, BÊN MUA phải thông báo cho BÊN BÁN tối thiểu 05 ngày trước ngày đầu tiên của khoảng thời gian 03 ngày giao HÀNG dự kiến như quy định tại Mục 2.2 – phần A của Phụ lục 02 nêu trên để BÊN BÁN phối hợp giám sát quá trình thực hiện lấy Mẫu giám định. Trường hợp BÊN MUA không thông báo cho BÊN BÁN về việc giám định chất lượng tại Cảng dỡ HÀNG như quy định nêu trên thì kết quả giám định tại Cảng dỡ HÀNG sẽ không có hiệu lực pháp lý đối với các khiếu nại của BÊN MUA về chất lượng HÀNG.

- 3.3 Chứng thư khối lượng do cơ quan giám định độc lập cấp tại Cảng dỡ HÀNG và chứng thư chất lượng do cơ quan giám định độc lập cấp tại Cảng xếp HÀNG là cơ sở để HAI BÊN thanh toán toàn bộ giá trị lô HÀNG đã giao nếu không có quy định nào khác của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- 3.4 Trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày hoàn tất giao HÀNG, BÊN MUA phải gửi cho BÊN BÁN 02 (hai) bản gốc chứng thư khối lượng HÀNG do cơ quan giám định độc lập cấp tại Cảng dỡ HÀNG để BÊN BÁN phát hóa đơn điều chỉnh (nếu có).
- 3.5 Trường hợp có tranh chấp về chất lượng HÀNG, Hai Bên thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định lại mẫu lưu khi xếp hàng. Kết quả giám định của đơn vị được chỉ định là cuối cùng và ràng buộc hai Bên. Chi phí giám định này do Bên làm sai chịu, trường hợp cả hai Bên đều sai thì chi phí giám định chia đều cho hai Bên.

#### **MỤC 4. CHỨNG TỪ GIAO NHẬN HÀNG**

BÊN BÁN giao cho BÊN MUA (đại diện của BÊN MUA khi giao HÀNG) bộ chứng từ giao nhận HÀNG gồm:

- + Bill of Lading (B/L) (01 bản sao)
- + Hóa đơn GTGT (01 bản gốc hoặc hóa đơn điện tử)
- + Chứng thư giám định chất lượng hoặc chứng chỉ của nhà sản xuất (01 bản sao)
- + Biên bản giao nhận HÀNG (01 bản gốc);

#### **MỤC 5. THỜI GIAN LÀM HÀNG (LAYTIME)**

- 5.1 Thời gian làm việc tại Cảng dỡ HÀNG: 24/24 giờ trong điều kiện thời tiết bình thường và luồng lạch cho phép, không ngoại trừ chủ nhật, ngày Lễ, Tết.
- 5.2 Thời gian làm HÀNG đối với mỗi chuyến HÀNG là [Khối lượng chuyến HÀNG/60 + 06 giờ (NOR)] bắt đầu kể từ thời điểm TÀU thông báo sẵn sàng làm HÀNG (NOR) cho đến khi tháo ống bơm tại Cảng dỡ HÀNG, ngoại trừ:
- TÀU đến sớm hơn Ngày giao/nhận HÀNG theo kế hoạch, thời gian làm HÀNG sẽ tính từ 06h00 sáng ngày giao/nhận HÀNG theo kế hoạch hoặc từ lúc BÊN BÁN chấp thuận cho TÀU vào làm HÀNG tùy thuộc thời điểm nào sớm hơn.
- TÀU đến muộn hơn ngày giao/nhận HÀNG theo kế hoạch, thời gian làm HÀNG sẽ tính từ khi TÀU cập cầu.
- 5.3 Địa điểm TÀU thông báo sẵn sàng làm HÀNG (NOR): Khu vực neo đậu thông thường do Cảng vụ khu vực Cảng dỡ HÀNG quy định hoặc tại Cảng dỡ HÀNG.
- 5.4 Thời gian làm HÀNG căn cứ theo Time Sheet của TÀU và NOR.
- 5.5 Thời gian làm HÀNG như đề cập ở Mục 5.2 – phần A của Phụ lục 02 bao gồm cả thời gian làm HÀNG áp dụng với khách hàng khác khi BÊN BÁN sử dụng một TÀU để vận chuyển và giao HÀNG cho BÊN MUA và khách hàng khác tại một cảng nêu tại Điều 4.2 của HỢP ĐỒNG.
- Việc trì hoãn cập cầu để làm hàng khi tàu đến và bất kỳ sự trì hoãn sau khi cập cầu nào do các điều kiện thời tiết sẽ được tính bằng một nửa thời gian làm hàng hoặc trong trường hợp có phạt lưu TÀU (demurrage), sẽ được tính tỷ lệ bằng một nửa phạt lưu TÀU.

## **B. PHƯƠNG THỨC FOB**

### **MỤC 1. GIAO NHẬN HÀNG**

- 1.1. BÊN MUA dùng XE BỒN chở HÀNG chuyên dụng của mình đến nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN như quy định tại Điều 4.1 của HỢP ĐỒNG. XE BỒN phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật để nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN.
- 1.2. BÊN BÁN có trách nhiệm thu xếp Kho giao nhận HÀNG đáp ứng các điều kiện an toàn trên cơ sở thời gian giao HÀNG quy định tại Mục 5 – phần B của Phụ lục 02.
- 1.3. Trường hợp BÊN MUA không thu xếp XE BỒN để nhận HÀNG theo kế hoạch giao nhận HÀNG quy định tại Mục 2 – phần B của Phụ lục 02 hoặc XE BỒN nhận HÀNG không đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật hiện hành, BÊN BÁN có quyền không giao HÀNG và/hoặc giao HÀNG chậm cho BÊN MUA.

### **MỤC 2. KẾ HOẠCH GIAO NHẬN HÀNG**

- 2.4. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG từng tháng:
  - 2.4.1. Chậm nhất ngày 15 hàng tháng, BÊN MUA thông báo nhận HÀNG bằng văn bản cho BÊN BÁN tổng khối lượng HÀNG sẽ nhận và khối lượng HÀNG nhận từng chuyến tàu trong tháng kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.  
Trường hợp BÊN MUA không thông báo kế hoạch nhận HÀNG cho BÊN BÁN thì BÊN BÁN sẽ chủ động tự sắp xếp lịch giao hàng trong tháng đó với tổng khối lượng giao bằng với khối lượng đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.
  - 2.4.2. Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản kế hoạch giao HÀNG của tháng kế tiếp trên cơ sở thông báo nhận HÀNG của BÊN MUA và kế hoạch kinh doanh, phương tiện giao HÀNG của BÊN BÁN. Kế hoạch này là cơ sở để hai BÊN thực hiện giao hàng.
- 2.5. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG theo tuần:
  - Chậm nhất vào ngày thứ Tư hàng tuần, BÊN MUA thông báo cho BÊN BÁN kế hoạch nhận HÀNG chi tiết từng ngày cho tuần kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn giao nhận HÀNG đã cam kết theo Biểu mẫu đăng ký nhận HÀNG kèm theo phụ lục này với dung sai  $\pm 10\%$  về khối lượng .
  - Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được đăng ký nhận HÀNG của BÊN MUA nêu trên, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản/email cho BÊN MUA kế hoạch giao HÀNG của tuần tiếp theo.  
Văn bản/Email này là một trong những cơ sở để hai Bên cam kết thực hiện HỢP ĐỒNG.
- 2.6. Điều chỉnh thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG:  
Mọi thay đổi trong kế hoạch giao nhận HÀNG từng tuần đã được hai bên xác nhận tại Mục 2.1, 2.2 – phần B của Phụ lục 02 bởi bất cứ Bên nào, trừ các trường hợp Bất khả kháng, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia.



Ngoại trừ trường hợp Bất khả kháng, BÊN MUA có nghĩa vụ nhận đủ khối lượng HÀNG trong tháng kế hoạch (tháng M). Mọi điều chỉnh về thời gian giao HÀNG (nếu có) phải được sự thống nhất của BÊN BÁN. Trường hợp BÊN BÁN không có ý kiến bằng văn bản về thời gian giao HÀNG cho BÊN MUA khi BÊN MUA không nhận kịp HÀNG trong tháng, BÊN MUA được tự động gia hạn thời gian nhận HÀNG trong tháng kế tiếp (tháng M+1) hoặc theo thời hạn thông báo bằng văn bản của BÊN BÁN.

### **MỤC 3: GIÁM ĐỊNH HÀNG**

#### **3.3. Đo đếm khối lượng HÀNG giao:**

Khối lượng HÀNG tính theo đồng hồ của hệ thống cân chuyên dụng tại Kho của BÊN BÁN (cân chuyên dụng phải có giấy chứng nhận kiểm định sai số của cơ quan kiểm định Nhà nước và còn hiệu lực). Đơn vị đo tính trong giao nhận là Metric tấn (MT).

#### **3.4. Giám định chất lượng:**

3.4.1. BÊN BÁN bằng chi phí của mình chỉ định cơ quan giám định độc lập để thực hiện và cấp chứng thư chất lượng HÀNG tại Kho BÊN BÁN.

3.4.2. Chứng thư chất lượng HÀNG được BÊN BÁN cung cấp cho BÊN MUA nếu BÊN MUA yêu cầu. Thời gian thực hiện giám định sẽ lấy chứng thư chất lượng HÀNG tồn chứa tại KHO của BÊN BÁN với mốc thời gian là 02 (hai) tuần so với thời điểm BÊN MUA yêu cầu.

3.4.3. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng HÀNG, Hai Bên thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định lại. Kết quả giám định của đơn vị được chỉ định là cuối cùng và ràng buộc Hai Bên. Chi phí giám định này do Bên làm sai chịu, trường hợp cả Hai Bên đều sai thì chi phí giám định chia đều cho Hai Bên.

### **MỤC 4. CHỨNG TỪ GIAO HÀNG:**

BÊN BÁN giao cho BÊN MUA (đại diện của BÊN MUA khi nhận HÀNG) bộ chứng từ gồm:

- Hóa đơn GTGT (01 bản gốc hoặc hóa đơn điện tử).
- Bản sao chứng thư chất lượng của cơ quan giám định độc lập cấp như qui định tại Mục 3.2 – phần B của Phụ lục này.
- Phiếu cân (Receipt) của từng chuyến hàng tại KHO của BÊN BÁN.

### **MỤC 5. THỜI GIAN GIAO NHẬN HÀNG:**

Thời gian giao nhận HÀNG tại KHO của BÊN BÁN là 24h/24h trong điều kiện thời tiết bình thường không ngoại trừ chủ nhật, ngày lễ, Tết.

### **MỤC 6. AN TOÀN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

6.3. XE BỒN của BÊN MUA phải có đầy đủ các giấy chứng nhận phù hợp theo quy định của Pháp luật, các quy định của nơi giao nhận HÀNG hiện hành và phải mua bảo hiểm với mức trách nhiệm dân sự cao nhất đối với người thứ ba theo qui định hiện hành.

6.4. XE BỒN của BÊN MUA vào nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN phải đáp ứng và tuân thủ theo “quy trình kiểm tra an toàn xe bồn LPG” do BÊN BÁN ban hành và áp dụng. XE BỒN của BÊN MUA sẽ không được phép vào nhận

HÀNG tại Kho của BÊN BÁN nếu chưa được BÊN BÁN kiểm tra và không xuất trình được cho bảo vệ Kho của BÊN BÁN các giấy tờ còn hiệu lực như sau:

- Giấy giới thiệu ghi đầy đủ thông tin về người đại diện của BÊN MUA được cử tới nhận HÀNG tại Kho của BÊN BÁN (Bản gốc hoặc bản scan màu của giấy giới thiệu được Đại diện có thẩm quyền của BÊN MUA gửi cho BÊN BÁN bằng email);
- Giấy chứng nhận Xe bồn đủ điều kiện vào/ra nhận HÀNG do BÊN BÁN cấp;
- Thẻ ra vào nhận HÀNG của lái xe hoặc nhân viên đại diện nhận HÀNG.

## **C. PHƯƠNG THỨC DES**

### **MỤC 1. GIAO NHẬN HÀNG**

1.1. HÀNG được BÊN BÁN dùng Xe bồn chở HÀNG chuyên dụng vận chuyển HÀNG đến giao tại Kho của BÊN MUA như quy định tại Điều 4.2 của HỢP ĐỒNG. XE BỒN phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật để giao HÀNG tại Kho của BÊN MUA.

1.2. BÊN MUA có trách nhiệm thu xếp Kho nhận HÀNG đáp ứng các điều kiện an toàn trên cơ sở thời gian giao HÀNG quy định tại Điều 5 – phần C của Phụ lục 02.

Trường hợp BÊN MUA không thu xếp Kho để nhận HÀNG theo kế hoạch giao nhận HÀNG quy định tại Mục 2 – phần C của Phụ lục 02 hoặc Kho nhận HÀNG không đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật hiện hành, BÊN BÁN có quyền không giao HÀNG và/hoặc giao HÀNG chậm cho BÊN MUA.

### **MỤC 2. KẾ HOẠCH GIAO NHẬN HÀNG**

2.1. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG từng tháng:

2.1.1. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, BÊN MUA thông báo nhận HÀNG bằng văn bản cho BÊN BÁN tổng khối lượng HÀNG sẽ nhận và khối lượng HÀNG nhận từng tuần trong tháng kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.

Trường hợp BÊN MUA không thông báo kế hoạch nhận HÀNG cho BÊN BÁN thì BÊN BÁN sẽ chủ động tự sắp xếp lịch giao hàng trong tháng đó với tổng khối lượng giao bằng với khối lượng đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.

2.1.2. Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản kế hoạch giao HÀNG của tháng kế tiếp trên cơ sở thông báo nhận HÀNG của BÊN MUA và kế hoạch kinh doanh, phương tiện giao HÀNG của BÊN BÁN. Kế hoạch này là cơ sở để hai BÊN thực hiện giao hàng.

2.2. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG theo tuần:

- Chậm nhất vào ngày thứ Tư hàng tuần, BÊN MUA thông báo cho BÊN BÁN kế hoạch nhận HÀNG chi tiết từng ngày cho tuần kế tiếp phù hợp với khối

lượng và thời hạn giao nhận HÀNG đã cam kết theo Biểu mẫu đăng ký nhận HÀNG kèm theo phụ lục này với dung sai  $\pm 10\%$  về khối lượng .

- Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được đăng ký nhận HÀNG của BÊN MUA nêu trên, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản/email cho BÊN MUA kế hoạch giao HÀNG của tuần tiếp theo.

Văn bản/Email này là một trong những cơ sở để hai Bên cam kết thực hiện HỢP ĐỒNG.

### 2.3. Điều chỉnh thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG:

Mọi thay đổi trong kế hoạch giao nhận HÀNG từng tuần đã được hai bên xác nhận tại Mục 2.1, 2.2 – phần C của Phụ lục 02 bởi bất cứ Bên nào, trừ các trường hợp Bất khả kháng, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia.

Ngoại trừ trường hợp Bất khả kháng, BÊN MUA có nghĩa vụ nhận đủ khối lượng HÀNG trong tháng kế hoạch (tháng M). Mọi điều chỉnh về thời gian giao HÀNG (nếu có) phải được sự thống nhất của BÊN BÁN. Trường hợp BÊN BÁN không có ý kiến bằng văn bản về thời gian giao HÀNG cho BÊN MUA khi BÊN MUA không nhận kịp HÀNG trong tháng, BÊN MUA được tự động gia hạn thời gian nhận HÀNG trong tháng kế tiếp (tháng M+1) hoặc theo thời hạn thông báo bằng văn bản của BÊN BÁN.

## MỤC 3: GIÁM ĐỊNH HÀNG

### 3.1 Đo đếm khối lượng HÀNG giao:

Khối lượng HÀNG tính theo đồng hồ của hệ thống cân chuyên dụng tại Kho của BÊN BÁN (cân chuyên dụng phải có giấy chứng nhận kiểm định sai số của cơ quan kiểm định Nhà nước và còn hiệu lực). Đơn vị đo tính trong giao nhận là Metric tấn (MT).

### 3.2 Giám định chất lượng:

3.2.1 BÊN BÁN bằng chi phí của mình chỉ định cơ quan giám định độc lập để thực hiện và cấp chứng thư chất lượng HÀNG tại kho BÊN BÁN.

3.2.2 Chứng thư chất lượng HÀNG được BÊN BÁN cung cấp cho BÊN MUA nếu BÊN MUA yêu cầu. Thời gian thực hiện giám định sẽ lấy chứng thư chất lượng HÀNG tồn chứa tại KHO với mốc thời gian là 02 (hai) tuần so với thời điểm BÊN MUA yêu cầu.

3.2.3 Trường hợp có tranh chấp về chất lượng HÀNG, Hai Bên thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định lại. Kết quả giám định của đơn vị được chỉ định là cuối cùng và ràng buộc Hai Bên. Chi phí giám định này do Bên làm sai chịu, trường hợp cả Hai Bên đều sai thì chi phí giám định chia đều cho Hai Bên.

## MỤC 4. CHỨNG TỪ GIAO HÀNG:

BÊN BÁN giao cho BÊN MUA (đại diện của BÊN MUA khi nhận HÀNG) bộ chứng từ gồm:

- Hóa đơn GTGT (01 bản gốc hoặc hóa đơn điện tử).
- Bản sao chứng thư chất lượng của cơ quan giám định độc lập cấp như qui định

tại Mục 3.2 – phần C của Phụ lục này.

- Phiếu cân (Receipt) của từng chuyến hàng tại KHO của BÊN BÁN.

**MỤC 5. THỜI GIAN GIAO NHẬN HÀNG:**

Thời gian giao nhận HÀNG tại KHO của BÊN MUA là 24h/24h trong điều kiện thời tiết bình thường không ngoại trừ chủ nhật, ngày lễ, Tết.



**CÔNG TY:**  
**ĐỊA CHỈ:**  
**ĐT:**  
**FAX:**

**BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ NHẬN HÀNG (FOB, DES XE BỒN)**

**Địa điểm xuất:** Kho LPG \_\_\_\_\_.

**Tên hàng:** LPG \_\_\_\_\_

**TỪ NGÀY :** \_\_\_\_\_

**Quy cách:** C3/C4: 50/50

**ĐẾN NGÀY:** \_\_\_\_\_

	Khối lượng đăng ký nhận từng ngày trong tuần: Tấn							Tổng KL/Tuần (+/-10%)	Số xe bồn nhận hàng	Ghi chú
	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6			
	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)			
Kế hoạch nhận hàng của BÊN MUA								0		HỢP ĐỒNG số ___/20___/KDK- ___/B2
Xác nhận số lượng của BÊN BÁN								0		HỢP ĐỒNG số ___/20___/KDK- ___/B2

Ngày tháng năm 20\_\_

**XÁC NHẬN CỦA PVGAS TRADING**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ NHẬN HÀNG**

## **PHỤ LỤC 03**

### **ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ VỀ THANH TOÁN**

**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)**

#### **MỤC 1. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO ĐẢM THANH TOÁN**

##### **1.1 Yêu cầu về việc cung cấp Bảo lãnh Ngân hàng:**

Trước khi giao/nhận chuyển HÀNG đầu tiên, BÊN MUA phải cung cấp cho BÊN BÁN bản gốc Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng hoặc thanh toán trước giá trị nhận HÀNG.

##### **1.2 Yêu cầu đối với Bảo lãnh thanh toán được BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN:**

- Ngân hàng bảo lãnh do BÊN MUA chỉ định và phải được BÊN BÁN chấp thuận.
- Mọi chi phí liên quan tới Bảo lãnh Ngân hàng do BÊN MUA chịu.
- Bảo lãnh thanh toán phải phù hợp với Biểu mẫu “Thư bảo lãnh thanh toán” quy định tại Phụ lục này và có giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định tại Điều 6.1.2 của HỢP ĐỒNG.
- Nếu trước 15 ngày của ngày hết hiệu lực BLTT mà BÊN BÁN chưa nhận được BLTT mở mới (hoặc tu chỉnh BLTT) theo các điều khoản của HỢP ĐỒNG, thì BÊN BÁN có quyền giải ngân BLTT ngay cả trong trường hợp tiền hàng chưa đến hạn thanh toán.

##### **1.3 Trường hợp BÊN MUA không cung cấp cho BÊN BÁN bảo lãnh thanh toán hoặc Bảo lãnh thanh toán được cung cấp không phù hợp với toàn bộ các yêu cầu như quy định tại Mục 1.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền không giao cho BÊN MUA khối lượng HÀNG như đã cam kết tại Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm HỢP ĐỒNG như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.**

##### **1.4 Trường hợp BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN bảo lãnh Ngân hàng không đúng hạn theo yêu cầu như quy định tại Mục 1.1 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền dời ngày giao HÀNG dự kiến cho BÊN MUA đến khi nhận được Bảo lãnh thanh toán của BÊN MUA (nhưng không chậm quá 02 ngày) như yêu cầu tại Mục 1.2 của Phụ lục 03 và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc chậm giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.**

##### **1.5 BÊN BÁN chỉ giao khối lượng HÀNG trong phạm vi giá trị bảo lãnh thanh toán.**

##### **1.6 Trường hợp dự kiến sau khi giao chuyển hàng kế tiếp, tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh với giá trị X, BÊN BÁN chỉ cấp chuyển hàng kế tiếp với điều kiện:**

- BÊN MUA thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền HÀNG tương ứng số tiền X để đảm bảo tổng công nợ sau khi giao/nhận chuyển hàng tiếp theo không vượt quá giá trị bảo lãnh hoặc ;
  - BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X.
  - Trường hợp dự kiến tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh sau khi giao chuyển hàng kế tiếp mà BÊN MUA không thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền HÀNG giá trị X hoặc không mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X, BÊN BÁN có quyền ngừng hoặc không giao phần HÀNG có giá trị X cho BÊN MUA mà không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này, đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.
- 1.7 Trường hợp BÊN MUA không thanh toán cho BÊN BÁN đúng ngày đáo hạn như quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh của BÊN MUA thanh toán toàn bộ giá trị các chuyển HÀNG đã nhận phù hợp với nội dung thư Bảo đảm của Ngân hàng.

## ĐIỀU 2. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ THANH TOÁN

### 2.1 Lập hoá đơn:

Vào mỗi đợt giao hàng, BÊN BÁN sẽ lập hóa đơn giao cho BÊN MUA theo công thức:

Giá trị = Đơn giá x khối lượng.

Trong đó:

Đơn giá quy định tại Điều 5 của HỢP ĐỒNG.

Khối lượng quy định tại Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG.

### 2.2 Thời hạn thanh toán:

2.2.1 Đối với giao/nhận bằng tàu: Trả trước tiền hàng hoặc thanh toán trả chậm **90 (chín mươi)** ngày kể từ ngày ký phát Bill of Lading (B/L) (ngày B/L được tính là ngày 0) trong trường hợp BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán.

2.2.2 Đối với giao/nhận bằng xe bồn: Trả trước tiền hàng hoặc trả chậm được chia làm 03 (ba) lần trong trường hợp BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán:

- Lần 1: Thanh toán trước ngày 05 của tháng M+3 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyển hàng xuất từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng giao nhận HÀNG (tháng M);
- Lần 2: Thanh toán trước ngày 15 của tháng M+3 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyển hàng xuất từ ngày 11 đến ngày 20 của tháng giao nhận HÀNG (tháng M);
- Lần 3: Thanh toán trước ngày 25 của tháng M+3 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyển hàng xuất từ ngày 21 đến ngày cuối cùng của tháng giao nhận HÀNG (tháng M).

Trường hợp ngày đến hạn thanh toán vào ngày nghỉ thì thanh toán vào ngày làm việc gần nhất trước ngày đến hạn thanh toán; trường hợp ngày đến hạn thanh

toán vào ngày lễ, Tết thì thanh toán vào ngày làm việc gần nhất sau ngày đến hạn thanh toán.

2.2.3 Đối với hoá đơn điều chỉnh: **30** (ba mươi) ngày kể từ ngày BÊN BÁN phát hoá đơn điều chỉnh.

2.2.4 Đối với tiền phạt do vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại: trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên bị vi phạm có văn bản yêu cầu thanh toán/bồi thường thiệt hại do vi phạm của bên vi phạm.

2.3 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.4 Thời điểm BÊN MUA thanh toán: Thời điểm Ngân hàng BÊN BÁN ghi “Có” vào tài khoản của BÊN BÁN.

2.5 Đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

2.6 Phạt thanh toán chậm:

Trường hợp BÊN MUA thanh toán không đúng hạn theo Mục 2.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền:

2.6.1 Phạt do BÊN MUA thanh toán chậm tiền mua HÀNG cho BÊN BÁN. Cụ thể như sau:

- Số ngày chậm thanh toán (n) được tính bằng cách lấy số ngày thực tế vượt quá thời hạn thanh toán theo quy định.
- Nếu số ngày chậm thanh toán nằm trong khoảng từ 01 đến 15 ngày, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA khoản tiền chậm thanh toán với giá trị phạt (G1) được xác định theo công thức sau:

$$G1 = \frac{n * S_i * V}{365}$$

- Trường hợp số ngày chậm thanh toán lớn hơn 15 ngày, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA khoản tiền chậm thanh toán bằng 150% số tiền nợ quá hạn thanh toán (V). Việc xác định giá trị phạt (G2) được tính toán theo công thức sau:

$$G2 = \frac{150% * n * S_i * V}{365}$$

Trong đó:

- n: Là số ngày chậm thanh toán.
- $S_i$ : Là lãi suất cho vay ngắn hạn do Ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm tính phạt
- V: Là tổng số tiền nợ quá hạn thanh toán (nợ tiền HÀNG hoặc tiền phạt, bồi thường HỢP ĐỒNG) bị tính phạt.



2.6.3 Ngừng giao HÀNG/giao HÀNG chậm cho BÊN MUA. Trong trường hợp này, BÊN BÁN không phải chịu các khoản phạt vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại do hủy toàn bộ hay một phần cam kết giao HÀNG. Đồng thời, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA do vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại theo điều kiện Phạt do hủy toàn bộ hay một phần cam kết như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.

**BIỂU MẪU THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**  
**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)**

**THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**

**BÊN THỤ HƯỞNG: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ**

Địa chỉ: Lầu 11, PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển,  
Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ HĐKT số:..... /20\_\_ /KDK-\_\_ /B4 ngày ..... tháng ..... năm 20\_\_ (Sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) được ký kết giữa **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ** (sau đây gọi là **BÊN BÁN**) và **Công ty** \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là **BÊN MUA**) về việc **BÊN BÁN** bán cho **BÊN MUA** khí hóa lỏng (sau đây gọi là **HÀNG**);

Theo quy định của HỢP ĐỒNG, **BÊN MUA** phải cung cấp **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** cho **BÊN BÁN**. Theo yêu cầu của **BÊN MUA**, Chúng tôi, *[tên, địa chỉ của Ngân hàng phát hành THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN]* cam kết chịu trách nhiệm trả cho **BÊN BÁN** trong thời hạn hiệu lực của **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này một phần hoặc toàn bộ không vượt quá tổng số tiền: ..... (bằng chữ: .....) kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản chính thức của **BÊN BÁN** tuyên bố rằng **BÊN MUA** không thanh toán cho **BÊN BÁN** tiền **HÀNG**, tiền phạt vi phạm và bồi thường theo quy định của HỢP ĐỒNG.

**THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này có thời hạn hiệu lực **từ ngày phát hành đến hết ngày ....., sau đó sẽ tự động hết hiệu lực** (*Trường hợp ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì ngày hết hiệu lực được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo*). **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này không hủy ngang và chỉ có duy nhất một bản gốc do **BÊN BÁN** giữ, bản sao không có giá trị.

**THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này có phạm vi bảo lãnh cho toàn bộ giá trị tiền **HÀNG**, tiền phạt vi phạm và bồi thường mà **BÊN MUA** phải trả cho **BÊN BÁN** phát sinh theo quy định tại HỢP ĐỒNG, các phụ lục sửa đổi bổ sung HỢP ĐỒNG và các văn bản là một phần không tách rời của HỢP ĐỒNG được **HAI BÊN** ký kết, xác nhận.

Mọi yêu cầu thanh toán của **BÊN BÁN** liên quan đến **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này phải được gửi đến trụ sở của Ngân hàng qua *[tên, địa chỉ của Ngân hàng/Chi nhánh phát hành THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN]* hoặc *[tên, địa chỉ của Ngân hàng/Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, trong trường hợp Ngân hàng phát hành ngoài địa bàn TP.Hồ Chí Minh]*(đơn vị hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh) trong thời gian làm việc của Ngân hàng và chậm nhất vào ngày hết hiệu lực của **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**”.

Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này đều phải được sự đồng ý bằng văn bản của **BÊN THỤ HƯỞNG (BÊN BÁN)**.

**Ngân hàng phát hành**  
(Ký tên đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (TÀU)**

**Số: /KDK-KMN/B4**

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng số 87/2018/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/08/2018;

Căn cứ kết quả bán đấu giá LPG có nguồn gốc từ Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ 06 tháng đầu năm 2022;

Căn cứ Biên bản số ...;

Hôm nay, ngày tháng năm , HAI BÊN gồm:

**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN -  
CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ**

(Sau đây được gọi là “BÊN BÁN”)

Địa chỉ : Lầu 11, PVGAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : 028.37840220  
Fax : 028.37840215  
Tài khoản tiền Việt : 0721005161653  
Ngân hàng : Ngoại thương Việt Nam – CN. Kỳ Đồng TP.HCM  
Mã số thuế : 3500102710-023  
Đại diện bởi : Ông Hoàng Việt Dũng  
(Theo Ủy quyền số 64/UQ-KDK ngày 15/12/2021)  
Chức vụ : Phó Giám đốc

**Và:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

(Sau đây được gọi là “BÊN MUA”)

Địa chỉ : 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM  
Điện thoại : 028.39100324  
Fax : 028.39100097  
Tài khoản tiền Việt : 1607201000031  
Ngân hàng : Agribank – Chi nhánh Phan Đình Phùng  
Mã số thuế : 0305097236  
Đại diện bởi Bà : Ông Trần Anh Dũng  
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Ủy quyền : Số 13/UQ-KMN ký ngày 12/04/2021

BÊN BÁN và BÊN MUA sau đây được gọi chung là “Các Bên”, “Hai Bên”, hoặc gọi riêng là “Mỗi Bên” hoặc “Một Bên”.

Các bên Thỏa thuận ký kết HỢP ĐỒNG mua bán Khí hóa lỏng này (sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) với Điều khoản, Điều kiện được quy định dưới đây:

### **ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

- HÀNG: Là hỗn hợp của Propane và Butane do Nhà máy xử lý khí Dinh Cố sản xuất (sau đây được gọi là “HÀNG” hoặc “LPG”) có các đặc tính, chất lượng phù hợp với các quy định của HỢP ĐỒNG.
- BÊN BÁN đồng ý bán, BÊN MUA đồng ý mua, nhận và thanh toán tiền HÀNG với khối lượng, xuất xứ và chất lượng HÀNG phù hợp với các Điều khoản và Điều kiện của HỢP ĐỒNG này.

### **ĐIỀU 2. THỜI HẠN HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- 2.1. HỢP ĐỒNG có hiệu lực kể từ ngày ký HỢP ĐỒNG đến hết ngày **31/12/2023**.
- 2.2. Sau thời hạn hiệu lực HỢP ĐỒNG, Hai Bên vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các khoản bồi thường, phạt hoặc công nợ phát sinh cho đến khi hoàn thành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của HỢP ĐỒNG.

### **ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, XUẤT XỨ VÀ CHẤT LƯỢNG**

3.5. Khối lượng:

**3.5.1.** Khối lượng giao nhận sẽ được hai Bên thống nhất bằng Phụ lục Hợp đồng.

**3.5.2.** Khối lượng giao/nhận quy định tại mục 3.1.1 nằm trong dung sai  $\pm 10\%$  do BÊN BÁN quyết định. Việc tăng/ giảm khối lượng ngoài dung sai  $\pm 10\%$  chỉ thực hiện khi HAI BÊN đồng ý bằng văn bản hoặc khi sản lượng của Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố giảm so với kế hoạch dự kiến, BÊN BÁN có trách nhiệm thông báo cho BÊN MUA bằng văn bản trước tối thiểu **01 (một) ngày** khi dự kiến giảm khối lượng tương ứng.

3.6. Xuất xứ: HÀNG được BÊN BÁN cung cấp cho BÊN MUA có nguồn gốc từ Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố hoặc nguồn khác có chất lượng tương đương.

3.7. Chất lượng: Tỷ lệ Propane (C3)/Butane (C4) như thông báo của PVGAS và theo đặc tính kỹ thuật quy định tại Phụ lục 01 đính kèm HỢP ĐỒNG này.

### **ĐIỀU 4. GIAO NHẬN HÀNG**

4.1. Phương thức giao nhận: BÊN BÁN vận chuyển bằng TÀU chở HÀNG chuyên dụng (sau đây gọi tắt là “TÀU”) đến giao tại Cảng dỡ HÀNG của BÊN MUA như quy định tại Điều 4.2 dưới đây.

4.2. Địa điểm giao nhận: tại Cảng dỡ HÀNG đáp ứng các điều kiện an toàn theo các quy định pháp luật hiện hành của BÊN MUA/do BÊN MUA chỉ định tại khu vực **Nhon Trạch, Biên Hòa – Đồng Nai**

4.3. Điều khoản cụ thể về giao nhận HÀNG: như quy định tại Phụ lục 02 đính kèm HỢP ĐỒNG.

### **ĐIỀU 5. ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG**

$$P = (CP + Pre) \times TG \times (1 + \%GTGT)$$

Trong đó:



- P: Đơn giá HÀNG được tính bằng Đồng Việt Nam cho một tấn HÀNG tính theo điều kiện giao hàng (VND/MT), đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm các loại thuế, phí khác (nếu có phát sinh) theo qui định của Nhà nước.
- CP: là giá cho một tấn hỗn hợp Propane (C<sub>3</sub>) và Butane (C<sub>4</sub>) tiêu chuẩn. CP được xác định theo công thức sau:

$$CP = \%C3 \times CP_{C3} + \%C4 \times CP_{C4}$$

- o CP<sub>C3</sub>, CP<sub>C4</sub>: là giá do công ty Aramco của Ả-rập Xê-út công bố hàng tháng cho một tấn Propane tiêu chuẩn và một tấn Butane tiêu chuẩn.
- o %C<sub>3</sub>, %C<sub>4</sub>: là phần trăm khối lượng Propane, Butane được xác định theo chứng thư chất lượng LPG do cơ quan giám định độc lập cấp cho từng chuyến hàng.
- o CP được áp dụng trên cơ sở CP(C<sub>3</sub>) và CP(C<sub>4</sub>) với tỷ lệ khối lượng C<sub>3</sub>/C<sub>4</sub> là 50/50.
- Pre: là mức phụ phí thị trường được tính theo USD (Premium) cho một tấn sản phẩm LPG.

$$Pre = T \times CP + (1+T) \times N$$

- o T: Hệ số điều chỉnh giá bán LPG Dinh Cỏ theo thị trường LPG nhập khẩu và có giá trị tương đương mức thuế suất thuế nhập khẩu LPG hiện hành của Nhà nước tại ngày ký phát vận đơn (Bill of Lading – B/L).
- o N: Giá đầu giá thành công tại từng giai đoạn đầu giá.
- %GTGT: là thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với LPG theo quy định của Nhà nước tại ngày ký phát vận đơn (Bill of Lading – B/L)..
- TG: là tỷ giá bán ra của đồng Đôla Mỹ (USD) được chuyển đổi sang Việt Nam Đồng (VNĐ) do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm sau cùng của ngày ký phát vận đơn (Bill of Lading – B/L). Trường hợp ngày ký phát B/L rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết thì áp dụng tỷ giá của ngày làm việc gần nhất trước ngày ký phát B/L.

## **ĐIỀU 6. THANH TOÁN**

### 6.1. Hình thức thanh toán

BÊN MUA được quyền lựa chọn một trong hai hình thức thanh toán tiền HÀNG như quy định tại điều 6.1.1, 6.1.2 dưới đây:

6.1.1. Thanh toán trả tiền trước ngày dự kiến giao nhận HÀNG, hoặc:

6.1.2. Thanh toán trả chậm với điều kiện BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán có giá trị và hiệu lực như sau:

- Giá trị tối thiểu của Bảo lãnh thanh toán bằng **160%** giá trị tiền HÀNG giao nhận 01 (một tháng) theo HỢP ĐỒNG;
- Hiệu lực của Bảo lãnh thanh toán không sớm hơn ngày ... hoặc ngày giao hàng cuối cùng cộng 60 ngày, tùy thời điểm nào đến sau.

6.2. Điều khoản cụ thể về thanh toán : như quy định tại Phụ lục 03 đính kèm HỢP ĐỒNG này.

## **ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

## 7.1. Phạt vi phạm HỢP ĐỒNG:

7.1.1. Trường hợp một trong hai Bên hủy việc giao/nhận một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG mà hai Bên đã ký cam kết theo Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia thì Bên kia có quyền phạt Bên vi phạm khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá khối lượng HÀNG hủy. Cơ sở để xác định giá trị phạt như sau:

- Trị giá khối lượng HÀNG hủy được xác định bằng khối lượng HÀNG hủy nhân với Đơn giá HÀNG quy định tại Điều 5 với CP của tháng giao HÀNG theo kế hoạch (đơn giá không bao gồm thuế GTGT và tỷ giá quy đổi USD/VND được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt).
- Căn cứ xác định do hủy một phần hay toàn bộ cam kết là thông báo/xác nhận giao nhận HÀNG hàng tháng hoặc văn bản thông báo hủy việc giao nhận HÀNG theo tháng của BÊN BÁN hoặc BÊN MUA.

7.1.2. Trường hợp một trong hai Bên hủy việc giao/nhận HÀNG theo chuyến như quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 02 thì Bên bị vi phạm có quyền phạt Bên hủy giao/nhận HÀNG khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá chuyến HÀNG. Cơ sở để xác định giá trị phạt như sau:

- Trị giá chuyến HÀNG được xác định bằng khối lượng HÀNG trong thông báo theo Mục 2.2 của Phụ lục 02 nhân với Đơn giá HÀNG quy định tại Điều 5 với CP của tháng giao HÀNG theo kế hoạch (đơn giá không bao gồm thuế GTGT và tỷ giá quy đổi USD/VND được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt)
- Căn cứ xác định việc hủy giao/nhận HÀNG theo chuyến là văn bản thông báo hủy chuyến HÀNG của BÊN BÁN hoặc BÊN MUA.

7.1.3. Trong cả 02 trường hợp nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2, BÊN BÁN có quyền bán toàn bộ khối lượng HÀNG mà BÊN MUA không nhận/nhận chậm hơn 10 ngày theo kế hoạch. Toàn bộ các chi phí phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn các tổn thất do chênh lệch giá bán sẽ do BÊN MUA chịu kể cả trong trường hợp chênh lệch phần giá này vượt giá trị như đã nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2 ở trên.

## 7.2. Bồi thường thiệt hại:

7.2.1 Trường hợp thời gian làm HÀNG thực tế vượt quá thời gian làm HÀNG quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 02 do lỗi của BÊN MUA, thì BÊN MUA phải bồi thường thiệt hại cho BÊN BÁN khoản tiền phạt lưu tàu 9.000 USD/ngày (Chín ngàn đôla Mỹ/ngày) theo số giờ làm HÀNG chậm và theo tỷ lệ phần ngày (pro-rata) theo ASBANTANKVOY.

Căn cứ để xác định thời gian làm HÀNG chậm: Thông báo sẵn sàng làm HÀNG (NOR); Timesheet của TÀU; Biên bản hiện trường (nếu có).

7.2.2 Trường hợp BÊN MUA thông báo hủy hoặc điều chỉnh thời gian giao nhận HÀNG sau khi BÊN BÁN điều động TÀU vận chuyển đến cảng dỡ HÀNG của BÊN MUA thì ngoài việc bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG do hủy giao/nhận HÀNG như quy định tại Điều 7.1, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN chi phí vận chuyển thực tế phát sinh do không giao được HÀNG theo kế hoạch đã xác nhận.

7.2.3 BÊN BÁN sẽ bồi thường thiệt hại cho BÊN MUA khi tàu vào giao hàng có va chạm gây hư hỏng, tổn hại cho hệ thống cầu cảng đã được các đơn vị liên quan (tàu, BÊN MUA, đơn vị cầu cảng) lập biên bản tại hiện trường. Số tiền BÊN BÁN bồi thường sẽ là những chi phí hợp lý để khắc phục, sửa chữa các hư hỏng, tổn hại đã được đơn vị chủ quản cầu cảng phát hoá đơn GTGT, chứng từ hợp lệ yêu cầu BÊN MUA thanh toán.

7.2.4 Trong cả 02 trường hợp nêu tại Điều 7.1, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN giá trị các thiệt hại và tổn thất trực tiếp liên quan do việc hủy toàn bộ hay một phần cam kết giao/nhận và/hoặc không giao/nhận HÀNG theo chuyến của BÊN MUA gây ra đối với BÊN BÁN, mà không phụ thuộc vào việc BÊN MUA bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG theo quy định tại Điều 7.1.1, 7.1.2.

#### **ĐIỀU 8. QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO**

Quyền sở hữu và toàn bộ rủi ro của HÀNG sẽ được chuyển từ BÊN BÁN sang BÊN MUA tại thời điểm HÀNG đi qua mặt bích giữa ống bom HÀNG trên Tàu của BÊN BÁN và ống nhận HÀNG vào kho chứa HÀNG của BÊN MUA tại Cảng dỡ HÀNG.

#### **ĐIỀU 9. BẢO HIỂM**

BÊN BÁN mua bảo hiểm cho toàn bộ khối lượng HÀNG giao nhận theo HỢP ĐỒNG cho tới khi quyền sở hữu và rủi ro của HÀNG được chuyển qua BÊN MUA theo qui định tại Điều 8 của HỢP ĐỒNG và các quy định, thông lệ của cơ quan bảo hiểm và luật pháp hiện hành.

#### **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

10.1. HỢP ĐỒNG tự động chấm dứt vào ngày hết hiệu lực như quy định tại Điều 2 của HỢP ĐỒNG.

10.2. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt HỢP ĐỒNG trước thời hạn.

10.3. Nếu một trong hai Bên vi phạm các Điều khoản của HỢP ĐỒNG thì Bên kia có thể chấm dứt HỢP ĐỒNG ngay lập tức sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên kia mà Bên vi phạm vẫn không tuân thủ các Điều khoản HỢP ĐỒNG.

10.4. Một trong hai Bên bị phá sản, mất khả năng thanh toán, giải thể, trưng dụng, tịch biên.

10.5. HỢP ĐỒNG có thể chấm dứt vì lý do Bất khả kháng như qui định tại Điều 11.3 của HỢP ĐỒNG.

#### **ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG**

11.9. Các trường hợp được gọi là Bất khả kháng nếu một trong hai Bên không thực hiện được trách nhiệm của mình trong HỢP ĐỒNG này do những nguyên nhân khách quan ngoài sự kiểm soát của mình bao gồm nhưng không giới hạn một trong các trường hợp được nêu dưới đây:

- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, khủng bố, bệnh dịch;
- Các sự cố khách quan xảy ra với hệ thống sản xuất khí, tồn chứa và vận chuyển HÀNG của BÊN BÁN không phải do sự bất cẩn của BÊN BÁN;

- Các sự cố làm ảnh hưởng đến việc khai thác dầu thô, Khí và lịch lắp đặt chạy thử làm giảm sản lượng LPG sản xuất của BÊN BÁN;
- 11.10. Bên bị ảnh hưởng bởi Bất khả kháng không chịu trách nhiệm về các mất mát, tổn thất hoặc chi phí đối với Bên kia do không thể thực hiện được các trách nhiệm của mình theo HỢP ĐỒNG này do Bất khả kháng như qui định tại Điều 11.1 sau khi Bên bị ảnh hưởng đã:
- Ngay lập tức nhưng không muộn quá 02 (hai) ngày, thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện Bất khả kháng;
  - Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi thông báo nêu trên, cung cấp cho bên kia bản xác nhận của các cơ quan chức năng chủ quản có thẩm quyền xác thực sự kiện Bất khả kháng và thời gian dự kiến cần thiết khắc phục các hậu quả của Bất khả kháng.
- 11.11. Nếu Bất khả kháng kéo dài liên tục quá 30 (ba mươi) ngày, mỗi Bên có quyền chấm dứt HỢP ĐỒNG sau khi thông báo bằng văn bản trước 07 (bảy) ngày so với ngày dự kiến chấm dứt HỢP ĐỒNG cho Bên kia và được Bên kia xác nhận. Nếu đến ngày dự kiến chấm dứt HỢP ĐỒNG mà Bên kia không trả lời thì ngày dự kiến này sẽ là ngày chấm dứt HỢP ĐỒNG
- 11.12. Các tình huống bất khả kháng không áp dụng đối với mọi nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán tiền HÀNG, tiền phạt hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ LUẬT ÁP DỤNG**

- 12.1. Các tranh chấp hay khiếu nại phát sinh từ hoặc liên quan đến HỢP ĐỒNG này sẽ được đại diện của hai Bên giải quyết thông qua thương lượng.
- 12.2. Nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên đưa ra thông báo yêu cầu giải quyết tranh chấp mà đại diện của hai Bên vẫn không giải quyết được thông qua thương lượng thì tranh chấp đó được đưa ra Tòa án nhân dân tại Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng để các bên thực hiện. Án phí do Bên thua kiện chịu.
- 12.3. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu không có thỏa thuận nào khác của Hai Bên về tạm dừng hoặc chấm dứt HỢP ĐỒNG thì hai Bên vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện HỢP ĐỒNG.
- 12.4. Tuân thủ quy định về điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng:
- 12.4.1. BÊN MUA chịu trách nhiệm cập nhật, cung cấp cho BÊN BÁN giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng phù hợp với các quy định tại các văn bản pháp luật liên quan.
- 12.4.2. BÊN MUA cam kết thực hiện tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng giao/nhận theo HỢP ĐỒNG này trong phạm vi hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng được Pháp luật cho phép. BÊN MUA chịu trách nhiệm hoàn toàn với mọi hành vi kinh doanh không phù hợp với các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng.



- 12.4.3. Trường hợp BÊN MUA vi phạm Điều 12.4.2, BÊN BÁN có quyền đơn phương ngừng thực hiện HỢP ĐỒNG mà không phải chịu bất kỳ khoản phạt vi phạm hoặc bồi thường nào đối với BÊN MUA.
- 12.5. Luật điều chỉnh HỢP ĐỒNG này là luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 12.6. Nếu có bất kì khiếu nại nào, bên khiếu nại phải đệ trình bằng văn bản cho bên bị khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày B/L, ngoại trừ khiếu nại về chất lượng và khối lượng trong vòng 20 ngày, nếu chậm trễ hơn thời gian trên sẽ được coi như là từ bỏ quyền khiếu nại.
- 12.7. Bên bị khiếu nại được phép tranh cãi khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên bị khiếu nại không có bất kỳ ý kiến gì thì khiếu nại coi như đã được chấp thuận và phải trả các khoản chi phí liên quan đến vấn đề khiếu nại nói trên ngay lập tức cho bên khiếu nại.

### **ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 13.1. HỢP ĐỒNG này bao gồm các Điều kiện và Điều khoản của HỢP ĐỒNG và các Phụ lục (01, 02, 03) lập thành một phần và là bộ phận không tách rời của HỢP ĐỒNG.
- 13.2. Trường hợp có bất kỳ sự khác biệt hoặc xung đột nào giữa:
- 13.2.1 Các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG với các Phụ lục của HỢP ĐỒNG thì các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG sẽ được dùng để áp dụng;
- 13.2.2 Các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG với các sửa đổi, bổ sung thì các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG sẽ được dùng để áp dụng;
- 13.2.3 Các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG thì các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG có ngày ký muộn hơn sẽ được dùng để áp dụng.
- 13.3. Không Bên nào có quyền chuyển nhượng quyền lợi và nghĩa vụ của mình qui định tại HỢP ĐỒNG này cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.
- 13.4. Toàn bộ nội dung HỢP ĐỒNG được Hai Bên cam kết bảo mật và không Bên nào được tiết lộ các điều khoản của HỢP ĐỒNG này cho Bên thứ ba mà không được sự chấp thuận của Bên kia.
- 13.5. BÊN BÁN khuyến cáo BÊN MUA không thực hiện chiết nạp LPG được mua từ BÊN BÁN theo cam kết HỢP ĐỒNG này vào các bình gas mini, các bình chứa LPG hoặc các phương tiện tồn chứa LPG khác không đáp ứng đủ điều kiện tồn trữ theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 13.6. Bất kỳ sự sửa chữa, thay đổi hay bổ sung cho HỢP ĐỒNG sẽ chỉ có hiệu lực khi chúng được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các Bên.
- 13.7. HỢP ĐỒNG này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

**PHỤ LỤC 01: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT LPG****(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)**

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Propan thương phẩm</b>	<b>Butan thương phẩm</b>	<b>Hỗn hợp butan, propan thương phẩm</b>	<b>Phương pháp thử</b>
1. Áp suất hơi ở 37,8°C	kPa	tối đa 1430	tối đa 485	tối đa 1430	TCVN 8356:2010 (ASTM D1267-02)
2. Lượng cặn sau khi bay hơi 100 ml	ml	tối đa 0,05	tối đa 0,05	tối đa 0,05	TCVN 3165:2008 (ASTM D2158-05)
3. Ăn mòn tấm đồng, không lớn hơn		Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 8359:2010 (ASTM D1838-07)
4. Hàm lượng lưu huỳnh tổng	mg/kg	tối đa 140	tối đa 140	tối đa 140	TCVN 10143:2013 (ASTM D6228-10); ASTM D6667-14
5. Thành phần					
Etan	% mol	Số liệu thông báo	Số liệu thông báo	Số liệu thông báo	
Hàm lượng butadien	% thể tích	tối đa 0,5	tối đa 0,5	tối đa 0,5	TCVN 8360:2010 (ASTM D2163-07)
Pentan và các chất nặng hơn	% thể tích	-	tối đa 2,0	tối đa 2,0	
Butan và các chất nặng hơn	% thể tích	tối đa 4,0	-	-	
Olefin	% thể tích	tối đa 2,0	tối đa 2,0	tối đa 5,0	
6. Tỷ trọng ở 15°C,	kg/l	Số liệu thông báo	Số liệu thông báo	Số liệu thông báo	TCVN 8357:2010 (ASTM D1657-12)
7. Nước tự do ở nhiệt độ 0°C, áp suất hơi bão hòa		Không có	Không có	Không có	EN 15469:2007

## **PHỤ LỤC 02**

### **ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ VỀ GIAO NHẬN HÀNG (Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)**

#### **MỤC 1. GIAO NHẬN HÀNG**

- 1.1. HÀNG được BÊN BÁN vận chuyển bằng tàu chở HÀNG chuyên dụng (sau đây gọi tắt là “TÀU”) đến giao tại Cảng dỡ HÀNG của BÊN MUA như quy định tại Điều 4.2 của HỢP ĐỒNG. TÀU phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền cho phép vào giao HÀNG tại cảng dỡ HÀNG của BÊN MUA.
- 1.2. BÊN MUA có trách nhiệm thu xếp cầu cảng giao/nhận HÀNG đáp ứng các điều kiện an toàn trên cơ sở thời gian giao HÀNG quy định tại Mục 5 của Phụ lục 02.  
Trường hợp BÊN MUA không thu xếp cầu cảng để nhận HÀNG theo kế hoạch giao nhận HÀNG quy định tại Mục 2 của Phụ lục 02 hoặc cảng dỡ HÀNG không đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật hiện hành, BÊN BÁN có quyền không giao HÀNG và/hoặc giao HÀNG chậm cho BÊN MUA.

#### **MỤC 2. KẾ HOẠCH GIAO NHẬN HÀNG**

- 2.1. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG từng tháng:
  - 2.1.1 Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, BÊN MUA thông báo nhận HÀNG bằng văn bản cho BÊN BÁN tổng khối lượng HÀNG sẽ nhận và khối lượng HÀNG nhận từng chuyến tàu trong tháng kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.  
Trường hợp BÊN MUA không thông báo kế hoạch nhận HÀNG cho BÊN BÁN thì BÊN BÁN sẽ chủ động tự sắp xếp lịch giao hàng trong tháng đó với tổng khối lượng giao bằng với khối lượng đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.
  - 2.1.2 Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản kế hoạch giao HÀNG tháng của tháng kế tiếp trên cơ sở thông báo nhận HÀNG của BÊN MUA và kế hoạch sản xuất, phương tiện giao HÀNG của BÊN BÁN. Kế hoạch này là cơ sở để hai BÊN thực hiện giao hàng.
  - 2.1.3 Trường hợp BÊN MUA hoặc BÊN BÁN muốn điều chỉnh tổng khối lượng cam kết giao nhận HÀNG của tháng so với khối lượng cam kết quy định tại Điều 3 của HỢP ĐỒNG, Bên có nhu cầu thay đổi phải thông báo cho Bên kia và phải được BÊN BÁN/Đại diện có thẩm quyền của BÊN BÁN đồng ý xác nhận (bằng văn bản, email) thì sự thay đổi mới có hiệu lực thực hiện.
- 2.2 Kế hoạch giao nhận từng chuyến HÀNG:
  - Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh của mỗi Bên, kế hoạch giao nhận mỗi chuyến tàu trong tháng có thể điều chỉnh trên tinh thần hợp tác, đồng thuận.
  - Trường hợp BÊN BÁN/BÊN MUA có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch giao nhận hàng của (từng) chuyến tàu trong tháng, Bên có nhu cầu thông báo với Bên kia

về nhu cầu thay đổi để hai Bên trao đổi, thống nhất (bằng văn bản/email) trước khi thực hiện giao nhận HÀNG.

- Mỗi chuyến giao HÀNG, BÊN BÁN/Đại lý hàng hải của BÊN BÁN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và/hoặc email cho BÊN MUA ngày giao HÀNG dự kiến nằm trong khoảng thời gian 03 (ba) ngày giao HÀNG, khối lượng HÀNG giao với dung sai  $\pm 5\%$  và tên TÀU chậm nhất 02 (hai) ngày trước ngày đầu tiên của khoảng thời gian 03 (ba) ngày giao HÀNG như qui định tại Mục 2.1 nêu trên.
  - BÊN BÁN/Đại lý hàng hải của BÊN BÁN sẽ thông báo cho BÊN MUA thời gian dự kiến tàu đến cảng dỡ HÀNG trước 48 giờ và 24 giờ, 12 giờ.
- 2.3 Mọi thay đổi trong kế hoạch giao nhận HÀNG đã được hai Bên xác nhận, trừ các trường hợp quy định trong Bất khả kháng, phải được sự chấp thuận của Bên kia.

Ngoại trừ trường hợp Bất khả kháng, BÊN MUA có nghĩa vụ nhận đủ khối lượng HÀNG trong tháng kế hoạch (tháng M). Mọi điều chỉnh về thời gian giao HÀNG (nếu có) phải được sự thống nhất của BÊN BÁN. Trường hợp BÊN BÁN không có ý kiến bằng văn bản về thời gian giao HÀNG cho BÊN MUA khi BÊN MUA không nhận kịp HÀNG trong tháng, BÊN MUA được tự động gia hạn thời gian nhận HÀNG trong tháng kế tiếp (tháng M+1) hoặc theo thời hạn thông báo bằng văn bản của BÊN BÁN.

### **MỤC 3. GIÁM ĐỊNH HÀNG**

- 3.1 BÊN BÁN/Nhà cung cấp của BÊN BÁN bằng chi phí của mình sẽ chỉ định cơ quan giám định độc lập thực hiện và cấp chứng thư giám định khối lượng, chất lượng HÀNG tại Cảng xếp HÀNG.

Đơn vị đo đếm khối lượng HÀNG giao/nhận là Metric tấn (MT).

- 3.2 BÊN MUA bằng chi phí của mình sẽ chỉ định cơ quan giám định độc lập phải được BÊN BÁN chấp thuận để thực hiện cấp chứng thư giám định khối lượng HÀNG tại cảng dỡ HÀNG.

Trường hợp BÊN MUA thực hiện việc thuê cơ quan giám định độc lập thực hiện giám định và cấp chứng thư giám định Chất lượng tại cảng dỡ HÀNG để đối chiếu với chứng thư giám định chất lượng tại cảng xếp HÀNG, BÊN MUA phải thông báo cho BÊN BÁN tối thiểu 05 ngày trước ngày đầu tiên của khoảng thời gian 03 ngày giao HÀNG dự kiến như quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 02 nêu trên để BÊN BÁN phối hợp giám sát quá trình thực hiện lấy Mẫu giám định. Trường hợp BÊN MUA không thông báo cho BÊN BÁN về việc giám định chất lượng tại Cảng dỡ HÀNG như quy định nêu trên thì kết quả giám định tại Cảng dỡ HÀNG sẽ không có hiệu lực pháp lý đối với các khiếu nại của BÊN MUA về chất lượng HÀNG.

- 3.3 Đối với giao nhận tại các tỉnh Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Phú Yên: chứng thư khối lượng theo B/L và chứng thư chất lượng do cơ quan giám định độc lập cấp tại Cảng xếp HÀNG là cơ sở để HAI BÊN thanh toán toàn bộ giá trị



lô HÀNG đã giao nếu không có quy định nào khác của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- 3.4 Đối với khu vực giao nhận còn lại khu vực Miền Nam: chứng thư khối lượng do cơ quan giám định độc lập cấp tại Cảng dỡ HÀNG và chứng thư chất lượng là cơ sở để HAI BÊN thanh toán toàn bộ giá trị lô HÀNG đã giao nếu không có quy định nào khác của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3.5 Trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày hoàn tất giao HÀNG, BÊN MUA phải gửi cho BÊN BÁN 02 (hai) bản gốc chứng thư khối lượng HÀNG do cơ quan giám định độc lập cấp tại Cảng dỡ HÀNG để BÊN BÁN phát hóa đơn điều chỉnh (nếu có).
- 3.6 Trường hợp có tranh chấp về chất lượng HÀNG, Hai Bên thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định lại mẫu lưu khi xếp hàng. Kết quả giám định của đơn vị được chỉ định là cuối cùng và ràng buộc hai Bên. Chi phí giám định này do Bên làm sai chịu, trường hợp cả hai Bên đều sai thì chi phí giám định chia đều cho hai Bên.

#### **MỤC 4. CHỨNG TỪ GIAO NHẬN HÀNG**

BÊN BÁN giao cho BÊN MUA (đại diện của BÊN MUA khi giao HÀNG) bộ chứng từ giao nhận HÀNG gồm:

- + Bill of Lading (B/L) (01 bản sao)
- + Hóa đơn GTGT (01 bản gốc hoặc hóa đơn điện tử)
- + Chứng thư giám định chất lượng hoặc chứng chỉ của nhà sản xuất (01 bản sao)
- + Biên bản giao nhận HÀNG (01 bản gốc);

Đại diện Bên nhận HÀNG ký trong Biên bản giao nhận HÀNG phải có văn bản xác nhận của BÊN MUA.

#### **MỤC 5. THỜI GIAN LÀM HÀNG (LAYTIME)**

- 5.1 Thời gian làm việc tại Cảng dỡ HÀNG: 24/24 giờ trong điều kiện thời tiết bình thường và luồng lạch cho phép, không ngoại trừ chủ nhật, ngày Lễ, Tết.
- 5.2 Thời gian làm HÀNG đối với mỗi chuyến HÀNG là [Khối lượng chuyến HÀNG/60 + 06 giờ (NOR)] bắt đầu kể từ thời điểm TÀU thông báo sẵn sàng làm HÀNG (NOR) cho đến khi tháo ống bơm tại Cảng dỡ HÀNG, ngoại trừ:  
TÀU đến sớm hơn Ngày giao/nhận HÀNG theo kế hoạch, thời gian làm HÀNG sẽ tính từ 06h00 sáng ngày giao/nhận HÀNG theo kế hoạch hoặc từ lúc BÊN BÁN chấp thuận cho TÀU vào làm HÀNG tùy thuộc thời điểm nào sớm hơn.  
TÀU đến muộn hơn ngày giao/nhận HÀNG theo kế hoạch, thời gian làm HÀNG sẽ tính từ khi TÀU cập cầu.
- 5.3 Địa điểm TÀU thông báo sẵn sàng làm HÀNG (NOR): Khu vực neo đậu thông thường do Cảng vụ khu vực Cảng dỡ HÀNG quy định hoặc tại Cảng dỡ HÀNG.

- 5.4 Thời gian làm HÀNG căn cứ theo Time Sheet của TÀU và NOR.
- 5.5 Thời gian làm HÀNG như đề cập ở Mục 5.2 của Phụ lục 02 bao gồm cả thời gian làm HÀNG áp dụng với khách hàng khác khi BÊN BÁN sử dụng một TÀU để vận chuyển và giao HÀNG cho BÊN MUA và khách hàng khác tại một cảng nêu tại Điều 4.2 của HỢP ĐỒNG.

Việc trì hoãn cập cầu để làm hàng khi tàu đến và bất kỳ sự trì hoãn sau khi cập cầu nào do các điều kiện thời tiết sẽ được tính bằng một nửa thời gian làm hàng hoặc trong trường hợp có phạt lưu TÀU (demurrage), sẽ được tính tỷ lệ bằng một nửa phạt lưu TÀU.

**PHỤ LỤC 03**  
**ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ VỀ THANH TOÁN**  
**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)**

**MỤC 1. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO ĐẢM THANH TOÁN**

**1.1 Yêu cầu về việc cung cấp Bảo lãnh Ngân hàng:**

Trước khi giao/nhận chuyển HÀNG đầu tiên, BÊN MUA phải cung cấp cho BÊN BÁN bản gốc Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng hoặc thanh toán trước giá trị nhận HÀNG.

**1.2 Yêu cầu đối với Bảo lãnh thanh toán được BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN:**

- Ngân hàng bảo lãnh do BÊN MUA chỉ định và phải được BÊN BÁN chấp thuận.
- Mọi chi phí liên quan tới Bảo lãnh Ngân hàng do BÊN MUA chịu.
- Bảo lãnh thanh toán phải phù hợp với mẫu “Thư bảo lãnh thanh toán” quy định kèm theo Phụ lục này và có giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định tại Điều 6.1.2 của HỢP ĐỒNG.
- Nếu trước 15 ngày của ngày hết hiệu lực BLTT mà BÊN BÁN chưa nhận được BLTT mở mới (hoặc tu chỉnh BLTT) theo các điều khoản của HỢP ĐỒNG, thì BÊN BÁN có quyền giải ngân BLTT ngay cả trong trường hợp tiền hàng chưa đến hạn thanh toán.

**1.3 Trường hợp BÊN MUA không cung cấp cho BÊN BÁN bảo lãnh thanh toán hoặc Bảo lãnh thanh toán được cung cấp không phù hợp với toàn bộ các yêu cầu như quy định tại Mục 1.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền không giao cho BÊN MUA khối lượng HÀNG như đã cam kết tại Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm HỢP ĐỒNG như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.**

**1.4 Trường hợp BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN bảo lãnh Ngân hàng không đúng hạn theo yêu cầu như quy định tại Mục 1.1 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền dời ngày giao HÀNG dự kiến cho BÊN MUA đến khi nhận được BẢO LÃNH của BÊN MUA (nhưng không chậm quá 02 ngày) như yêu cầu tại Mục 1.2 của Phụ lục 03 và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc chậm giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.**

**1.5 BÊN BÁN chỉ giao khối lượng HÀNG trong phạm vi giá trị bảo lãnh thanh toán.**

- 1.6 Trường hợp dự kiến sau khi giao chuyển hàng kế tiếp, tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh với giá trị X, BÊN BÁN chỉ cấp chuyển hàng kế tiếp với điều kiện:
- BÊN MUA thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền HÀNG tương ứng số tiền X để đảm bảo tổng công nợ sau khi giao/nhận chuyển hàng tiếp theo không vượt quá giá trị bảo lãnh hoặc ;
  - BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X.
  - Trường hợp dự kiến tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh sau khi giao chuyển hàng kế tiếp mà BÊN MUA không thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền HÀNG giá trị X hoặc không mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X, BÊN BÁN có quyền ngừng hoặc không giao phần HÀNG có giá trị X cho BÊN MUA mà không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này, đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.
- 1.7 Trường hợp BÊN MUA không thanh toán cho BÊN BÁN đúng ngày đáo hạn như quy định tại Điều 6.1.2 của HỢP ĐỒNG, BÊN BÁN có quyền yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh của BÊN MUA thanh toán toàn bộ giá trị các chuyển HÀNG đã nhận phù hợp với nội dung thư Bảo đảm của Ngân hàng.

## MỤC 2. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ THANH TOÁN

### 2.1 Lập hoá đơn:

Vào mỗi đợt giao hàng, BÊN BÁN sẽ lập hóa đơn giao cho BÊN MUA theo công thức:

$$\text{Giá trị} = \text{Đơn giá} \times \text{khối lượng.}$$

Trong đó:

Đơn giá quy định tại Điều 5 của HỢP ĐỒNG.

Khối lượng quy định tại Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG.

### 2.2 Thời hạn thanh toán:

- 2.2.1 Đối với hóa đơn GTGT do BÊN BÁN phát khi giao HÀNG: Trả trước tiền hàng hoặc thanh toán trả chậm **45 (bốn mươi lăm)** ngày kể từ ngày ký phát Bill of Lading (B/L) (ngày B/L được tính là ngày 0) trong trường hợp BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán.

Trường hợp ngày đến hạn thanh toán vào ngày nghỉ thì thanh toán vào ngày làm việc gần nhất trước ngày đến hạn thanh toán; trường hợp ngày đến hạn thanh toán vào ngày lễ, Tết thì thanh toán vào ngày làm việc gần nhất sau ngày đến hạn thanh toán.

- 2.2.2 Đối với hoá đơn điều chỉnh: **45 (bốn mươi lăm)** ngày kể từ ngày BÊN BÁN phát hoá đơn điều chỉnh.



2.2.3 Đối với tiền phạt do vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại: trong vòng **30 (ba mươi)** ngày kể từ ngày bên bị vi phạm có văn bản yêu cầu thanh toán/bồi thường thiệt hại do vi phạm của bên vi phạm.

2.3 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.4 Thời điểm BÊN MUA thanh toán: Thời điểm Ngân hàng BÊN BÁN ghi “Có” vào tài khoản của BÊN BÁN.

2.5 Đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

2.6 Phạt thanh toán chậm:

Trường hợp BÊN MUA thanh toán không đúng hạn theo Mục 2.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền:

2.6.1 Phạt do BÊN MUA thanh toán chậm tiền mua HÀNG cho BÊN BÁN. Cụ thể như sau:

- Số ngày chậm thanh toán (n) được tính bằng cách lấy số ngày thực tế vượt quá thời hạn thanh toán theo quy định.
- Nếu số ngày chậm thanh toán nằm trong khoảng từ 01 đến 15 ngày, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA khoản tiền chậm thanh toán với giá trị phạt (G1) được xác định theo công thức sau:

$$G1 = \frac{n * S_i * V}{365}$$

- Trường hợp số ngày chậm thanh toán lớn hơn 15 ngày, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA khoản tiền chậm thanh toán bằng 150% số tiền nợ quá hạn thanh toán (V). Việc xác định giá trị phạt (G2) được tính toán theo công thức sau:

$$G2 = \frac{150\% * n * S_i * V}{365}$$

Trong đó:

- n: Là số ngày chậm thanh toán.
- $S_i$ : Là lãi suất cho vay ngắn hạn do Ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm tính phạt
- V: Là tổng số tiền nợ quá hạn thanh toán (nợ tiền HÀNG hoặc tiền phạt, bồi thường HỢP ĐỒNG) bị tính phạt.

2.6.2 Ngừng giao HÀNG/giao HÀNG chậm cho BÊN MUA. Trong trường hợp này, BÊN BÁN không phải chịu các khoản phạt vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại do hủy toàn bộ hay một phần cam kết giao HÀNG. Đồng thời, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA do vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại theo điều kiện Phạt do hủy toàn bộ hay một phần cam kết như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.

**BIỂU MẪU THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**  
(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)

**THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**

**BÊN THỤ HƯỞNG: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ**

Địa chỉ: Lầu 11, PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển,  
Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ HĐKT số:..... /20\_\_ /KDK-\_\_ /B2 ngày ..... tháng ..... năm 20\_\_ (Sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) được ký kết giữa **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ** (sau đây gọi là **BÊN BÁN**) và **Công ty** \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là **BÊN MUA**) về việc **BÊN BÁN** bán cho **BÊN MUA** khí hóa lỏng (sau đây gọi là **HÀNG**);

Theo quy định của HỢP ĐỒNG, **BÊN MUA** phải cung cấp **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** cho **BÊN BÁN**. Theo yêu cầu của **BÊN MUA**, Chúng tôi, [tên, địa chỉ của Ngân hàng phát hành **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**] cam kết chịu trách nhiệm trả cho **BÊN BÁN** trong thời hạn hiệu lực của **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này một phần hoặc toàn bộ không vượt quá tổng số tiền: ..... (bằng chữ: .....) kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản chính thức của **BÊN BÁN** tuyên bố rằng **BÊN MUA** không thanh toán cho **BÊN BÁN** tiền **HÀNG**, tiền phạt vi phạm và bồi thường theo quy định của HỢP ĐỒNG.

**THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này có thời hạn hiệu lực **từ ngày phát hành đến hết ngày ....., sau đó sẽ tự động hết hiệu lực** (Trường hợp ngày hết hiệu lực của *Thư bảo lãnh trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì ngày hết hiệu lực được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo*). **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này không hủy ngang và chỉ có duy nhất một bản gốc do **BÊN BÁN** giữ, bản sao không có giá trị.

**THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này có phạm vi bảo lãnh cho toàn bộ giá trị tiền **HÀNG**, tiền phạt vi phạm và bồi thường mà **BÊN MUA** phải trả cho **BÊN BÁN** phát sinh theo quy định tại HỢP ĐỒNG, các phụ lục sửa đổi bổ sung HỢP ĐỒNG và các văn bản là một phần không tách rời của HỢP ĐỒNG được **HAI BÊN** ký kết, xác nhận.

Mọi yêu cầu thanh toán của **BÊN BÁN** liên quan đến **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này phải được gửi đến trụ sở của Ngân hàng qua [tên, địa chỉ của Ngân hàng/Chi nhánh phát hành **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**] hoặc [tên, địa chỉ của Ngân hàng/Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, trong trường hợp Ngân hàng phát hành ngoài địa bàn TP.Hồ Chí Minh](đơn vị hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh) trong thời gian làm việc của Ngân hàng và chậm nhất vào ngày hết hiệu lực của **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN**”.

Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của **THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN** này đều phải được sự đồng ý bằng văn bản của **BÊN THỤ HƯỞNG (BÊN BÁN)**.

**Ngân hàng phát hành**  
(Ký tên đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (DES XE BÒN)**

**Số: /KDK-KMN/B4**

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng số 87/2018/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/08/2018;

Căn cứ kết quả bán đấu giá LPG có nguồn gốc từ Nhà máy xử lý khí Dinh Cố ...;

Căn cứ biên bản số ...;

Hôm nay, ngày tháng năm , HAI BÊN gồm:

**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN -  
CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ**

(Sau đây được gọi là “BÊN BÁN”)

Địa chỉ : Lầu 11, PVGAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : 028.37840220  
Fax : 028.37840215  
Tài khoản tiền Việt : 0721005161653  
Ngân hàng : Ngoại thương Việt Nam – CN. Kỳ Đồng TP.HCM  
Mã số thuế : 3500102710-023  
Đại diện bởi : Ông Hoàng Việt Dũng  
(theo Ủy quyền số ....UQ-KDK ngày .../06/2021)  
Chức vụ : Phó Giám đốc

**Và CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

(Sau đây được gọi là “BÊN MUA”)

Địa chỉ : 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM  
Điện thoại : 028.39100324  
Fax : 028.39100097  
Tài khoản tiền Việt : 1607201000031  
Ngân hàng : Agribank – Chi nhánh Phan Đình Phùng  
Mã số thuế : 0305097236  
Đại diện bởi : Ông Trần Anh Dũng  
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc  
Ủy quyền số : 13/UQ-KMN ký ngày 12/04/2021

BÊN BÁN và BÊN MUA sau đây được gọi chung là “Các Bên”, “Hai Bên”, hoặc gọi riêng là “Mỗi Bên” hoặc “Một Bên”.

Các bên Thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán Khí dầu mỏ hóa lỏng này (sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) với Điều khoản, Điều kiện được quy định dưới đây:

## **ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

- HÀNG: Là hỗn hợp của Propane và Butane do Nhà máy xử lý khí Dinh Cố sản xuất (sau đây được gọi là “HÀNG” hoặc “LPG”) có các đặc tính, chất lượng phù hợp với các quy định của HỢP ĐỒNG.
- BÊN BÁN đồng ý bán, BÊN MUA đồng ý mua, nhận và thanh toán tiền HÀNG với khối lượng, xuất xứ và chất lượng HÀNG phù hợp với các Điều khoản và Điều kiện của HỢP ĐỒNG này.

## **ĐIỀU 2. THỜI HẠN HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- 2.1. HỢP ĐỒNG có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2023**.
- 2.2. Sau thời hạn hiệu lực HỢP ĐỒNG, Hai Bên vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các khoản bồi thường, phạt hoặc công nợ phát sinh cho đến khi hoàn thành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng.

## **ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, XUẤT XỨ VÀ CHẤT LƯỢNG**

- 3.8. Khối lượng:
  - 3.8.1. Khối lượng giao nhận sẽ được hai Bên thống nhất bằng Phụ lục Hợp đồng.
  - 3.8.2. Khối lượng giao/nhận quy định tại mục 3.1.1 nằm trong dung sai  $\pm 10\%$  do BÊN BÁN quyết định. Việc tăng giảm khối lượng ngoài dung sai  $\pm 10\%$  chỉ thực hiện khi Hai Bên đồng ý bằng văn bản hoặc khi sản lượng của Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố giảm hơn so với kế hoạch sản lượng sản xuất dự kiến, BÊN BÁN có trách nhiệm thông báo cho BÊN MUA bằng văn bản trước tối thiểu **01 (một) ngày** khi dự kiến giảm khối lượng tương ứng.
- 3.9. Xuất xứ: HÀNG được BÊN BÁN cung cấp cho BÊN MUA có nguồn gốc từ Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố hoặc nguồn khác có chất lượng tương đương.
- 3.10. Chất lượng: Tỷ lệ Propane (C3)/Butane (C4) như thông báo của PVGAS và theo đặc tính kỹ thuật quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng.

## **ĐIỀU 4. GIAO NHẬN HÀNG**

- 4.1. Phương thức: BÊN BÁN dùng XE BỒN chở HÀNG chuyên dụng (sau đây gọi tắt là “XE BỒN”) vận chuyển HÀNG đến giao tại Kho của BÊN MUA như quy định tại Điều 4.2 dưới đây.
- 4.3. Địa điểm giao nhận HÀNG: tại Kho chứa LPG đáp ứng các điều kiện an toàn theo các quy định pháp luật hiện hành của BÊN MUA/do BÊN MUA chỉ định tại khu vực **Nhon Trạch – Đồng Nai và Tiền Giang**.
- 4.3. Điều khoản cụ thể về giao nhận HÀNG: như quy định tại Phụ lục 02 đính kèm HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 5. ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG**

$$P = (CP + Pre) \times TG \times (1 + \%GTGT)$$



Trong đó:

- P: Đơn giá HÀNG được tính bằng Đồng Việt Nam cho một tấn HÀNG tính theo điều kiện giao hàng (VNĐ/MT), đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm các loại thuế, phí khác (nếu có phát sinh) theo qui định của Nhà nước.
- CP: là giá cho một tấn hỗn hợp Propane (C<sub>3</sub>) và Butane (C<sub>4</sub>) tiêu chuẩn. CP được xác định theo công thức sau:

$$CP = \%C3 \times CP_{C3} + \%C4 \times CP_{C4}$$

- o CP<sub>C3</sub>, CP<sub>C4</sub>: là giá do công ty Aramco của Ả-rập Xê-út công bố hàng tháng cho một tấn Propane tiêu chuẩn và một tấn Butane tiêu chuẩn.
- o %C<sub>3</sub>, %C<sub>4</sub>: là phần trăm khối lượng Propane, Butane.
- o CP được áp dụng trên cơ sở CP(C<sub>3</sub>) và CP(C<sub>4</sub>) với tỷ lệ khối lượng C<sub>3</sub>/C<sub>4</sub> là 50/50
- Pre: là mức phụ phí thị trường được tính theo USD (Premium) cho một tấn sản phẩm LPG.

$$Pre = T \times CP + (1+T) \times N$$

- o T: Hệ số điều chỉnh giá bán LPG Dinh Cố theo thị trường LPG nhập khẩu và có giá trị tương đương mức thuế suất thuế nhập khẩu LPG hiện hành của Nhà nước tại ngày xuất HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN
- o N: Giá đầu giá thành công tại từng giai đoạn đầu giá.
- %GTGT: là thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với LPG theo quy định của Nhà nước tại ngày xuất HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN
- TG: là tỷ giá hối đoái bán ra của đồng Đôla Mỹ (USD) được chuyển đổi sang Việt Nam đồng (VND) do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm xuất hoá đơn khi kết thúc bơm HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN. Trường hợp tại thời điểm kết thúc bơm HÀNG lên xe bồn rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết hoặc tại thời điểm kết thúc bơm HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN ngân hàng chưa công bố tỷ giá thì áp dụng tỷ giá của ngày làm việc gần nhất trước ngày bơm HÀNG lên xe bồn tại kho của BÊN BÁN.

## **ĐIỀU 6. THANH TOÁN**

### **6.3. Hình thức thanh toán**

BÊN MUA được quyền lựa chọn một trong hai hình thức thanh toán tiền HÀNG như quy định tại điều 6.1.1, 6.1.2 dưới đây:

- 6.3.1. Thanh toán trả tiền trước ngày dự kiến giao nhận HÀNG, hoặc :
- 6.3.2. Thanh toán trả chậm với điều kiện BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán có giá trị và hiệu lực như sau:
  - Giá trị tối thiểu của Bảo lãnh thanh toán bằng **110%** giá trị tiền HÀNG giao nhận 01 (một tháng) theo HỢP ĐỒNG;
  - Hiệu lực của Bảo lãnh thanh toán không sớm hơn ngày ... hoặc ngày giao hàng

cuối cùng cộng 45 ngày, tùy thời điểm nào đến sau.

- 6.4. Điều khoản cụ thể về thanh toán: như quy định tại Phụ lục 03 đính kèm HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

### **7.6. Phạt vi phạm HỢP ĐỒNG:**

- 7.6.1. Trường hợp một trong hai Bên hủy việc giao/nhận một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG mà hai Bên đã ký cam kết theo Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia thì Bên kia có quyền phạt Bên vi phạm khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá khối lượng HÀNG hủy. Cơ sở để xác định giá trị phạt như sau:

- Trị giá khối lượng HÀNG hủy được xác định bằng khối lượng HÀNG hủy nhân với Đơn giá HÀNG quy định tại Điều 5 với CP của tháng giao HÀNG theo kế hoạch (đơn giá không bao gồm thuế GTGT và tỷ giá quy đổi USD/VND được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt).
- Căn cứ xác định do hủy một phần hay toàn bộ cam kết là thông báo/xác nhận giao nhận HÀNG hàng tháng hoặc văn bản thông báo hủy việc giao nhận HÀNG theo tháng của BÊN BÁN hoặc BÊN MUA.

- 7.6.2. Trường hợp một trong hai Bên hủy một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG mà Hai bên đã xác nhận giao nhận như quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 02 thì Bên bị vi phạm có quyền phạt Bên hủy giao/nhận HÀNG khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá khối lượng HÀNG hủy. Cơ sở để xác định giá trị phạt như sau:

- Trị giá khối lượng HÀNG hủy được xác định bằng khối lượng HÀNG hủy nhân với Đơn giá HÀNG quy định tại Điều 5 với CP của tháng giao HÀNG theo kế hoạch (đơn giá không bao gồm thuế GTGT và tỷ giá quy đổi USD/VND được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt).
- Căn cứ xác định do hủy một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG hai bên đã xác nhận giao nhận như quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 02 là thông báo/xác nhận giao nhận HÀNG hoặc văn bản thông báo hủy việc giao nhận HÀNG của BÊN BÁN hoặc BÊN MUA.

- 7.6.3. Trong cả 02 trường hợp nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2, BÊN BÁN có quyền bán toàn bộ khối lượng HÀNG mà BÊN MUA không nhận/nhận chậm hơn 10 ngày theo kế hoạch. Toàn bộ các chi phí phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn các tổn thất do chênh lệch giá bán sẽ do BÊN MUA chịu kể cả trong trường hợp chênh lệch phần giá này vượt giá trị như đã nêu tại Điều 7.1.1, 7.1.2 ở trên.

### **7.7. Phạt bồi thường thiệt hại:**

- 7.7.1. Trường hợp BÊN MUA thông báo hủy hoặc điều chỉnh thời gian giao nhận HÀNG sau khi BÊN BÁN điều động XE BỒN vận chuyển đến Kho của BÊN MUA thì ngoài việc bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG do hủy giao/nhận HÀNG như quy định tại Điều 7.1, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN chi phí vận chuyển thực tế phát sinh do không giao được HÀNG theo kế hoạch đã xác nhận.

- 7.7.2. Trường hợp BÊN MUA không thu xếp Kho chứa để nhận đủ khối lượng HÀNG đã hai bên đã xác nhận theo kế hoạch giao nhận HÀNG theo tuần như quy định tại Mục 2.2 của Phụ lục 02 thì ngoài việc bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG do hủy giao/nhận HÀNG như quy định tại Điều 7.1, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN chi phí vận chuyển thực tế phát sinh do không giao được HÀNG theo kế hoạch đã xác nhận
- 7.7.3. Trong cả 02 trường hợp nêu tại Điều 7.1, BÊN MUA phải bồi thường cho BÊN BÁN giá trị các thiệt hại và tổn thất trực tiếp liên quan do việc hủy toàn bộ hay một phần cam kết giao/nhận và/hoặc không giao/nhận HÀNG theo kế hoạch đã xác nhận của BÊN MUA gây ra đối với BÊN BÁN, mà không phụ thuộc vào việc BÊN MUA bị phạt vi phạm HỢP ĐỒNG theo quy định tại Điều 7.1.1, 7.1.2.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO**

Quyền sở hữu và toàn bộ rủi ro của HÀNG sẽ được chuyển từ BÊN BÁN sang BÊN MUA tại thời điểm HÀNG được chuyển qua khớp nối hai mặt bích giữa ống bơm HÀNG của Xe bồn BÊN BÁN và họng nhận HÀNG của Kho BÊN MUA.

## **ĐIỀU 9. BẢO HIỂM**

BÊN BÁN mua bảo hiểm cho toàn bộ khối lượng HÀNG giao nhận theo HỢP ĐỒNG cho tới khi quyền sở hữu và rủi ro của HÀNG được chuyển qua BÊN MUA theo qui định tại Điều 8 của HỢP ĐỒNG và các quy định, thông lệ của cơ quan bảo hiểm và luật pháp hiện hành.

## **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 10.11. HỢP ĐỒNG tự động chấm dứt vào ngày hết hiệu lực như quy định tại Điều 2.
- 10.12. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt HỢP ĐỒNG trước thời hạn.
- 10.13. Nếu một trong hai Bên vi phạm các Điều khoản của HỢP ĐỒNG thì Bên kia có thể chấm dứt HỢP ĐỒNG ngay lập tức sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên kia mà Bên vi phạm vẫn không tuân thủ các Điều khoản HỢP ĐỒNG.
- 10.14. Một trong hai Bên bị phá sản, mất khả năng thanh toán, giải thể, trưng dụng, tịch biên.
- 10.15. HỢP ĐỒNG có thể chấm dứt vì lý do Bất khả kháng như qui định tại Điều 11.3 của HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG**

- 11.13. Các trường hợp được gọi là Bất khả kháng nếu một trong hai Bên không thực hiện được trách nhiệm của mình trong HỢP ĐỒNG này do những nguyên nhân khách quan ngoài sự kiểm soát của mình bao gồm nhưng không giới hạn một trong các trường hợp được nêu dưới đây:
- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, khủng bố, bệnh dịch;
  - Các sự cố khách quan xảy ra với hệ thống sản xuất khí, tồn chứa và vận chuyển HÀNG của BÊN BÁN không phải do sự bất cẩn của BÊN BÁN;

- Các sự cố làm ảnh hưởng đến việc khai thác dầu thô, Khí và lịch lắp đặt chạy thử làm giảm sản lượng LPG sản xuất của BÊN BÁN;
- 11.14. Bên bị ảnh hưởng bởi Bất khả kháng không chịu trách nhiệm về các mất mát, tổn thất hoặc chi phí đối với Bên kia do không thể thực hiện được các trách nhiệm của mình theo HỢP ĐỒNG này do Bất khả kháng như qui định tại Điều 11.1 sau khi Bên bị ảnh hưởng đã:
- Ngay lập tức nhưng không muộn quá 02 (hai) ngày, thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện Bất khả kháng;
  - Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi thông báo nêu trên, cung cấp cho bên kia bản xác nhận của các cơ quan chức năng chủ quản có thẩm quyền xác thực sự kiện Bất khả kháng và thời gian dự kiến cần thiết khắc phục các hậu quả của Bất khả kháng.
- 11.15. Nếu Bất khả kháng kéo dài liên tục quá 30 (ba mươi) ngày, mỗi Bên có quyền chấm dứt HỢP ĐỒNG sau khi thông báo bằng văn bản trước 07 (bảy) ngày so với ngày dự kiến chấm dứt HỢP ĐỒNG cho Bên kia và được Bên kia xác nhận.
- Nếu đến ngày dự kiến chấm dứt HỢP ĐỒNG mà Bên kia không trả lời thì ngày dự kiến này sẽ là ngày chấm dứt HỢP ĐỒNG
- 11.16. Các tình huống bất khả kháng không áp dụng đối với mọi nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán tiền HÀNG, tiền phạt hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định HỢP ĐỒNG.

## **ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ LUẬT ÁP DỤNG**

- 12.15. Các tranh chấp hay khiếu nại phát sinh từ hoặc liên quan đến HỢP ĐỒNG này sẽ được đại diện của hai Bên giải quyết thông qua thương lượng.
- 12.16. Nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên đưa ra thông báo yêu cầu giải quyết tranh chấp mà đại diện của hai Bên vẫn không giải quyết được thông qua thương lượng thì tranh chấp đó được đưa ra Tòa án nhân dân tại Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng để các bên thực hiện. Án phí do Bên thua kiện chịu.
- 12.17. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu không có thỏa thuận nào khác của Hai Bên về tạm dừng hoặc chấm dứt HỢP ĐỒNG thì hai Bên vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện HỢP ĐỒNG.
- 12.18. Tuân thủ quy định về điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng:
- 12.18.1. BÊN MUA chịu trách nhiệm cập nhật, cung cấp cho BÊN BÁN giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng phù hợp với các quy định tại các văn bản pháp luật liên quan.
- 12.18.2. BÊN MUA cam kết thực hiện tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng giao/nhận theo HỢP ĐỒNG này trong phạm vi hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng được Pháp luật cho phép. BÊN MUA chịu trách nhiệm hoàn toàn với mọi hành vi kinh doanh không phù hợp với các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng.
- 12.18.3. Trường hợp BÊN MUA vi phạm Điều 12.4.2, BÊN BÁN có quyền đơn



phương ngừng thực hiện HỢP ĐỒNG mà không phải chịu bất kỳ khoản phạt vi phạm hoặc bồi thường nào đối với BÊN MUA.

- 12.19. Luật điều chỉnh HỢP ĐỒNG này là luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 12.20. Nếu có bất kì khiếu nại nào, bên khiếu nại phải đệ trình bằng văn bản cho bên bị khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hóa đơn, ngoại trừ khiếu nại về chất lượng và khối lượng trong vòng 20 ngày, nếu chậm trễ hơn thời gian trên sẽ được coi như là từ bỏ quyền khiếu nại.
- 12.21. Bên bị khiếu nại được phép tranh cãi khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên bị khiếu nại không có bất kỳ ý kiến gì thì khiếu nại coi như đã được chấp thuận và phải trả các khoản chi phí liên quan đến vấn đề khiếu nại nói trên ngay lập tức cho bên khiếu nại.

### **ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 13.15. HỢP ĐỒNG này bao gồm các Điều kiện và Điều khoản của HỢP ĐỒNG và các Phụ lục (01, 02, 03) lập thành một phần và là bộ phận không tách rời của HỢP ĐỒNG.
- 13.16. Trường hợp có bất kỳ sự khác biệt hoặc xung đột nào giữa:
- 13.2.7 Các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG với các Phụ lục của HỢP ĐỒNG thì các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG sẽ được dùng để áp dụng;
- 13.2.8 Các điều khoản, điều kiện của HỢP ĐỒNG với các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG thì các sửa đổi, bổ sung sẽ được dùng để áp dụng;
- 13.2.9 Các sửa đổi, bổ sung của HỢP ĐỒNG thì các sửa đổi, bổ sung có ngày ký muộn hơn sẽ được dùng để áp dụng.
- 13.17. Không Bên nào có quyền chuyển nhượng quyền lợi và nghĩa vụ của mình qui định tại HỢP ĐỒNG này cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.
- 13.18. Toàn bộ nội dung HỢP ĐỒNG được Hai Bên cam kết bảo mật và không Bên nào được tiết lộ các điều khoản của HỢP ĐỒNG này cho Bên thứ ba mà không được sự chấp thuận của Bên kia.
- 13.19. BÊN BÁN khuyến cáo BÊN MUA không thực hiện chiết nạp LPG được mua từ BÊN BÁN theo cam kết HỢP ĐỒNG này vào các bình gas mini, các bình chứa LPG hoặc các phương tiện tồn chứa LPG khác không đáp ứng đủ điều kiện tồn trữ theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 13.20. Bất kỳ sự sửa chữa, thay đổi hay bổ sung cho HỢP ĐỒNG sẽ chỉ có hiệu lực khi chúng được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các Bên.
- 13.21. HỢP ĐỒNG này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

**PHỤ LỤC 01: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT LPG**  
**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)**

<b>Stt</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị Tính</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Phương pháp thử</b>
1	Áp suất hơi ở 37,8 °C	kPa	Max 1430	TCVN 8356 (ASTM D 1267)
2	Lượng cặn sau khi bay hơi 100 ml	ml	Max 0,05	TCVN 3165 (ASTM D 2158)
3	Ăn mòn tấm đồng, không lớn hơn		Loại 1	TCVN 8359 (ASTM D 1838)
4	Hàm lượng lưu huỳnh tổng	mg/kg	Max 140	TCVN 8363 (ASTM D 2784) hoặc ASTM D 6667
5	Thành phần			
-	Etan	%mol	Số liệu thông báo	
-	Hàm lượng butadien	%mol	Max 0,5	TCVN 8360 (ASTM D 2163)
-	Pentan và các chất nặng hơn	% thể tích	Max 2,0	
-	Olefin	% thể tích	Max 5,0	
6	Tỉ trọng ở 15°C	Kg/l	Số liệu thông báo	ASTM D 1657
7	Hàm lượng nước tự do	% khối lượng	Không có	Quan sát bằng mắt thường

**PHỤ LỤC 02**  
**ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ VỀ GIAO NHẬN HÀNG**  
**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)**

**MỤC 1. GIAO NHẬN HÀNG**

- 1.6. HÀNG được BÊN BÁN vận chuyển bằng Xe bồn chở HÀNG chuyên dụng (sau đây gọi tắt là “XE BỒN”) đến giao tại Kho của BÊN MUA như quy định tại Điều 4.2 của HỢP ĐỒNG. XE BỒN phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật để giao HÀNG tại Kho của BÊN MUA.
- 1.7. BÊN MUA có trách nhiệm thu xếp Kho nhận HÀNG đáp ứng các điều kiện an toàn trên cơ sở thời gian giao HÀNG quy định tại Mục 5 của Phụ lục 02. Trường hợp BÊN MUA không thu xếp Kho để nhận HÀNG theo kế hoạch giao nhận HÀNG quy định tại Mục 2 của Phụ lục 02 hoặc Kho nhận HÀNG không đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật hiện hành, BÊN BÁN có quyền không giao HÀNG và/hoặc giao HÀNG chậm cho BÊN MUA.

**MỤC 2. KẾ HOẠCH GIAO NHẬN HÀNG**

- 2.7. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG từng tháng:
- 2.7.1. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, BÊN MUA thông báo nhận HÀNG bằng văn bản cho BÊN BÁN tổng khối lượng HÀNG sẽ nhận và khối lượng HÀNG nhận từng tuần trong tháng kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn đã cam kết theo HỢP ĐỒNG. Trường hợp BÊN MUA không thông báo kế hoạch nhận HÀNG cho BÊN BÁN thì BÊN BÁN sẽ chủ động tự sắp xếp lịch giao hàng trong tháng đó với tổng khối lượng giao bằng với khối lượng đã cam kết theo HỢP ĐỒNG.
- 2.7.2. Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản kế hoạch giao HÀNG tháng của tháng kế tiếp trên cơ sở thông báo nhận HÀNG của BÊN MUA và kế hoạch sản xuất, phương tiện giao HÀNG của BÊN BÁN. Kế hoạch này là cơ sở để hai BÊN thực hiện giao hàng.
- 2.8. Thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG theo tuần:
- Chậm nhất vào ngày thứ Tư hàng tuần, BÊN MUA thông báo cho BÊN BÁN kế hoạch nhận HÀNG chi tiết từng ngày cho tuần kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn giao nhận HÀNG đã cam kết theo Biểu mẫu đăng ký nhận HÀNG kèm theo phụ lục này với dung sai  $\pm 10\%$  về khối lượng .
  - Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được đăng ký nhận HÀNG của BÊN MUA nêu trên, BÊN BÁN xác nhận bằng văn bản/email cho BÊN MUA kế hoạch giao HÀNG của tuần tiếp theo.
- Văn bản/Email này là một trong những cơ sở để hai Bên cam kết thực hiện HỢP ĐỒNG.
- 2.9. Điều chỉnh thời hạn và kế hoạch giao nhận HÀNG:
- Mọi thay đổi trong kế hoạch giao nhận HÀNG từng tuần đã được hai bên xác

nhận tại Mục 2.1, 2.2 của Phụ lục 02 bởi bất cứ Bên nào, trừ các trường hợp Bất khả kháng, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia.

### **ĐIỀU 3: GIÁM ĐỊNH HÀNG**

3.5. Đo đếm khối lượng HÀNG giao:

Khối lượng HÀNG tính theo đồng hồ của hệ thống cân chuyên dụng tại Kho của BÊN BÁN (cân chuyên dụng phải có giấy chứng nhận kiểm định sai số của cơ quan kiểm định Nhà nước và còn hiệu lực). Đơn vị đo tính trong giao nhận là Metric tấn (MT).

3.6. Giám định chất lượng:

3.6.1. BÊN BÁN bằng chi phí của mình chỉ định cơ quan giám định độc lập để thực hiện và cấp chứng thư chất lượng HÀNG tại kho BÊN BÁN.

3.6.2. Chứng thư chất lượng HÀNG được BÊN BÁN cung cấp cho BÊN MUA nếu BÊN MUA yêu cầu. Thời gian thực hiện giám định sẽ lấy chứng thư chất lượng HÀNG tồn chứa tại KHO với mốc thời gian là 02 (hai) tuần so với thời điểm BÊN MUA yêu cầu.

3.6.3. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng HÀNG, Hai Bên thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định lại. Kết quả giám định của đơn vị được chỉ định là cuối cùng và ràng buộc Hai Bên. Chi phí giám định này do Bên làm sai chịu, trường hợp cả Hai Bên đều sai thì chi phí giám định chia đều cho Hai Bên.

### **MỤC 4. CHỨNG TỪ GIAO HÀNG:**

BÊN BÁN giao cho BÊN MUA (đại diện của BÊN MUA khi nhận HÀNG) bộ chứng từ gồm:

- Hóa đơn GTGT (01 bản gốc hoặc hóa đơn điện tử).
- Bản sao chứng thư chất lượng của cơ quan giám định độc lập cấp như qui định tại Mục 3.2 của Phụ lục này.
- Phiếu cân (Receipt) của từng chuyên hàng tại KHO của BÊN BÁN.

### **MỤC 5. THỜI GIAN GIAO NHẬN HÀNG:**

Thời gian giao nhận HÀNG tại KHO của BÊN MUA là 24h/24h trong điều kiện thời tiết bình thường không ngoại trừ chủ nhật, ngày lễ, Tết.

### **MỤC 6. CUNG CẤP SỐ LIỆU GIAO NHẬN**

Phòng Tài chính – Kế toán của BÊN BÁN cung cấp bảng kê chi tiết các chuyên giao nhận HÀNG cho BÊN MUA theo định kỳ vào thứ 2 và thứ 5 hàng tuần. Trường hợp ngày cung cấp rơi vào ngày nghỉ lễ, Tết thì sẽ cung cấp vào ngày trước khi nghỉ lễ, Tết và ngày đầu tiên làm việc sau ngày nghỉ lễ, Tết.



**CÔNG TY:**  
**ĐỊA CHỈ:**  
**ĐT:**  
**FAX:**

**BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ NHẬN HÀNG (DES XE BỒN)**

**Địa điểm xuất: Kho LPG \_\_\_\_\_.**

**Tên hàng: LPG \_\_\_\_\_**

**TỪ NGÀY : \_\_\_\_\_**

**Quy cách: C3/C4: 50/50**

**ĐẾN NGÀY: \_\_\_\_\_**

	Khối lượng đăng ký nhận từng ngày trong tuần: Tấn							Tổng KL/Tuần (+/-10%)	Số xe bồn nhận hàng	Ghi chú
	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6			
	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)	(ngày/ tháng)			
Kế hoạch nhận hàng của BÊN MUA								<b>0</b>		HỢP ĐỒNG số ___/20___/KDK- ___/B2
Xác nhận số lượng của BÊN BÁN								<b>0</b>		HỢP ĐỒNG số ___/20___/KDK- ___/B2

Ngày tháng năm 20\_\_

**XÁC NHẬN CỦA PVGAS TRADING**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ NHẬN HÀNG**

## **PHỤ LỤC 03**

### **ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ VỀ THANH TOÁN**

**(Kèm theo HỢP ĐỒNG số: /KDK-KMN/B4)**

#### **MỤC 1. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO ĐẢM THANH TOÁN**

- 1.1 Yêu cầu về việc cung cấp Bảo lãnh Ngân hàng:  
Trước khi giao/nhận chuyển HÀNG đầu tiên, BÊN MUA phải cung cấp cho BÊN BÁN bản gốc Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng hoặc thanh toán trước giá trị nhận hàng.
- 1.2 Yêu cầu đối với Bảo lãnh thanh toán được BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN:
  - Ngân hàng bảo lãnh do BÊN MUA chỉ định và phải được BÊN BÁN chấp thuận.
  - Mọi chi phí liên quan tới Bảo lãnh Ngân hàng do BÊN MUA chịu.
  - Bảo lãnh thanh toán phải phù hợp với biểu mẫu “Thư bảo lãnh thanh toán” kèm theo Phụ lục này và có giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định tại Điều 6.1.2 của HỢP ĐỒNG.
  - Nếu trước 15 ngày của ngày hết hiệu lực BLTT mà BÊN BÁN chưa nhận được BLTT mở mới (hoặc tu chỉnh BLTT) theo các điều khoản của HỢP ĐỒNG, thì BÊN BÁN có quyền giải ngân BLTT ngay cả trong trường hợp tiền hàng chưa đến hạn thanh toán.
- 1.3 Trường hợp BÊN MUA không cung cấp cho BÊN BÁN bảo lãnh thanh toán hoặc Bảo lãnh thanh toán được cung cấp không phù hợp với toàn bộ các yêu cầu như quy định tại Mục 1.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền không giao cho BÊN MUA khối lượng HÀNG như đã cam kết tại Điều 3.1 của HỢP ĐỒNG và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm HỢP ĐỒNG như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.
- 1.4 Trường hợp BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN bảo lãnh Ngân hàng không đúng hạn theo yêu cầu như quy định tại Mục 1.1 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền dời ngày giao HÀNG dự kiến cho BÊN MUA đến khi nhận được BẢO LÃNH của BÊN MUA (nhưng không chậm quá 02 ngày) như yêu cầu tại Mục 1.2 của Phụ lục 03 và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc chậm giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.
- 1.5 BÊN BÁN chỉ giao khối lượng HÀNG trong phạm vi giá trị bảo lãnh thanh toán.
- 1.6 Trường hợp dự kiến sau khi giao chuyển hàng kế tiếp, tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh với giá trị X, BÊN BÁN chỉ cấp chuyển hàng kế tiếp với điều kiện:

- BÊN MUA thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền HÀNG tương ứng số tiền X để đảm bảo tổng công nợ sau khi giao/nhận chuyển hàng tiếp theo không vượt quá giá trị bảo lãnh hoặc ;
  - BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X.
  - Trường hợp dự kiến tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh sau khi giao chuyển hàng kế tiếp mà BÊN MUA không thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền HÀNG giá trị X hoặc không mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X, BÊN BÁN có quyền ngừng hoặc không giao phần HÀNG có giá trị X cho BÊN MUA mà không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này, đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.
- 1.7 Trường hợp BÊN MUA không thanh toán cho BÊN BÁN đúng ngày đáo hạn như quy định Mục 2.2 của Phụ lục 03, BÊN BÁN có quyền yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh của BÊN MUA thanh toán toàn bộ giá trị các chuyển HÀNG đã nhận phù hợp với nội dung thư Bảo đảm của Ngân hàng.

## **MỤC 2. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ THANH TOÁN**

### **2.8. Lập hóa đơn:**

2.8.1. Hóa đơn (khi giao HÀNG): Khi kết thúc bom HÀNG tại điểm xuất HÀNG, BÊN BÁN phát hóa đơn GTGT cho BÊN MUA căn cứ vào:

- Khối lượng làm cơ sở để phát hóa đơn là khối lượng ghi trên phiếu cân (Receipt) tại KHO của BÊN BÁN;
  - Đơn giá tính như quy định tại Điều 05 của HỢP ĐỒNG;
  - Trường hợp những chuyển HÀNG xuất vào thời điểm từ 0h00 ngày đầu tiên của tháng đến thời điểm công bố CP của tháng đó thì đơn giá HÀNG tạm tính sẽ căn cứ vào đơn giá HÀNG của tháng trước liền kề.
- 2.8.2. Trường hợp có sai lệch về giá trị HÀNG của các chuyển HÀNG đã giao nhận trong tháng liền kề trước đó, chậm nhất vào ngày 20 của tháng, BÊN BÁN sẽ phát hóa đơn điều chỉnh cho phần giá trị chênh lệch giữa giá trị đúng theo HỢP ĐỒNG với giá trị HÀNG của các chuyển HÀNG phát hóa đơn có sự sai lệch của tháng liền kề trước đó.

### **2.9. Thời hạn thanh toán:**

2.9.1. Đối với hóa đơn GTGT do BÊN BÁN phát khi giao HÀNG và hóa đơn điều chỉnh: Trả trước tiền hàng hoặc trả chậm được chia làm 03 (ba) lần trong trường hợp BÊN MUA mở bảo lãnh thanh toán:

- Lần 1: Thanh toán vào ngày 05 của tháng M+1 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyển hàng xuất từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng giao nhận HÀNG (tháng M);
- Lần 2: Thanh toán vào ngày 15 của tháng M+1 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyển hàng xuất từ ngày 11 đến ngày 20 của tháng giao nhận HÀNG (tháng M);

- Lần 3: Thanh toán vào ngày 25 của tháng M+1 sau tháng giao/nhận HÀNG cho tất cả các chuyến hàng xuất từ ngày 21 đến ngày cuối cùng của tháng giao nhận HÀNG (tháng M).  
Trường hợp ngày đến hạn thanh toán vào ngày nghỉ thì thanh toán vào ngày làm việc gần nhất trước ngày nghỉ; trường hợp ngày đến hạn thanh toán vào ngày nghỉ lễ, Tết thì thanh toán vào ngày làm việc gần nhất sau ngày nghỉ lễ, Tết.
- 2.9.2. Đối với tiền phạt do vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại: trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên bị vi phạm có văn bản yêu cầu thanh toán/bồi thường thiệt hại do vi phạm của bên vi phạm.
- 2.10. Phương thức thanh toán: chuyển khoản.
- 2.11. Thời điểm BÊN MUA thanh toán là thời điểm Ngân hàng BÊN BÁN ghi “có” vào tài khoản của BÊN BÁN.
- 2.12. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.
- 2.13. Phí ngân hàng của Bên nào do Bên ấy chịu.
- 2.14. Phạt thanh toán chậm:  
Trường hợp BÊN MUA thanh toán không đúng hạn theo Mục 2.2 của Phụ lục này, BÊN BÁN có quyền:
- 2.14.1. Phạt thanh toán chậm đối với BÊN MUA. Cụ thể như sau:
- Số ngày chậm thanh toán (n) được tính bằng cách lấy số ngày thực tế vượt quá thời hạn thanh toán theo quy định.
  - Nếu số ngày chậm thanh toán nằm trong khoảng từ 01 đến 15 ngày, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA khoản tiền chậm thanh toán với giá trị phạt (G1) được xác định theo công thức sau:  

$$G1 = \frac{n * S_i * V}{365}$$
  - Trường hợp số ngày chậm thanh toán lớn hơn 15 ngày, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA khoản tiền chậm thanh toán bằng 150% số tiền nợ quá hạn thanh toán (V). Việc xác định giá trị phạt (G2) được tính toán theo công thức sau:  

$$G2 = \frac{150\% * n * S_i * V}{365}$$
- Trong đó:
- n: Là số ngày chậm thanh toán.
  - S<sub>i</sub>: Là lãi suất cho vay ngắn hạn do Ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm tính phạt
  - V: Là tổng số tiền nợ quá hạn thanh toán (nợ tiền HÀNG hoặc tiền phạt, bồi thường HỢP ĐỒNG) bị tính phạt.



2.6.4 Ngừng giao HÀNG/giao HÀNG chậm cho BÊN MUA. Trong trường hợp này, BÊN BÁN không phải chịu các khoản phạt vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại do hủy toàn bộ hay một phần cam kết giao HÀNG. Đồng thời, BÊN BÁN có quyền phạt BÊN MUA do vi phạm HỢP ĐỒNG và bồi thường thiệt hại theo điều kiện Phạt do hủy toàn bộ hay một phần cam kết như quy định tại Điều 7 của HỢP ĐỒNG.

## BIỂU MẪU THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN

### THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN

BÊN THỤ HƯỞNG: **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ**

Địa chỉ: Lầu 11, PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển,  
Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ HĐKT số:..... /20\_\_/KDK-\_\_ /B2 ngày ..... tháng ..... năm 20\_\_ (Sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) được ký kết giữa **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ** (sau đây gọi là BÊN BÁN) và Công ty \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là BÊN MUA) về việc BÊN BÁN bán cho BÊN MUA khí hóa lỏng (sau đây gọi là HÀNG);

Theo quy định của HỢP ĐỒNG, BÊN MUA phải cung cấp THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN cho BÊN BÁN. Theo yêu cầu của BÊN MUA, Chúng tôi, *[tên, địa chỉ của Ngân hàng phát hành THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN]* cam kết chịu trách nhiệm trả cho BÊN BÁN trong thời hạn hiệu lực của THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này một phần hoặc toàn bộ không vượt quá tổng số tiền: ..... (bằng chữ: .....) kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản chính thức của BÊN BÁN tuyên bố rằng BÊN MUA không thanh toán cho BÊN BÁN tiền HÀNG, tiền phạt vi phạm và bồi thường theo quy định của HỢP ĐỒNG.

THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này có thời hạn hiệu lực **từ ngày phát hành đến hết ngày .....**, sau đó sẽ tự động hết hiệu lực (*Trường hợp ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì ngày hết hiệu lực được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo*). THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này không hủy ngang và chỉ có duy nhất một bản gốc do BÊN BÁN giữ, bản sao không có giá trị.

THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này có phạm vi bảo lãnh cho toàn bộ giá trị tiền HÀNG, tiền phạt vi phạm và bồi thường mà BÊN MUA phải trả cho BÊN BÁN phát sinh theo quy định tại HỢP ĐỒNG, các phụ lục sửa đổi bổ sung HỢP ĐỒNG và các văn bản là một phần không tách rời của HỢP ĐỒNG được HAI BÊN ký kết, xác nhận.

Mọi yêu cầu thanh toán của BÊN BÁN liên quan đến THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này phải được gửi đến trụ sở của Ngân hàng qua *[tên, địa chỉ của Ngân hàng/Chi nhánh phát hành THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN]* hoặc *[tên, địa chỉ của Ngân hàng/Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, trong trường hợp Ngân hàng phát hành ngoài địa bàn TP.Hồ Chí Minh]* (đơn vị hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh) trong thời gian làm việc của Ngân hàng và chậm nhất vào ngày hết hiệu lực của THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN”.

Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của THƯ BẢO LÃNH THANH TOÁN này đều phải được sự đồng ý bằng văn bản của BÊN THỤ HƯỞNG (BÊN BÁN).

**Ngân hàng phát hành**

(Ký tên đóng dấu)

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN  
KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG**

**GIỮA**

**CHI NHÁNH KINH DOANH LNG –  
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP**

**VÀ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

Tháng 12 / 2021





## MỤC LỤC

ĐIỀU 1:	ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH.....	2
ĐIỀU 2:	PHẠM VI HỢP ĐỒNG.....	4
ĐIỀU 3:	HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG .....	4
ĐIỀU 4:	ĐIỂM GIAO NHẬN, QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO .....	4
ĐIỀU 5:	KHỐI LƯỢNG LNG GIAO NHẬN .....	5
ĐIỀU 6:	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT LNG.....	6
ĐIỀU 7:	GIAO NHẬN LNG .....	6
ĐIỀU 8:	ĐO ĐẾM LNG .....	7
ĐIỀU 9:	GIÁ LNG.....	7
ĐIỀU 10:	LẬP HÓA ĐƠN VÀ THANH TOÁN .....	8
ĐIỀU 11:	AN TOÀN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI.....	11
ĐIỀU 12:	BẤT KHẢ KHÁNG .....	11
ĐIỀU 13:	TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	12
ĐIỀU 14:	CHẤM DỨT VÀ GIA HẠN HỢP ĐỒNG.....	13
ĐIỀU 15:	PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI .....	14
ĐIỀU 16:	BẢO MẬT .....	14
ĐIỀU 17:	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	14
PHỤ LỤC 01:	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA LNG.....	16
PHỤ LỤC 02:	KẾ HOẠCH GIAO NHẬN LNG HÀNG NĂM.....	17
PHỤ LỤC 03:	BIÊN BẢN SẢN LƯỢNG LNG GIAO NHẬN THÁNG .....	18
PHỤ LỤC 04:	BẢO ĐẢM THANH TOÁN .....	19

*Handwritten signature*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG**

Số: 26 /2021/LNG/TM - KMN/B1

**CĂN CỨ:**

- Luật Thương mại của nước CHXHCN Việt Nam số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Bộ Luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Khả năng cung cấp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) của Chi nhánh kinh doanh LNG - Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS LNG);
- Nhu cầu mua LNG của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chúng tôi gồm:

**CHI NHÁNH KINH DOANH LNG – TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP  
(PV GAS LNG)**

**Sau đây gọi là Bên Bán**

Địa chỉ : Số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè,  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Mã số thuế : 3500102710-030  
Điện thoại : (84-8) 3784 0058  
Số fax : (84-8) 3784 0059  
Tài khoản tiền đồng : 31310002676869  
Ngân hàng : Ngân hàng BIDV - CN Bắc Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh  
Người đại diện : Ông Nguyễn Phúc Tuệ  
Chức vụ : Giám đốc

Và

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

**Sau đây gọi tắt là Bên Mua**

Địa chỉ : Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Mã số thuế : 0305097236  
Điện thoại : (+84.28) 3910 0108  
Số fax : (+84.28) 3910 0097  
Tài khoản tiền Đồng : 0721008888888

*Handwritten signature*

Ngân hàng : TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh  
Kỳ Đồng – Tp. HCM  
Người đại diện : Ông Nguyễn Ngọc Luận  
Chức vụ : Tổng Giám đốc

Hai Bên đã thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản như sau:

## **ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**

Trong Hợp Đồng (sau đây gọi là “Hợp Đồng”) này, các từ và các cụm từ sau, ngoại trừ những khi ngữ cảnh giải nghĩa khác đi, sẽ có nghĩa như sau:

- "Bất Khả Kháng"** có nghĩa như được nêu trong Điều 12.1.
- "Bên"** chỉ Bên Bán hoặc Bên Mua.
- "BTU"** đơn vị đo nhiệt lượng Anh là số nhiệt lượng cần thiết để tăng nhiệt độ của một (01) pao nước lên một độ Fahrenheit (1 độ F) tại nhiệt độ sáu mươi (60 độ F) dưới áp suất tuyệt đối mười bốn phẩy bảy (14,7) pao trên một inch vuông, bằng 1055,056 Joule (theo bảng qui đổi Quốc tế).
- "Đặc Tính Kỹ Thuật LNG"** là các thông số kỹ thuật tối thiểu và/ hoặc tối đa của LNG được giao nhận theo Hợp Đồng này và được liệt kê trong Phụ lục 1 của Hợp Đồng này.
- "Điểm Giao Nhận"** sẽ có nghĩa như nêu trong Điều 4.1.
- "Đồng Việt Nam" (VNĐ)** là tiền hợp pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- "Giá LNG"** là mức giá để Bên Mua thanh toán cho Bên Bán cho lượng LNG giao nhận và được xác định theo Điều 9 của Hợp Đồng này.
- "Hai Bên"** là Bên Bán và Bên Mua.
- "HÀNG"** Là LNG.
- "Hợp Đồng"** là toàn bộ các điều khoản, các phụ lục đính kèm trong văn bản này và các điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có).
- "Hợp Đồng Cung Cấp LNG"** là Hợp Đồng cung cấp LNG giữa các Nhà Cung Cấp LNG và Bên Bán.
- "Kế Hoạch Giao Nhận LNG Hàng Năm"** là kế hoạch giao nhận LNG theo các Tháng trong Thời Hạn Hợp Đồng theo Phụ lục 02 được xác định phù hợp Điều 5.

*Thuan  
Chy*



<b>“Khí Thiên Nhiên Hóa Lỏng” hay “LNG”</b>	Có nghĩa là hỗn hợp các hydrocacbon tồn tại ở trạng thái lỏng, không màu, có thành phần chủ yếu là khí metan và có thể gồm một lượng nhỏ etan, propan, nitơ hoặc các thành phần khác thường tìm thấy trong khí thiên nhiên.
<b>“Kho LNG Thị Vải” hay “Kho”</b>	Có nghĩa là kho chứa LNG của Bên Bán với công suất 1 triệu tấn LNG/năm tại xã Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
<b>“MMBTU”</b>	bằng một triệu BTU.
<b>“Năm Hợp Đồng”</b>	là khoảng thời gian bắt đầu vào 0:00 giờ ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch và kết thúc vào 24:00 giờ ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch đó trong Thời Hạn Hợp Đồng. Riêng Năm Hợp Đồng đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Bắt Đầu và Năm Hợp Đồng cuối cùng sẽ kết thúc vào Ngày Chấm Dứt Hợp Đồng.
<b>“Ngày”</b>	là khoảng thời gian hai mươi bốn (24) giờ liên tiếp bắt đầu từ 00:00 giờ sáng của bất kỳ ngày nào và kết thúc vào 24:00 giờ đêm ngày hôm đó trong Thời Hạn Hợp Đồng.
<b>“Ngày Làm Việc”</b>	là ngày theo dương lịch, trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
<b>“Ngày Bắt Đầu”</b>	là ngày giao nhận LNG đầu tiên giữa Hai Bên theo Hợp Đồng này. Ngày Bắt Đầu sẽ được Bên Bán thông báo bằng văn bản cho Bên Mua tối thiểu trước 30 ngày tính từ Ngày Bắt Đầu.
<b>“Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng”</b>	như được quy định tại Điều 3.1.
<b>“Ngày Chấm Dứt Hợp Đồng”</b>	là Ngày Hợp Đồng bị chấm dứt như qui định tại Điều 14.
<b>“Ngày Hết Hạn Hợp Đồng”</b>	Là Ngày tròn mười (10) năm kể từ Ngày Bắt Đầu hoặc một Ngày khác theo thoả thuận bằng văn bản giữa Các Bên.
<b>“Ngày Thanh Toán”</b>	Được chia làm hai (02) lần cho khối lượng giao nhận trong tháng, cụ thể như sau:  Đối với khối lượng LNG giao nhận từ ngày Một tới ngày Mười lăm của tháng, thời hạn thanh toán không muộn hơn ngày ba mươi (30) của tháng giao nhận;

Đối với khối lượng LNG giao nhận từ ngày Mười sáu tới ngày cuối cùng của tháng, thời hạn thanh toán không muộn hơn ngày thứ hai mươi (20) của tháng sau tháng giao nhận

Trong trường hợp Ngày Thanh Toán trùng với ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết, Ngày Thanh Toán là ngày làm việc tiếp theo sau đó

**"Nhiệt Trị Toàn Phần"** là nhiệt lượng giải phóng khi đốt cháy một mét khối (01 m<sup>3</sup>) viết tắt là "GHV" Khí ở điều kiện tiêu chuẩn (15 độ C; 1,01325 bar) trong không khí với cùng nhiệt độ và áp suất, với điều kiện sau khi phản ứng diễn ra mọi sản phẩm cháy đều ở trạng thái khí với nhiệt độ và áp suất như trước khi xảy ra phản ứng, ngoại trừ nước được tạo ra do quá trình cháy được ngưng tụ về trạng thái lỏng ở nhiệt độ 15 độ C (trương đương với định nghĩa 2.1 trong ISO 6976: 1995(E)).

**"Tháng"** là tháng dương lịch trong Thời Hạn Hợp Đồng.

**"Thời Hạn Hợp Đồng"** là thời gian trong đó Hợp Đồng có hiệu lực như được nêu trong Điều 3.1.

**"Tranh Chấp"** như được quy định tại Điều 13.1.

## **ĐIỀU 2: PHẠM VI HỢP ĐỒNG**

Bên Bán đồng ý bán và giao LNG, Bên Mua đồng ý mua và thanh toán tiền LNG giao nhận có khối lượng và chất lượng phù hợp với các Điều khoản và Điều kiện quy định trong Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 3: HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG**

- 3.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký ("Ngày Hiệu Lực") cho đến Ngày Chấm Dứt Hợp Đồng ("Thời Hạn Hợp Đồng"). Sau Thời Hạn Hợp Đồng, các khoản bồi thường hoặc công nợ giữa Hai Bên tồn tại hay phát sinh (nếu có) trong Thời Hạn Hợp Đồng sẽ vẫn còn hiệu lực và ràng buộc Hai Bên.
- 3.2. Hợp Đồng này có thể được Hai Bên thống nhất gia hạn trước khi kết thúc Thời Hạn Hợp Đồng. Mỗi Bên có thể thông báo cho Bên kia bằng văn bản không muộn hơn chín mươi (90) ngày trước Ngày Hết Hạn Hợp Đồng về việc muốn gia hạn Hợp Đồng. Các điều khoản của Hợp Đồng sẽ được các Bên thảo luận một cách có thiện chí để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình tại thời điểm gia hạn Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 4: ĐIỂM GIAO NHẬN, QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO**



#### 4.1. Điểm Giao Nhận

Điểm Giao Nhận LNG mà tại đó Bên Bán giao LNG cho Bên Mua là khớp nối giữa hai mặt bích của hống bơm LNG tại Kho của Bên Bán và thiết bị nhận LNG tại Xe bồn của Bên Mua.

#### 4.2. Quyền sở hữu và rủi ro

Quyền sở hữu và các rủi ro của LNG được bán và giao theo Hợp Đồng này sẽ được chuyển từ Bên Bán sang Bên Mua tại các Điểm Giao Nhận.

### **ĐIỀU 5: KHỐI LƯỢNG LNG GIAO NHẬN**

#### 5.1. Khối Lượng LNG Cam Kết

5.1.1. Phù hợp với nguyên tắc giá LNG theo quy định tại Điều 9, khối lượng LNG cam kết giao nhận trong các Năm Hợp Đồng từ 40.000 – 60.000 tấn/năm.

5.1.2. Khối lượng LNG cam kết cụ thể trong mỗi Năm Hợp Đồng sẽ được các Bên thống nhất và xác nhận bằng văn bản không muộn hơn sáu (6) tháng trước khi bắt đầu Năm Hợp Đồng đó và nằm trong dải khối lượng cam kết theo Điều 5.1.1.

5.1.3. Sau khi Các Bên thống nhất khối lượng LNG cam kết trong Năm Hợp Đồng theo Điều 5.1.2, không muộn hơn một (1) tháng trước khi bắt đầu mỗi Năm Hợp Đồng, Các Bên sẽ thỏa thuận và thống nhất khối lượng giao nhận theo từng tháng của “Kế hoạch Giao Nhận LNG Hàng Năm” như theo Phụ lục 02 của Hợp Đồng với tổng khối lượng giao nhận LNG theo năm phù hợp với cam kết tại Điều 5.1.1 và Điều 5.1.2.

#### 5.2. Kế hoạch Giao Nhận LNG

##### 5.2.1. Kế hoạch giao nhận LNG theo tháng

5.2.1.1. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, Bên Mua thông báo lịch nhận LNG bằng văn bản cho Bên Bán kế hoạch nhận LNG chi tiết từng ngày trong tháng kế tiếp phù hợp với Phụ lục 2 của Hợp Đồng.

Trường hợp Bên Mua không thông báo lịch nhận LNG cho Bên Bán thì Bên Bán sẽ chủ động tự sắp xếp lịch giao HÀNG.

5.2.1.2. Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, Bên Bán xác nhận bằng văn bản kế hoạch giao LNG tháng của tháng kế tiếp trên cơ sở thông báo nhận LNG của Bên Mua và phù hợp với Phụ lục 02 của Hợp Đồng với dung sai  $\pm 10\%$  về khối lượng.

##### 5.2.2. Kế hoạch giao nhận LNG theo tuần

*Thao*  
*ky*



5.2.2.1. Chậm nhất vào ngày thứ Tư hàng tuần, Bên Mua thông báo cho Bên Bán kế hoạch nhận LNG chi tiết từng ngày cho tuần kế tiếp phù hợp với khối lượng và thời hạn giao/nhận LNG đã cam kết theo kế hoạch tháng tại Điều 5.2.1 với dung sai  $\pm 10\%$  về khối lượng.

5.2.2.2. Trong vòng hai (02) ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhận LNG của Bên Mua nêu trên, Bên Bán xác nhận bằng văn bản cho Bên Mua kế hoạch giao LNG làm cơ sở để hai bên thực hiện giao nhận LNG.

5.2.3. Điều chỉnh kế hoạch giao nhận LNG

Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh kế hoạch giao nhận LNG theo Điều 5.2.1 và Điều 5.2.2 sẽ được hai Bên thảo luận trên cơ sở nỗ lực hợp lý để các Bên thống nhất kế hoạch giao nhận LNG.

## **ĐIỀU 6: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT LNG**

LNG được Bên Bán giao cho Bên Mua tại Điểm Giao Nhận và đáp ứng các đặc tính kỹ thuật quy định tại Phụ lục 1 (Đặc Tính Kỹ Thuật LNG). Trong trường hợp chất lượng LNG không đáp ứng Đặc Tính Kỹ Thuật LNG, Bên Bán sẽ thông báo ngay cho Bên Mua về các thay đổi đó để cùng tìm biện pháp giải quyết; trong đó Bên Mua có quyền từ chối nhận tiếp một phần hoặc toàn bộ lượng LNG không đảm bảo chất lượng đó kể từ thời điểm Bên Mua nhận được thông báo trên.

## **ĐIỀU 7: GIAO NHẬN LNG**

7.1. Lượng LNG Bên Bán bán cho Bên Mua được xác định tại Điểm Giao Nhận.

7.2. Bên Mua dùng xe bồn chuyên dụng của mình (sau đây được gọi tắt là “Xe bồn”) đến nhận LNG tại kho của Bên Bán. Xe bồn phải đáp ứng điều kiện an toàn quy định tại Điều 11.

7.3. Thời gian giao nhận LNG theo thời gian làm việc tại Kho của Bên Bán là 24h/24h trong Ngày trong điều kiện thời tiết bình thường.

7.4. Chứng từ giao HÀNG:

Sau khi kết thúc bơm LNG tại mỗi chuyến HÀNG giao nhận, Bên Bán sẽ giao cho Bên Mua bộ chứng từ) gồm:

- Bản copy chứng thư chất lượng của cơ quan giám định độc lập cấp như quy định tại Điều 8.2.1.
- Phiếu cân của từng chuyến HÀNG tại Kho của Bên Bán.

- Biên bản giao nhận LNG giữa Bên Bán và Bên Mua.
- Hóa đơn bán hàng tạm tính theo quy định.

## **ĐIỀU 8: ĐO ĐẾM LNG**

8.1. Lượng LNG giao nhận theo Hợp Đồng sẽ được tính theo đồng hồ của hệ thống cân chuyên dụng tại kho Bên Bán, (cân chuyên dụng phải có giấy chứng nhận kiểm định sai số của cơ quan kiểm định Nhà nước và còn hiệu lực). Đơn vị đo tính trong giao nhận theo khối lượng là « Tấn » và được quy đổi sang đơn vị tính MMBTU theo nhiệt trị áp dụng được Bên Bán thông báo tại tháng gần nhất liền kề trước với tháng giao nhận theo Điều 8.2.

Trường hợp có tranh chấp về đo đếm khối lượng LNG, hai Bên thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định lại hệ thống cân chuyên dụng tại kho Bên Bán. Kết quả giám định của đơn vị được chỉ định là cuối cùng và ràng buộc hai Bên. Chi phí giám định này do Bên làm sai chịu, trường hợp cả hai Bên đều sai thì chi phí giám định chia đều cho hai Bên.

8.2. Giám định chất lượng

8.2.1. Bên Bán bằng chi phí của mình chỉ định cơ quan giám định độc lập để thực hiện giám định chất lượng LNG vào thời điểm mỗi lần nhập LNG tại Kho của Bên Bán, đồng thời thực hiện thông báo và cung cấp chứng thư giám định chất lượng LNG cho Bên Mua.

8.2.2. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng LNG, hai Bên thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định lại. Kết quả giám định của đơn vị được chỉ định là cuối cùng và ràng buộc hai Bên. Chi phí giám định này do Bên làm sai chịu, trường hợp cả hai Bên đều sai thì chi phí giám định chia đều cho hai Bên.

## **ĐIỀU 9: GIÁ LNG**

Đơn giá HÀNG:

$$P = [(A\% \text{ Brent} + \text{Pre}) * (1 + \% \text{TNK}) + B] * \text{TG}$$

Trong đó:

- **P:** Đơn giá HÀNG được tính bằng Đồng Việt Nam cho một MMBTU (VNĐ/MMBTU), đã bao gồm thuế nhập khẩu nhưng chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng và các loại thuế, phí khác (nếu có phát sinh) theo qui định của Nhà nước;
- **A:** là hệ số slope được tính theo đơn vị %;



- **Brent:** là trung bình 3 tháng liền kề trước gần nhất của tháng dỡ hàng (không tính tháng dỡ hàng) của giá Brent ICE. Cách tính Brent trong từng tháng giao nhận hàng sẽ được Bên Bán thông báo cho Bên Mua bằng văn bản. Văn bản này là cơ sở để Bên Bán xuất hóa đơn tạm tính cho Bên Mua theo giá Brent quy định cho tới khi được thay thế bằng văn bản thông báo khác;
- **Pre:** là phụ phí thị trường nước ngoài của Bên Bán;
- **B:** là chi phí lưu kho, hao hụt, tồn chứa, vận hành ... của Bên Bán;
- **%TNK:** Là thuế suất thuế nhập khẩu thông thường áp dụng cho LNG theo quy định của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại ngày ký phát hóa đơn tạm tính nêu tại Điều 10.1.1;
- **TG:** Tỷ giá bán USD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có hiệu lực vào lúc 10h00 sáng Ngày phát hành hóa đơn tạm tính.

Các hệ số A, Pre và B sẽ được Hai Bên tiếp tục đàm phán thống nhất bằng cách ký Phụ lục sửa đổi bổ sung của Hợp Đồng, trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc hài hòa lợi ích của hai Bên và bình đẳng trên thị trường. Phụ lục sửa đổi bổ sung của Hợp Đồng là cơ sở để áp dụng các điều khoản cam kết thực hiện theo Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 10: LẬP HÓA ĐƠN VÀ THANH TOÁN**

### 10.1. Lập hóa đơn

#### 10.1.1. Hóa đơn Khi giao HÀNG

Sau khi kết thúc bơm LNG tại mỗi chuyến HÀNG, Bên Bán phát hóa đơn tạm tính cho Bên Mua căn cứ vào:

- Khối lượng ghi trên phiếu in của cân tại Điều 8.1;
- Nhiệt trị áp dụng như quy định tại Điều 8.1;
- Đơn giá áp dụng quy định tại Điều 09 của Hợp Đồng;

10.1.2. Chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng giao nhận HÀNG, Bên Bán lập và gửi cho Bên Mua “Bảng Tổng hợp sản lượng LNG giao nhận tháng” của các chuyến LNG đã giao nhận LNG trong tháng liền kề trước đó theo như Phụ lục 03 của Hợp Đồng. Đơn giá áp dụng quy định tại Điều 09 của Hợp Đồng.

10.2. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được “Bảng Tổng hợp sản lượng LNG giao nhận tháng” của Bên Bán, đại diện có thẩm quyền của Bên Mua có trách nhiệm kiểm tra, ký và xác nhận khối lượng LNG và gửi lại cho Bên Bán. Nếu Bên Mua không đồng ý lượng LNG giao nhận của bất kỳ ngày nào và đề nghị một lượng LNG giao nhận khác thì Bên Mua ghi rõ lý do không đồng ý vào mục ghi chú và gửi lại cho Bên Bán. Sau thời gian trên, nếu Bên Bán không nhận được phản hồi của Bên Mua được hiểu là Bên Mua đã đồng ý với “Bảng Tổng hợp sản lượng LNG giao nhận tháng”.

10.3. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Bên Mua gửi xác nhận “Bảng Tổng hợp sản lượng LNG giao nhận tháng” nêu tại Điều 10.2 trên đây, Bên Bán phát hóa đơn điều chỉnh cho phần giá trị chênh lệch giữa giá trị thực tế của các chuyến LNG đã giao nhận với giá trị đã phát hóa đơn tạm tính nêu tại Điều 10.1.1 khi giao nhận LNG trong tháng liền kề trước đó (nếu có).

#### 10.4. Thời hạn thanh toán

Bên Mua thanh toán cho Bên Bán tiền mua LNG theo các hoá đơn tạm tính nêu tại Điều 10.1.1 bằng hình thức chuyển khoản không chậm hơn Ngày Thanh Toán. Thời điểm thanh toán là thời điểm Ngân hàng ghi “Có” vào tài khoản của Bên Bán. Phí chuyển khoản do Bên Mua chịu.

Đối với các hóa đơn điều chỉnh nêu tại Điều 10.3 và các hóa đơn phạt vi phạm Hợp Đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 15 sẽ được thanh toán trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát hành hóa đơn.

#### 10.5. Chứng từ thanh toán

Bộ chứng từ thanh toán gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc);
- Hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) điều chỉnh tính bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) cho lượng Khí được ghi nhận theo Bảng Tổng hợp sản lượng LNG giao nhận tháng. Hóa đơn ghi rõ tổng tiền chênh lệch chưa có thuế GTGT, thuế GTGT, tổng số tiền thanh toán;
- Bảng Tổng hợp sản lượng LNG giao nhận tháng có chữ ký xác nhận giữa hai Bên.

#### 10.6. Thanh toán trả chậm

Nếu đến Ngày Thanh Toán, Bên Bán chưa nhận được chuyển khoản từ Bên Mua, Bên Bán có quyền yêu cầu Bên Mua trả cho Bên Bán một khoản tiền được tính như sau:

*Cham*  
*ahg*



$$\text{Số tiền phải trả (**)} = \text{Số tiền chậm trả} + \text{Số tiền chậm trả} \times \frac{\text{Lãi suất}}{365 (*)} \times \text{Số ngày chậm trả} \times 150\%$$

(\*) Số ngày cơ sở tính lãi là 365 Ngày;

Lãi suất: Là lãi tiền vay VNĐ kỳ hạn một (01) tháng áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp do ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hội sở Chính nếu có công bố tại thời điểm thanh toán.

## 10.7. Đảm bảo thanh toán

### 10.7.1. Yêu cầu về việc cung cấp Bảo lãnh Ngân hàng:

- Trước khi giao/nhận chuyển HÀNG đầu tiên của Tháng giao nhận, Bên Mua phải cung cấp cho Bên Bán bản gốc Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng theo Điều 10.7.2.

### 10.7.2. Yêu cầu đối với Bảo lãnh thanh toán được Bên Mua cung cấp cho Bên Bán:

- Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng phải có giá trị tương đương 110% giá trị tiền hàng được giao nhận trong một tháng theo Hợp Đồng, được mở tại Ngân hàng do Bên Mua chỉ định và Bên Bán chấp thuận.
- Bảo lãnh thanh toán phải phù hợp với mẫu “Thư bảo lãnh thanh toán” qui định tại Phụ lục 04 kèm theo Hợp Đồng này và có hiệu lực không sớm hơn mười lăm (15) ngày kể từ Ngày Thanh Toán áp dụng cho hóa đơn tạm tính giao nhận Hàng cuối cùng trong Năm Hợp Đồng.
- Mọi chi phí liên quan tới bảo lãnh Ngân hàng do Bên Mua chịu.

10.7.3. Trường hợp Bên Mua không cung cấp cho Bên Bán bảo lãnh thanh toán hoặc Bảo lãnh thanh toán được cung cấp không phù hợp với toàn bộ các yêu cầu như quy định tại Điều 10.7.1 của Hợp Đồng, Bên Bán có quyền không giao cho Bên Mua một phần hay toàn bộ khối lượng Hàng như đã cam kết tại Điều 5.1 của Hợp Đồng và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ Bên Mua về việc không giao Hàng này. Đồng thời, Bên Mua phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm Hợp Đồng như quy định tại Điều 15 của Hợp Đồng.

10.7.4. Trường hợp Bên Mua cung cấp cho Bên Bán bảo lãnh Ngân hàng không đúng hạn theo yêu cầu như quy định tại Điều 10.7.1 của Hợp Đồng, Bên Bán có quyền dời ngày giao Hàng dự kiến cho Bên Mua đến khi nhận được Bảo Lãnh của Bên Mua (nhưng không chậm quá 02 ngày làm việc) như yêu cầu tại Điều 10.7.1 của Hợp Đồng và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ Bên Mua về việc chậm giao Hàng này. Đồng thời, Bên Mua phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 15 của Hợp Đồng.

10.7.5. Trường hợp dự kiến sau khi giao chuyển hàng kế tiếp, tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh với giá trị X, Bên Bán chỉ cấp chuyển hàng kế tiếp với điều kiện:

- Bên Mua thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền Hàng tương ứng số tiền X để đảm bảo tổng công nợ sau khi giao/nhận chuyển hàng tiếp theo không vượt quá giá trị bảo lãnh; hoặc
- Bên Mua mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X.

Trường hợp dự kiến tổng công nợ sẽ lớn hơn giá trị bảo lãnh sau khi giao chuyển hàng kế tiếp mà Bên Mua không thực hiện thanh toán trước hạn phần tiền Hàng giá trị X hoặc không mở bảo lãnh thanh toán bổ sung có giá trị X, Bên Bán có quyền ngừng hoặc không giao phần Hàng có giá trị X cho Bên Mua mà không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ Bên Mua về việc không giao Hàng này, đồng thời, Bên Mua phải chịu các khoản phạt bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 15 của Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 11: AN TOÀN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

11.1. Xe bồn phải có đầy đủ các giấy chứng nhận phù hợp theo quy định của luật pháp và các quy định của nơi giao nhận LNG hiện hành và phải mua bảo hiểm đối với bên thứ ba theo qui định của Pháp luật hiện hành.

11.2. Xe bồn vào nhận LNG tại Kho phải đáp ứng và tuân thủ theo “quy trình kiểm tra an toàn xe bồn LNG” do Bên Bán ban hành và áp dụng. Xe bồn sẽ không được phép vào nhận LNG nếu chưa được Bên Bán kiểm tra và không xuất trình được cho bảo vệ của Kho các giấy tờ còn hiệu lực như sau:

- Giấy giới thiệu ghi tên người đại diện của Bên Mua cử tới nhận LNG;
- Giấy chứng nhận Xe bồn đủ điều kiện vào/ra nhận LNG do Bên Bán cấp;
- Thẻ ra vào nhận LNG của lái xe hoặc nhân viên đại diện nhận LNG.

## **ĐIỀU 12: BẤT KHẢ KHÁNG**

12.1. Trong các trường hợp nếu một Bên không thực hiện được trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này do những nguyên nhân khách quan ngoài sự kiểm soát của mình (được gọi là “Bất Khả Kháng”) bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:

- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, bệnh dịch;



- Các sự cố làm ảnh hưởng đến việc khai thác, chế biến và cung cấp LNG và lịch lắp đặt, chạy thử của các Nhà Cung Cấp LNG;
- Các sự cố khách quan xảy ra với Hệ Thống Thiết Bị Của Bên Bán mà không phải do sự bất cẩn của Bên Bán;
- Các sự cố khách quan xảy ra với Hệ Thống Thiết Bị Của Bên Mua mà không phải do sự bất cẩn của Bên Mua;
- Sự thay đổi chủ trương của Nhà nước,
- Các Hợp Đồng mua bán khí giữa Bên Mua và Khách hàng của Bên Mua bị chấm dứt do điều khoản bất khả kháng thì Bên đó được miễn trách nhiệm bồi thường cho Bên kia các tổn thất gây ra bởi Bất Khả Kháng và được tạm hoãn trách nhiệm thực hiện Hợp Đồng trừ trách nhiệm thanh toán như quy định trong Điều 10 cho đến khi kết thúc Bất Khả Kháng.

12.2. Bên bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng có trách nhiệm:

- Ngay lập tức thông báo bằng điện thoại và sau đó sớm nhất nhưng không muộn hơn bốn mươi tám (48) giờ phải gửi thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên kia hoàn cảnh xảy ra và tính chất của Bất Khả Kháng; những biện pháp khẩn cấp đã thực hiện để hạn chế tác hại của Bất Khả Kháng.
- Trong vòng mười lăm (15) Ngày sau khi xảy ra Bất Khả Kháng gửi cho Bên kia báo cáo chi tiết về hoàn cảnh, sự kiện xảy ra Bất Khả Kháng, mức độ thiệt hại do nó gây ra, biện pháp và thời gian dự kiến cần thiết cho việc xử lý và khắc phục các hậu quả;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên kia kiểm tra hiện trường xảy ra Bất Khả Kháng;
- Ngay lập tức tiếp tục thực hiện trách nhiệm Hợp Đồng khi Bất Khả Kháng kết thúc.

12.3. Bên bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng sẽ không có quyền yêu cầu được miễn, giảm trách nhiệm Hợp Đồng nếu chậm trễ hoặc không tuân thủ các quy định tại Điều 12.2.

12.4. Nếu Bất Khả Kháng cứ tiếp diễn hoặc có khả năng tiếp diễn, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho Bên kia biết trong một thời gian hợp lý sớm nhất và lập kế hoạch để khắc phục sự cố để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

**ĐIỀU 13: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

13.1. Hai Bên sẽ cố gắng nỗ lực và trên tinh thần thiện chí để cùng nhau giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, vi phạm (gọi chung là Tranh Chấp) xảy ra giữa Hai Bên trong

Thời Hạn Hợp Đồng.

- 13.2. Nếu trong vòng sáu mươi (60) Ngày kể từ Ngày xảy ra Tranh Chấp, Hai Bên không thể giải quyết được Tranh Chấp bằng thương lượng Tranh Chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.
- 13.3. Trong quá trình giải quyết Tranh Chấp, Hai Bên vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán của mình theo quy định tại Điều 10.4. Phán quyết của Trọng tài là quyết định cuối cùng có giá trị ràng buộc Hai Bên. Chi phí liên quan đến việc giải quyết Tranh Chấp sẽ do bên thua kiện chịu.

#### **ĐIỀU 14: CHẤM DỨT VÀ GIA HẠN HỢP ĐỒNG**

14.1. Bên Bán có quyền chấm dứt sớm Hợp Đồng trong các trường hợp sau:

- (i) Bên Mua chậm thanh toán cho Bên Bán quá sáu mươi (60) Ngày liên tục kể từ Ngày nhận được hồ sơ thanh toán của Bên Bán theo quy định trong Điều 10.
- (ii) Nếu quá sáu mươi (60) Ngày liên tục không phải vì các lý do Bất Khả Kháng mà Bên Mua không nhận LNG được Bên Bán sẵn sàng giao theo đúng quy định trong Hợp Đồng.

Trong trường hợp Bên Bán chấm dứt sớm Hợp Đồng theo các quy định trong Điều 14.1.(i), 14.1.(ii), Bên Bán sẽ có thông báo chấm dứt sớm Hợp Đồng bằng văn bản nêu rõ lý do chấm dứt sớm Hợp Đồng và ngày chấm dứt Hợp Đồng sẽ là Ngày thứ mười lăm (15) kể từ Ngày Bên Bán gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Mua.

14.2. Bên Mua có quyền chấm dứt sớm Hợp Đồng trong trường hợp quá sáu mươi (60) Ngày liên tục không phải vì các lý do Bất Khả Kháng mà Bên Bán không giao LNG cho Bên Mua trong khi Bên Mua đã sẵn sàng nhận LNG theo đúng quy định trong Hợp Đồng.

Trong trường hợp Bên Mua chấm dứt sớm Hợp Đồng theo các quy định trong Điều 14.2 này, Bên Mua sẽ có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do chấm dứt sớm Hợp Đồng và ngày chấm dứt Hợp Đồng sẽ là Ngày thứ mười lăm (15) kể từ Ngày Bên Mua gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Bán.

14.3. Việc chấm dứt sớm Hợp Đồng như quy định tại Điều 14.1 hoặc Điều 14.2 này không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán của cả Hai Bên đối với những khoản phải trả phát sinh trước thời điểm chấm dứt sớm Hợp Đồng.



## **ĐIỀU 15: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

15.1. Phạt do hủy giao/nhận LNG hoặc giao/nhận LNG không đủ:

- Trường hợp một trong hai Bên hủy việc giao/nhận LNG hoặc giao/nhận không đủ so với kế hoạch giao nhận khối lượng LNG hàng tháng theo Điều 5.2.1.2, ngoại trừ trường hợp Bất Khả Kháng như quy định tại Điều 12, thì Bên kia có quyền phạt Bên vi phạm Hợp Đồng khoản tiền đến 8% (tám phần trăm) trị giá khối lượng LNG hủy giao/nhận hoặc giao/nhận không đủ.
- Trị giá phạt được xác định bằng khối lượng LNG hủy giao/nhận hoặc giao/nhận không đủ (xác định trên cơ sở khối lượng cam kết theo quy định Điều 5.2.1.2 và khối lượng nhận LNG theo thực tế ghi trên hóa đơn tạm tính khi xuất HÀNG) nhân với Đơn giá quy định tại Điều 09 (đơn giá không bao gồm thuế GTGT; tỷ giá quy đổi VNĐ/USD được xác định tại thời điểm phát hóa đơn tiền phạt).
- Căn cứ để xác định giao/nhận LNG không đủ hoặc hủy giao/nhận LNG:
  - + Văn bản thông báo việc hủy giao/nhận LNG và/hoặc;
  - + Khối lượng ghi trên hóa đơn tạm tính khi xuất LNG và/hoặc;
  - + Khối lượng giao/nhận LNG theo tháng như qui định tại Điều 5.2.1.2

15.2. Trong trường hợp như nêu tại Điều 15.1, Bên Bán không có nghĩa vụ giao bù cho Bên Mua khối lượng LNG giao/nhận không đủ hoặc không giao/nhận LNG.

## **ĐIỀU 16: BẢO MẬT**

Các Bên đều không được phép nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia tiết lộ cho Bên thứ ba mọi bí mật thương mại, kỹ thuật, hiểu biết hoặc các thông tin liên quan đến Hợp Đồng này trong suốt Thời hạn Hợp Đồng và kể cả sau khi chấm dứt Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 17: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

17.1. Trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng, Hai Bên được quyền thỏa thuận để thay đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp Đồng cho phù hợp với điều kiện thực tế và các Hợp Đồng Cung Cấp LNG. Bất kỳ sự thay đổi, bổ sung của Hợp Đồng chỉ có hiệu lực khi chúng được lập bằng văn bản và có chữ ký của Hai Bên. Việc không chấp thuận thay đổi, bổ sung hợp lý của một Bên sẽ được Bên kia xem xét để chấm dứt Hợp Đồng.

17.2. Trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng, Hợp Đồng này sẽ thay thế tất cả các văn bản, thỏa thuận, cam kết trước đây giữa Hai Bên liên quan đến việc mua bán LNG.

*Chau*  
*ky*

- 17.3. Bất kỳ một sự chuyển giao một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm và/hoặc quyền lợi của mỗi Bên theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba đều phải được sự chấp nhận của Bên kia bằng văn bản. Nếu được chấp nhận, bên thứ ba (bên được chuyển giao) có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản Hợp Đồng và thay thế từng phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ và/hoặc quyền lợi ghi trong Hợp Đồng.
- 17.4. Những vấn đề còn lại không đề cập tại Hợp Đồng này sẽ được Hai Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam hiện hành.
- 17.5. Hợp Đồng này được lập thành bốn (04) bản gốc Tiếng Việt, mỗi Bên giữ hai (02) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN** *h* ✓  
**GIÁM ĐỐC**



*mb*

**Nguyễn Phúc Tuệ**

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA** *Wauh*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Wauh*

**Nguyễn Ngọc Luận**

## PHỤ LỤC 01: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA LNG TÁI HÓA

Điểm sương nước (Water Dewpoint)	Không lớn hơn 5°C tại áp suất 45 barg
Điểm sương Hydrocarbon (Hydrocarbon Dewpoint)	Không lớn hơn 5°C tại áp suất 45 barg
Nhiệt trị toàn phần (GHV)	Không nhỏ hơn 37MJ/m <sup>3</sup> Tiêu chuẩn
Nhiệt độ	Không nhỏ hơn 10°C trên nhiệt độ điểm sương Hydrocarbon và không lớn hơn 60°C
Tổng Lưu Huỳnh	Không lớn hơn 36 phần triệu theo thể tích
Hydro Sulfua (H <sub>2</sub> S)	Không lớn hơn 24 phần triệu theo thể tích
Oxy (O <sub>2</sub> )	Không lớn hơn 7,5 phần triệu theo thể tích
Dioxyt Carbon và Nitơ (CO <sub>2</sub> và N <sub>2</sub> )	Không lớn hơn 6,6% mol
Cỡ hạt	Loại bỏ được 99,95% cỡ hạt có kích thước lớn hơn 10 (micron)



**PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH GIAO NHẬN LNG HÀNG NĂM**

Năm Hợp Đồng: từ ngày .....đến ngày.....

Đơn vị: Tấn

<b>Tháng giao LNG</b>	<b>Kế Hoạch Giao LNG</b>
01	
02	
03	
04	
05	
06	
07	
08	
09	
10	
11	
12	
<b>Tổng</b>	

*Handwritten signature*



**PHỤ LỤC 03: BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG LNG GIAO NHẬN THÁNG**

(Tính từ 00 giờ 00 phút ngày .../.../..... đến 24 giờ 00 phút ngày .../.../.....)

Ngày	Tấn	MMBTU	Ghi chú
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
.../.../....			
<b>Tổng cộng</b>			

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**



*Handwritten signature in blue ink*

## PHỤ LỤC 04: BẢO ĐẢM THANH TOÁN

Ngân hàng :

Địa chỉ:

Số đăng ký :

Ngày \_\_\_ / \_\_\_ /20...

### THƯ BẢO ĐẢM THANH TOÁN

HĐKT số: \_\_\_\_\_/20.../LNG/TM-\_\_\_\_\_/B

**BÊN THỤ HƯỞNG: CHI NHÁNH KINH DOANH LNG - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển,  
Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ HĐKT số:...../20\_\_/LNG-\_\_\_\_/B2 ngày ..... tháng ..... năm 20\_\_ (Sau đây gọi là HỢP ĐỒNG) được ký kết giữa **CHI NHÁNH KINH DOANH LNG - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN** (sau đây gọi là BÊN BÁN) và Công ty \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là BÊN MUA) về việc BÊN BÁN bán cho BÊN MUA LNG nhập khẩu (sau đây gọi là HÀNG);

Theo quy định của HỢP ĐỒNG, BÊN MUA phải cung cấp THƯ BẢO ĐẢM THANH TOÁN cho BÊN BÁN. Theo yêu cầu của BÊN MUA, Chúng tôi, [tên, địa chỉ của Ngân hàng phát hành THƯ BẢO ĐẢM THANH TOÁN] cam kết chịu trách nhiệm trả cho BÊN BÁN trong thời hạn hiệu lực của THƯ BẢO ĐẢM THANH TOÁN này một phần hoặc toàn bộ không vượt quá tổng số tiền: ..... (bằng chữ: .....) kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản chính thức của BÊN BÁN tuyên bố rằng BÊN MUA không thanh toán cho BÊN BÁN tiền HÀNG, tiền phạt vi phạm và bồi thường theo các quy định của HỢP ĐỒNG.

THƯ BẢO ĐẢM THANH TOÁN này có thời hạn hiệu lực từ ngày phát hành đến hết ngày ....., sau đó sẽ tự động hết hiệu lực (Trường hợp ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì ngày hết hiệu lực được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo). THƯ BẢO ĐẢM THANH TOÁN này không hủy ngang và chỉ có duy nhất một bản gốc do BÊN BÁN giữ, bản sao không có giá trị.

THƯ BẢO ĐẢM THANH TOÁN này có phạm vi bảo lãnh cho toàn bộ giá trị tiền HÀNG, tiền phạt vi phạm và bồi thường mà BÊN MUA phải trả cho BÊN BÁN phát sinh theo quy định tại HỢP ĐỒNG, các phụ lục sửa đổi bổ sung HỢP ĐỒNG và các văn bản là một phần không tách rời của HỢP ĐỒNG được HAI BÊN ký kết, xác nhận.

Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của THƯ BẢO ĐẢM THANH TOÁN này đều phải được sự đồng ý bằng văn bản của BÊN THỤ HƯỞNG (BÊN BÁN).

**Ngân hàng phát hành**  
(Ký tên đóng dấu)



*Handwritten signature in blue ink.*